# VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ


**đường mưa nho nhỏ, anh theo ngọ về**
*hoàng nguyên nhuận*
đời làm thơ viết văn của czeslaw milosz
*thạch hãn*
**mấy thế kỷ sau**
*ngụ thuyết*
tịch mịch hồng
*trần văn tích*
**đọc Miêng**
*nguyễn mộng giác*

**truyện**
*trúc chi ● hoàng nga ● ngô nguyên dũng ● cổ ngư*
*hoàng liên ● cao huy thuần ● hồ đình nghiêm*
*hoàng mai đạt*

**thơ**
*cao xuân tú ● trần thảo lư ● hoàng xuân sơn*
*ngu yên ● thanh hà ● lưu hy lạc ● nguyễn xuân thiệp*
*trần thị laihồng ● phan minh khánh*



161
THÁNG 9 1999

# VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

## Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

**Đại diện Văn Học ở Canada:**
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

**Đại diện Văn Học ở Âu châu:**
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

**Đại diện Văn Học ở Úc châu**
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

**Đại diện Văn Học ở Houston, Texas**
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

**Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana**
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
**E.Mail:** vanhoc@saigonline.com
**Homepage trên Internet:** http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

# Văn Học

số 161 ● tháng 9, 1999


| | | |
|---|---|---|
| VĂN HỌC | 2 | thư tòa soạn |
| HOÀNG NGUYÊN NHUẬN | 3 | đường mưa nho nhỏ<br>anh theo Ngọ về |
| NGUYỄN XUÂN THIỆP | 14 | *những giọt lệ đồng thảo* |
| NGỰ THUYẾT | 18 | mấy thế kỷ sau |
| CAO XUÂN TỨ | 33 | *biển* |
| TRẦN VĂN TÍCH | 34 | tịch mịch hồng |
| TRẦN THẢO LƯ | 40 | *cali như một chốn quê nhà* |
| NGUYỄN HOÀNG VĂN | 42 | bi kịch một nụ cười |
| HOÀNG XUÂN SƠN | 45 | *ngày mùa, tiếp dư* |
| TRÚC CHI | 46 | gánh |
| NGUYÊN | 51 | *thơ tôi thị* |
| HOÀNG NGA | 56 | bỏ mặc con đường |
| THANH HÀ | 64 | *trung thu, đôi khi buồn* |
| NGÔ NGUYÊN DŨNG | 65 | nhật ký mùa phượng vĩ |
| LƯU HY LẠC | 73 | *ôm hoa* |
| CỔ NGƯ | 74 | nhạt nắng |
| TRẦN THỊ LAI HỒNG | 83 | *lý ngó ý, lý tơ vương* |
| HOÀNG LIÊN | 84 | ánh đèn viện sách |
| CAO HUY THUẦN | 95 | tôi ở bên này, tôi ở bên kia |
| HỒ ĐÌNH NGHIÊM | 107 | đất hẹp |
| HOÀNG MAI ĐẠT | 115 | những ngày ở biên hòa |
| PHAN MINH KHÁNH | 130 | *nằm trong vườn chùa đợi phật* |
| NGUYỄN MỘNG GIÁC | 131 | đọc Miêng |
| THẠCH HÃN | 146 | tạp ghi |
| VĂN HỌC | 156 | giới thiệu sách mới |
| VĂN HỌC | 159 | hộp thư |



Copyright by authors and Văn Học, 1999
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1999

# Thư Tòa soạn
## *Văn Học*

Văn Học là một tạp chí đăng các sáng tác văn chương và các nhận định văn nghệ, như hàng chữ xác nhận nhiệm vụ in bên dưới tên báo. *Sáng tác* đứng trước *nhận định*. Không phải ngẫu nhiên mà Ban Chủ trương xếp đặt thứ tự như thế. Ngay từ đầu, Văn Học đã nhận thức được hoàn cảnh đặc biệt của sinh hoạt văn chương nghệ thuật của cộng đồng người Việt chúng ta ở hải ngoại. Đó là một sinh hoạt bất thường do lịch sử đưa đẩy, và điều bất thường nhất là sinh hoạt đó không có hậu thuẫn của một hệ thống giáo dục gồm các trường học, viện nghiên cứu, hệ thống xuất bản và phát hành...khiến cho việc nhận định, nghiên cứu nhân văn trở nên khó khăn. Hy vọng còn lại của sinh hoạt chữ nghĩa là phần sáng tác, một công việc dựa trên cảm hứng và kinh nghiệm cá nhân, không đòi hỏi những tổ chức và kinh phí qui mô.

Chính vì những khó khăn của việc nghiên cứu lý luận ở hải ngoại, mà Văn Học đã trân trọng in phần nhận định trước phần sáng tác.

Nhưng Văn Học hãnh diện là nơi giới thiệu được nhiều cây bút mới ở hải ngoại, do các tác giả thấy rõ Văn Học trân trọng đối với sáng tác của họ. Ban Chủ biên Văn Học không có một thiên kiến nào khi đọc văn thơ các tác giả gửi đến, kể cả thiên kiến chính trị. Có lẽ nhờ thế mà những nhà văn hoàn toàn khác nhau về quan niệm sống hay phong cách vẫn có thể cùng có bài đăng trên Văn Học. Sáng tác là cuộc tìm kiếm cái Đẹp của đời sống và cái Thật của con người. Người ta khác nhau vì cách định nghĩa thế nào là đời sống đẹp, thế nào là con người thật. Văn Học tôn trọng mọi cuộc đi tìm, nhưng tránh xa những kẻ ngạo nghễ cho mình đã đến đích.

Trên Văn Học số này, ngoài các sáng tác văn thơ, chúng tôi muốn giới thiệu với bạn đọc những cái Đẹp trong văn chương của Szeslaw Milosz, Phạm Thiên Thư, Bùi Giáng, Phạm thị Hoài và Miêng .❐

# Đường mưa nho nhỏ, anh theo Ngọ về...

*Hoàng Nguyên Nhuận*

Thấp thoáng trên vùng đồi núi xanh mơ, Thu qua Đông đến, dòng thời gian lặng lờ trôi xa như con nước luân hồi.

Đứng trên bờ nhìn con nước trôi qua hay bơi trong dòng sông không chừng cũng vậy thôi. Ai dám chắc bơi theo dòng thời gian là bì bõm về quá khứ hay ngụp lặn vào tương lai?

Thời gian thoáng hiện mơ màng như bóng ngựa hồng qua cửa sổ. Thì cứ cho khung cửa là nêu mốc của hiện tại, và bóng ngựa là thời gian vút qua. Nhưng bên nào khung cửa là quá khứ, bên nào là tương lai? Ngựa hồng hiện ra từ quá khứ rồi mất hút vào tương lai, hay hiện ra từ tương lai rồi vụt biến vào quá khứ? *Hôm nay* đi vào *ngày mai* hay đi về *hôm qua?* Thời gian và những nêu mốc của thời gian là những điều chỉ có thể cảm chứ khó nói ra, càng nói càng khó cảm, khoan nói là khó hiểu. Người Pháp bảo hiểu - *connaitre*, là cộng sinh - *co-naitre*, *naitre avec*, và người Anh cho rằng hiểu -*understand*, là bị bao trùm vây phủ bởi điều mình hiểu - *stand under*? Thực tại đang bao trùm Hoàng tôi hôm nay là Thu là Đông, là giáp vụ Thu-Đông.

Giá lạnh Nam cực đang choàng lên cây cảnh trong vườn chiếc áo mùa thu. Còn gì dịu hiền hơn chiếc lá lìa cành về với mai sau. Còn gì mời gọi an nghỉ hơn nệm gối sắc màu của hàng hàng lớp lớp lá úa hấp hối rụng rơi trong lất phất mưa Ngâu?

*Em tan trường về/ Đường mưa nho nhỏ/ Ôm nghiêng tập vở/ Tóc dài tà áo vàng bay/ Em đi dịu dàng/ Bờ vai em nhỏ/ Chim non lẻ đường nằm im dấu mỏ/ Anh theo Ngọ về/ Gót giày rộn rã đường quê.../*

Cái máy hát hình như cũng chán ngán mệt nhoài khi phải quay đi quay lại Ngày Xưa Hoàng Thị. Nhưng tôi thì không, tôi lắng nghe tiếng

hát Thái Thanh như một tín đồ ngoan đạo ru hồn vào thánh nhạc Gregory. Cám ơn Phạm thiên Thư, cám ơn Phạm Duy.

*Đường mưa nho nhỏ/ anh theo Ngọ về/...* Một thuở nào đó trong đời, ai chẳng ca na cúp núp hình bóng một Ngọ trong tim, ai không mơ màng nâng niu một nàng tiên nồng nàn như mộng, dịu hiền như thực trong mềm óng nhung tơ đài các e ấp */theo ta lên núi về đồi yêu thương/* (Du Tử Lê) giữa lúc mùa Thu ngập ngừng ra đi:

*Áo em vạt tím ngàn sim*
*Nửa nao nức gọi nửa im lặng chờ*

Màu tím ngàn sim hay màu nhung rêu diệu vợi núi rừng lập Đông?

Trong hiện tại đã thành quá khứ và biết đâu sẽ còn trở thành tương lai, Phạm thiên Thu rưng rưng tiếc nhớ nụ cười của Ngọ:

*Em về sương đẫm hai vai*
*Dấu chân là cánh lan đài nở đêm*
*Từ em hé nụ cười huyền*
*Mùa thu đi mất trên miền cỏ hoa.*

Ngọ mỉm cười xua mùa thu đi hay gọi mùa thu trở lại? Chỉ có Ngọ biết mà thôi.

Quãng đời học trò của Phạm thiên Thư là quãng đời đẹp. Đẹp thần tiên, đẹp vớ vẩn, đẹp vẩn vơ... Những sáng đến trường, những chiều tan học, cậu học trò nào mà chẳng một lần ngất ngơ để chiếc nón bài thơ, để tà áo phin trắng hay lụa màu nguyệt bạch trước mặt trở thành cực Bắc cho kim chỉ nam, trở thành mặt trời cho hoa hướng dương hồi hộp lẽo đẽo sau lưng như Phạm thiên Thư theo Ngọ? Ngày lại ngày, con đường đến trường trở thành con đường khổ nạn: */Chân anh nặng nề/ lòng anh nức nở/ mai vào lớp học anh còn ngẩn ngơ/.*

Phạm thiên Thư và Ngọ ngày ngày thấy nhau trên hành trình chung trường chung lớp, chung trường khác lớp, chung đường khác trường, hay khác đường khác trường hay Ngọ chỉ đến với Phạm thiên Thư như một lần chớp của định mệnh trong Động Hoa Vàng:

*Tình cờ anh gặp nàng đây*
*Chênh chênh gót nguyệt vóc gầy liễu dương.*

Tình cờ? Cuộc tình lớn là những cuộc tình độc nhất bắt đầu một cách éo le đột ngột thế đó. Gặp nhau lần đầu là sét đánh, thấy nhau lần đầu là long trời lỡ đất. Phút giây địa chấn ban sơ ấy có thể chợt đến ở bất cứ nơi nào. Góc đường cuối phố. Sân trường, sân ga. Hay nơi phi trường. Định mệnh hiện tiền trong khoảnh khắc phù du của một cái nhìn, một ánh mắt, một nụ cười e ấp dã dượi bãi hoải sau chuyến viễn hành vạn dặm. Cuộc hạnh ngộ tình cờ, và có khi người trong cuộc cũng chưa ý thức được đó là

một tình cờ thiên thu tiền định.

Người ta có thể trốn chạy thế nhân, chạy thoát ác thú nhưng không ai trốn được duyên nợ luân hồi. Cho nên, xa lạ ngỡ ngàng có khi cũng chỉ là hoài niệm về một cuộc tình dang dở từ kiếp nào:

*Yêu nhau từ độ bao giờ*
*Gặp đây giả bộ hững hờ khói bay.*

Không thiệt tình thì tội gì phải giả bộ! Không thương mà giả bộ thương có lẽ còn dễ hơn là yêu mà giả bộ không yêu. Cho nên, càng giả lại càng thật, càng không nhìn nhau càng dễ thấy nhau. Bởi người yêu không chỉ ở ngoài đời mà còn ở trong mắt, trong mộng. Vì càng nhắm mắt càng dễ mộng mơ, càng cố quên càng nhớ, càng ngoảnh mặt quay đi càng thấy rõ!

Thật mà cứ làm như giả để được gì? Chẳng được gì cả, bởi cái trò hững hờ cút bắt đó là một trò chơi mà giải thưởng có khi chỉ là một thoáng xúc động phù du hay một khấp khởi mừng khan như Nguyên Sa thú nhận: */Gặp một bữa, anh mừng một bữa/ Gặp hai hôm thành nhị hỷ của tâm hồn/*. Phạm thiên Thư an phận với tơ duyên may rủi đó chứ không nóng nảy than vắn thở dài như Huy Cận: */Đứng lại dùm tôi đã mỏi theo sau/ Ôi! nỡ nào suốt đời đuổi bắt nhau/*. Nói không dám, viết không dám, Phạm thiên Thư chỉ tỏ tình một cách câm nín: */trao vội vàng chùm hoa mới nở/ ép vào cuối vở muôn thuở còn hương/*. Cả thẹn hết thuốc chữa như thế mà vẫn cứ liều... mê Ngọ, tội nghiệp chưa!

Ngọ là hình là bóng, nhưng Ngọ cũng là tất cả vì hình bóng đó bao trùm không gian hiện hữu của kẻ si tình. Và nếu có vấp ngã ê chề thì lại cũng ngây thơ đấm ngực than thầm như Xuân Diệu là cùng: */Tôi khờ khạo lắm, ngu ngơ quá/ Chỉ biết yêu thôi, chẳng hiểu gì/*.

Chỉ biết yêu thôi! Nói nghe chắc nịch nhưng chính Xuân Diệu lại cũng là người thú nhận tình yêu là điều không thể cắt nghĩa được. Không cắt nghĩa được thì lấy gì mà biết, không biết thì lấy gì mà nói. Cho nên Xuân Diệu yêu cũng như người ta uống rượu. Không cắt nghĩa được rượu - nghĩa là không viết ra được công thức của rượu, nhưng lai rai hoài thì thế nào cũng xỉn, thế nào cũng lắc lư con tàu. Thật may cho những người yêu thơ. Nếu Xuân Diệu mà rành mạch cắt nghĩa được tình yêu, hoặc nếu Xuân Diệu biết chắc rằng mình chẳng biết gì về tình yêu cả thì cuộc đời nầy có thể vẫn còn bóng hồng nhưng chắc chắn không còn là bụi hồng nữa!

Trò chơi cắc cớ thông thường của tình yêu là hờn giận. Không yêu thương nồng nàn hơi đâu mà giận hờn lạnh nhạt, không mê mẩn khắn khít

hơi đâu mà hờ hững xa xôi. Có đủ yêu mới có thể giận, ghét, lạnh nhạt, hững hờ. Cho nên trong khi Xuân Diệu hớn hở tận hưởng giông bão của yêu thương vì */Được giận hờn nhau sung sướng biết bao nhiêu/* thì Phạm thiên Thư lại làm bộ em chả với mấy chữ "thì thôi, thôi thì"tài tình như đứa trẻ nũng nịu vòi quà:

*Thì thôi tóc ấy phù vân*
*Thì thôi lệ ấy còn ngần dáng sương*
*Thì thôi mù phố xe đường*
*Thì thôi thôi nhé đoạn trường thế thôi.*

Giỡn hoài, đã đoạn trường thì chết chưa chắc hết, làm sao mà thôi khơi khơi thế được?! Phạm thiên Thư hình như cũng biết vậy nên có lúc đổi giọng năn nỉ:

*Mai anh chết dưới cội đào*
*Khóc anh xin nhỏ lệ vào thiên thu*

Không là tình thiên thu thì làm sao có lệ thiên thu? Tình thiên thu có phải thường là những mối tình không trọn vẹn, một dở dang vĩnh cửu của những lứa đôi dám đùa với lửa, dám */Yêu một khắc để mang sầu trọn kiếp!*? Phạm thiên Thư đã chới với níu Ngọ sa chân lạc bước vào khổ đế của yêu thương. Chỉ đáng nói một điều là Phạm thiên Thư không âm thầm nhấp chén đắng ân tình bằng cách */Giấu quanh giấu quẩn nỗi buồn một nơi/ để ước nguyền /Kiếp sau xin giữ lại đời cho nhau/* như Du Tử Lê mà lại ti toe làm nũng:

*Thôi thì em chẳng yêu tôi*
*Leo lên cành bưởi nhớ người rưng rưng.*

Tưởng leo lên cây lấy đà nhảy xuống dòng nước oan nghiệt như Kiều định tắm lần cuối dưới sông Tiền Đường, nào dè chỉ leo lên cây để nhớ chơi! Làm như thể người yêu là chiếc bong bóng bay, leo lên cao một chút là được gần thêm một chút. Nỗi thất vọng trở thành một niềm hy vọng.

Phạm thiên Thư thất tình một cách dễ thương lạ lùng thế đó nên thơ tình của Phạm thiên Thư lâng lâng dịu nhẹ như chính bước chân của Ngọ len lén đi vào thế giới của Ngày Xưa Hoàng Thị như bóng ngựa hồng thoáng qua khung cửa thời gian.

Phạm thiên Thư là lối thoát cho thế hệ đang kẹt giữa hai lằn đạn tình cảm như chúng tôi? Một bên là thông lệ yêu thương của thời mà chúng tôi chỉ mới bắt chước Xuân Diệu để than thở: */Bữa nay lạnh mặt trời đi ngủ sớm/ Anh nhớ em em hỡi anh nhớ em/* là lập tức bị các bậc trưởng thượng mắng cho là hoang loạn. Một bên là nề nếp cách mạng tình ái của Tây Phương được nhập khẩu qua đài phát thanh, máy quay dĩa và nhất là qua

màn ảnh lớn với những phim màu rực rỡ. Lớn lên, chúng tôi vừa từ giã những mộng mơ bên Graziella của Lamartine, dưới Những Vì Sao của Alphonse Daudet, theo Loan và Dũng của Nhất Linh, mơ màng trong Mối Tình Đầu của Hoàng công Khanh, thì lại lơ ngơ buông thả tâm tư vào những ngẩn ngơ lãng đảng của *Vacances Romaines, Picnic, Bernardine, Marjorie Morningstar*. Chúng tôi hơn thế hệ cha chú là có dịp thấy người ta công khai hôn nhau trên màn ảnh. Trước là hôn câm, sau là hôn thành tiếng có nhạc đệm. Thế hệ con em hơn chúng tôi là thấy người ta công khai ân ái trên màn ảnh lớn nhỏ khỏi phải vắt óc tưởng tượng như chúng tôi khi đọc Hồng Lâu Mộng, Tây Sương Ký...

Không còn trẻ nữa để hăm hở đổi đời, nhưng cũng chưa quá già lụ khụ để rửa tay gác kiếm, vậy thì theo đường nào đây? Lập đền đài linh tượng ngôi cao chín bệ cho người yêu như Chế Linh hô hào mà hậu quả là có khi xa nhau rồi mới chợt nhớ ra chưa hề hôn nhau, dù là hôn trên má, và có thể quái dị hơn nữa là chưa hề cầm tay nhau? Hay xem người yêu bằng xương bằng thịt và tiến bước xung phong vào đường tình ái với tốc độ siêu âm?

Trong thế giới cổ kính ngàn xưa, người yêu lung linh mơ hồ như hình hoa hậu chụp bằng quang tuyến X. Trong cuộc đời đương đại, người yêu hiển hiện như dung thịt mỡ trước miệng mèo, lồ lộ mặt khu núi đồi hang động như Bích Khê từng nhìn thấy: */Nửa trên em là thiên đàng/ Nửa dưới em là hỏa ngục/*. Nếu yêu là lựa chọn thì chọn một nửa thôi có được không, nếu được thì nửa nào và chỉ chọn một nửa thì đã thực yêu chưa? Trước những câu hỏi hóc búa ấy, Phạm thiên Thư đã có một câu trả lời rất trung quán: người yêu không phải là cái nầy mà cũng không phải là cái kia. Người yêu của Phạm thiên Thư hình như không tồn tại trong không gian ba chiều:

*Đợi người cuộc mộng thâu đêm*
*Sông Ngân trở lệ dài thêm dòng nhòa*
*Anh nằm gối cỏ chờ hoa*
*Áo em bạch hạc la đà thái hư*

Người yêu của Phạm thiên Thư chỉ tồn tại mơ màng trên đường chân trời diễm ảo của những quá khứ chưa bao giờ trở thành hiện thực người ta chỉ đến được qua những phút giây phóng túng thả hồn trôi về Động Hoa Vàng của Ngày Xưa Hoàng Thị... Đích điểm của những buông thả lãng mạn vào tâm cảnh cổ kính đài các chập chờn diễm ảo mà người yêu ở đây nếu không là

*Mắt nàng ru chiếc nôi êm*
*Ru hồn tôi ngủ ngàn đêm tuyệt vời*

*Em là hoa hiện dáng người*
*Tôi là cánh bướm cung trời về say*
thì cũng:
*Tóc em rừng ngát hương say*
*Tay em dài nụ hoa lay dáng ngà*

Theo Phạm thiên Thư là tìm về khoảng */không gian như có dây tơ/* để chốc lát đắm mình vào thế giới của tưởng tượng bằng ngữ và vần điệu. Thế giới của thơ, văn.

Nhưng ngày nay, hình như thơ văn đã bị tước mất độc quyền về thế giới đó rồi. Ngày xưa, làm văn làm thơ là hoạt động của một tầng lớp ngoại hạng ưu tú. Nhưng muốn gia nhập vào giai tầng ưu tú trí thức đó cũng chẳng phải khó như vào Niết Bàn hay Thiên Đàng. Chỉ cần ngòi bút và xấp giấy. Thế là tạm đủ. Ai cũng có thể là nhà văn và thơ cả. Chứ không khó khăn trầy da tróc vảy như gia nhập sân khấu, điện ảnh, hay thể thao. Mặt khác, điện ảnh, đài phát thanh, truyền hình, video, CD, CD-ROM, Internet... có thể biến cuộc đời thực thành siêu thực, thần tiên, quái đản dễ dàng hơn là ngòi bút hay cây cọ, tạo ra những thế giới tưởng tượng mê ly hấp dẫn gấp mấy lần văn thơ. Cũng vì vậy mà người thưởng ngoạn thường chịu tốn tiền cho điện ảnh hay truyền hình hơn là cho quyển truyện quyển thơ hay bức tranh. Vì những lý do đó mà văn thơ nếu không ở trên đà tận diệt như đười ươi, cọp, beo, sư tử thì cũng có thể bị miệt thị, xuống cấp. Có những nhà văn nhà thơ - và cả những nhà làm văn học phê bình, đang muốn tự vệ trước những tấn công ồ ạt của sách báo tiêu khiển - không được kể là văn chương, và ngành giải trí điện tử - không được kể là nghệ thuật thứ bảy, bằng cách biến thơ văn thành một thứ mật ngữ kỳ bí quái dị, bắt buộc kẻ khác hoặc phải khen hay hoặc phải thú nhận là không đủ can đảm để đọc đến dòng chót.

Có người sẽ chê lối buông thả tâm tư bằng thơ tình như Phạm thiên Thư là mê đồ cổ. Lạc hậu. Xà quần trong rong rêu quá khứ. Làm như thể con tim ngày trước và con tim hôm nay khác nhau. Bây giờ và ởtừ muôn kiếp trướcõ, rung động yêu thương có khác gì nhau? Đó là sự khác biệt về bản chất tình yêu hay chỉ là khác biệt về cách biểu lộ tình yêu và cách ghi nhận những biểu lộ của tình yêu? Hỏi cho vui vậy thôi chứ mãi đến bây giờ có ai đồng ý với ai về tình yêu là gì, thơ là gì đâu! Chưa đồng ý với nhau về tình yêu là gì, thơ là gì thì sao lại có thể vội vàng vứt những vần thơ của Phạm thiên Thư vào sọt rác?!

Đôi khi Hoàng tôi băn khoăn tự hỏi mình thích Động Hoa Vàng vì bốn trăm câu thơ đẹp như tranh thủy mạc của Phạm thiên Thư hay thích

Động Hoa Vàng vì bản nhạc với hai chục câu thơ tưởng rằng đã phủ trùm cả Động Hoa Vàng của Phạm Duy?

Lục bát có vẻ như là thể thơ dễ làm nhất, nhưng vì dễ quá nên trở thành khó. Nguyễn Du, Nguyễn Bính, Cung Trầm Tưởng, Phạm thiên Thư... Và ai nữa? Một đội ngũ tài danh lưa thưa lác đác bên cạnh dòng thác của những thiên tài vô danh đã xây dựng nên kho tàng văn chương truyền khẩu mà đại đa số là lục bát.

Nếu Cung Trầm Tưởng làm mới Lục Bát với những tâm cảnh khác lạ so với thời bấy giờ: */Đèn em góp núi chung đồi /Thiêu nương đốt lá cũng rồi hoang sơ /* hay. . . */Thôi em xanh mắt bồ câu/Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau/* thì Phạm Thiên Thư lại đã làm mới Lục Bát thêm một chút nữa bằng cách đưa Lục Bát trở về cổ kính xuân thu:

*Đôi mày là phượng cất cao*
*Đôi môi chín ửng khóe đào rừng mơ*
*Tiếng nàng vỡ bạc thành thơ*
*Tụng dòng kinh tuệ trên tờ khói mây*
hay
*Em về hong tóc mùa xuân*
*Trăng trầm hương tỏa dưới chân một vành*

Phạm thiên Thư đến sau Cung Trầm Tưởng nhưng Cung Trầm Tưởng lại gần với tâm cảm của người lưu vong như tôi hôm nay hơn. Bởi vì, dù kẹt giữa hai nếp cảm nghĩ, mắt bồ câu của Cung Trầm Tưởng gần với tôi hơn là mày phượng, môi đào rừng mơ của Phạm thiên Thư. Nhưng làm sao cấm được Phạm thiên Thư điêu đứng vì đôi mày phượng cũng như làm sao cấm được Xuân Diệu mê mẩn hình ảnh */hây hây thục nữ mắt như thuyền/ !?*

Phạm thiên Thư cũng có thể bị chê là thoái hoá, hủ lậu, nhút nhát xưa cũ như... những vần thơ thù tiếp sứ nhà Tống của Ngô chân Lưu, Pháp Hiền hoặc như bài văn tế cá sấu! Phạm thiên Thư cũng có thể bị lên án là ngoan cố, bảo cựu không chịu làm thơ mới, không chịu làm thơ tự do và không chịu tự do làm thơ... như những người tự nhận là tiền đạo, tiền phong, đổi mới, tiên tiến, những tông đồ của cấu trúc luận, giải cấu luận, hậu cấu trúc luận, hiện đại chủ nghĩa, hậu hiện đại chủ nghĩa... và bao nhiêu từ ngữ khác mà những nhà khoa bảng kinh viện đang muốn lập danh bằng nghề phê bình có thể bày ra để tạo sức ép đối với người sáng tác yếu bóng vía, thích làm dáng văn học.

Sức ép sáng tạo nầy càng ngày càng nặng vì phê bình văn học nghệ thuật ngày càng trở thành một sinh hoạt biệt thuộc chứ không phụ tùy như

trước nữa. Một là vì sự xuất hiện của những nhà nghiên cứu văn học nghệ thuật khoa bảng chuyên nghiệp, ăn rồi chỉ lo phê bình tựa như các nhà khoa học chỉ lo quan sát, nghiên cứu, đặt giả thuyết, chứng nghiệm. Thứ hai, một số đại học lớn đã "đăng quang" cho các nhà phê bình bằng cách dành cho ngành phê bình văn học nghệ thuật một địa vị công khai khả kính. Thứ ba, trên đà phát triển ồ ạt để đáp ứng nhu cầu chính trị hay thương mại, báo chí, truyền thanh và truyền hình không còn tự giới hạn trong chức năng thông tin, nhưng đã gán thêm cho mình công tác nhận định, phê phán và hướng dẫn sáng tác cũng như thưởng ngoạn văn học nghệ thuật. Công tác nầy ngày càng trở nên tinh vi đến độ khó mà phân biệt thế nào là thông tin, nhận định khách quan chân thực, thế nào là ba hoa chích choè quảng cáo, hay chơi nổi chơi trội.

Thành công của một số trường phái phê bình có khi chỉ là những cơn bão trong chén trà, nhất là những khuynh hướng phê bình hình thức không chấp nhận thế đứng khiêm tốn của văn học nghệ thuật đối với nhu cầu sinh hoạt tâm linh. Sở đoản khả hữu thông thường của phê bình là một đàng không chịu khó đọc chính văn, không thực sự nắm vững đối tượng phê bình như nhà khoa học bám riết đối tượng nghiên cứu và mặc khác cứ nối đuôi nhau tìm cách vẽ vời sao cho phê bình trở thành mới lạ. Hậu quả là khoa phê bình văn học đôi khi đã trở thành nghành văn học phê bình, một lề lối sáng tác cũng lấy tưởng tượng hư cấu làm nền tảng như văn thơ.

Những người làm văn học phê bình nầy thường nhắm mắt niệm thần chú "Theo mới, hoàn toàn theo mới không chút do dự!" như Hoàng Đạo đã hô hào hơn nửa thế kỷ trước đây. Nhưng *đổi mới* là *làm mới* hay *theo mới* ? Nhưng nếu đổi mới, theo mới là một nhu cầu cấp thiết thì ai là kẻ thực sự cảm thấy nhu cầu đó, nhà phê bình hay văn nghệ sĩ? Thực tế là thường thì nhà phê bình phải chạy theo văn nghệ sĩ chứ không phải ngược lại. Không có sản phẩm văn học nghệ thuật thì lấy gì mà phê bình văn học nghệ thuật?

Nhưng thế nào là mới với người sáng tác văn học nghệ thuật? Trừ những kẻ đạo văn hoặc nhắm mắt lập lại ý kiến của kẻ khác một cách thuần thành mù quáng như tín đồ cuồng tín đối với kinh văn của giáo chủ, mỗi quan điểm văn học nghệ thuật được thành tựu, mỗi tác phẩm văn học nghệ thuật được hoàn thành đều là những thực tại mới, ít ra cũng theo ý nghĩa mới là khác biệt. Đặt bút ký vào một bài văn, bài thơ, bức họa... tự mình không thấy gì mới cả là đạo, là bắt chước, là cóp, là... không có gì mà ầm ĩ. Mỗi tác phẩm đích thực là một thực tại mới, tất yếu mới. Còn mới hay hay mới không hay lại là chuyện khác.

Phạm thiên Thư đã không biết lấy kéo mà hớt câu ngắn câu dài cho lạ mắt. Không biết biến thi ca thành những mật ngữ đồng bóng khúc mắc khó hiểu, hoặc chẳng ai hiểu gì cả vì thưởng ngoạn là đồng trật sáng tạo, đọc thơ là làm thơ. Nên những vần thơ bốn chữ, năm chữ, hoặc lục bát của Phạm thiên Thư có thể trở thành vật tế thần - bên cạnh những con vật tế thần khác là Thơ Mới, Thơ Đường Luật, trên bàn thờ Cái Mới một vài người đang hí hửng trật duột dựng lên.

Người làm văn học nghệ thuật hôm nay được lệnh của một vài nhà phê bình phải ly khai đường lối sáng tác cổ điển, phải từ bỏ khuynh hướng lãng mạn để theo mới. Nếu không, có thể bị lên án là thống dâm, là hửi khói nhà người cũng đủ no không cần nấu nướng gì cả, là không biết làm thơ bằng dao găm búa tạ hay cốt mìn... Nhưng mới là gì, cái gì là mới? Hiện đại chủ nghĩa, tương lai chủ nghĩa, cơ cấu luận, hậu hiện đại luận, giải cấu luận? Theo cái nào? Nếu những cái mới đó có căn bản vững vàng, có giá trị đích thực tại sao lại truất phế loại trừ nhau liền tù tì như thế và tại sao những khuynh hướng cổ điển, lãng mạn lại tái sinh?

Trong lịch sử văn học nghệ thuật Âu châu, tiền đạo, tiền phong hay tiên tiến - avant garde, là tiếng thường được dùng để định danh một lối sống, một thái độ của những người làm văn học nghệ thuật muốn xóa-đi-làm-lại-hết, *tabula rasa*. Họ muốn tiên phong giải phóng văn học khỏi những ràng buộc của lý trí, của ý thức và của ngôn ngữ thông tục để mở đường cho cái mới lạ, cái vô thức, cái phi lý, cho những giấc mơ, những thác loạn tâm tư được phóng toả bằng những hành động sáng tác trực phát máy móc, bất chấp những ước định tối thiểu thông tục về họa, văn, thơ. Thơ chẳng hạn, thơ tiền phong thường được biết đến như là những bài văn vần không vần, những bài văn xuôi có vần, và cách trình bày thì tha hồ thay đổi theo trí tưởng tượng phong phú hay nghèo nàn, bản lãnh sáng tạo hay tài bắt chước của nhà thơ.

Phong trào Tiền Đạo nầy không phải xuất hiện năm 1998 hay 1999 mà là từ 83 năm trước ở Zurich, Thụy Sĩ khi một vài nghệ sĩ cùng khuynh hướng tụm lại tìm một chữ để đặt tên cho phong trào. Vốn là những người phóng túng không câu nệ nề nếp, họ đã nhặt đại chữ DaDa theo kiểu xổ số. Trường phái DaDa được khai sinh từ đó và trở thành hồi còi tập họp quy kết những người làm văn học nghệ thuật không chấp nhận chiến tranh, chống những thế lực tôn chính đương hành đang tàn phá, bức bách, gò bó con người. Đó là một cuộc nổi loạn nhân danh tự do và nhân cách. Nhưng cương lĩnh bất thành văn của DaDa cũng đã đi quá đà trở thành là một thứ đùa dai quá trớn, đập phá lung tung, gây náo loạn vớ vẩn, lấy lố

bịch chống lố bịch, lấy thị phi chống thị phi như những người trong phong trào thường tự nhận.

Các văn nghệ sĩ Việt Nam thời ấy đã không có cơ hội và cũng không được khuyến khích để chạy theo cái mới. Thời kỳ phong trào Siêu thực, DaDa được khai sinh ở Âu châu cũng là thời điểm mà những nhà văn nhà thơ Việt Nam vừa chân ướt chân ráo từ bỏ chữ Nho chữ Nôm để quờ quạng mò vào thế giới của mẩu tự La Tinh ngoại lai quái ác được bi hài gọi là chữ-quốc-ngữ. Cho đến hôm nay vẫn có người trương gân cổ bảo rằng i-tờ, tờ-i-ti, a,b, c, d, đ... là đổi thay căn bản đưa Việt Nam vào con đường văn minh tiến bộ. Những kẻ đó không giải thích thêm tại sao người Nhật, Nga, Trung Hoa, Ấn Độ, Hi Lạp... vẫn giữ ỏquốc ngữõ của họ và không hề phải trở lại thời ăn lông ở lổ. Thứ nữa, các văn nghệ sĩ Việt Nam có muốn đi vào con đường hiện đại chủ nghĩa, con đường tượng trưng, siêu thực, lập thể cũng không được chính sách văn hóa thực dân đồng hóa khuyến khích vì một lẽ dễ hiểu là không những Lãng Mạn chủ nghĩa thường dẫn đến chủ nghĩa dân tộc bài ngoại và cách mạng mà ngay cả khuynh hướng tiền phong, siêu thực cũng đưa đến những hệ quả chính trị xã hội tương tự. Cách mạng mùa Thu bùng lên, tuyệt đại đa số những người làm văn thơ Việt Nam đều đi theo con đường của Phan văn Trị, chẳng mấy ai theo vết mòn của Tôn thọ Tường. Lịch sử văn học nghệ thuật Âu châu từ sau Đại Chiến thứ Nhất cũng đã cho phép người ta nghĩ như thế.

Một vài người nhắc đến Franz Kafka, James Joyce, Marcel Proust... như những nêu mốc, những biểu tượng của cái mới. Tác phẩm được coi là đầu tiên của Kafka - truyện ngắn *Hóa Thân*, được hoàn thành năm 1915, tập truyện ngắn *Những Người Dân Dublin* của Joyce xuất hiện năm 1914 và quyển *Đi Tìm Lại Thời Quá Khứ* của Proust xuất hiện năm 1913. Thích những người đó là quyền tự do của người thưởng ngoạn cũng như nhà phê bình văn học. Nhưng cái quyền đó có cho phép người thưởng ngoạn hay nhà phê bình chê những ai không thích những tác giả đó, không muốn sáng tác như họ là cổ hủ, thống dâm, là không biết viết văn bằng cây búa, là thụ động hửi khói nhà người mà đã thấy no bụng không? Tại sao các nhà văn học nghệ thuật hôm nay phải lấy những nhà văn mà tác phẩm xuất hiện cách nay đã hơn 80 năm để được tiếng là thức thời, là biết theo mới? Tại sao nhà phê bình có quyền dựa vào một vài ý tưởng của Ferdinand de Saussure, Roman Jakobson, Jean-Francois Lyotard hay Jacques Derrida... là những cái cũ để chê kẻ khác là không biết theo mới? Đã theo cũ lại chê kẻ không chịu theo cũ như mình là ngớ ngẩn không biết theo mới, hiểu thế nào đây?

Câu hỏi đặt ra cho người cầm bút không phải là có nên theo mới hay không theo mới. Câu hỏi đặt ra là họ đã thành công trong sự *diễn đạt mới* một nội dung cũ, hay diễn đạt cũ *một nội dung mới*, hay họ chỉ núp sau một *hình thức mới* để lấp đầy cái lỗ hổng tâm cảm hay tài năng diễn đạt mà họ không thể lấp đầy hay tát cạn bằng tài năng hay bản lĩnh giới hạn của mình? Và đối với những kẻ nghĩ rằng thành công chỉ cần tài chứ không cần tâm thì câu hỏi trên lại càng khó khăn hơn. Bởi không có tâm thì lấy gì mà đặt ra câu hỏi ấy, nói gì đến tìm ra câu trả lời! Không có tâm thì viết hay vẽ chỉ là múa gậy vườn hoang. Tiên vàn, tâm là tâm lý, thứ đến mới là tâm đạo. Trong văn học nghệ thuật, chỉ có cái máy photocopy, printer mới cần tài chứ không cần tâm, tài của người sửa máy và điều khiển máy.

Đánh giá một sáng tạo hay phê bình văn học nghệ thuật có lẽ nên nghĩ đến tính cách độc đáo hơn là thành tích theo mới hay không theo mới của tác giả. Độc đáo liên hệ đến đối tượng cảm nhận, cách thức cảm nhận và hình thức diễn đạt tiến trình cảm nhận đó. Độc đáo là */vô tận của mình riêng/*, dù cái riêng đó chỉ là một phần của */kho trời chung/* vốn / *ngàn muôn năm âu cũng thế ni/* như Nguyễn công Trứ nói.

*Kho trời chung* của Phạm thiên Thư là người đàn bà, là tình yêu nam nữ. Người đàn bà đó, tình yêu đó... ngàn năm trước hay bây giờ khác gì nhau? Khác chăng là Phạm thiên Thư đã biến kho trời chung đó thành Ngọ của Ngày Xưa Hoàng Thị, Ngọ là *vô tận của mình riêng* bằng những vần thơ.

Phạm thiên Thư đạt được cõi vô-tận-của-mình-riêng ấy bằng cách quay về đốt lò hương cũ, lần theo dấu guốc dấu giày của người thương bé nhỏ để lắng mình vào thế giới thần tiên diễm ảo những hôm */đường mưa nho nhỏ, anh theo Ngọ về/...*

Phạm thiên Thư theo Ngọ, và thơ nhạc của Phạm thiên Thư cũng đang vẽ ra cho Hoàng tôi một Ngọ gần kề như mộng xa xôi như thực e ấp ngập ngừng *theo ta lên núi về đồi yêu thương* khi Thu đến theo dòng luân hồi duyên nợ...

Phong Trang
Thứ Bảy 27.6.1999.

## *Những giọt lệ đồng thảo*

NGUYỄN XUÂN THIỆP

*những giọt lệ*
*của mắt em*
*hoa đồng thảo*
*rơi vào hồn*
*sao violette xanh xao*
*sao violette không màu đỏ*
*nắng buổi chiều như một câu thơ buồn*
*rơi trên mặt bàn*
*và thềm nhà*
*ngoài biển*
*chiều dậy tiếng hải âu. kêu*
*và gió*
*có phải lúc ấy em nhìn thấy một cánh buồm*
*vừa ra đi. trên nền xanh vô tận. màu của*
*tranh Chagall*

*và em thấy lại một bầu trời*
*mưa*
*sao mưa. có phải mưa từ biển*
*reo trên những mái nhà*
*tiếng trẻ con cười dưới cơn mưa xối*
*em về*
*dường phượng bay...*
*một câu hát cũ. của thời lưu xá*
*chợt ửng sáng căn phòng*

*buổi chiều*
*mùi hương xoài. miếng xoài màu vàng. ngậm*
*tan trong miệng. anh và em*
*nhưng thời gian*
*đã như mặt trăng ung thư*
*thời gian. có tìm lại được không*
*hay chỉ là những mảnh vỡ*
*của chiếc bình pha lê*
*chỉ là những trang sách*
*còn lại. sau khi đã bị đốt. trong ngọn*
*lửa của một thời*
*có người và chuột*
*những hẻm mưa lầy lội. ánh đèn*
*ta về lại được không*
*dưới giàn hoa giấy. những sợi mưa. tím*
*và gốc bàng ngày xưa*
*trái rụng*
*trên những rác rưởi và phân người*
*gã hề. với cây đàn gáo. đi hát một lời cổ*
*trong mưa*

*đồng thảo*
*những giọt lệ đắng. mắt em sâu*
*rụng trên môi anh. một dòng thơ nuối*
*tin được không*
*người nhạc sĩ ấy đã chết*
*da mặt vàng màu trái ung độc. râu gỗ mun*
*đã ố màu*
*cánh cửa căn phòng có đèn sáng. trên*
*biển. đã khép lại*
*không một vì sao ngủ mơ*
*cái chết có mặt trong nghệ thuật. màu*
*trăng lạnh giá. cái chết bốc hơi*
*trong không khí. đâu đây thoảng mùi*
*trà. trà tường vi ngày nọ. đầy những*
*trang thơ*
*ta sống. và nhìn bạn bè ra đi. này em có*
*hiểu gì không*
*nghệ thuật cũng là điềm báo. màu nắng tai*

*ương trôi những sớm mai*
*tiếng hát của người ca sĩ du ca ấy. lúc đang*
*xanh. rã rời tiếng đàn thùng. ánh*
*lửa bếp tàn trong căn lều. một đêm trên*
*đồi gió*
*tiếng hát. ngồi trong góc quán. quét từng lớp*
*xanh rêu lên bức tường*
*lời ca từ đi qua những vỉa hè*
*thành phố Long Beach. hay một nơi nào khác*
*chiều nắng quái ương mưa hàng cọ dưới trời*
*ly cà phê đen*
*và tranh trừu tượng*
*diệu kèn jazz cháy hồng*
*người nhạc sĩ ấy đã chết. Lê Uyên Phương đi*
*tìm gì nơi mây cõi lạ. em báo tin*
*anh qua điện thoại. nghe như có tiếng*
*sóng biển vỡ trên bờ cát đỏ*
*ai cười trên chuyến xe buýt xuyên bang*

*ôi đồng thảo*
*những giọt lệ đắng*
*hiện kiếp. buồn*
*như vầng trăng ốm*
*như mối tình người thi sĩ lãng du*
*bụi*
*ngủ trên bậc thềm. dưới cây bông giấy*
*ngủ ở sân ga*
*thức giấc. trong chuyến xe lửa chạy như điên*
*qua đồng cỏ tía*
*thì hãy tưởng tượng. một ngày. ta đi về phía*
*hoàng hôn*
*biển*
*biển Laguna đó em. trôi dầy những nhánh*
*hoa lavande*
*như trong thơ anh*
*có sương mù trong nắng. mưa trong bình*
*minh. gục khóc*
*và tiếng kêu của bầy hải âu*
*trên mái nhà linh hồn*

*không cứu rỗi*
*anh nhớ lại bầy chim én của thành phố*
*Đà Lạt ngày nào. bay quanh đầu. như*
*một dải khăn. thành phố chợt sáng lên*
*khi em tới với đoàn khảo cổ những*
*mùa hè đã xa. thật xa*
*bầy chim én đã bỏ đi. như em. và không trở lại*
*dẫu hoa đồng thảo vẫn nở*
*những mùa hè*
*đầy mưa*

*này những giọt lệ*
*của hoa đồng thảo*
*màu biển Laguna. hoàng hôn*
*đứng ở phố M. ngôi nhà ngói đỏ. nhìn*
*ra thấy biển*
*tiếng sóng. đội lời mê sảng. triều lên*
*trong nắng*
*anh chợt nghe ra một lời từ biệt*
*vì những mái nhà. trong anh. đã đầy giông bão*
*những đường phố của bảng cấm. gã homeless*
*đi tìm gì trên ngả ba. cơn giông muộn*
*và lời thơ nào đã vỡ. đã vỡ. nắng hoen*
*cho ta nối lại vòng tay. tưởng tượng. làm cầu*
*rồi rời xa. trước khi cơn giông đến*

*đồng thảo*
*những giọt lệ đắng*
*trong ly nước mặt trời*
*khi tôi xa ngôi nhà ngói đỏ ở phố M.*
*làm người hành giả lang thang*
*không túi xách*

*tháng bảy 1999*

# Mấy thế kỷ sau

*Ngụ Thuyết*

*Gởi Nguyễn Trung Hối,Bùi Xuân Nhiếp, Ngô Kỳ Phong*

Bùi Giáng đã vĩnh viễn ra đi! Một cái tang lớn cho văn học Việt Nam. Ông biết nhiều, đọc nhiều, kiến thức quảng bác đông tây kim cổ. Thơ văn của ông để lại là một gia tài đồ sộ và quý giá. Ta chưa có con số chính xác, nhưng có lẽ ông đã viết cả chục ngàn bài thơ và mấy chục cuốn sách thuộc các thể loại triết lý, phê bình, tiểu luận, tùy bút, dịch thuật.

Ông say mê thơ. " Ông ngủ ra thơ, thở ra thơ, đi ra thơ, đứng ra thơ... " như Thanh Tâm Tuyền đã nhận xét do Mai Thảo dẫn trong lời bạt cuốn Thơ Bùi Giáng. Đối với thi ca Việt Nam ông đánh giá rất cao và cho rằng thơ Việt Nam không thua kém bất cứ nền thi ca nào khác trên thế giới.

1. Người đã để lại ảnh hưởng sâu đậm nhất trong thơ Bùi Giáng là thi hào Nguyễn Du . Nguyễn Du có mặt rất nhiều trong thơ của ông, ý cũng như lời. Ông vẫn thường không ngần ngại cho vào thơ của mình vài ba câu Kiều hoặc nguyên văn hoặc có sửa đổi. Chẳng hạn trong bài thơ được nhắc đến rất nhiều sau đây ( người viết bài này nhấn mạnh ):

*Hỏi tên rằng* biển xanh dâu
*Hỏi quê rằng* mộng ban đầu đã xa
Gọi tên rằng một hai ba
Đếm là diệu tưởng đo là nghi tâm
( Mã Giám Sinh )

Tài nghệ của Nguyễn Du, theo ông, đã đạt đến cõi "Lô hỏa thuần thanh" . Ông viết:

"Lửa trong lò không còn đỏ bập bùng nữa, mà lại chuyển sang màu

xanh thuần khiết, thế có nghĩa là gì? Đọc thơ Nguyễn Du ắt thể hội sự đó. Ngoài Nguyễn Du ra khó tìm được một nguồn thơ đạt tới cõi thuần thanh. Trông nó êm dịu mơ màng, mà nó càng đốt cháy bỏng máu me. Racine cũng thường đạt tới cõi đó..." (*Thi Ca Tư Tưởng*)

Trong các nhà Thơ Mới, ông đặc biệt quý mến Huy Cận. Ông cho rằng: "Bấy lâu chúng ta nghĩ rằng Huy Cận chỉ là nhà thơ có cảm giác bén nhạy và tài hoa riêng biệt trong phép tả cảnh tả tình sầu. Nhưng thật ra Huy Cận là khối óc vĩ đại đạt tới một cõi tư tưởng bát ngát nên, tự nhiên như nhiên, lời thơ ông đi vào trong phong cảnh bao la, dội vào đáy thẳm thiên nhiên, và gửi lại cho ta những dư vang bất tận..." Hoặc: "Ông thừa sức xô uà Đường Thi chạy mất hút. Toàn khối thi ca Trung Quốc, toàn khối thi ca Tây Phương, hầu như bị nổ bung lông lốc... Thơ Huy Cận vốn sầu, nhưng đó là loại sầu thượng đẳng như lai, nên chi trong cái nỗi sầu có pha chất gay cấn chịu chơi. Thơ Homère, Sophocle, Shakespeare, Nietzsche cũng thường có chất đó ..." (*Thi Ca Tư Tưởng*)

Dưới đây là vài đoạn thơ Huy Cận ông nhắc đến nhiều lần:

*Thuyền người đi một tuần trăng*
*Sầu ta theo nước trường giang lững lờ*
*Tiễn đưa đôi nuối đợi chờ*
*Trông nhau bữa ấy bây giờ nhớ nhau.*

hoặc:

*Dừng chân nghỉ ngựa non cao*
*Dặm xa lữ thứ kể nào héo hon*
*Đi rồi ngựa khuất sau non*
*Nhỏ thưa tràng đạc tiếng còn tịch liêu.*

hoặc:

*Tôi đội tang đen và mũ trắng*
*Ra đi không hẹn ở trên đường.*

Một nhà thơ tiền chiến khác ông cũng rất hâm mộ là Hồ Dzếnh. Ông viết:

" Bài Lời Về của ông riêng bốn câu cuối cũng đủ là một tuyệt tác cổ kim:

*Vó ngựa từ ngày vỗ xuống Nam*
*Truông mòn đưa lối Hải Vân San*
*Áo nâu phai nhạt màu cây cỏ*
*Lá rụng hoa rơi đất nước Chàm.*

Một bài tứ tuyệt như thế đúng là một tặng vật của Đường Thi. Nhưng Đường Thi ghé xuống Việt Nam, Đường Thi đã nhảy một bước vô biên. Không còn Lý Bạch, Thôi Hiệu, Tô Đông Pha nào chạy kịp được nữa... Cái cuộc Lữ dị thường của Khổng Tử bỗng nhiên tiếp giáp với Thái Hư Tịch Mịch trong bốn câu thơ kia cuả Hồ Dzếnh. Đó là điều mà trong tập Điêu Tàn của Chế Lan Viên, ta mỏi mắt tìm không thấy. " (*Thi Ca Tư Tưởng*)

Lẽ dĩ nhiên ông còn nhắc nhở rất nhiều nhà thơ khác, Việt Nam cũng như ngoại quốc, kim lẫn cổ, và không tiếc lời ca ngợi, lắm lúc khá chủ quan, nhưng tựu chung nhận định của ông thật độc đáo và giá trị.

Một đôi lần ông nói tới thơ của chính mình, một cách ỡm ờ, rằng đó là những bài thơ " chuồn chuồn châu chấu ... bay nhẹ vi vu như là phận mỏng cánh chuồn... bay lượn cuối ngõ đầu thôn thật là tha thướt. Đôi phen cái tiết điệu riêng biệt ấy cũng còn tái hiện trong đôi vần phồn hoa, mặc dù ở phồn hoa không bao giờ có chuồn chuồn bay vòng múa lượn... Tuy nhiên vì Bùi Giáng là chỗ quen biết với tôi nên không tiện bàn luận chi nhiều. Chê thì mất lòng nhau. Mà khen thì mang tiếng mẹ hát con vỗ tay. ( Đi Vào Cõi Thơ ). Hoặc: " Tại hạ tỷ như con chuồn chuồn. Nó bay vòng luẩn quẩn, ai đâu có thể nào bảo nó giải thích vì lẽ gì trong chiều sương nắng mỏng, nó lại cứ luẩn quẩn vòng bay." ( Mùa Xuân Trong Thi Ca )

2 . "Đôi vần phồn hoa", gồm những bài thơ gần gũi với cảm quan bình thường của người đọc: Từ ngữ chọn lọc, trau chuốt, âm điệu du dương, vần gieo chặt chẽ, và ý nghĩa hàm súc, thâm trầm, tóm lại rất truyền cảm, có thể so sánh với bất cứ bài thơ hay nào khác. Dưới đây là dăm ba bài tiêu biểu, bài thì có giọng ngậm ngùi, tiếc nuối như trong Chào Lục Thu Tỉnh, Một Buổi Trưa; bài thì tả nỗi bẽ bàng, sầu tủi trong Sầu Ca Sĩ; hoặc nói lên tấm lòng tha thiết, bồi hồi trong Anh Về Bình Dương; tâm trạng nhớ nhung, ray rứt trong Ngoài Trung; và những câu xuất thần trong Ai Giết. Đó là những bài thơ hay toàn diện có những câu tuyệt tác như " Dòng nước chậm chần chờ cho sóng chở / Còn không em? Kỷ niệm ở bên dòng (Chào Thu Lục Tỉnh ); "Vòng tay đẹp như cành xuân thơ dại / Ngón la đà sao chẳng chịu đưa tin" ( Một Buổi Trưa ); " Tóc xanh kỳ hẹn sai ngày / Khóc ngang ngửa mộng canh dài mấy phen" ( Sầu Ca Sĩ ); " Yêu nhau cảm

cảm động dường nào /

Anh về đất rộng cúi chào Bình Dương " ( Anh Về Bình Dương ); " Về thung lũng ngó cành hoang / Chiều ru bóng lãng đãng vàng gió bay " ( Ngoài Trung ). Đặc biệt là bài thơ thật ngắn, bài Ai Giết, toàn thể chỉ có 20 chữ, không một chữ nào lặp lại, đứng bên nhau kết thành một chuỗi ngọc vô giá, ý và lời vừa ngắn ngủi, gấp rút, nhọn bén, dữ dội, vừa mở ra những chân trời ngút ngàn, sâu thẳm.

**Chào thu lục tỉnh**

*Trời thu dựng mây thu trời gió thổi*
*Trời thu vang em đứng đó nghe không*
*Con én liệng mùa xuân xưa nghẽn lối*
*Tâm tình em bối rối lệ lên hồng*
.....
*Ta dựng lại trời xuân trong chốc lát*
*Với thu mây mù xao xuyến nước xanh*
*Với ký ức của một thời ngan ngát*
*Em nhớ không? Em quên vội sao đành*

*Chào Lục Tỉnh thu về xuân nức nở*
*– trong cây trong lá ở bên sông*
*Dòng nước chậm chần chờ cho sóng chở*
*Còn không em? Kỷ niệm ở bên dòng*

**Một Buổi Trưa**

*Một buổi trưa nắng vàng in trên tóc*
*Mây trên trời phủ xuống ở trên vai*
*Màu phương cảo pha mờ trên nét ngọc*
*Bước ngại ngùng nẻo mộng mấy lần phai*

*Em có định sẽ cùng ai kể lể*
*Một nỗi đời hư huyễn giữa chiêm bao*
*Vừng hiu hắt nguyệt hờn mây nhỏ lệ*
*Một mùi hương hồng tụ ở nơi nào*

*Câu chuyện ấy một lần em đã rõ*
*Để bây giờ không thể lại phanh phơi*

*Đường đi xuống khung đời sương lỗ đỗ*
*Hờn dung nhan em có sợ bên người?*

*Con mắt ấy vì sao em khép lại*
*Làn mi kia em thử ngước lên nhìn*
*Vòng tay đẹp như cành xuân thơ dại*
*Ngón la đà sao chẳng chịu đưa tin*

*Một buổi trưa nắng vàng in trên tóc*
*Lùa chân mây về ở dưới chân trời*
*Bước vội vã một lần nghe gót ngọc*
*Giẫm trang đời lá rụng úa thu phai*

**Sầu Ca Sĩ**

*Em về bủa rộng chiêm bao*
*Buồn sông bóng mạ chìm sâu bên đòng*
*Đời xuân nức nở sâu trong*
*Giọt ngần sương bỏ xuống lòng thơ ngây*
*Tóc xanh kỳ hẹn sai ngày*
*Khóc ngang ngửa mộng canh dài mấy phen*
*Du dương từ giã hai miền*
*Nước truông còn chảy bên triền mây trôi*
*Đầu khe lá cỏ phai rồi*
*Đá vang tiếng ngựa bên lời ước mong*
*Trời đêm tinh tú chạy vòng*
*Ruổi rong về bích ngạn hồng vàng chiêu*

**Anh Về Bình Dương**

*Anh về đất rộng Bình Dương*
*Trái cây và lá con đường cỏ xanh*
*Môi người nắng ngọt vây quanh*
*Nụ cười Nam Việt yên lành hấy nay*
*Em về đẩy mộng lên vai*
*Chào xuân ngả nón bụi ngày gió ru*
*Mừng vui con mắt ngây thơ*
*Mày nghiêng như lệ pha mờ chiêm bao*
*Yêu nhau cảm động dường nào*

*Anh về đất rộng cúi chào Bình Dương*

**Ngoài Trung**

*Về thung lũng ngó cành hoang*
*Chiều ru bóng lãng đãng vàng gió bay*
*Bình nguyên tự bữa xa ngày*
*Đường ngang lối dọc đến rày chữa nguôi*
*Mùa trăng sương cỏ bên người*
*Nguyên sơ đầu mộng môi cười trong bông*
*Chợt quên đời đổ giọng hồng*
*Màu pha nước giếng xuống dòng xuân trôi*
*Ngàn năm ám chướng đi rồi*
*Rừng hiêng biếc giữ mây trời phiêu du*

**Ai Giết**

*Nước bỏ bờ ruộng khô*
*Từ ngày chim chết hết*
*Cành cây thôi líu lo*
*Em hay là ai giết*

3. Nhưng ông lại thích cái " tiết điệu chuồn chuồn hâu chấu " hơn. Phải có một hồn thơ vô cùng tinh tế bén nhạy, một cái nhìn thấu suốt những " nếp gấp ", những " mép rìa " để đạt tới " quai nhai cảnh giới " mới có thể viết những vần thơ " nhẹ vi vu như phận mỏng cánh chuồn ", bay lượn lòng vòng luẩn quẩn chạm vào những gì rất mong manh, như xa như gần, như có như không, " như phi như thị " . Ta mơ hồ cảm thấy gì trong Phố Chợ Chiều? Đó là nỗi hoang mang của khách lỡ độ đường? Đó là tâm sự ngổn ngang của người đứng bên lề cuộc đời? Hay đó là, nói như Xuân Diệu, " con chim én tìm không ra bầy, con nai đôi sừng thơ ngây không biết đi đâu đứng sầu bóng tối"? Trái lại bài Gái Ăn Quà là một cái nhìn trìu mến, ngây dại của một anh chàng " mê gái " mà ta bắt gặp nhiều lần trong thơ Bùi Giáng, mê từ cô Mọi Nhỏ đến Hoàng Hậu Nam Phương, từ Mẫu Thân Phùng Khánh, Mẫu Thân Hà Thanh đến Marilyn Monroe, Brigitte Bardot v.v... , trong khi bài Anh Lùa Bò lại là nỗi khắc khoải của kiếp người trước tháng năm biền biệt.

**Phố Chợ Chiều**

*Chung quanh bờ nước rập rình*
*Chiều qua phố chợ mang hình mắt xanh*
*Chợ chiều nhiều khế ế chanh*
*Nhiều cô gái lạ bước nhanh hàng hàng*
*Mắt xanh hình thể điêu tàn*
*Chào cô gái lạ cô càng lạ thêm*

**Gái ăn quà**

*Chị em xuống phố ăn quà*
*Gặp lưu manh đón đường tra hỏi gì*
*Lặng nhìn mái tóc từ bi*
*Lắng nghe môi miệng nhu mì mở ra*
*( Chị em xuống phố ăn quà*
*Làn mi liễu mộng miệng hòa chan chan)*
*Làn mi thổi gió lên ngàn*
*Chị em xuống phố hoà chan ăn quà*
*Vô ngần miệng ngọc mở ra*
*Môi răng thể lệ ăn quà thể quang*
*Chị em xuống phố hoà chan*
*Ăn quà rất mực thênh thang thật là*

**Anh Lùa Bò**

*Anh lùa bò đi qua bờ ruộng*
*Ruộng bờ qua cày luống cày qua*
*Xuân xanh lắm lúc như là*
*Mười mê một tỉnh sơn hà gió trăng*
*Anh lùa bò bờ quen bờ thuộc*
*Thuộc bờ quen luống chuốc ưu tư*
*Năm đi tháng lại bù trừ*
*Ngày đi vĩnh viễn anh ừ cho anh*

4. Trong cuốn *Tư Tưởng Hiện Đại*, ông chủ trương: " Dựng một hệ thống chặt chẽ là bó buộc mọi sự việc phải im lìm nằm trong khuôn cứng nhắc. Mà cuộc sống là cái gì biến động miên man theo mảnh lòng người hoài mong tự do cởi mở. Sinh tồn là nô nức, du xuân là để dập dìu, cành

xanh là chờ con chim đậu, lá biếc là đợi cơn gió thì thào...tất một lời: sống là vi vu theo tiết nhịp vần xoay..." – một đoạn khác, ông viết: "Cứ mưu toan lý luận hoài thì còn chi là cái tình mộng? Thà chìm đắm tơi bời trong si mê còn hơn là dửng dưng sáng suốt để linh hồn khô cỗi điêu linh..." Tóm lại, một mặt ông ghét những khuôn sáo, những hệ thống cứng nhắt, mặt khác ông lên án sự lạm dụng của lý luận. Thêm vào đó ông không tin tưởng nhiều vào khả năng ngôn ngữ:

*Người điên ngôn ngữ điệp trùng*
*Dở chừng như mộng dở chừng như mê*
*Thưa em ngôn ngữ quặt què*
*Làm sao nói được nghiệp nghề người điên*
( Người Điên )

Cho nên một số rất lớn thơ của ông được làm nên theo cái lối "luẩn quẩn, lòng vòng, lai rai, gay cấn, chịu chơi", chữ nghĩa "hàm hỗn", đu bay, đảo lộn, hí lộng, nghịch ngợm, hoặc điên v.v... một cách có chủ ý, hoặc vô tình. Người đọc khó phân biệt được lúc nào ông điên, lúc nào ông tỉnh:

*Tôi gọi Mỹ Tho là Mỹ Thỏ*
*Mỹ Thọ muôn đời là Lục Tỉnh hôm nay*
*Tôi gọi Sóc Trăng là Sóc Trắng*
*Gọi người sương phụ gái thơ ngây*
( Lẫn Lộn Lung Tung )

Thơ ông tràn lan như dòng nước lũ, hết bài này đến bài khác xuất phát từ một nguồn hứng khởi bí ẩn, kỳ lạ và rất độc đáo. (trong tập *Mưa Nguồn* và *Lá Hoa Cồn* dày 412 trang do nhà An Tiêm xuất bản tại Sài Gòn năm 1973, tất cả các bài thơ, khoảng 1000 bài, đều không có một dấu chấm hoặc một dấu phẩy). – một số tác giả, có nhiều bài thơ ai ký cũng được, nhưng thơ Bùi Giáng khác hẳn. Chỉ đọc vài câu là biết ngay đó là thơ Bùi Giáng dù thỉnh thoảng ta tìm thấy dấu vết của người mà ông ưa thích, như Nguyễn Du chẳng hạn:

*Vầng trăng ai xẻ làm đôi*
*Nửa* đi đón gió *nửa* ngồi *soi* hang
*Nửa bờ đi rộng mang mang*
*Nửa miền bỏ hẹp muôn vàn u hương*

Bình minh xuân sắc chán chường
Ô bông quá lục trên đường quá lam
( Mùa Xuân Trong Thi Ca )

Thơ văn của ông "tuôn trào ra một cách thần tiên", chữ của Đỗ Quý Toàn, "dễ dàng và nhanh chóng vô tả... Tất cả như đùa như chơi vậy", theo lời thầy Thanh Tuệ . Đó là "mưa nguồn" rào rạt, đó là " lá hoa cồn" mọc tràn đầy. Cho nên chuyện không thể tránh được, một số bài trông luộm thuộm từ lời đến ý, tóm lại, dở. Thần tiên cũng có khi dở! Có lẽ không ai chịu được những câu thơ buông thả, nếu không muốn nói cẩu thả, như sau:

*Một con gà*
*Là một con gà*
*Nghĩa là?*
*Nghĩa là hai con vịt*
( Một Con Gà )

*Bây giờ tôi rất yêu ngài*
*Bởi vì ngài rất yêu nàng Huyền Trân*
.....
( Nhớ Chế Mân )

*Gọi là gặp gỡ giữa đường*
*Trái tim không chịu giữa đường rút lui*
.....
( Kẻ Qua Đường )

Tuy nhiên đây đó trên đám cỏ dại hay sỏi cát, ta thường bắt gặp không ít kỳ hoa dị thảo cùng những hạt kim cương lóng lánh. Những câu thơ thật đẹp nằm rải rác lúc nhặt lúc thưa trong các tập Mưa Nguồn, Lá Hoa Cồn, Ngày Tháng Ngao Du, Mùa Thu Thi Ca, Mưa Nguồn Hòa Âm...

.....
*Khổ đau về chẳng hẹn giờ*
*Hoang liêu phố rộng bước hờ hững đi*
( Ngủ Dài )
.....
*Biển dâu sực tỉnh giang hà*
*Còn sơ nguyên mộng sau tà áo xanh*

( Áo Xanh )

.....

*Mây đứng lại nơi chân trời phủ khói*
*Dòng sông đi đò bến đợi ngu ngơ*
*Chiều muốn đẹp tâm tình em không nói*
*Đất với trời chung một nghĩa bơ vơ*
( Không Đủ Gọi Một Lần )

.....

*Bóng trắng xa bay em về có thấy*
*Cuối phương ngàn rừng núi mộng trong sương*
*Dòng sông đục dòng xưa sông sóng dậy*
*Nghe triền miên nức nở lệ lên đường*
( Người Đi Đâu )

.....

*Em ngó buổi chiều buồn có phải*
*Buồn cũng như buồn những buổi chiều xưa*
*Trong con mắt đã mỏi mòn có phải*
*Sắc của trời hương của đất lưa thưa*
( Chiều )

.....

*Em có khóc? Ta xin em đừng khóc*
*Em nhìn ta? Lệ chảy có vui gì*
*Trang phượng mở giữa nguồn em hãy đọc*
*Nước xuôi dòng ngàn thu hận tan đi*
( Bên Này )

.....

*Sóng vàng đổ rộng âm hao*
*Trùng dương phôi dựng thu nào đã phai*
*Dư vang còn gửi hội này*
*Gối trăng xế bóng canh dài tiếc thương*
( Sóng )

.....

*Rồi tỏa bay ra khắp ruộng khắp đồng*
*Dòng nước chậm chần chờ nghe trở lại*
*Em ngơ ngác như hồn người con gái*
*Đứng một mình thơ dại ngó mông lung*
*Em nghe không em nghe nhé nghe cùng*
( Trời Nam Việt )

Nếu cứ tìm câu hay trích dẫn ra đây, hẳn sẽ phải viết dài dài choán

hết chỗ của số báo này. Một thí dụ khác: Để tỏ lòng căm hờn trong ngục tù, ta thường nghĩ đến bài thơ khá dài và nổi tiếng của Thế Lữ, bài Nhớ Rừng. Cũng ý nghĩa đó, Bùi Giáng chỉ viết thành hai câu lục bát rất hàm súc, rất lạ lùng, rất "gay cấn":

*Ngăn chia ngả rú hang hầm*
*Bên hùm rống ngục bên gầm tù heo*
( Từ Tưởng Hiện Đại )

Dưới đây tôi xin nêu vài dẫn chứng về cái lối viết nghịch ngợm, phá phách, hàm hỗn, và cũng đầy sáng tạo. Bài Đáp Rằng nói lên thân phận ni cô bên ngoài thì "phồn thịnh" nhưng bên trong thì rất "héo hon" vì cảnh phòng không chiếc bóng ; bài *Ngẫu Hứng* là một chuỗi nói lái và liên tưởng hết ý này qua ý khác một cách ngẫu nhiên, vô trật tự, y như cái tính cách tình cờ và phi lý cuộc " tồn sinh".

**Đáp rằng**

*Đáp rằng trong cõi người ta*
*Chỉ duy rất mực ấy là ni cô*
*Ta về góp nhặt điểm tô*
*Mùi hương đất trích sông hồ hiến dâng*
*Lá cây phồn thịnh phơi trần*
*Chỉ duy lá cỏ có phần héo hon*

**Ngẫu Hứng**

*Một hôm gầu guốc gầm ghì*
*Hai hôm gần gũi cũng vì ba hôm*
*Bôm ha? đạn hả? bao gồm*
*Bồm gao gạo đỏ bỏ gồm gạo đen*

5. Ông còn dịch thơ. Ông dịch khá nhiều thơ, thơ Đường, thơ Pháp, thơ Anh. Ông không dịch sát nghĩa, ông không ngại thêm thắt từ cũng như ý miễn sao lột cho được hồn thơ của nguyên bản theo nhận định của ông. Bài *Vị Thành Khúc* mà ông cho rằng đã đạt đến "cõi đạo vô ngần của ngôn ngữ Vương Duy" đã được ông dịch một cách rất tài tình, rất Bùi Giáng nếu ta so sánh với bản dịch mực thước của Trần Trọng San và bản dịch ra tiếng Anh nghe nhàn nhạt sau đây.

**Vị thành khúc**

*Vị Thành triêu vũ ấp khinh trần*
*Khách xá thanh thanh liễu sắc tân*
*Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu*
*Tây xuất Dương Quan vô cố nhân*

**A Song For Wei City**

*The morning rain of Wei city wets the white dust,*
*The inns are green, the willows are in spring.*
*May I advise you to empty one more cup,*
*For west of the Yuan-kuan hills you will find no friend.*
( Edited by Robert Payne )

*Thành Vị mưa mai ướt bụi trần*
*Xanh xanh quán khách, liễu tươi xuân.*
*Ly bôi một chén, xin mời cạn:*
*Ra đến Dương Quan, không cố nhân.*
( Trần Trọng San )

*Vị Thành mưa sớm mù tăm*
*Cõi miền bụi ướt thấm đầm ngõ thuông*
*Quán mờ liễu thắm xanh buông*
*Mời anh cạn chén rượu buồn tiễn chân*
*Tiền trình quan ải tây phân*
*Đèo truông ra khỏi cố nhân không còn*
( Bùi Giáng - Mùa Xuân Trong Thi Ca )

Ông dịch thơ của Apollinaire cũng bằng một giọng thổn thức như trên.

*Le mai le joli mai en barque sur le Rhin*
*Des dames regardaient du haut de la montagne*
*Vous êtes si jolies, mais la barque s'éloinge*
*Qui donc a fait pleurer les saules riverains...*

*Dạo thuyền xuân sắc tháng Năm*

*Giai nhân đầu núi xa xăm ngóng về*
*Thuyền trôi cách biệt hai bề*
*Ai xui liễu khóc đầm đìa bờ hoang...*
( Bùi Giáng- Mùa Xuân Trong Thi Ca )

Ngoài ra ông dịch truyện của André Gide, Albert Camus, Antoine de Saint-Exupéry, kịch của William Shakespeare, viết nhiều tiểu luận và bình thơ, và để lại cả ngàn trang sách nói về triết học, tư tưởng, nhưng đó không phải là phạm vi của bài viết ngắn này. – đây ta chỉ chú trọng đến thơ.

6. Mấy thế kỷ sau. Cách đây hơn nửa thế kỷ, nhà thơ Chế Lan Viên, lúc đó còn trẻ lắm, đã cảm thấy nỗi bơ vơ của kiếp người trên lối Đi Về:

*Đường về thu cũ xa xôi lắm*
*Mà kẻ đi về chỉ một tôi.*

Hình như ai cũng có lúc bơ vơ, nhiều bơ vơ, hay một chút bơ vơ. Bơ vơ thật, bơ vơ vờ, bơ vơ như một bịnh truyền nhiễm, hoặc bơ vơ như một cái "mốt". Gần đây tâm trạng đó, nỗi cô đơn, bơ vơ, đi về lạc lõng và vô vọng đó càng lúc càng đè nặng trong lòng người cầm bút. Tô Thùy Yên đã viết một bài thơ ảo não:

**Đi Về**

*Khuya rồi, nước đã đầy trăng*
*Đi về suốt bãi sông Hằng, gặp ai?*
*Lạnh trời, đâu lửa hơ tay?*
*Đêm còn, cứ bãi sông này lại đi.*
*Thấy gì chăng, chẳng thấy gì,*
*Nước rào, trăng rạt, ta thì mỏi mê...*
*Chảy khuya, nước ủ trăng ê,*
*Uổng công, bãi ấy đi về một ta...*
*Mãi rồi trời cũng sáng ra,*
*Phần trăng trăng lặn, phần ta ta về.*
*Vẫn sông, vẫn bãi bốn bề,*
*Sang đêm, ai nữa đi về, gặp ai?*

Bùi Giáng nào có khác:

*Mai sau ta một mình ta*
*Tự mình ta gọi mình ta đâu rồi*
*Mình ta không biết đâu nơi*
*Điên gieo đầu cuộc cuồng dồi cuối cơn*
( Ban Sơ Còn Mất )

Đó là chuyện mai sau. Còn trong hiện tại? Ông luôn luôn lạc lõng, "Hoang liêu phố rộng bước hờ hững đi". Ông thường nhắc đến " Phố Thị, Cố Quận". Đâu là phố thị? Đâu là cố quận? Phố thị và cố quận đan quyện vào nhau, sống nơi phồn hoa đô hội nhưng lòng vẫn luôn canh cánh nỗi nhớ về quê xưa. Ông viết: " Làng tôi xưa kia có nhiều cỏ mọc. Cỏ mọc từ trong làng ra ngoài ruộng, tới những cồn, gò, đồi, núi thật xanh. Tôi lớn lên giữa linh hồn cỏ mọc. Từ đó về sau, tôi tìm kiếm mãi một màu xanh không còn nữa vì những trái bom và hòn đạn thiêu nướng khổng lồ... Tôi làm thơ tặng họ. Họ chê cười, bảo rằng thơ của tôi có tính chất chăn trâu thô lỗ ." ( Ngày Tháng Ngao Du ). Nỗi nhớ quê xưa, ánh đèn đô thị gợi nhớ trời sao trên đồi núi xa, được bày tỏ trong một bài thơ ngắn:

*Chiều hôm phố thị*
*Em ngồi đếm lá bay chơi*
*Đèn khuya phố thị*
*Sao xưa sáng ở trên đồi cây rung*
.....
*Chiều hôm đếm lá cây rơi*
*Bên đèn phố thị thương đồi núi xa*
( Chiều Hôm Phố Thị )

Quê hương, cố quận luôn luôn để lại dấu ấn khó phai trong lòng của bất cứ ai, và sẽ trở thành tấn bi kịch khi kẻ tha hương không tìm được đường về, hay nói rộng ra, khi con người biến thành kẻ vong thân trước biển dâu của cuộc đời:

*Hỏi tên rằng biển xanh dâu*
*Hỏi quê rằng mộng ban đầu đã xa*

Việt Nam vừa trải qua một cuộc bể dâu trầm trọng, một thời đại hỗn mang, nghịch lý và bơ vơ kéo dài, thật dài. Mà đã chấm dứt chưa? Có thể nào Bùi Giáng, và cả chúng ta nữa, tìm ra được cố quận? Trong hoàn

cảnh đó, con người luôn luôn mang tâm thức lưu đày, ước mơ về quê xưa xa vời không bao giờ tìm thấy.

Không tìm ra cố quận, con người đành phải làm cuộc Lữ. " Khổng Tử đã chu du theo một cuộc Lữ dị thường ... Lữ chi thời nghĩa đại hỷ tai! Cái nghĩa thời của cuộc Lữ to lắm lắm thay! Nỗi ưu phiền của sông nước kia là một niềm kỳ vọng, một niềm chúc phúc lên đường " ( Đi Vào Cõi Thơ ). Thi hào Nguyễn Du, người mà Bùi Giáng đã quấn quýt suốt đời, cũng đã từng làm Liệp Hộ. Nay nhà thơ Bùi Giáng nối tiếp người xưa suốt hơn nửa thế kỷ sống cách lìa quê cũ, lê gót chân đi khắp Nam Kỳ Lục Tỉnh ( Gió Bão Tây Nam, Sầu lục Tỉnh, Màu Xuân, Chào Thu Lục Tỉnh, Miền Nam, Anh Về Bình Dương, Ruộng Bình Dương, Và Màu Xuân Đó, Trời Nam Việt, Không Nói Nữa v.v... ). Những lúc không đi xa, ở nơi " phố thị ", ông vẫn lang thang đầu đường xó chợ đi tìm những tiết điệu chuồn chuồn châu chấu bay lượn quẩn quanh trong " linh hồn cỏ mọc ". Cứ thế Bùi Giáng " ngày tháng ngao du " cho đến lúc vĩnh viễn lìa đời.

Ước mong sao nhà thơ yêu quý của chúng ta đã đến được quê hương chung nơi có Nguyễn Du, có Tô Đông Pha, có Nerval v.v... đang chờ đợi. Nguyễn Du đã ngậm ngùi tự hỏi không biết 300 năm sau còn ai khóc mình. Bây giờ hẳn mọi người đều đồng ý rằng hồn thơ của thiên tài Nguyễn Du còn sống mãi. Nhà thi hào Mễ Tây Cơ Octavio Paz, giải Nobel văn chương, vừa tạ thế năm ngoái, đã bày tỏ: " Tôi mong muốn để lại dăm bảy bài thơ, có lẽ được một độc giả tương lai nào đó thỉnh thoảng nhớ đến. Được đọc như tôi đã đọc vài ba thi sĩ. Chỉ thế thôi. ( I would like to leave a half-dozen poems that, perhaps, from time to time, would be remembered by a future reader. To be read as I have read some poets. Nothing more. ) Cũng lại là một câu hỏi lớn.

Mấy thế kỷ sau thời gian có xóa nhòa tất cả mọi chuyện hay không, có cuốn trôi đi hết mọi lời nhắn nhủ hay không? Đôi dòng thơ Bùi Giáng ra đi mà vẫn còn gửi lại có phải cũng sẽ chỉ là chút âm vang mơ hồ như tiếng lá rơi chìm trong sương mù lãng quên?

Không! Nàng trăng, nàng thơ trong Bùi Giáng hẳn vẫn tỏa ánh sáng huyền diệu xuống trần gian. Tiếng thơ bát ngát được gửi lại đó hẳn còn vang vọng lâu dài vào hồn, vào tim của những thế hệ mai sau. Đó phải chăng là câu trả lời cho câu hỏi khôn xiết của thiên tài Bùi Giáng vừa giã từ chúng ta:

*Em về mấy thế kỷ sau*
*Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không*
*Ta đi còn gửi đôi dòng*
*Lá rơi có dội ở trong sương mù...* ❐

# *Biển*

CAO XUÂN TÚ

*Tặng J vd B (cố hiểu nhé)*

*tắt rồi ngọn hải đăng*
*ngõ sao trời khép lại*
*hai mắt một dóng dinh*
*bọt nước ròng chao dảo*
*biển ơi chọn giùm miếng*
*sò zeeland lịm lưỡi*
*thì thào diệu vô ngôn*
*răng nghe hoài nhức nhối*

*nhởn nha ngoài khơi ú*
*ớ thoáng gió mùa reo*
*một khoảng cách tí xiu*
*tay trơn vòng bạch tuộc*
*bút neo vượt ra ngoài*
*những mưu đồ lãnh hải*
*mũi em toát dầu hôi*
*mở mắt bừng thấy mình*
*nằm trong bụng cá voi*

*ôi tiếng cười ướp muối*
*xanh hơn nhánh rong người*
*xước ngầm bao mỏm đá*
*thum thủm tôi nửa đời*
*cái hôn sùi bọt mép*
*bốc mãi tận Trường Sa*
*nồng hơi thở san hô*
*những mỏi mòn Bắc Hải*
*hến nghêu thà ngậm miệng*
*múi chanh thôi cũng hoài*

# Tịch mịch hồng

*Trần Văn Tích*

Thơ đời Đường có nhiều bài nhắc đến chuyện tình Đường Minh Hoàng Dương Quí Phi. Chẳng hạn bài *Mã Ngôi* của Lý Thương ẩn, bài *Trường Hận Ca* của Bạch Cư Dị, bài *Hành Cung* của Nguyên Chẩn v.v.. Bài *Hành Cung* - cũng có tài liệu ghi đầu đề là *Cố Hành Cung*, ví dụ *Đường Thi* của Trần Trọng Kim, Đại Nam in lại (không rõ năm), tr. 345 - là một bài tuyệt xướng được truyền tụng rộng rãi. Chỉ có vẻn vẹn bốn câu, tất cả hai mươi chữ, mà gây được nơi người đọc tâm trạng cảm khái bi thương không thua sút bài *Trường Hận Ca* nổi tiếng của Bạch Cư Dị, tám trăm bốn mươi chữ.

***Hành cung***
*Liêu lạc cố hành cung,*
*Cung hoa tịch mịch hồng.*
*Bạch đầu cung nữ tại,*
*Nhàn tọa thuyết Huyền tông.*

**Chốn hành cung**
Chốn hành cung xưa tiêu điều vắng vẻ,
Hoa trong cung lặng lẽ nở màu hồng.
Các cung nữ tóc bạc vẫn còn đây,
Ngồi rỗi kể chuyện đời vua Huyền tông.

Đây là một bài tuyệt cú hợp cách, cân đối, hạ vần ở câu một, hai và bốn. *Hành cung* là cung để vua nghỉ khi đi xa khỏi kinh đô. Nhiều phụ nữ bị sung vào hậu cung để phục vụ ở đấy. Theo các tài liệu văn học sử chữ Hán thì Nguyên Chẩn muốn nói đến cung Hoa thanh trên ngọn Li sơn ở Thiểm tây; cũng là đối tượng một bài thơ khác, dài hơi, của Nguyên Chẩn

: *Liên Xương Cung Từ*. Vua Đường Huyền tông ở ngôi từ năm 712 đến năm 756. Đường Huyền tông tức Đường Minh Hoàng với câu chuyện tình bất hủ cùng Dương Quí Phi. Bài *Hành Cung* mô tả nỗi lòng Nguyên Chẩn bi thảm nhớ tiếc thời vàng son rực rỡ cách đó vài thế hệ. Ngôn ngữ rất giản dị mà cũng rất tinh tế. Tác giả chỉ vẽ phác vài nét về đám cung nhân ngồi nhắc lại chuyện cũ với nhau trong hành cung lạnh lẽo, chứ không chép tỉ mỉ câu chuyện cuộc đời của họ và triều đại đã qua, nếu chép lại thì chẳng còn gì thi vị. Liên thứ nhất ghi nhận cảnh trí cung xưa với những thuộc ngữ rất tiêu cực : chốn hành cung *cố* (cũ) và *liêu lạc* (vắng vẻ) đến nỗi hoa nở mà cũng chỉ nở *tịch mịch*. Nở *tịch mịch* vì không có ai thưởng ngoạn và/hoặc chăm sóc; đền đài đang trở thành hoang phế, đổ nát. Thiên nhiên hờ hững vần xoay cùng thời gian, xuân đến cây cứ đâm bông nhưng con người thì chẳng còn đâu quyền hành và thanh thế; dấu tích chỉ còn là phế tích.

Xuất phát từ nhận thức đó, có nhiều cách chuyển tiếp ý sang liên thứ hai. Cách thứ nhất : ở câu thứ ba có danh từ ghép *cung nữ* (chữ *cung* đã từng xuất hiện cả trong câu một lẫn câu hai rồi). Hai chữ *cung* trước nói về kiến trúc, thân ngoại chi vật; từ ghép *cung nữ* trực tiếp đề cập đến con người. Động từ *tại* hàm ý rằng trong cảnh hoang liêu suy sụp của lầu các, thân phận nữ lưu vẫn còn đó, vẫn hiện tồn; lịch sử đã sang trang nhưng dòng đời không đứt đoạn; ít nhiều có tính liên tục trong cảnh sống, cách sống. Như vậy câu thơ thứ ba là một câu thơ chuyển ý. Cách thứ hai : câu thơ thứ hai chấm dứt bằng chữ *hồng* và ngay tiếp đó là câu thơ thứ ba khởi đầu bằng chữ *bạch*. Hai màu sắc tương phản tô đậm nét bức tranh vân cẩu khắc hoạ hình ảnh sẽ tàn tạ của một mùa hoa đang nở rộ, phản ảnh cảnh trí sụp đổ của một thời cực thịnh. Màu hồng là màu mãn khai nhưng cũng là màu son phấn, màu hồng đó gợi lại hoài niệm thuở thiếu niên diễm lệ của các cung phi nhưng đồng thời cũng báo trước thời điểm *bạch đầu* của người mỹ nữ. Mái tóc không còn màu xanh, cố cung chẳng còn sức sống. Giai đoạn ba mươi năm niên hiệu Huyền tông thịnh trị nay còn đâu : phải chờ đến câu thơ chót, Nguyên Chẩn mới đắng cay chua xót nói ra điều đó. Huyền tông, Dương Quí phi, An Lộc Sơn, Sử Tư Minh: lịch sử dồn dập quay trở lại khúc phim dĩ vãng qua danh hiệu vị vua triều trước được nhắc lại để khiến người thưởng ngoạn khắc khoải liên tưởng đến loạn ly, tàn phá. Huyền tông không chỉ là một danh hiệu, Huyền tông trở thành đồng nghĩa với một thời đẹp đẽ đã qua đi, một thời hơn hẳn hiện tại. Đó là thời trước loạn An Sử. Bài thơ như một công thức hoài cổ. Và vua Trần Nhân Tông của chúng ta, khi thăm Chiêu lăng ngày xuân, chắc đã mượn ý mượn lời liên thứ hai bài *Hành Cung* để đưa vào bài tuyệt cú của mình :

*Tì hổ thiên môn túc,*
*Y quan thất phẩm thông.*
*Bạch đầu quân sĩ tại,*
*Vãng vãng thuyết Nguyên Phong.*

Trong *Lý luận và phê bình, Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước 1975-1995*, Nhà Xuất bản Văn Nghệ, California, 1996, trang 660, Bùi Vĩnh Phúc nhắc đến bài thơ Nguyên Chẩn :

"Thường, người ta nghĩ *tĩnh mịch hồng*, ở câu số hai của bài thơ, là một danh ngữ (noun phrase), trong đó *hồng* là danh từ, *tịch mịch* là tính từ, hay như một ngữ tính từ (adjective phrase), trong đó *hồng* là tính từ, *tịch mịch* là trạng từ. Như Trần Trọng San đã nghĩ. Và như nhiều người khác đã nghĩ như thế. Còn tôi, tôi muốn nghĩ khác. Tôi muốn nghĩ theo lối nhìn và phân tích của Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đản, qua đó, *tịch mịch hồng* là một ngữ động từ (verb phrase), trong đó *hồng* là động từ và *tịch mịch* là trạng từ, bổ nghĩa cho *hồng*.

Nghĩ như thế thì câu thơ tự nhiên sinh động hẳn lên biết bao. Câu thơ xao động, mang chứa trong nó một linh hồn đầy nước mắt : Hoa ở trong cung nở đỏ lên một cách tịch mịch. *Tịch mịch hồng* là như thế. Nó không hẳn chỉ là cái màu đỏ bất động của đoá hoa kia. Nó có một linh hồn. Nó xao xuyến. Chữ hồng ấy, nó nở, và hồn ta xúc động ngẩn ngơ.

Hoa không chết lặng. Hoa nở đỏ một nỗi thảm sầu trong lòng ta."

Khi đọc đoạn văn nầy, tôi có xúc động và ngẩn ngơ thật. Xúc động thì do thơ Nguyên Chẩn. Còn ngẩn ngơ thì do văn họ Bùi.

Ngẩn ngơ vì tôi không thấy "lối nhìn và phân tích của Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đản" khác với "lối nhìn và phân tích" của Trần Trọng San cùng "nhiều người khác" ở chỗ nào cả.

Bùi Vĩnh Phúc có thiếu sót là anh không trích dẫn nguyên văn, không ghi xuất xứ các câu dịch văn xuôi và dịch thành thơ của Trần Trọng San, của "nhiều người khác", cũng như của Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đản hầu giúp chúng ta sẵn sàng có đầy đủ dữ kiện để trực tiếp so sánh. Cuốn *Đường thi trích dịch*, Bùi Khánh Đản dịch vần, Đỗ Bằng Đoàn dịch giải (tôi nhớ dường như in ronéo) trong tủ sách cá nhân đã bị mối xơi mất vào thời gian tôi phá rừng làm rẫy ở tù khổ sai tại Bù Gia Mập. Dầu sao, dựa vào trích đoạn vừa kể, chúng ta có thể cho rằng nhị vị họ Đỗ và họ Bùi đã hiểu câu thơ thứ hai của bài thơ Nguyên Chẩn như sau:

*Hoa ở trong cung nở đỏ lên một cách tịch mịch.*

Về phần Trần Trọng San thì cả trong *Thơ Đường*, Bắc Đẩu xuất bản, Canada, 1993, tr.234 lẫn trong *Thơ Đường, Poems of the T'ang Dynasty*,

Tủ sách Đại học Tổng hợp TP HCM, 1990, tr. 146, đều ghi :

*Hoa trong cung lặng lẽ nở hồng.*

Thú thật tuy tôi đã cố hết sức suy nghĩ nhưng vẫn không thể thấy hai câu văn xuôi tiếng Việt: *Hoa ở trong cung nở đỏ lên một cách tịch mịch* và *Hoa trong cung lặng lẽ nở hồng* có nội dung khác nhau ra sao, để chúng ta có thể cùng Bùi Vĩnh Phúc chấp nhận là có hai "lối nhìn và phân tích". Trong cả hai câu, *nở đỏ* hay *nở hồng* đều chẳng là động từ; còn *tịch mịch* hay *lặng lẽ* đều chẳng là trạng từ, bổ nghĩa cho *nở đỏ, nở hồng* đấy sao? Chả lẽ Bùi Vĩnh Phúc lại cho rằng trong câu văn dịch Trần Trọng San *Hoa trong cung lặng lẽ nở hồng, lặng lẽ* là thuộc từ của *cung* ? Hoặc giả anh căn cứ vào hai câu dịch thơ, một trong *Thơ Đường*, Bắc Đẩu : *Hoa cung vẫn lặng lẽ hồng nở tươi* và một trong *Thơ Đường*, Tủ sách Đại học Tổng hợp: *Hoa xưa lặng lẽ vẫn hồng, vẫn tươi* mà ai cũng biết là lề lối bố trí ngôn ngữ trong sáng tạo thi ca bị luật thơ chi phối nên không thể nào phản ảnh trung thực và chính xác cung cách tiếp thu nội dung nguyên tác như câu văn dịch xuôi?

Đối với "nhiều người khác", tôi tìm được một số câu thơ dịch và giải:

1) Huỳnh Minh Đức, *Văn học sử Trung Quốc*, Quyển I, Nhà Xuất bản Trẻ, TP HCM, 1992, tr. 483: *Bây giờ chỉ còn lại những đoá hoa hồng, làm cho cảnh sắc thêm vắng vẻ.*

2) Ngô Tất Tố, *Đường thi*, dịch thành thơ (theo Huỳnh Minh Đức, tlđd ): *Trước cung, hoa thắm mấy bông rầu rầu.*

3) Trần Trọng Kim, tlđd, dịch thơ: *Hoa kia vẫn nở đìu hiu cạnh lầu.*

Nguyên tác bài thơ Nguyên Chẩn là chữ Hán. Vậy chúng ta thử xem Hán tộc có "lối nhìn và phân tích" câu thơ *Cung hoa tịch mịch hồng* ra sao.

4) *Đường thi tam bách thủ chú sớ,* Ngô Thiệu Liệt, Chu Nghệ Hiệu điểm; An huy nhân dân xuất bản xã, 1983, tr. 219, ghi :

*cung hoa:* cung trung chi hoa (hoa ở trong cung)

*tịch mịch:* lãnh đạm giã. Xuân cung vô chủ, hoa diệc tịch mịch giã (lạnh nhạt, thờ ơ. Cung mùa xuân không có chủ nhưng hoa cũng vẫn thờ ơ nở).

5) *Đường thi tam bách thủ dịch giải*, Trương Quốc Vinh trứ, Tân Hoa thư cục, Bắc kinh, 1988, tr. 478 :

* phần Chú thích :

tịch mịch : lãnh thanh, cô độc. Theo Hán Việt từ điển, Hầu Hàn Giang chủ biên, Thương vụ ấn thư quán, Bắc kinh, 1994 :

tịch mịch (jìmò) : tịch mịch, tĩnh mịch, buồn tẻ, vắng vẻ.

lãnh thanh (lèngqing) : quạnh quẽ/vắng vẻ.

cô độc (gùdú): trơ trọi, trơ vơ, lẻ loi, cô độc.

* phần Kim dịch :

*Cung trung lục diệp hồng hoa giã cảm đáo tịch mịch;* nghĩa là : Lá xanh hoa đỏ ở trong cung cũng cảm thấy tịch mịch.

* phần Giản tích :

*"Tịch mịch hồng hoa", "bạch đầu cung nữ", hình tượng địa biểu hiện xuất giá chủng thương tang chi biến (*"Tịch mịch hồng hoa", "bạch đầu cung nữ" là hình tượng biểu hiện cảnh tang thương biến đổi).

6) *Đường thi tam bách thủ.* Tác giả Phó Lược. Đại Tượng thư cục, Đài loan, Trung Hoa dân quốc ngũ thập nhất niên, tr.160, ghi ở phần Ngữ thể : *Cung lý đích hoa đoá tuy nhiên phát trước hồng sắc, đãn thị hàm hữu thê lương đích cảnh tượng.* (Những đoá hoa trong cung dẫu nở mầu hồng, nhưng vẫn ngầm gây ấn tượng thê lương).

7) *Danh gia giám thưởng. Đường thi đại quan.* Tiêu Địch Phi và ctv., Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1986, tr. 948 : *Thứ cú ám thị hoàn cảnh hoà thời gian, cung trung hồng hoa thịnh khai, chính đương xuân thiên quí tiết.* [Câu (thơ) thứ hai hàm ý chỉ hoàn cảnh và thời gian, hoa đỏ trong cung nở rộ, chính là thời tiết vào buổi đương xuân].

Như thế, cả người Việt lẫn người Tàu khi thưởng ngoạn câu *Cung hoa tịch mịch hồng* đều cùng hiểu giống nhau. Chúng ta không thấy có "lối nhìn và phân tích" nào dị biệt, như Bùi Vĩnh Phúc chủ trương.

Hy vọng người Tây phương có "lối nhìn và phân tích" khác, tôi thử tìm hiểu cách dịch câu thơ bài *Hành Cung* sang tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức. Tôi sẽ chỉ dịch các câu văn tiếng Đức.

8) *A further selection from the Three Hundred Poems of the T'ang Dynasty.* Translated by Soame Jenyns. John Murray, Albemarle Street, London. 1948. p. 78 :

*The palace flowers puth forth their red blooms in silent neglect.*

9) *The Jade Mountain. A Chinese Anthology.* Translated by Witter Bynner. Anchor Books. Garden City, New York. 1964. p.177 :

*Peonies are red, but no one comes to see them...*

10) *The four seasons of T'ang poetry.* John C.H.Wu. Charles E.Tuttle Company. Rutland, Vermont. 1972. p.163 :

*The flowers in utter loneliness blush.*

11) *Select Chinese Verses.* Translated by Herbert A.Giles and Arthur Waley. The Commercial Press. Shanghai. 1934. p.39 và Gems of Chinese Literature. *Verse.* by Herbert A.Giles. 2d edition. Bernard Quaritch. London. 1926. p.165 :

*Save by some few poor lonely flowers...*

12) *Anthology of Chinese Literature from early time to the fourteenth century*. Cyril Birch. Grove Press. New York. 1967. p.279 :

*The gardens blossom red into the silence.*

13) Georgette Jaeger. *Les lettrés chinois. Poètes T'ang et leur milieu*. A la Baconnière. Neuchâtel. 1977. p.293 và *L'anthologie de trois cents poèmes de la dynastie des Tang*. Société des Éditions culturelles internationales. Beijing. 1987. p.149 :

*les fleurs rouges y poussent à l'abandon*

14) Paul Jacob. *Vacances du pouvoir*. ***nrf***. Gallimard. 1983. p.105:

*Dans le palais rougit, seule, une fleur.*

15) Volker Kloepsch. *Der seidene Faden. Gedichte der Tang.Insel.Frankfurt a.Main/Leipzig*. 1991. S.283 :

*Still und einsam tragen die Blumen ihr Rot.*

(Lặng lẽ và trơ vơ, hoa mang sắc đỏ).

16) Volker Kloepsch. *Die Jadesplitter der Dichter*. Brockmeyer. Bochum. 1983. S.175 :

*fur sich allein tragen die Blumen ihr Rot.*

(hoa mang sắc đỏ cho riêng mình mà thôi).

Có lẽ chỉ có Paul Jacob hiểu câu *Cung hoa tịch mịch hồng* khác người khác chút đỉnh. Khác ở chỗ dịch giả người Pháp dùng hoa ở số ít trong khi tất cả các tác giả khác, Việt, Hán, Anh, Bỉ, Mỹ, Đức đều hiểu là có nhiều hoa nở trong cung. Nhưng nhiều hay ít, nở hàng loạt hay nở một đoá, *hoa* vẫn *tịch mịch*. Cho nên câu thơ với ba chữ *tịch mịch hồng*, dù dịch cách nào đi nữa, cũng chỉ có một cách hiểu ý mà thôi. Ít nhất là theo những bản dịch tôi hiện có.❐

*11.07.99*

Đã tái bản hai bộ trường thiên của

Nguyễn Mộng Giác

**mùa biển động**

trọn bộ 65 Mỹ kim, kể cả bưu phí bookrate

**sông côn mùa lũ**

trọn bộ 50 Mỹ kim, kể cả bưu phí bookrate

Thư và chi phiếu gửi về: Diệu Chi K. Nguyễn

PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842 USA Phone: (714) 894-8535

## *Cali như một chốn quê nhà*

TRẦN THẢO LU

*Mười năm khuất mặt xa biền biệt,*
*quên lãng đời vắng bặt tha nhân.*
*Ngày kia con cuốc kêu xao xuyến,*
*truyền âm xưa réo gọi ân cần.*

*Trở lại như một lần hạnh ngộ,*
*lòng khô cháy sém một cơn đau,*
*huyết mạch bỗng bừng cơn sóng dậy,*
*ai từ huyệt lạnh dã chờ nhau?*

*Mười năm dã mịt mờ tâm não,*
*trở lại bên đời ngóng tích xưa.*
*Mút mắt lâu rồi không thấy mặt,*
*ơi người muôn thuở dã về chưa?*

*Ngửa mặt trông mây cười tự tại,*
*dang tay ôm nắng mộng lưng trời,*
*hít thở chút tình xa xỉ cũ,*
*thỏa đời phiêu lãng phỉ rong chơi.*

*Mười năm, chốn cũ không suy suyển,*
*phố người chỉ có bấy nhiêu thôi.*
*Nhà giăng mắc cửi, không hàng xóm.*
*Phố ngợp người qua, lạnh toát đời.*

*Cũng vậy, đường giăng khung lưới nhện,*
*hung hăng cho lắm lụy nơi này,*
*qua mấy trăm cầu không thấy nước,*
*sông điên nào dám chảy qua đây.*

*Trở lại phố xưa, dò lối cũ,*
*còn nghe con dế gọi ân cần,*
*còn nghe nước chảy tràn qua máng,*
*như buổi chiều mưa dứng trói chân.*

*Máng nhện chưa hề giăng lối đi,*
*mà như Lưu Nguyễn lạ đời trần,*
*gõ cửa nhà xưa nghe động tĩnh,*
*âm vang như tiếng gọi tiền thân.*

*Hạnh ngộ không dễ gì bắt được,*
*thì như Trang Tử vỗ bồn ca,*
*cứ ra phố thị tìm manh mối,*
*chốn trần gian đâu cũng là nhà.*

*Nhớ bạn thâm tình, quên chỗ ở,*
*tìm đâu trong ký ức tàn phai,*
*thiên hạ cơ man nào có một,*
*ngu gì sục sạo cõi trần ai.*

*Loanh quanh đỏ mắt không ra lối,*
*biết ngõ nào dẫn tới quê hương.*
*Lang thang thấu đáo thân phiêu bạt,*
*bơ vơ thấm thía phận cùng đường.*

*Mệt mỏi bên đường ngồi dưỡng sức,*
*đốt chút tình cho ấm ngón tay,*
*nhìn theo sợi khói vươn thao thức,*
*như chút quê nhà hiu hắt lay.*

*Lưu vong suốt kiếp chưa hề sợ,*
*sao ngại một làn khói trắng bay.*
*Giang sơn quảng đại, không nơi tựa.*
*Triệu đồng hương, quen không có ai.*

*Mười năm trở lại, thêm vài bữa,*
*an táng cho rồi chuyện thủy chung.*
*Ngày đó quê hương còn bỏ lại,*
*nay sá gì chút đất người dung.*

*Trần Thảo Lư*
*(10/98)*

# Bi kịch một nụ cười

*Nguyễn Hoàng Văn*

*"Tôi là lão tượng Phật Di Lặc. Tác tạo nên tôi là Trương nghệ sĩ, người - với con mắt hơn đời - tin rằng Phật cũng nên chan hoà cùng chúng sinh với nụ cười tươi mãi trên môi và một vành bụng no ấm căng đầy. Đó là ước mơ bình dị nhất của nhân gian về một đời sống an vui và no lành.*

*Nhưng chỉ là một giấc mơ không thành! Nụ cười bình dị và vành bụng no ấm ấy không thể nào lọt nổi cửa thiền khi những bậc mô phạm cứng nhắc với tiêu chuẩn của sự nghiêm trang... Chỉ khi được giao trọng trách tạc tượng Phật Bà nghìn mắt nghìn tay tại chùa Bút Tháp, Trương nghệ sĩ mới kỳ nèo thêm được điều khoản về tôi. Nhưng mộng cũng dở dang. Phật Bà vĩ đại thu hút hết thời gian nên tôi phải bị rút nhỏ, rất nhỏ so với tác phẩm đã mơ ước vẽ vời. Thêm nữa, một quận chúa thích thờ Phật theo kiểu cách đài các cho rằng những kẻ biết cười không bao giờ thích hợp với chốn tôn nghiêm. Bất đắc chí, Trương nghệ sĩ bỏ xứ giang hồ. Và tôi, lão tượng Phật Di Lặc, đành phải trôi nổi theo kiếp lang thang của một nghệ sĩ sinh bất phùng thời. Mãi cho đến khi vĩnh viễn chia tay. Dấu vết của Trương nghệ sĩ, nay tôi vẫn ghi dấu trong người. Đó là chữ "Trương" chạm ngay bên dưới..."*

Đại khái - mạn phép tác giả Phạm Thị Hoài - đó là lời tự bạch của nhân vật chính trong "Chuyện lão tượng Phật Di Lặc và nàng Nậm Mây", chuyện phiêu lưu của một tượng Phật đã ba trăm ba mươi tám tuổi đời.

Đó là một tượng gỗ bất đắc chí. Cái lúc lọt vào bàn tay thô lậu của tay đầu cơ đồ cổ ngoạn. Cái khi rờn rợn châu thân dưới cái nhìn soi mói của gã nghệ nhân chuyên giả mạo quá khứ. Cái lúc "bị" ngự trên ngai thờ của

kẻ vừa đào tường khoét vách thiên hạ vừa mơ tưởng đến Niết Bàn. Rồi cái giây phút tỉnh tại ngắn ngủi ở ngôi chùa thanh bần hay những phúc và hoạ ở Viện Bảo Tàng. Phật Di Lặc cũng có những con người tri kỷ, những khoảnh khắc yên bình trước khi bị vùi thân vào những kiện hàng chu du bốn bể.

"Chuyện lão tượng Phật Di Lặc và nàng Nậm Mây", nghe qua, cứ tưởng như những chuyện về mấy chú lính chì và những công chuá thuỷ tinh của Anderson, viết cho những lứa tuổi bé con. Nhưng đấy lại là chuyện cho người lớn. Qua giọng văn nửa như ởm ờ bởn cợt, nửa như mỉa mai khích bác, *đời phiên lưu* của lão tượng Phật Di Lặc là tấm gương phản chiếu những hoạt cảnh đầy nét bi hài của một xã hội đầy ắp những kẻ *"đến chết còn gian nhưng mộ đạo hơn đứt người tử tế"*. Giữa những hoạt cảnh đó, tượng Phật đã ba trăm ba mươi tám tuổi đời và nàng Nậm Mây chân chất, cũng một pho tượng tuổi đời xấp xỉ bốn thế kỷ, đành phải bó tay: *Đời còn nhố nhăng ta chịu vậy...*

Lão tượng không được chăm chút như một tác phẩm nghệ thuật với ý hướng nhân bản trong đề tài tôn giáo. Càng không được nâng niu như một nhắc nhở về biểu tượng của một niềm tin. Chỉ là món cổ ngoạn ăn đứt ba ký vàng. Đơn giản thế thôi. Ăn đứt ba ký vàng nên được săn đón bằng những hơi thở *"sặc sụa mùi thuốc lào, thịt chó, hơi bia và rượu đế"*. Nên mới trở thành tù nhân của bao lần khoá và cặp mắt soi mói của con chó trung thành. Nên mới lăn lóc trong một xã hội thu nhỏ với bao giá trị chân giả khó lường. Ở đó, những món đồ cổ ngoạn - dấu vết những quá khứ xa xăm và vàng son - bị mô phỏng, bị thay tên, bị lập lờ đánh lận con đen: muốn Khang Hy, có Khang Hy; thích Càn Long, có Càn Long. Quá khứ đã bị mua bán, đầu cơ.

Và thế, một lão tượng Phật Di Lặc của thời mở cửa, một phó bản của hình khối đã sáng tạo hơn ba thế kỷ trước, ra đời. Với một tiểu sử mới đã được tài bồi, Phật Di Lặc bây giờ có chút đỉnh diễm tình lâm ly, có chút màu sắc thời thượng của những ngày mở cửa:

*"Công chuá thương thầm người nghệ sĩ tài hoa. Nhưng mẫu hậu, vì ấm ức với mối duyên đầu bẽ bàng, đã sàm tấu, ngăn trở. Bị lưu đày biệt xứ, Trương nghệ sĩ trao tôi cho người yêu và nàng lại nhờ một bà hoàng người Hoà Lan cất giữ. Cho đến khi lòng hiếu khách của triều đình cạn dần, những quý khách Tây Dương đem tôi về xứ. Chao ôi! Từ đó tôi đành*

*phải lê kiếp lưu vong, trên những địa danh lạ hoắc xứ người.*

*Tôi đã phải trải qua hơn ba thế kỷ lưu đày như thế đến khi ngài.... người Hoà Lan, giám đốc công ty đầu tư..., vốn tha thiết với nền văn hoá Lạc Hồng có dư bốn ngàn năm lịch sử nên đã không quản ngại thì giờ và tài lực để mang tôi trở về chốn cố hương ngàn đời không quên; trả lại xứ sở này một di sản văn hoá vô giá...*

*Và tôi, phó bản của lão tượng Di Lặc, với tiểu sử đã được in thành sử liệu kia, cứ tự hỏi như thế có phải mình đã góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước thời mở cửa hay không khi giúp công ty ngài... thắng một cuộc đấu thầu trị giá hằng trăm triệu đô-la. Tôi, một món quà văn hoá, được họ sử dụng - với sự chỉ vẽ của những con buôn quá khứ đầy xảo quyệt - như một mồi tép để câu lấy cái tôm...*"

Báu vật quốc gia thì bị bán tháo như hàng đồng nát trong khi một món hàng giả lại được cả nước hí hửng đón nhận, như một ân sủng. Báu vật còn phải chen chúc giữa những *"thân lươn bao quản lấm đầu"* để rồi, sau hết, trở thành món đồ trang trí trong nội thất thênh thang ở một miền đất xa lạ...

"Chuyện lão tượng Phật Di Lặc và nàng Nậm Mây" viết về cái thế giới mà ở đó những *"bi kịch be bé xé mãi ra, thành hài kịch vậy."* Thế giới đầy nét bi hài của những cổ vật và xã hội của đám người bao quanh đám cổ vật, nơi muốn *"may ra có chỗ đứng"* thì phải *"nhờ người lăng xê một vai trò thật oách"*. Qua ngòi bút của Phạm Thị Hoài, từ những món cổ vật tìm thấy từ lưu vực sông Hồng cho đến những ngọn Tháp Chiêm Thành, chúng ta liên tưởng đến một xã hội đầy ắp đủ hạng người. Những bộ tịch nghiêm nghị và đài các đã chối bỏ tính nhân bản ở nụ cười Di Lặc. Những quá khứ bị giả mạo và những quá khứ đem ra mua bán. Những kẻ muốn *"khoét vách để vào cõi Niết bàn"*. Những ẩn khuất mờ mịt của dòng đời mà muốn hiểu, chúng ta phải - như lối viết của tác giả - luôn tách qua một bên "mở ngoặc" rồi "đóng ngoặc". Những *"đường đi nước bước của con người"* mà đến cả Phật cũng phải cúi đầu hoài nghi sứ mệnh của chính mình.

*Bi kịch, xé mãi ra thì thành hài kịch.* Đọc "Chuyện lão tượng Phật Di Lặc và nàng Nậm Mây", chúng ta cười những cái cười ươn ướt... Những hài kịch xé mãi ra ấy khiến chúng ta cười. Nhưng, những cái cười ấy, nếu

## *Thơ Hoàng Xuân Sơn*

***Ngày mùa***

*Giấu lụa trong tơ nõn*
*ai ơi*
*giấu lụa trong tơ nõn*
*ngày muà xinh trời ươm mình thon*
*cây lúa mọc*
*ầu ơ*
*ví dầu cây lúa mọc*
*chiều lên chiều lên doài*
*quẩy nắng về thôn.*

***Tiệp dư***

*Cho vừa một khẩu âm là lạ*
*lảnh lót chim kêu dường thơm bay vút*
*hương như hoa bén*
*nhiếp môi hồng ngợi tự tình*
*sắc lèm lẹm mắt cau*
*nắng xiên khoai trưa ngầy ngật*
*ôi đã quên chiều về*
*quên bẵng câu thề.*

gộp lại, nếu nhìn một cách toàn thể, lại là một bi kịch lớn. Dù đã xé ra hàng trăm mảnh, bản chất của bi kịch bao giờ cũng là bi kịch, cái bi kịch khởi sự từ lúc những bộ tịch mô phạm hùa vào vùi dập một nụ cười nhân bản, ngay khi mới vừa cất lên.

Mà hình như bi kịch nào của đời sống cũng khởi thủy từ những bộ tịch mô phạm quá thể như thế...❐

# Gánh

*Trúc Chi*

Chiều chủ nhật, lật phần phụ bản trong một tờ tuần báo nói về sinh hoạt tại mấy tỉnh miền Nam Thái Lan giáp giới Miến Điện, tôi đã để ý đến một bức ảnh nhiều màu sắc, gần giống như sắc màu trong một bức tranh của Gauguin được sáng tác vào cái hồi ông mới sang đảo Tahiti. Một bức ảnh chụp mấy gánh bên vệ đường phố, có hai cậu bé ngồi ăn quà, cháo bún hay mì chi đó, tôi trông không rõ. Bên cạnh là một chiếc xe vận tải cỡ lớn, tối tân, trọng tải có đến mươi mười lăm tấn.

Với người Tây phương, tấm hình bắt được điều họ gọi là màu sắc địa phương. Với tôi, không có chi lạ. Tôi đã từng ngồi chồm hổm bên những cái gánh giống như vậy mà ăn quà một mình: độc lập. Húp xùm xụp không sợ những cái nhìn xoi mói muốn chỉ vẽ cho tôi cách ăn uống cho phải phép nơi công cộng: tự do. Những lúc ấy, nếu bà hàng quen ngày xưa lại sẵn sàng bán chịu cho tôi thêm một tô bún bò nữa vì túi không đủ để làm đến hai tô, tôi cảm thấy mình có hạnh phúc. Đời có những thứ độc lập, tự do và hạnh phúc quả là đơn giản. Khác với cái phức tạp của loại độc lập, tự do, hạnh phúc mà hồi Việt Minh mới "nổi" lên năm 1945, lũ học trò chúng tôi đã chép lên một cách hết sức máy móc ngay trang đầu của những bài luận, bài toán đưa nộp cho thầy, hồi mà nước ta có cái tên mới là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.

Cái tật ăn quà đó, mà người ta cho là cái nghề thứ tư của người con gái trong bài *thìa la thìa lẩy*, cho đến nay tôi vẫn chưa bỏ được. Chưa có nghĩa là không chịu bỏ. Nhưng bây giờ, ăn trong quán, trong tiệm. Ở đây, đốt đuốc cũng không thấy bóng dáng một cái gánh nào cả.

Mấy gánh quà, một phương tiện chuyên chở thô sơ và xưa, bên cạnh chiếc xe vận tải có thể phóng đến 100 cây số một giờ và nhanh hơn nữa, trên những đoạn đường thẳng, rộng và tốt. Người nhiếp ảnh viên quả đã

nắm được cái tương phản sâu sắc giữa đôi vai con người và mã lực của động cơ.

Ngắm mãi tấm hình trên mặt báo, tôi đã nghĩ và hy vọng rằng cùng với tiến bộ kỹ thuật, rồi sẽ có lúc mà chiếc đòn gánh, đôi gióng - ngoài Bắc gọi là *quang* - chỉ còn là một thứ cổ vật như cái cối xay lúa, chiếc xe kéo, cái xe cút-kít bánh gỗ. Chừng vài mươi năm nữa chắc và mong chỉ còn được thấy những thứ đó trong một tấm hình hoặc may ra, trong một viện bảo tàng. Trừ một số gánh đã đi vào ngôn ngữ, vào văn chương, vào văn học. Tôi muốn nói đến những cái gánh trừu tượng trong lòng người Việt.

Người con gái thời trước, đi lấy chồng là *gánh vác giang sơn nhà chồng*, nhất là khi người chồng lại là con trưởng. Trong những đại gia đình túm tụm với nhau trong một xóm, một làng, đã từng có biết bao là tấm nhan sắc đã phôi pha, đã héo úa ngay từ lúc đời chưa sang thu, chỉ vì trọng lượng của cái gánh mà họ không quẩy đi đâu cả, nhưng mà họ phải chịu đựng với cả tấm lòng hy sinh, đức nhẫn nhục, trong nhiều trường hợp còn trộn thêm bao nhiêu là tủi nhục, của một người vợ xứng đáng với tiêu chuẩn vợ hiền đời trước. Gánh cho đến ngày kiếm được một người đâu thay thế cho mình, có khi gánh cho đến chết.

Nhưng mà, cũng có một người con gái Việt Nam, một lần đã được trao cho một cái gánh mà tôi nghĩ rằng nó hết sức nhẹ. Câu chuyện thuộc kiến thức phổ thông, ai cũng biết cả rồi, trong những giai thoại về cuộc sống ngang tàng, cuộc đời ngất ngưởng đầy thăng trầm vinh nhục của Nguyễn Công Trứ. Ai cũng biết cả rồi, nhưng tôi chỉ thuật lại với mục đích dẫn chứng cho cái gánh nhẹ mà tôi vừa nhắc đến. Không thì lại mắc phải cái tội ngoa ngôn.

Thầy khóa Trứ, thủa còn hàn vi, một ngày đẹp trời, giữa một cánh đồng tại tỉnh Nghệ, tình cờ gặp lại một cô đầu mà thầy cũng đã từng quen biết. Dĩ nhiên là có câu chuyện thăm hỏi ở giữa đường. Không những chỉ có lời hỏi thăm sức khỏe mà sau đó hai người còn "sinh hoạt" với nhau nữa. Sinh hoạt như thế nào, không thấy sách vở nói đến. Hoặc giả có mà tôi chưa được xem.Trong khi sinh hoạt, người ca cơ ấy không cất tiếng ngâm, không buông tiếng hát, mà chỉ buột ra một tiếng "ư...ư" (một âm kéo dài), thuộc vào loại tiếng tượng thanh, dùng để tả tiếng rên, mà không phải loại rên rỉ vì đau đớn, đau khổ. Sách vở ghi thành hai âm "ứ hự". Rồi thôi, tạm dứt mối duyên bèo nước.

Về sau, khi đã hiển đạt, Nguyễn Công Trứ, vốn nặng nợ với giới cầm ca, thường vẫn mời những giọng hát nổi tiếng đương thời đến để mà thưởng thức tài nghệ của họ. Duyên nợ ra sao mà cô đầu khuyết danh nọ

lại là một trong những người có mặt trong một buổi nghe hát. Chắc là cả một đời quẩy gánh đi hát từ tỉnh này sang tỉnh kia, gió bụi của suối đèo, của ngày tháng đã để lại nhiều dấu vết trên gương mặt của người ca cơ ấy, nên Nguyễn Công Trứ không nhận ra cố nhân. Bực mình, cô mới ứng khẩu mà cất tiếng ngâm hai câu mưỡu đầu cho một bài hát nói. Ngâm rằng:

*Giang sơn một gánh giữa đồng*
*Thuyền quyên "ứ hự" anh hùng nhớ chăng?*

Tiếng ngâm vừa dứt, thì ông nhận ngay ra người cũ. Bèn lấy cô về làm thiếp. (Chữ *bèn* này lợi hại thiệt. Mãi đến bây giờ, ngồi trên đất Mỹ, tôi mới có dịp dùng đến nó.)

Đã đành, *câu thơ nên nghĩa vợ chồng* không thiếu chi trong văn chương, nhất là văn chương của những nhà nho hay chữ mon men đến ngấp nghé những ả xinh đẹp kén chồng. Điều làm tôi thắc mắc ở đây là nghĩa của mấy chữ *giang sơn một gánh*, mà lại là *giữa đồng*. Tôi nghĩ cái gánh giang sơn này là chuyện riêng tư của thầy khóa Trứ và người ca cơ ấy. Không ai đi đâu mà biết được. Người ngoài... muốn hiểu ra sao cũng được. Có một điều tôi dám đoan chắc: là cái gánh này nó nhẹ lắm.

Nó không giống những cái *gánh cương thường* trong lối xuất xử của nhà nho, *gánh tang bồng* chỉ món nợ xã hội của đấng nam nhi, *gánh sơn hà* của người trung quân ái quốc ... vốn cái chứa luân lý đạo đức đời trước. Ai đã nhấc nổi một trong mấy cái gánh đó đều được xem là đã *thành nhân*. (Tôi mượn hai chữ *thành nhân* của ông Nguyễn Thái Học.) Về trách nhiệm và bổn phận của người gánh nó, ai cũng có một ý niệm khá rõ rệt.

Đến như một cái gánh vừa là *giang sơn* vừa là *tình*, man mác mà nặng trĩu trên vai nhà thơ của núi Tản sông Đà thì quả là hiếm có trong văn học nước nhà. Nhưng mà, chúng ta hãy nhìn cái thái độ ung dung, điềm nhiên của con người nghệ sĩ ý thức được cái không-thể-tránh-được khi trót sinh ra với một cái tài mà lại còn vướng víu với chữ tình:

*Giang sơn còn một gánh tình*
*Trời chưa cho nghỉ thì mình cứ đi*
*Bao giờ trời bảo nghỉ đi*
*Giang sơn cất gánh ta thì nghỉ ngơi*

Tản Đà bước vào cuộc chơi nơi nhân thế với một khối tình đa dạng, với thơ với rượu, với nỗi buồn của người bất đắc chí, thất trận trên trường công danh, ôm hận trên đường tình ái. Ông đã từng vác lều chõng đến trường thi, với hy vọng là khi có tên mình trên bảng cử nhân, sẽ lấy được người con gái họ Đỗ ở phố Hàng Bồ, Hà Nội. Nhưng mà việc không thành. Nếu *gánh tình* chung dành cho những gì mà ông đã chấp nhận như

là chuyện dĩ nhiên của cái lụy tài hoa trong bốn câu tôi vừa trích trên đây, ông xem nhẹ bao nhiêu, thì cái gánh tình riêng dành cho người ông yêu dấu lại nặng bấy nhiêu:

*Vì ai nên tớ phải lênh đênh*
*Nặng lắm em ơi một gánh tình*

Không phải là một người khổ hận vì tình, không hạ được chữ *nặng* thần sầu quỷ khốc đó ngay đầu câu thơ. Nó bám sát cuộc đời Tản Đà như bóng theo hình. Một đầu mấu là *nặng*, một đầu mấu là *tình*. Cái đòn gánh đỡ lấy cái tâm sự ấy hẳn phải cong như cây cung.

Mà hai chữ *lênh đênh* của Tản Đà đang đưa tôi về với một nhà thơ đất Bắc, cũng đã từng tuyệt vọng trong một mối tình khác, ở một phố khác tại Hà Nội. Lạc đề rồi! Bởi tôi đang nói chuyện quang gánh, thúng gióng, nhưng mà...ý nó đến thì cứ viết ra đã. Tôi đang nghĩ đến cái *sầu trọn kiếp* của tác giả tập *Mây*:

*Vậy mà tan tác mười năm mộng*
*Có kẻ ra đi chẳng một lời*
*Nửa kiếp lênh đênh dừng phố cũ*
*Một mình trơ với tuổi ba mươi*

Trong khổ thơ trên đây, Vũ Hoàng Chương, không nói đến quang gánh chi, nhưng tôi nghĩ cái ngậm ngùi trong nhiều bài thơ tình khác của ông cũng nặng đến nghìn cân. *Nghìn cân... nghìn cân...* Phải rồi:

*Còng lưng gánh nốt đời lưu lạc*
*Nặng chữu nghìn cân nhớ nước non*

Cái gánh này của anh bạn thơ Cao Tần hình như tôi cũng đã từng cảm thấy trên đôi vai của chính mình, vào những ngày mới chạy loạn đây mà tránh nạn bạo quyền và cường quyền. Từ dạo ấy đến nay, trong cuộc sống cũng có được dăm phút vui nó bù đắp cho những chỗ thiếu thốn khó lấp của đời lưu lạc. Nhưng mà, đôi khi ...nghĩ đến...vẫn còn buồn... Lạ thiệt!

Tôi đang cố nghĩ đến những cái gánh khác rộn ràng hơn, như *gánh hát* Bà Tuần ngoài cửa Đông Ba ở Huế, đến bàn *cờ gánh* vẽ bằng phấn học trò trên sân trường, góc phố, đến cái nực cười oái oăm của *gánh vàng* mà có người đã vô ý đem *đổ sông Ngô*. Nhưng mà ngần ấy các thứ gánh e cũng tạm đủ cho một buổi để cho ngòi bút lang thang trên mặt giấy. (Bút giấy ở đây, tôi dùng theo nghĩa bóng, vì bây giờ đã gần 11 giờ đêm, sáng tác, tối tác gì tôi không biết, nhưng mà tôi đang dùng máy vi tính.)

Mà đàng nào rồi có lẽ tôi cũng phải gửi một cái E-Mail cho tờ tuần báo mà cám ơn tác giả tấm hình trong phần phụ bản. Chả gì thì người ta cũng đã lặn lội đến tận cái thành phố con con này, thành phố Prachuap

Khiri Khan, nơi mà cách đây cũng đã ngoài ba mươi năm, tôi đã tạt vào mà tránh một cơn giông lớn mang theo nó đầy đủ cái cuồng bạo của gió mưa miền nhiệt đới. Đi giữa trời mưa gió, dù là đi xe hơi, dẫu sao thì cũng có cái đẹp lãng mạn của nó. Khổ một nỗi, hôm ấy, trong người hơi ươn, nghe gây gấy lạnh, tôi không muốn để cho cái máu lãng mạn của tôi nó gây ra chứng cảm hàn... nơi đất khách! Nguy hiểm lắm.

Tôi muốn cám ơn nhiếp ảnh gia không quen biết nọ vì nhờ anh/chị mà tôi có được dăm phút suy nghĩ miên man về *cái gánh*. Một cái E-Mail đâu có tốn kém gì, nhanh như điện. Mà không có thì lỡ ra sau này có thể bị trách rằng tôi đã quên mất cái người đã dẫn tôi đến dăm lời phiếm luận trên đây. Tôi không muốn *gánh* lấy cái tiếng một con người ăn ở không có hậu.❐


NHỮNG SÁCH DO
TẠP CHÍ VĂN HỌC XUẤT BẢN

**Những bài văn sử**
Tiểu luận của Tạ Chí Đại Trường
dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

**Viết và Đọc**
Tiểu luận phê bình văn chương
của Trần Hữu Thục (Trần Doãn Nho)
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

**Trong mê cung**
Tập truyện ngắn của Nguyễn Trung Hối
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

**Thiên nga giữa cõi người**
Tập truyện ngắn của Tâm Thanh
Dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Xin liên lạc **Nhà xuất bản Văn Nghệ**
PO Box 2301 Westminster CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761

NGU YÊN

## *Thơ Tôi Thị*

*1.*
*Không tiếc*
*Không muốn*
*Không cầu*
*Chỉ tình nghĩa*
*Thỉnh thoảng buồn thấm thía tử cung*
*Anh bất tỉnh giấc mơ nô bộc*
*Đi bên nhau bóng em hẫng mặt đường*
*Khóc kể*
*Buồn vui*
*Chán hận*
*Thiêu thân vẫn tự thiêu*
*Em thiêu sống cho đời ai sáng*
*Đã hết ước mơ*
*Đã cùng hy vọng*
*Chỉ còn*
*thỉnh thoảng buồn rát tận tử cung*

*Buồn Tử Cung*
*23-6-99*

*2.*
*Sáng dậy nhức đầu*
*Soi gương thấy nỗi sầu mọc gai*
*Thư anh tình ngắn chữ dài*
*Mười trang vắng hoài mong nhau*

*Thức suốt đọc khinh sầu*
*Sáng nhức nhối đầu mọc gai*

*Gai Tình*
*24-6-99*

3.
*Mẹ chồng tặng giò lan*
*Lan chen ngày chật hẹp*
*Lan thừa giờ yểu điệu*
*Em thiếu giờ chăm lo*
*Sáng đi làm sớm*
*Chiều nấu ăn, rửa chén, lau nhà*
*Đêm chăm con học*
*Khuya dật dờ giữ nhịp tim chồng*
*Lan tươi bám gỗ mục*
*Em vui bám tình không dám nghĩ ngày mai*
*Sống ngắn ngày rất dài*
*Tình đậm dễ phai*
*Lan vô tình đu giờ yểu điệu*
*Em tìm đâu ra khoảnh riêng tư*

*Mẹ chồng giận giò lan*
*Lan thiếu người lan héo*
*Em đu người em héo*

*Hạnh Lan*
*25-6-99*

4.
*Em không nói đến tiền*
*như anh nói về thơ*
*Em không nói đến tình*
*như anh nói về đĩ điếm*
*Người nữ nào cũng có vú*
*họ khác nhau*
*Ai cũng có ái tình*
*em khác họ*

*Anh có yêu ai ngoài em không?*
*Hoa mọc ở đâu mọc một chỗ*
*Bướm đậu ở đâu, hỏi trả lời được sao?*
*Vải thưa che mắt em kín*

*Em muốn nói tiền như thơ mà không được*
*Em muốn đi anh mà không xong*
*Đôi khi muốn hỏi bạn gái:*
*-Mầy vừa xấu vừa ngu sao được chồng cưng?*

*Hỏi Mà Chi?*
*26-6-99*

5.
*Anh có biết*
*khi mặt hồ đông đá*
*bên dưới ấm hay lạnh?*
*Em chờ anh nửa đời*
*đủ anh vẫn bên cạnh*
*Xưa em buồn bực*
*Bây giờ thản nhiên mặt hồ đông đá*

*Nhiều đêm thức giấc nhìn trăng*
*Em thích trăng lưỡi liềm*
*Như mắt anh hé nói:*
*-Khuya rồi đừng làm thơ*
*Em biết*
*Mai anh cần dậy sớm*
*Chạy đua với đất trời bảo vệ sức khỏe*
*Em hỏi mắt lưỡi liềm:*
*- Chạy sao hơn số mạng*
*Là tín đồ ngoan đạo, sao sợ về thiên đàng?*

*Em biết*
*Mặt hồ đông đá*
*bên dưới cá vẫn bơi*

*Ký, Đêm Trăng Lưỡi*
*27-6-99*

*6.*
*Lá vàng góp ý niệm thu*
*hay thu ký mệnh lá vàng?*

*Em muôn đời không hiểu*
*Anh muốn biết làm gì tất cả chuyện thế gian?*

*Em chỉ hiểu*
*ngắn*
*mong manh*
*nối lỏng lẻo tình anh*

*30-6-99*

*7.*
*Anh nói*
*Em không biết làm thơ*
*Em nghĩ*
*Em không làm thơ*
*Chỉ như*
*con chim thiệt thòi tự dưng hót*
*đóa hoa dại số tự dưng nở*
*anh lái xe buồn tự dưng hát*
*em, viết*

*Lẽ Thơ*
*30-06-99*

*8.*
*Đi đi*
*Em đưa anh đến nhà đàn bà khác*
*Vào đi*
*Em chờ anh đến sáng mai*
*Vui đi*
*Không có gì trở ngại*
*Ngủ đi*
*Đời ngắn, đêm dài*
*Khi mặt trời mọc*

*Em đón anh về*
*Một ngày nữa lại qua*
*Già thêm một ngày*
*Mau hết*

*Cũng Vậy Thôi*
*1-7-99*
*9.*
*Hôm anh yêu cô gái khác*
*Em biết*
*thản nhiên đau*
*Hôm anh xin lỗi*
*Em hiểu*
*thản nhiên sầu*
*Tòng Chúa, tòng Khổng, tòng con*
*thản nhiên sống*

*Thản Nhiên*
*30-7-99*

*10.*
*Tôi biết chị là thuòng bà*
*Cao thượng mấy vẫn hoa*
*Cam lòng*
*chết vì bốn phận*
*Không cam*
*chồng sống vì thơ*
*Tôi biết chị quần quật chong chóng*
*im lìm bản thảo tự bay*
*Những ngày còn lại*
*Tính bằng áy náy*

*Yêu là mênh mông không dầy sâu thẳm*
*tù hẹp hình trái tim*

*Kết*
*25-7- 99*

# Bỏ mặc con đường

*Hoàng Nga*

Buổi sáng thức dậy, pha cho Đỗ ly cà phê, dẫu đã cố hết sức tập trung, tôi vẫn quên, không bỏ miếng giấy lọc vào bình. Đến lúc nướng miếng bánh mì, tôi lại sơ ý vặn lò lên số lớn nhất. Miếng bánh đen nám. Cháy, thì đúng hơn. Cả gian bếp khét lẹt đến khó chịu. Tôi phải mở máy hút hơi và tất cả các cửa sổ trong bếp ra mặc dầu trời đang mưa rất lớn, những hạt nước lạnh hắt vào đến tận chỗ tôi đứng.

Tôi lặng lẽ ôm vai, co ro đưa mắt ngó con đường vắng lặng người qua lại trước mặt nhà. Mọi thứ chung quanh tôi như không còn hồn sống. Như tất cả đã vỡ vụn, nát bấy ra trong mắt tôi. Hôm qua tôi nói với Nhị tôi phải đi Paris nhìn mặt Lãng lần cuối. Nhị im lặng không nói gì. Mãi một lúc rất lâu sau đó, Nhị mới bảo:

- Để chào vĩnh biệt một người mình yêu thương bao nhiêu năm trong đời thì chẳng có gì sai trái cả. Chỉ có điều tao nghĩ mày nên cẩn thận. Người chết, dẫu sao cũng đã chết, còn người sống dẫu sao cũng cần phải sống...

Trong cơn bối rối của tôi, Nhị đã tế nhị không dám nhắc đến tên của Đỗ, cũng như tên của vợ Lãng. Nhị làm tôi chao lòng. Nhưng sau nhiều giờ xao xác nghĩ suy, cuối cùng tôi gọi lại cho Nhị bảo, tôi không thể không đi. Người chết dầu sao cũng đã chết. Và tôi, dẫu sống cũng như chết rồi. Tôi tất tả đi tìm xếp xin nghỉ vài ngày. Tất tả ra văn phòng đại diện hãng hàng không lấy vé. Và về nhà, chẳng biết mình đang làm điều gì, đúng hay sai, có quá bất công đối với Đỗ như một lần nào đó nửa đùa nửa thật, Nhị chê tôi sống *unfair* , không công bình.

Không công bình! Thật như vậy không? Tôi đã chẳng dám hỏi lại, dù là với Nhị, có thật là tôi không công bình với Đỗ hay chăng. Trước con mắt của mọi người, tôi bao giờ cũng làm tròn tất cả mọi bổn phận của

mình. Tôi chắt chiu gìn giữ từng ly từng tí những thứ vẫn được mệnh danh là hạnh phúc. Tôi cẩn thận từng lời ăn tiếng nói với Đỗ, chăm sóc cho Đỗ từng nếp áo, chiếc khăn mùi soa, từng hạt bụi trên giày... Không phải chỉ lúc có người ngoài mà ngay cả khi chỉ có hai đứa. Chẳng hề có ai phán xét, chẳng hề có ai nghi ngờ chúng tôi sống không vui vẻ với nhau, đồng sàng dị mộng với nhau. Chẳng có ai. Chỉ trừ Nhị. Nhị thấu đáo tận đáy tim tôi, như người thợ lặn biết rõ dưới lòng biển sâu chứa đựng những gì.

Có lần tôi nằm mơ thấy mình bỏ Đỗ, thấy tôi viết để lại cho Đỗ mấy giòng chữ ngắn ngủi, "em đi, để chúng ta bắt đầu một đời sống mới vui vẻ hơn". Trong mơ tôi lúc ấy, chẳng biết tôi đã muốn bỏ Đỗ để bắt đầu với ai, đi đâu; nhưng tôi nhớ rất rõ chuyến máy bay đưa tôi rời xa Đỗ sẽ cất cánh vào lúc chín giờ mười lăm. Và tôi đã đặt tấm giấy với những giòng chữ ấy ngay trên giường ngủ. Đã đóng thật kín các cửa sổ để tờ giấy không bay đi. Trong mơ, tôi đã rất cẩn thận. Cẩn thận đến từng chi tiết vụn vặt hằng ngày. Nhớ từ những thói quen bình thường của Đỗ. Như chiếc cặp sách đi làm về sẽ được dựng trên tủ để giày ngoài hành lang. Thay quần áo ở phòng tắm. Uống một ly nước lạnh ở nhà bếp. Và lâu lắm mới vào phòng ngủ. Ở trong mơ, tôi thấy mình dự định đi lúc chín giờ mười lăm, còn Đỗ thì về nhà lúc tám giờ rưỡi tối. Như vậy, với những thói quen hằng ngày, phải lâu lắm Đỗ mới thấy những giòng chữ cuối cùng tôi để lại. Hôm ấy ở ngoài đời thật, đài truyền hình đưa tin có chuyến bay vừa mới rớt ở Alaska. Tôi nhớ trong mơ tôi cũng đã nghĩ đến chuyện mình có thể tuẫn nạn bất chừng trên đường đi.

Một giấc mơ kỳ lạ. Một giấc mơ làm tôi sợ hãi. Bởi nó ky cóp tất cả những điều vụn vặt hằng ngày. Như một thứ hóa chất được kết tủa cuối đáy ống nghiệm. Nó cưu mang tất cả mọi ý nghĩ nhọc nhằn của tôi ngoài đời. Nó gom nhóm tất cả những ước mơ kín dấu, đầy tối ám và tội lỗi của tôi lại với nhau. Tôi đã "sống" một cách rất thực, trong mơ tôi. Tuy nhiên cũng trong giấc mơ ấy, tôi đã không thấy mình chấp cánh, không thấy mình rời Đỗ mà đi. Tôi đã choàng người thức dậy lúc nửa đêm, giữa tiếng thở đều đặn của chồng ở bên cạnh, giữa tiếng mưa rơi xao xác, gõ lộp độp trên mái nhà kính ngoài phòng khách.

Hôm ấy, đã phải khó khăn lắm, tôi mới bình tâm. Phải khó khăn lắm tôi mới không chồm lên như những cơn sóng dữ ngoài biển khơi. Không tự lật úp khoang thuyền mình xuống giòng sông tội lỗi. Tôi đã phải nhọc nhằn vô cùng mới trở về cái vị trí thường ngày của mình. Tôi có nói với Đỗ tôi gặp một cơn ác mộng.

Lúc đó Đỗ chưa biết tôi đã gặp lại Lãng. Lúc đó tôi cũng chưa biết Lãng bị ung thư. Về sau, khi kể cho Đỗ nghe về tình trạng sức khỏe bấp

bệnh ngặt nghèo của Lãng, mấy lần, tôi nhấp nhổm định nhắc đến cái giấc mơ mà tôi đã gọi là ác mộng, nhưng sau lại thôi. Nhị hay đùa bảo tôi không nên lợi dụng sự vị tha, rộng lượng của Đỗ. Tôi đùa lại:

- Đỗ rộng lượng, vị tha chắc có lẽ tại thấy tình địch của mình đã... hết xíu quách, không biết sẽ về thiên đàng, hay xuống địa ngục bao giờ.

Tôi báo tin Lãng chết với Đỗ bằng một một giọng hết sức bình tĩnh, bằng đôi con mắt ráo hoảnh. Và bằng mọi cách, tôi đã cố gắng hết sức để không gây cho Đỗ cái ý nghĩ là tôi đang muốn thách thức Đỗ. Tôi ngồi đối diện với Đỗ trong phòng ăn, hai tay co vòng quanh chiếc tách trà như vẫn thường làm. Mọi hành động mọi cử chỉ của tôi đều có tính toán, nhưng nếu Đỗ chú ý, chắc có lẽ đã thấy mười ngón run rẩy của tôi. Tôi xin phép Đỗ cho tôi đi Paris, và ngước mắt chờ đợi câu trả lời. Mường tượng, lúc ấy mà Đỗ la lên một tiếng, hay nhiều tiếng, chắc chắn tôi đã đứng tim, nghẹt thở. Nhưng không. Đỗ im giây lâu, rồi Đỗ hỏi Lãng mất khi nào, có đau đớn gì lắm không. Cuối cùng, Đỗ nhẹ giọng hỏi, "em đi bao nhiêu ngày". Thật sự, chính ngay lúc ấy, tôi gần như đã tàn lụi hẳn, không còn chút sinh khí nào trên người. Thật sự, tôi chỉ muốn sụp xuống. Chẳng phải chỉ vì cái chết của Lãng, chẳng chỉ vì hành động, ứng xử quân tử của Đỗ; mà sự căng thẳng làm tôi tàn hơi, kiệt lực.

Tôi có cảm tưởng cả Đỗ lẫn tôi đều đang ráng hết sức mình để coi như chuyện Lãng qua đời, chuyện tôi đi Paris chào vĩnh biệt Lãng cũng bình thường như mọi bình thường khác xảy ra hằng ngày trong đời sống. Và tôi cũng nhận ra, cả hai chúng tôi đều biết mình giống hệt như những *mummies* vừa được khai quật từ các ngôi mộ cổ, gặp không khí, gặp gió mạnh, là có thể tan ra thành bụi cát. Đỗ đã cố gắng để không tỏ ra mình nhỏ nhen ích kỷ. Còn tôi đã cẩn thận, e dè để không làm lộ ra sự trơ trẽn của mình. Cả hai chúng tôi đều cân nhắc kỹ lưỡng từng tia mắt nhìn, từng nụ cười, cái cau mày, nhăn mặt, đến một tiếng ho, tằng hắng.

Đỗ hỏi tôi qua loa thêm vài điều, dặn dò sơ sài thêm vài điều, rồi chúng tôi ngồi yên với nhau, giữa bầu không khí trầm trầm, lặng lẽ. Sau đó Đỗ giúp tôi dọn bàn ăn xuống bếp. Bình thường như mọi ngày. Như chúng tôi vẫn làm trong nhiều năm chung sống với nhau. Nhưng sự nhẫn nại, chịu đựng của Đỗ khiến tôi bàng hoàng. Lúc đi ngang qua Đỗ, tôi đã lo lắng đến sợ hãi. Tôi sợ mình sẽ bật khóc trước mặt chồng. Sợ Đỗ hiểu lầm tôi đang khóc Lãng, dẫu thật sự tôi cũng muốn òa lên những giọt nước mắt xót thương tự nhiên như nhiều người trên cõi đời này vẫn khóc người thân, khóc người yêu.

Sáng hôm sau tôi chọn giờ đi lúc Đỗ chưa ngủ dậy mặc dầu chuyến bay của tôi cất cánh lúc giữa trưa. Trước khi rời nhà, tôi đã ngập ngừng

nhiều lần, muốn viết mấy giòng cám ơn Đỗ, tuy nhiên cuối cùng lại sợ khơi thêm nỗi đau của cả hai, nên chỉ lặng lẽ dọn ly tách điếm tâm cho Đỗ ra bàn. Tôi đã tần ngần đi tới đi lui giữa căn phòng chập choạng ánh đèn vàng, nghĩ đến Lãng bằng nỗi thống khổ, nghĩ đến Đỗ bằng cơn sám hối, mãi sau cùng, mới đi, một mình. Hôm qua tôi từ chối không để cả Nhị tiễn ra phi trường.

Lúc tôi xuống đến con dốc chờ xe bus, trời bắt đầu rớt mưa. Những hạt mưa nhỏ, không đủ thấm ướt mặt đất, nhưng lại tạo ra một không khí ảm đạm. Buồn. Tôi thở dài. Thật tình, tôi chẳng muốn để lòng mình thê lương. Trước đây, tôi đã từng nghĩ đến chuyện Lãng sẽ đi hết đoạn đường, sẽ yên phận của mình như thế này, nhưng chưa bao giờ nghĩ ra cái chuyến đi về miền vĩnh biệt của Lãng lại sầu não đến độ ấy. Vài người hàng xóm đi làm sớm gật đầu chào, hỏi tôi đi nghỉ hè một mình ư, và ở đâu. Tôi trả lời qua loa cho có lệ. Cố hết sức tránh những câu nói có thể làm Đỗ buồn lòng nếu như người hàng xóm tình cờ gặp Đỗ ở đâu đó, nhắc nhớ đến tôi. Lòng tôi nặng xuống. Nỗi xót xa mất Lãng, nỗi mặc cảm tội lỗi đối với Đỗ chồng chéo hỗn loạn trong tâm tư tôi. Tôi ứa nước mắt thương thân và tự biện hộ, tự dối lòng, chỉ lần này nữa thôi, chỉ lần tiễn đưa Lãng về nơi an nghỉ cuối cùng này nữa rồi thôi. Rồi sẽ chẳng bao giờ có lần nào trong đời, con người lãng mạn, ướt át trong tôi trỗi dậy. Sẽ chẳng bao giờ có cuộc tao loạn, đảo chính nào dù chỉ là trong một giấc mơ ngắn ngủi vài phút đồng hồ.

Người tôi mềm rũ xuống. Đầu tôi đau điếng như có ai kéo ngược lại phía sau. Hai mắt mỏi, nhức nhối khó chịu, tôi ngồi bất động hàng giờ trong quán cà phê ở phi trường. Tay không buồn dở một trang báo, giơ không nổi một tách nước lên cao.

Một đêm hoàn toàn không ngủ, một buổi sáng đếm từng giây thời gian chậm chạp, một tiếng rưỡi đồng hồ phất phơ trên máy bay, hai mươi phút não nề trong phòng chờ lấy hành lý, và một tâm tư nhàu nát tang thương, lúc ngồi trên chuyến métro về nhà trọ, tôi như hoàn toàn không còn đủ sức lực để vuốt những giọt nước mắt đang đổ dài ra trên má. Tôi khóc như mưa. Khóc, mà chẳng cần để ý người chung quanh nghĩ sao về mình. Chẳng cần biết những người đàn bà da đen ngồi trước mặt ngơ ngác nhìn, ái ngại. Chẳng cần hay những người đàn ông mắt xanh tóc vàng ở dãy ghế bên kia xót thương ngó.

Tôi mặc kệ trời thành phố Paris không mù sương, không mưa bay. Chuyến xe đưa tôi về quận chín, đến chỗ trọ tồi tàn nằm trên một hí viện cũ, gần Monmartre. Một chỗ trọ do người đàn ông Pháp tốt bụng ngồi cạnh tôi trên máy bay gọi điện thoại đặt giúp sau khi kiên nhẫn đến kiệt

sức nghe thứ tiếng Pháp bồi ghê rợn của tôi. Tôi đã nói với ông, tôi cần một chỗ trọ rẻ, không nhất thiết phải đầy đủ tiện nghi, mà chỉ cần gần trung tâm thành phố, và gần nhà Lãng, nơi tôi nghĩ người ta sẽ làm lễ an táng Lãng trong một thánh đường nào đó.

Tôi úp mặt vào lòng bàn tay, ngồi sụp xuống trên mặt nệm trải tấm chăn màu gạch cũ kỹ, sần sùi những hạt bông xam xám đen. Một mùi ẩm mốc trong căn phòng đưa lên rờn rợn mũi, mà lúc nhận chìa khóa, lúc bước vào căn phòng này, tôi đã mệt rũ rượi đến không để ý gì cả. Tôi lại cố nhủ lòng, dầu gì, dầu gì đi nữa thì Lãng cũng đã chết rồi. Lãng cũng đang nằm ở một nơi nào đó tôi chưa biết, trong nhà quàn hay trong căn phòng đặc biệt của bịnh viện -trời ơi, sao tôi sợ nói đến hai chữ nhà xác quá đỗi! Tôi ngồi im, lặng lẽ ngồi im, những giọt nước mắt khô trên má môi. Tôi nhớ lại trước đây tôi vẫn thường mường tượng Lãng khi về già, chân run gối mỏi, vẫn thường nghĩ đến chứng bịnh nan y Lãng mang trong người, nghĩ đến cả lúc Lãng lìa trần, nhưng không tưởng tượng nổi khi thần chết gọi tên Lãng, tôi sẽ như thế nào...

Vai tôi khẽ rung lên. Trước nay, đâu đó trong những lần suy nghiệm về phần đời kỳ quặc mình đang sống, tôi cũng đã nghĩ đến một cơn đại hồng thủy giận dữ của Đỗ sẽ trút xuống tôi khi Đỗ không còn có thể đựng nổi sự phản bội ngấm ngầm của tôi, tuy nhiên tôi không nghĩ ra, không nhìn thấy mình trong cái tư thế hụt hẫng, vỡ nát này. Trong mơ tôi, mà tôi cũng đã nghĩ tôi sẽ bỏ đi một cách lén lút, cũng chỉ dám để lại cho Đỗ một bức thư; nên trong những tưởng tượng của tôi, tôi đã không đủ can đảm nghĩ đến ngày tôi nghinh phùng một cách quái gỡ trước mặt người đi bên cạnh Lãng nhiều đoạn đường dài, và nữa, đối diện với Đỗ như tối đêm qua. Tôi không biết sau bao nhiêu năm khốn khó giấu quanh giấu quẩn tình cảm mình trước mặt Đỗ, lần này, sau cái chết của Lãng, tôi phơi bày nỗi lòng tôi ra như vậy, Đỗ sẽ cư xử với tôi như thế nào, và ngược lại tôi sẽ cư xử với Đỗ như thế nào. Chẳng biết một trận chiến tranh lạnh, chiến tranh nóng nào đó xảy ra cho chúng tôi hay không.

Tôi gập người nhìn ra ngoài. Từ chỗ tôi ngồi chỉ thấy một phần cửa sổ đóng kín ngôi nhà bên kia đường. Chẳng có trời xanh, chẳng có mây hồng. Tôi thở dài nghĩ đến chuyện phải liên lạc với vợ Lãng để biết một cách chính xác chuyện người ta sẽ chôn cất Lãng ở nơi nào, hành lễ tại đâu, và bao giờ.

Tôi rùng mình, buông bàn tay, mở mắt ra ngước nhìn mình trong tấm gương gắn giữa phòng. Tôi trong gương tiều tụy ngó tôi ngơ ngác bên ngoài. Tôi quá khứ ngó tôi hiện tại. Tôi thiên đàng ngó tôi địa ngục. Và tôi buồn ngó tôi đau. Một cơn mê sảng như chỉ chực chồm lên vây lấy tôi,

hung hãn kéo tôi xuống vực. Tôi nghĩ mãi vẫn không ra một câu để hỏi, để nói với vợ Lãng. Không lẽ tôi không xưng danh. Không lẽ tôi chỉ cầm máy lên, hay xông thẳng đến nhà Lãng, xin phép được tiễn đưa Lãng đến nơi an nghỉ cuối cùng. Không lẽ tôi chỉ chia buồn với vợ Lãng. Suông. Rỗng. Sáo. Như mọi người. Hay không lẽ tôi sẽ gục đầu bên quan tài của Lãng, than vãn về nỗi thống khổ của mình. Hay tôi sẽ ngả lên bờ vai của vợ Lãng nói những lời tạ tội, ăn năn. Tôi tối ám cả mặt mày. Cái tư thế này, cái trường hợp này, bao nhiêu năm qua, tôi đã không hề nghĩ tới, không hề chuẩn bị cho mình.

Tôi mỏi mệt đứng dậy tìm chỗ rửa mặt, nhận ra cái ý định đi gặp mặt Lãng lần cuối của tôi, đang gần như bị phá sản hoàn toàn. Có lẽ đến lúc này, đã là quá trễ để người ta còn để trống nắp quan tài chờ một người thân nào đó của Lãng về nhìn mặt. Để chờ tôi, chắc chắn càng không bao giờ có thể xảy ra. Cổ họng tôi khô quéo lại. Tôi run chân đi về phía bồn nước. Hơi lợm giọng, tôi đứng một lúc rất lâu ngó cái robinet đóng váng vàng xỉn chung quanh, ngó cái kệ tủ màu ngà ở bên cạnh, không dám nhấc bàn tay lên. Nhưng cuối cùng rồi cũng nghiêng mặt vào cho giòng nước xối xả chảy xuống. Nước thấm đến tận cổ tôi. Tôi ướt đẫm như vừa lội dưới sông lên.

Và tôi không biết mình đã đứng với cái tư thế cho đến bao lâu. Mà mãi tới lúc đứng trên hè phố gập ghềnh nhiều chỗ xi măng tróc lở, ngó giòng nước đen ngòm chảy dọc bên lề đường như ở quê nhà, tôi mới tỉnh người. Mới biết mình đã rời căn phòng mốc ẩm đi ra ngoài. Tôi tìm hướng ra trung tâm. Lại trên những chuyến xe bus, rồi métro. Lạ hoắc lạ hươ. Người tôi bềnh bồng trên những bước chân dọc các con phố nhiều hàng quán bán đồ biển của người Hy Lạp, người Thổ, để về Notre Dame rồi ra bờ sông Seine. Tôi đi như một người đi dạo. Tôi đi như một du khách. Mùa này, Paris nhiều du khách. Mùa này, Paris nắng ấm. Mùa này, nếu trời mưa, Paris sẽ có ngay những đôi nhân tình hôn nhau dưới trời mưa, hôn nhau dưới những ngọn đèn đường vàng óng, dưới những chiếc dù xoay tròn, hôn nhau giữa cơn đau của tôi...

Tôi rùng mình. Nhủ thầm, Lãng vừa mới chết cách đây hai hôm. Và tôi bước xuống những bục tam cấp, đứng ngó ra giữa giòng sông. Sau lưng tôi, tiếng kèn saxophone của người đàn ông da đen như muốn xoáy tới trước, lăn tròn vào con nước bằng những bài tấu khá quen thuộc. Đèn hoa giăng sáng rực trên những cây cầu nhiều người qua lại phía bên kia. Chỗ tôi đứng tối đen. Sỏi đá dưới chân không ánh nổi một tia lấp lánh. Chẳng có gì để gợi cho tôi nhớ, mà tôi cứ nghĩ miên man đến giòng Tiền Đường, đến bài hát Đỗ thường nghe đi nghe lại nhiều lần. *Em đi bỏ lại*

*con đường. Bỏ tôi hoang vu và nhỏ bé. Bỏ mặc tay buồn không bàn tay (TCS).* Tôi đưa bàn tay lên ngó những chiếc móng sơn màu gụ, rồi úp kín đôi con mắt. Lát sau lại bỏ xuống, thõng hai bên đùi. Người tôi lạnh ngắt giữa trời thành phố Paris ấm áp. Lòng tôi lạnh ngắt. Thật tình, tôi chẳng biết mình đang làm gì ở nơi đây.

Cuối cùng tôi thả trí tôi về bữa ăn tối Đỗ có thể đang ngồi một mình trong gian bếp trống. Đỗ không có thói quen đi ra ngoài. Không có thói quen đến chỗ bạn bè, một ly bia, một ngụm rượu khi buồn. Cũng không hàng không quán. Nhất là những khi có chuyện bối rối, tôi có cảm tưởng như Đỗ chỉ muốn chiến đấu một mình với nỗi buồn, nỗi hoang mang của mình. Đỗ hay yên lặng nghe một bản nhạc tình, một tấu khúc ngắn, ở chỗ Đỗ vẫn thường ngồi nhìn ra vườn mỗi sáng. Có khi Đỗ đọc một cuốn sách. Đọc đến hết, đến chương cuối cùng. Khi khác, Đỗ làm việc. Mang hồ sơ, giấy tờ từ văn phòng về nhà, loay hoay cho đến tận khuya.

Tôi lắc mạnh đầu, bỏ chỗ đang đứng, đi về phía chân cầu nhiều đèn hoa. Những hình ảnh quen thuộc của Đỗ làm trí óc tôi héo quắt. Tôi thấy mình kỳ cục, quái gỡ. Giờ này, lẽ ra tôi nên dựng cho mình một khuôn mặt, một kiểu tiễn đưa, một lối thành kính nghiêng mình trước linh cữu. Ngày mai, ngày mốt gì đó, mặt đất sẽ khép lại hình hài một con người dính dáng tình cảm với tôi lâu năm, từ thuở thanh tân cho đến quá nửa cuộc đời. Ngày kia, ngày kia nữa, trần gian sẽ chẳng còn bóng dáng một con người từng làm tôi mệt mỏi, từng làm đời sống tôi khốn khó, từng làm tôi ngượng nghịu trong cái bổn phận làm vợ của mình, gượng gạo trong từng câu nói, từng hành vi ứng xử đối với chồng.

Tôi thở dài bước ngang một dãy người hành nghề vẽ chân dung dọc theo bờ sông, và hai bên đường lên cầu. Có người níu tôi lại, quảng cáo. Ba trăm francs cho một bức chân dung. Bằng thứ tiếng Pháp tuyệt hảo, và bằng một thứ tiếng Anh tồi tệ. Tôi quay đầu, cười héo, chê đắt. Lát sau, không hiểu ma quỷ nào đưa đường dẫn lối, gặp một người khác chào mời, tôi lại đứng đớ dừng chân, ngả giá bằng thứ tiếng Pháp tồi tệ gấp ngàn lần người đàn ông chuyên vẽ mặt người. Cuối cùng, mặc cả chán, tôi rời những nhà nghệ sĩ chân cầu, phất phơ lên phố, giật mình, sững sờ hỏi lòng, tôi đang làm cái trò gì thế này.

Mắt tôi hoa lên, nhức nhối cắm trên những ánh đèn vàng rực sáng. Bụng bất thần cồn cào lên một cơn đói. Tôi nhận ra từ sáng đến giờ, tôi chưa hề ăn một thứ gì. Và đồng thời cũng nhận ra mình đang cà rỡn với cuộc đời một cách hết sức lãng nhách, vô duyên. Nhận ra trong khi tôi đã phải chiến đấu kiệt lực với chính mình, với Đỗ, rồi ra sức lặn lội sang bên này, mà cho đến tận bây giờ vẫn chưa biết được Lãng đang nằm đâu,

trong quan tài, hay trong căn phòng đặc biệt tôi vẫn thường không dám gọi đúng cái tên của nó.

Tôi đưa tay ôm lấy phần dưới trái tim, đầu cuống bao tử, bước thấp bước cao, lọt thỏm vào giữa đoàn người đang đứng xem đám thanh niên chơi roller skate trên đường phố. Phía sau lưng tôi một đám khác đang ủng hộ người đàn ông biểu diễn xe đạp. Một đám nữa vỗ tay khen ngợi bốn chàng thanh niên da đen vỗ trống Phi châu. Mùa này Paris đẹp như một giấc mơ. Mùa này trời nóng vừa cho thiên hạ phơi tay trần, áo cánh ra đường. Ngọt ngào vừa cho những vòng tay và những nụ hôn. Tôi hỏi thầm, có mùa nào Paris dành cho một đám táng buồn, một cuộc tình nghiệt ngã, để tôi bước đi mà không xót xa hay chăng.

Tôi lùi lại vài bước. Lóc cóc gõ giày lên mặt đường, đi như đi vào hư vô. Lúc dừng lại, đứng tựa vào một cột đèn, mới hay mình đã vòng trở về con đường cũ, dẫn vào nhà thờ Notre Dame. Tôi ngước mắt ngó lên những cánh cửa vòm bằng nỗi thống khổ cùng tận. Paris vẫn đèn, vẫn hoa, vẫn người qua lại. Vẫn sáng thứ ánh sáng kinh kỳ. Vẫn rộn ràng vũ hội cho người muôn phương. Vẫn diễm lệ muôn màu. Chỉ trừ tôi day lưng vào bóng tối cố nhướng mắt trông về phía tỏa hào quang mà mãi vẫn không tìm thấy thứ ánh sáng nào dành cho mình. Tôi nghẹn ngào thầm nghĩ đến Đỗ với cơn đau quặn tử ở nhà. Người tôi lại như lả ra. Tôi lại bật lên khóc. Tôi rên lên với chính mình, hay là ngày mai tôi sẽ ra ga mua một cái vé xe lửa trở về nhà cùng Đỗ. Sẽ quỳ sập xuống dưới chân Đỗ, như đào hát Bạch Lê diễn vai nữ tướng hàng triều trong các tuồng cải lương Hồ Quảng, mà xin Đỗ những lời thứ tha. Nước mắt tôi đắng chát ứa ra trên mi. Tôi nhớ Đỗ với câu hát. *Em đi bỏ mặc con đường... Bỏ mặc nhân gian, bỏ mặc người. Bỏ xa xôi yêu và gần gũi. Bỏ mặc tôi buồn giữa cuộc vui...*

Tôi hực lên mấy tiếng nấc, không biết mình nên làm gì nữa bây giờ. Tôi nhớ còn bốn ngày nữa mới đến ngày về ghi trong vé máy bay khứ hồi của mình. Và hiện tại, thì vẫn chưa biết Lãng đang nằm ở nơi nào.❐

*Paris 8.99*

TÌM MUA
VĂN HỌC MIỀN NAM
*TRUYỆN 1, TRUYỆN 2, TRUYỆN 3*
biên khảo của VÕ PHIẾN
MỖI TẬP GIÁ 18 MK
VĂN NGHỆ XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

# *Thơ Thanh Hà*

***Trung thu***

*Đêm buông trên bờ tường vôi lở*
*Trời nát nhàu những mái nhà nghiêng*
*Trăng đi đâu vắng mù con ngõ*
*Rằm không trăng trung thu muộn phiền*
*Một góc nhà nhìn ra cửa sổ*
*Rưng rức lòng nhớ ánh trăng xưa*
*Đèn hoa như tưng bừng ngoài phố*
*Tết nơi đây chỉ đoạn nến thừa*
*Xòe que diêm thắp bừng chút lửa*
*Soi bàn tay từng ngón tháng năm*
*Mùa qua đi, thu còn một nửa*
*Nen run mưa tê buốt chỗ nằm*
*Đêm bây giờ tràn vuông cửa tới*
*Tâm dọa dày giữ mối tình đơn*
*Chao lệ nến bập bùng gió thổi*
*Rằm không trăng trung thu tủi hờn.*

***Đôi khi buồn***

*Đôi lúc lòng như một bờ sông*
*Trong chiều mưa lặng lẽ xuôi giòng*
*Đò đơn côi ngoái chèo trở lại*
*Trên bến còn mưa hẹn chờ mong*
*Đôi lúc lòng như một nhành lan*
*Nở không dâu phai sắc chẳng màng*
*Hương thơm tỏa kín dời ẩn dật*
*Ngạo nghễ sầu quanh vườn nhân gian*
*Đôi lúc lòng lại như mù không*
*Đứng mòn câm giữa trời phiêu bồng*
*Chẳng là hoa chẳng là sông vắng*
*Chán chê buồn ngã bệnh cuồng ngông*

*Sài Gòn 6.7.99*

# Nhật ký mùa phượng vĩ

*Ngô Nguyên Dũng*

Rẽ vào khúc quanh, chạy một đỗi, Quế chợt thấy chiếc xe đạp của Chi chao đảo rồi dừng lại. Quế đạp tới cạnh bạn, hỏi dồn:

- Chuyện gì vậy? Mệt à?

Chi xuống xe, mặt ửng nắng đỏ gay, chỉ tay xuống vòng bánh, nhăn nhó:

- Không thấy sao, còn hỏi? Bể bánh rồi.

Quế thở dài, nâng tà áo quạt phơ phất:

- Xui gì đâu. Đi không chịu coi ngày.

Chi gỡ vạt áo ràng ở yên sau, dẫn xe vào bóng mát ven lộ đất, ngó quanh quất. Trưa ngoại thành vắng ngắt. Nắng đổ hừng hực lên đất. Vài thân dừa lão nghiêng bóng xuống mương nước ốm. Xa xa, thấp thoáng đôi ba mái nhà lợp ngói sau chòm cây thưa.

Quế nhíu mày nhìn quanh, giọng ngờ vực:

- Mày đi đúng đường không đó?

Chi liếc bạn, không đáp, lẳng lặng mở túi vải máng ở tay lái, lục lọi lấy ra mảnh giấy, đọc nhỏ:

- Qua khỏi ngã tư Chi Lăng và Lê quang Định, chạy khoảng một cây số, thấy bên phải có tấm bảng ghi "Trại gà Thanh Tâm" thì quẹo vô, chạy thêm chừng năm trăm mét thì tới. Nhà nằm bên trái, có cây cầu gỗ bắc ngang mương, trồng giàn bông giấy tím cạnh cổng sắt sơn xanh... Ờ, cô còn dặn, coi chừng mấy con chó nữa nghe Quế, nó ưa cắn ẩu.

Quế lè lưỡi:

- Phải làm sao đây?

Chi tủm tỉm:

- Cái mặt coi vậy mà sợ chó. Đừng lo, cô biết tụi mình tới thăm trưa nay, bảo sẽ xích chó lại. Thôi, mình đi tiếp, không lẽ đứng đây chịu trận à?

Quế ngập ngừng:

- Còn chiếc xe đạp?

- Dẫn bộ tới nhà cô, rồi tính.

Nói xong, Chi xăng xái đi trước. Quế sửa lại cái hộp nhựa đựng ổ bánh gan cột trong giỏ thiếc, cúi xuống phủi ống quần bám vài bông cỏ may, rồi nối đuôi Chi. Vài cơn gió lướt qua, yếu ớt, không đủ sức thốc đôi tà lụa trắng. Quế hối hận đã để lại nhà chiếc nón rơm. Chung qui chỉ tại Chi. Lúc rời nhà, thấy Quế lăm le trong tay chiếc nón, Chi giẫy nẩy kêu "đô nhà quê". Phải công nhận Quế "quê" hơn Chi. Thuở Chi bắt đầu đi chơi diện váy ngắn thì Quế chỉ dám mặc áo thun cụt tay, quần tây ống 26 là hết cỡ. Lúc Chi đi học sắm áo dài *raglan*, tà *mini* thì Quế vẫn cổ điển với kiểu áo tà ngang ống quyển, thừa hưởng của chị Quỳnh. Quần áo Chi cắt may theo thời trang ca sĩ Pháp từ nguyệt san nhạc trẻ "Salut les Copains". Không có gì lạ, khi Chi thích nghe Francoise Hardy, Sylvie Vartan hay Adamo, trong khi Quế còn rụt rè tìm hiểu thế giới âm nhạc của Khánh Ly với "Diễm xưa" hay Lệ Thu với "Hoài cảm". Vậy mà không hiểu sao, Quế và Chi thân nhau. Có lẽ vì hai đứa cùng thương cô giáo Ri. Cô là Pháp kiều, mang hai dòng máu, phụ trách môn Pháp văn. Tên cô thật ra là Marie Nguyễn, nhưng đám học trò quen miệng gọi "cô Ri". Tàn niên khoá này, cô theo chồng về Pháp. Hôm nay Quế và Chi đến thăm từ giã cô.

Hai cô gái vừa dừng chân bên cầu gỗ thì nghe tiếng chó sủa rân. Cả hai còn ngập ngừng cạnh cổng sắt, dáo dác nhìn vào khu đất lập loè đốm nắng thì thấy bóng người thấp thoáng bên lùm cây đơm bông vàng hực. Tiếp theo là tiếng mắng chó, rồi dáng cô Ri khoan thai bước trên lối đi lót gạch nung. Tóc cô màu nâu đồng, vấn cao. Cô mặc áo bà ba màu trứng sáo, quần sa-teng đen. Trông cô tươi mát như một nhánh ngọc lan ngậm sương mai.

Cô Ri nở cười, bày hàm răng trắng ngọc trai:

- *Bonjour*, chào hai em. Mời hai em vào nhà!

Quế và Chi lí nhí chào đáp, rồi theo chân cô bước vào mà có cảm tưởng như vừa lạc sang cảnh giới khác. Hơi mát êm ả trải ngập cánh vườn um tùm tàn cây đan lá. Lồng nuôi két và chim yến dựng bên gốc mận, cành chi chít bông trắng. Cô Ri chỉ chỗ cho Quế và Chi dựng xe đạp, rồi mời hai cô ra thăm xẻo đất trồng cây kiểng trước nhà mà cô gọi là "vườn Vạn Hạnh" và "hồ Nam Phương". Ba người ngồi dưới tán dù vải trắng, cạnh chiếc bàn con trải khăn nhựa, trông ra hồ nước trồng súng, nuôi cá chép Nhật bản. Đầu hè, súng mãn khai tím ngắt, toả hương thoang thoảng. Quế và Chi mở hộp bánh ra mời cô. Quế hấp bánh gan, còn Chi làm chuối xào dừa. Cô Ri ríu rít khen ngợi tài gia chánh của hai cô học trò cưng, rồi

quày quả vào nhà lấy chén muỗng. Quế lần ra hồ nước con, nghiêng tóc nhìn. Nước lóng bùn trong vắt, thấy tận đáy. Vài con cá chép vẩy vàng đốm đen lờn vờn dưới đám lá xoè rộng. Khi nghe tiếng chân cô trở ra, Quế quay lại, thoáng thấy bên rèm cửa sau lưng cô Ri, một khuôn mặt con trai thụt vội vào. Quế chưa hết thắc mắc thì cô Ri đã cất tiếng:

- Đăng, con trai của cô, bảo để nó dắt xe đạp của em nào ra đầu đường cho họ vá lại.

Chi luống cuống:

- Thưa cô, xe của em. Xui quá, không biết cán nhằm cái gì!

Cô Ri mang ra không những chén muỗng và thức uống, mà còn đặt xuống bàn một tập ảnh lưu niệm và một quyển sổ bìa nẹp kim nhũ. Quế chia bánh, Chi múc chè ra chén. Cả ba vừa ăn vừa ôn lại chuyện cũ. Cô Ri giở mấy trang ảnh chụp toàn lớp trước khi bãi trường từ thuở đệ thất, đám nữ sinh còn lùng thùng trong áo dài trắng, ngực phẳng, tóc kẹp, chân mang guốc; cho tới năm đệ tứ, đệ tam đã biết uốn tóc, diện áo nhấn eo, tà ngắn. Cô Ri chặc lưỡi luôn miệng, dễ thương, chao ôi, dễ thương quá. Cô quay sang Quế, giọng dịu nhiễu:

- Cô nhớ vào dịp phát phần thưởng năm nào, em lên sân khấu hát bài "Ngày tạm biệt", có đứa rơm rớm nước mắt.

Hai má Quế ửng hồng:

- Dạ, năm đệ tứ.

Cô Ri rót nước chanh ra ly, gắp nước đá bỏ vào. Hơi lạnh đọng lệ quanh thành ly. Giọng Chi nặng nặng:

- Cô không thể ở lại với chúng em được sao?

Cô Ri chớp nhẹ mi mắt viền nâu nhạt, chậm lời:

- Không được em ạ. Chồng cô làm việc trong toà lãnh sự Pháp, mà bang giao Việt Pháp đang có nhiều lủng củng, nên chính phủ Pháp triệu ông về. Bổn phận làm vợ... chắc hai em hiểu?

Quế và Chi cùng lượt gật đầu. Cô Ri tiếp giọng:

- Cô cũng muốn sống chết trên phần đất quê ngoại này lắm chứ, nhưng thực tế không cho phép.

Nói tới đó, cô Ri ngập ngừng ngưng tiếng, tươi mặt rút ra hai tấm ảnh đen trắng trao cho Quế và Chi. Ảnh chụp cô Ri thời con gái, tóc dợn sóng, chân mày tỉa lá liễu, tô sáp môi hình trái tim, mắt nhìn mơ màng kiểu đào chớp bóng. Quế trỏ ngón vuốt nhẹ lên mặt ảnh, lòng nhói chút hoài cảm vu vơ. Một thoáng lặng thinh bao trùm. Thời gian đọng lại yên nghỉ.

Cô Ri cầm viết ghi lên mặt sau tấm ảnh vài hàng ưu ái. Hai cô gái quét mắt đọc lướt. Mấy chữ "mùa phượng vĩ 1970" nhập nhoè dâng sóng cảm xúc trong lòng Quế. Cô gái vuốt lại tà áo phủ đùi, dặn dò:

- Cô qua đó, nhớ biên thơ cho chúng em!

Cô Ri gật nhẹ:

- Những lá thơ mà cô sẽ viết gởi hai em, khi cô theo về quê hương chồng, chính là cái tình riêng và cũng là lời cám ơn tới đất nước Việt nam đã dung dưỡng cô bấy lâu.

Rồi cô thấp giọng kể:

- Theo lời má cô thuật lại, cô được sinh ra trong tình huống bất đắc dĩ. Bà mang thai cô sau một cuộc Tây ruồng cách đây hơn hai mươi lăm năm. Cô là đứa trẻ không cha, lớn lên trong tình yêu thương đùm bọc của má và ông bà ngoại. Khi má cô thành hôn, bà gởi cô cho ông bà ngoại nuôi nấng. Càng lớn, cái dòng máu dị chủng trong cô càng rõ nét. Cô tự cảm thấy mình không thuộc về ai, đất nước nào. Tinh thần cô mất thăng bằng. Có lẽ ông bà ngoại cảm thấy được chuyện đó, nên bàn với má, gởi cô lên Sài gòn trọ học trường bà sơ. Cô bắt đầu làm quen với bản sắc quê cha...

Vừa kể, cô Ri vừa lật từng trang ảnh gia đình, chuyền cho Quế và Chi xem. Những tấm ảnh rìa răng cưa, lợt lạt thuốc rửa, trổ đốm dấu thời gian.

- Cô được các sơ rèn luyện ngôn ngữ cùng tinh hoa văn hoá Pháp. Cô sung sướng tiếp nhận, hân hoan hấp thụ lời hay ý đẹp, tràn ngập nhân bản qua văn chương của Hugo, Dumas, Balzac... để hãnh diện vì mình mang trong người dòng máu tuyệt vời đó. Cho tới khi biến cố xảy ra. Con bé ấy học chung lớp với cô, an-nam-mít rặt, vóc dáng nhỏ thó, yếu đuối, lúc nào cũng sụt sịt hen suyễn vì chứng dị ứng kinh niên. Sáng đó, cả lớp vừa đọc xong bài kinh kính mừng thì sơ giám thị bước vào, vẻ mặt nghiêm nghị. Sơ gọi con bé an-nam-mít lên, gằn giọng buộc tội nó là đứa đã lén tô lên vách cầu tiêu hàng chữ "thực dân Pháp, kẻ sát nhân". Con bé không phản đối, chỉ rúm người lại khi bị sơ giám thị quắp cổ, lôi xềnh xệch ra khỏi lớp. Cô đợi tới khuya, khi cả bọn đã ngủ say, mới rón rén tìm sang chỗ con bé nằm, hỏi han. Nó thản nhiên xoay lưng ra chỗ sáng trăng, vạch áo cho cô thấy những lằn roi bầm tím. Cô mếu máo hỏi nó, có đau không? Nó đáp, đau, nhưng không nhỏ giọt nước mắt nào. Từ khi đó cô đâm ra hoài nghi. Cô thấy ra đằng sau tấm phông tô điểm cảnh đời văn minh đẹp đẽ là cái tâm bất lương, đối trá. Nhưng không vì vậy mà cô sanh lòng oán hận quê cha. Bằng cớ là sau khi xong trung học, cô chọn ngành sư phạm, môn chính là Pháp ngữ. Tình cờ, qua lời giới thiệu của một gia đình quen, cô kết tình rồi lập gia đình với một Pháp kiều, nhân viên toà lãnh sự Pháp.

Quế không dám hỏi, cô có hạnh phúc không, vì qua câu chuyện cô vừa kể, Quế mơ hồ cảm nhận có điều gì không êm ả trong đời sống tâm lý của cô Ri.

Chi lảng sang chuyện khác:

- Không khí nơi đây trong lành và yên tĩnh quá.

Cô Ri xoè tay chỉ quanh quất:

- Đâu ai ngờ, chỗ này trước đây chừng hai mươi năm còn là vùng đất hoang nước đọng, đêm còn vẳng tiếng cọp gầm.

Quế to mắt hỏi:

- Qua đó, cô nhớ gì nhiều nhất?

- Nhớ các em và tiếng trống trường mỗi sáng thúc giục, mỗi trưa rộn rã. Nhớ tiếng guốc giòn giã xếp hàng trước cửa lớp. Nhớ những tà áo trắng thẹn thùng tuổi dậy thì đệ tam, đệ nhị. Nhớ hàng phượng vĩ mùa hè nhánh đỏ rưng rưng...

Quế đưa mắt chơm chớp nhìn Chi, ngắt lời:

- Cô Ri, đừng!

Rồi nghẹn ngào quay mặt. Cô Ri mở đôi lòng tay đặt lên bàn cho hai cô học trò úp tay vào, miệng cô cười tươi mà hai mắt long lanh ướt. Cô gắng giữ giọng tự nhiên:

- Hai em có đem ảnh theo lời cô dặn không đó?

Quế và Chi "dạ" nhỏ, rồi moi ví lấy ra tấm ảnh thẻ học sinh. Cô Ri đẩy quyển sổ bìa cứng sang cho Quế, nói:

- Mỗi đứa gắn ảnh vào đây, rồi ghi tên, địa chỉ cùng mấy hàng lưu bút cho cô!

Quế gượng cười, mắt đỏ hoe:

- "Lưu bút ngày xanh" hở cô?

Cô Ri ra giọng văn ho"

- Không phải, "Lưu bút mùa phượng vĩ".

Đôi mắt cô Ri rực lên sau câu nói. Màu mắt cô nâu nhạt, trong suốt, khắc dấu đậm đà trong tâm tưởng Quế.

Mãi gần ba mươi năm sau ngày quê hương thay đổi, trên đất định cư, một hôm bà Quế nhận được một bưu kiện gởi từ Việt nam. Lâu rồi, bà không liên lạc với bạn bè cũ còn ở lại. Giờ đây, tay tần ngần cầm hộp giấy, mắt hối hả đọc tên người gởi, bà Quế không tránh khỏi xúc động. Chi. Bóng ảnh quá khứ thoáng khắc hiện rõ từng nét sắc sảo trong hồi tưởng bà Quế. Cái nắng trưa hôi hổi vùng ngoại thành. Sắc đỏ rưng rưng buồn bã của những chòm phượng vĩ mùa tan trường. Tia mắt soi mói đầy lạc quan của bà giáo mang hai dòng máu như thầm nhắc nhở đám học trò, hãy mạnh dạn dấn thân vào trường đời, nắm lấy cơ hội, tự mình định đoạt lấy tương lai đời mình.

Bà Quế ngồi định tâm bên chiếc bàn con đặt cạnh khung cửa trông ra vườn sau. Đầu trưa, chồng đi làm, con đi học, nhà vắng. Bà lần tay tháo

hộp giấy, nhẹ xô từng cánh cửa hồi ức, bới lại nhúm tro than còn loen ấm. Một trang thơ ngắn của Chi kẹp trong quyển sổ bìa nẹp kim nhũ. "Lưu bút mùa phượng vĩ" của cô Ri. Dòng chữ ẻo lả kiểu gô-tích đã phai. Nẹp kim nhũ đã ố nhám. Rìa giấy lười xười chất cường toan năm tháng.

Chi viết:

"Quế thương,

Chi vừa nhận được kỷ vật này của cô Ri... không phải, của chồng cô ấy từ Pháp gởi sang. Cô Ri của chúng mình đã qua đời ngày ... vừa qua. Chồng cô biên vài dòng văn tắt, trước khi mất, cô dặn ông nhớ gởi quyển "Lưu bút mùa phượng vĩ" cho chúng mình giữ làm kỷ niệm. Chi đọc lại, tinh thần bải hoải mất mấy ngày. Rồi Chi phân tích kỹ, thấy mình vô lý, vì những trang nhật ký của cô Ri ở phần sau quyển lưu bút chứa toàn lời lẽ phấn chấn, đầy nhiệt tâm. Chi gởi sang cho Quế đọc và tin rằng Quế cùng san sẻ quan điểm với mình..."

Bà Quế gấp thơ lại, đặt sang bên. Bà xoè tay mơn vuốt quyển lưu bút, từng trang một. Ảnh của hai cô nữ sinh Quế và Chi vẫn đậm màu hoá học. Miệng cười rạng rỡ. Mắt ngời sáng niềm tin. Thuở đó, tương lai còn là vòm trời rợp hoa mộng. Giờ đây, nhiều ước vọng đã khuất dấu, đã bị thực tế sinh tồn huỷ diệt. Đời sống hữu cơ chỉ còn lại ngần này. Vài tấm ảnh và dúm từ ngữ rập khuôn: "Dù cho ảnh có phai màu..." Có những mẫu mực đã thay đổi. Nhiều đơn vị cân đo giá trị tình nghĩa không còn giống xưa.

Bà Quế lật sang phần nhật ký của cô Ri. Cô viết bằng tiếng Việt, ngôn ngữ mẹ. Bút tích cô nở hoa theo ngón tay bà Quế lướt chậm trên từng mẫu tự, từng chữ, từng hàng, từng phân đoạn. Bà cảm nhận rõ ràng giữa những hàng chữ, hơi ấm nhen lửa từ lòng tay cô Ri truyền sang thân bút gỗ, xuống ngòi thép, tan vào mực, nhỏ ròng ròng lên giấy trắng, như cái vòng sinh hoá vẫn âm thầm vận chuyển, tới muôn đời sau.

"Thật ra, đây không phải là những dòng nhật ký thường tình, mà chỉ là những suy nghĩ vụn vặt của một người luôn bận tâm với những nghịch lý, những phân nửa khác nhau, tôi muốn ghi lại cho các em, những người tuổi trẻ, những đứa học trò tiểu quốc. Dòng máu tiểu quốc này cũng là một nửa phần xác và bản sắc tôi, kỳ lạ thay, vẫn thường vùng dậy đối chọi với nửa kia đầy những toan tính.

...Có những sớm mai trên quê hương chồng, tỉnh giấc, tôi ngỡ ngàng nhận ra mình như kẻ lỡ đường, băn khoăn giữa hai lối. Cứ đứng như thế. Cứ băn khoăn như thế. Không thiết lựa chọn, vì dường như sự chọn lựa

## *CalPERS Long-Term Care Program Reply Card*

**❑YES,** please send me my application kit with details about the CalPERS Long-Term Care Program. I understand the application period ends June 30, 1999.

A005204770
HANH NGUYEN
3415 HARPER ST
OAKLAND CA 94601-3131

My phone number: Day (____) _____ Evening (____) _____

I am a member of: ❑ CalPERS ❑ STRS ❑ Other Public Employer (specify)_____

My status with CalPERS, STRS or other public employer is: ❑ Actively Employed ❑ Retired

I know someone who has required long-term care: ❑ YES ❑ NO

Please send information to my: ❑ Parents ❑ Parents-in-law. Their name and address is:

Name _____

Address _____

City _____ State _____ ZIP code _____

**Mail this reply card today. Or fax toll free: 1-800-200-5511. You can also get application materials by calling toll free: 1-800-216-0551 or by visiting our Web site located at http://www.calpers.ca.gov/ltc.**

LGNR-99(PERS)

PRESORTED FIRST CLASS

US POSTAGE
PAID
CalPERS
LONG-TERM
CARE PROGRAM

S4199

CalPERS

CalPERS Long-Term Care Program
P.O. Box 2410
Chatsworth, CA 91313-9921

DON'T LET THIS CHANCE AT PEACE OF MIND PASS YOU BY.

*Time is running out.*

MAIL TO:

!64943
HANH NGUYEN
3415 HARPER ST
OAKLAND CA 94601-3131

The 1999 application period for the CalPERS Long-Term Care Program ends June 30, 1999. So don't wait until it's too late.

nào cũng sai lẽ. Nơi đây, miền ngoại ô nhiều cây xanh, những sáng chủ nhật yên ả, tôi nghe vọng hồi chuông giáo đường giục giã. Âm thanh khuấy động trí nhớ. Từng lớp kỷ niệm nơi quê mẹ cựa quậy, mạnh dần, rồi gom thành chuỗi chấn động tâm lý, xoi đất, trào thành lệ lửa phỏng da. Tôi nhớ tiếng chèo khua nước tảng sáng ngoài sông thức. Tôi nhớ hương nhang tản mạn trong gian thờ nhà ngoại. Tôi nhớ đốm sao mai lẻ loi đầy tự tin tít tắp nơi chân trời bên kia ruộng nước mênh mông. Tôi nhớ tiếng dép lệch xệch trên nền gạch tàu. Chầm chậm, thơi thả, loanh quanh chái bếp rập rờn ánh hoả lò... Những tiếng động và ảnh sắc ấy là quặng mỏ âm bản tiềm tàng trong tâm thức tôi, như những hồn ma thụ động, yếm thế, yên phận chờ đợi. Cái điều chờ đợi mới đáng quan tâm. Để hoá thân thành dương bản. Để vùng lên đòi lại quyền sống bị tước đoạt. Để nắm lấy bản mệnh. Để chống lại những âm mưu tha hoá.

...Tôi nghĩ nhiều tới đám học trò cũ. Chúng đáng thương quá. Chúng không có cơ hội chọn lựa nào khác ngoài những lầm lẫn của cha ông. Có những điều tế nhị khó nói. Bản thân tôi là điều tế nhị đó, vì tôi là tập hợp của hai bản sắc, thực dân và độc tài phong kiến. Thân nhân bên chồng luôn coi tôi như một di sản của quá trình đi tìm thuộc địa. Tôi ém nhẹm lý do ra đời của tôi. Chỉ là một chuyện rủi ro. Cả chồng tôi cũng không biết chuyện này. Ông là một người da trắng có lương tâm. Mỗi năm vào ngày đầu âm lịch, tôi đều thắp một nén nhang, châm hai ngọn nến, chưng một bình bông, bày một bữa giỗ chay để nhớ tới má, ông bà ngoại và những thân nhân mà kể từ ngày qua đây, tôi không còn liên lạc. Đúng hơn, tôi không muốn, nhất định không muốn. Tôi tự bôi tôi, như một sáng soi gương, tôi cầm khăn thấm một chút nước mắt, một chút máu tươi, giơ lên chầm chậm lau sạch bóng mình. Trong gương chỉ còn lại tấm vách nhẵn thín sau lưng. Trắng toát màu tuyết lạnh. Nhưng vẫn trơ trơ đó cái ý thức trâng tráo những trỏm mắt man rợ. Không bao giờ nhắm.

...Cảm giác ấy tới thật bất ngờ... Không, không thể cho là cảm giác, vì nó không có. Tôi không còn nhận ra tôi. Tôi thấy ra đời sống tâm linh mình chật hẹp, tù túng đến rợn người. Tôi mất lạc thú trong chuyện chăn gối. Chiều chồng, tôi vẫn đáp ứng những nhu cầu thân xác của ông, bằng tâm trạng trơ lạnh. Người da trắng có lương tâm không nhận biết những thay đổi sinh lý trong tôi. Ngay chính tôi cũng không biết, vì khi thể xác tôi giao tiếp ông, não bộ tôi đông cứng, như bị vết chém phân hai. Thoạt đầu, tôi bối rối vô cùng. Nhưng từ từ, tôi biết cái nửa kia trong tôi đang ngọi dậy, bộc phát phản ứng, vì tôi đã nhát nhúa, không tỏ thái độ. Nó buộc tôi lên tiếng.

...Tôi không là cái gì trong xã hội. Tôi tầm thường, nhưng không còn

bình thường như mọi người. Tôi trở thành kẻ đứng bên lề mọi sinh hoạt. Những lá thơ thăm hỏi của vài cô học trò cũ là những cánh tay vạm vỡ nâng tôi dậy, ráp lại những mảnh vỡ tâm lý trong tôi. Quế cho biết có ý định vượt biên sau chính biến 1975. Chi vẫn cố bám lấy Sài gòn. Lời trần tình của em trong thơ cho tôi cảm tưởng, em là thân cây bị cơn lốc thời sự xô ngã. Những cọng rễ yếu vẫn bám đất, tay vẫn níu lấy tờ di chúc tả tơi, tìm tòi đọc lại để vượt thoát, nhưng chữ đã bị mối mọt áo cơm, mưa bão chủ nghĩa gặm nhấm. Không còn gì. Trống không. Quế và Chi đang sống trong một đất nước tự huỷ, vậy mà đã dùng giấy mực vực tôi đứng, lay tôi thức, xốc tôi đi nốt đoạn đời còn lại. Tôi muốn gởi tới hai em lời nhắn nhủ của tôi: Các em hãy nghe bằng tai của các em, hãy thấy bằng mắt của các em, hãy nói bằng ngôn ngữ của các em, hãy nghĩ bằng quan niệm của riêng các em, đừng vì bất cứ lý do nào mà vay mượn của ai khác..."❐

*Dortmund 6.7.1999*

# phân ưu

Được tin buồn nữ ca sĩ

## Thái Hằng

phu nhân của nhạc sĩ Phạm Duy

đã từ trần lúc 5 giờ 30 thứ Bảy 14 tháng Tám năm 1999
tại Thành phố Midway City, tiểu bang California, Hoa Kỳ,
hưởng thọ 73 tuổi.

*Ban Chủ biên Tạp chí Văn Học và tất cả văn hữu cộng tác xin thành kính phân ưu cùng Anh Phạm Duy và gia quyến, cùng cầu chúc linh hồn Chị Thái Hằng sớm tiêu diêu Miền Cực Lạc.*

Ông Bà Võ Phiến, Ông Bà Lê Ngộ Châu, Ông Nghiêm Xuân Hồng, Ông Bà Nguyễn Mộng Giác, Ông Bà Lê Thọ Giáo (Thạch Hãn), Ông Bà Nguyễn Xuân Hoàng, Ông Bà Lê Tất Điều, Ông Bà Vũ Đình Minh (Mai Kim Ngọc), Ông Bà Võ Thắng Tiết (nhà xuất bản Văn Nghệ), Ông Bà Châu văn Thọ (nhà xuất bản Thanh Văn), Ông Bà Nguyễn Khoa Kha (nhà xuất bản Văn Mới), Ông Bà Hoàng Khởi Phong, Ông Bà Trịnh Y Thư, Ông Bà Cao Xuân Huy, Ông Bà Trương Vũ, Ông Bà Nguyễn Minh Đức, Ông Bà Lê Tất Luyện-Thụy Khuê, Ông Bà Nguyễn Khắc Phú, Ông Bà Nguyễn Hiền Tiên (Ngu Yên), Ông Bà Nguyễn Khánh Hòa.

## *Ôm hoa*

LƯU HY LẠC

*gửi ty*

*tay bưng một bụm nắng*
*trời nước thoảng mùi nhang*
*ngửa mặt reo, rạng rỡ*
*mùa xuân mặc áo vàng*

*miệng hứng một chén gió*
*mộng thiếp trôi về ngang*
*trên lời kinh tám hướng*
*ai réo tiếng gọi đò*

*ôm hoa đi lên đồi*
*lần theo khói sương trôi*
*hỏi thăm về quê cũ*
*vọng tiếng đàn xa xôi*

*lững thững dọc bãi sông*
*ở giang đầu mênh mông*
*người giặt lụa ngồi hát*
*ánh mắt dường ngóng trông*

*hư ảo bên kia núi*
*cảnh đời chảy ngược xuôi*
*thân hạt nội mây ngàn*
*ơi sầu nhớ khôn nguôi*

*thân xác anh dã dời*
*giống chuông, gọi khan hơi*
*lên giọng lời giả lã*
*mai về cầu mưa rơi.*

# Nhạt nắng

*Cổ Ngư*

Đánh đến que diêm thứ hai mươi chín thì Ngân đến. Y như trong truyện cổ tích! Nghiêng đầu nhìn tôi, Ngân nheo nheo mắt sau cặp kính cận:

- Anh đợi Ngân lâu không? Tại *métro* có *problème technique*.

Vẫn như ngày xưa, ở Sài Gòn, hơn mười năm trước. Tôi vẫn chờ, táy máy quẹt rồi vứt vung vãi những que diêm cháy ngún quanh chỗ ngồi. Ngân vẫn đến trễ, không bao giờ xin lỗi và viện dẫn ra một cái cớ nào đó, rất là ... không chính đáng! Ngân kéo ghế ngồi xuống bên tôi, mái tóc dài hất qua một bên vai:

- Đừng có quạu! Anh kêu giùm Ngân ly nước cam đi.

- Ngân gọi đi. Thằng bồi liếc ngang liếc dọc anh từ cả tiếng đồng hồ rồi, bây giờ anh gọi, chắc nó không đến đâu!

- Ai biểu anh đã không kêu nước uống, còn xả rác tùm lum làm chi!

Tức cành hông! Ai biểu? Chẳng lẽ bây giờ tôi lại phun ra: anh muốn chờ Ngân ... Nhưng cái cục tự ái đã kịp thời chặn lại ngang cổ. Trời ơi! Hơn mười năm rồi mà Ngân vẫn mãi là một con bé ngang bướng, và tôi, vẫn chưa thoát khỏi những dằn dỗi trẻ con. Bình tĩnh! Bình tĩnh! Gần bốn mươi tuổi đầu, già rồi chứ còn nhỏ nhít gì nữa đâu! Nuốt đánh ực xuống cái cục tự ái, tôi cố dịu giọng, và pha trò:

- Anh hết xu rồi, đợi Ngân đến gọi cà phê để còn trả tiền giùm anh nữa chứ!

Ngân chẳng những không cười mà lại nhìn tôi, cái nhìn thật sâu, rồi chép miệng:

- Anh cứ làm như hồi xưa ...

Hồi xưa của Ngân và tôi không có công chúa với hoàng tử. Chỉ có một con bé học sinh nhỏng nhảnh và một thằng sinh viên kiến trúc nghèo

kiết xác. Cũng không có bà tiên hay ông bụt. Thay vào đó là những thùng quà thơm mùi tư bản mà gia đình con bé nhận được đều đặn mỗi tháng và món tiền thường niên mà anh thằng sinh viên ở trời xa ky cóp chắt chiu từng đồng một để gửi về. Cũng đủ để dệt nên một chuyện tình thơ mộng. Không có lâu đài tráng lệ, chẳng có rừng già âm u. Điểm hẹn mỗi ngày là cái quán cóc ven đường nằm xeo xéo trường Kiến trúc. Thằng sinh viên ngồi đó đốt diêm chờ con bé đến sau giờ tan học.

Thường thì đầu tháng, với chút lương sinh viên còm, hắn đủ sức mỗi ngày bao con bé một ly cam vắt và tự thưởng cho mình hai tách cà phê. Chỉ vừa đúng một tuần. Ba tuần còn lại, con bé thầu hết. Đôi lần hắn dợm muốn bán mười mấy ký gạo và mớ nhu yếu phẩm cho đám con buôn chợ đen để có thêm chút tiền. Ai đời đi cua đào mà lại để cho đào bao! Mất mặt bầu cua thấy mồ! Nhưng rồi nghĩ đến mẹ thức khuya dậy sớm với sạp hàng ngoài chợ, đến con em thèm thuồng một chiếc áo mới, đến ông anh ở xa ngày đi học, tối tối lặn hụp bên đống chén đĩa nhà hàng, chà chà rửa rửa, hắn lại thôi. Mấy thằng bạn thân tán: mày hên, tu mấy kiếp mới vớ được con bồ vừa đẹp người vừa đẹp địa. Lũ xấu bụng trong lớp xì xào: đúng là chuột xa chĩnh gạo, cái mồm nó nhọn hoắt, đào mỏ nghề thiệt! Vân vân và vân vân. Dù được khen hay bị chê, hắn vẫn tức anh ách. Có muốn như thế đâu! Chẳng hiểu có phải nguyên nhân từ cái chuyện ngược đời đó hay không mà hắn đâm ra mẫn cảm, hay dằn dỗi, còn con bé thì càng lúc càng tai quái ngược ngạo, thích châm chọc và lâu lâu tặng cho hắn một cú đau điếng. Vô tình hay cố ý, hắn không cảm nhận ra điều ấy. Hắn đang bận điên, bận khùng, bận cuồng lên vì yêu. Vì ghen. Ghen với đám bạn trai cùng lớp con bé mà hắn đã có lần đụng độ. Ghen với ông thầy dạy văn đẹp trai có giọng nói mê hồn nào đó mà con bé vẫn hay nhắc đến. Và hắn đã bắt đầu lẩm cẩm ghen với thằng bạn cùng lớp ở chung xóm nhà con bé. Đi đâu, hắn cũng sẵn sàng giương lên cặp mắt nghi ngờ, như muốn soi thủng để tìm ra những ý nghĩ tối ám nằm sâu trong óc, trong đầu mấy thằng đàn ông lượn lờ quanh con bé. Còn con bé cứ thản nhiên cười, thản nhiên nói, thản nhiên trêu chọc. Thản nhiên làm cho hắn giận dùng dùng bỏ đi ngày hôm trước và thản nhiên tấp xe đạp vào lề, đặt mông ngồi xà xuống cạnh hắn bên cái bàn xếp thấp lè tè của quán cóc ven đường ngày hôm sau. Con bé đã thản nhiên chi địa, thản nhiên nhìn hắn si, hắn ghen, hắn chờ đợi, hắn quẹt diêm, hắn dằn dỗi như thế đâu được gần hai năm.

Rồi một hôm, con bé đi. Vượt biên. Và thản nhiên gửi lại lời nhắn qua miệng bà chị họ, đại loại: «Hẹn ngày tái ngộ!». Con bé cất bước, phủi tay, để lại sau lưng những tàn tro của cuộc tình vãi tung ra, tứ tán. Hắn cũng rã

ra, nhưng không bay lửng lơ theo gió mà rơi xuống cái hố đặc đen tuyệt vọng. Ở đó lổn nhổn thuốc ngủ và râu ria, tóc tai bờm xờm và áo quần hôi hám. Ở đó, hắn thấy mình nhếch nhác, mặt mày héo hon, mắt mũi ngơ ngác, chân tay lòng thòng như một con ma lai, nhiều lúc muốn rút ruột ra mà chết cho rồi! Cứ như vậy, hắn bềnh bồng trong cơn mê hoảng thừa sống thiếu chết suốt hai tháng trời. Và để cuối cùng nhận ra rằng, con bé không yêu hắn, đến với hắn chỉ với một dụng ý duy nhất là để vui chơi cười cợt. Rồi thôi. Chấm hết. Không, con bé còn muốn để lại những dấu chấm lửng trong hắn với một thùng quà nhận được sau đó khoảng một năm, không địa chỉ người gửi. Rồi lại bặt tin ...

- Rồi anh có tính kêu nước không đây?

Thằng bồi lăm lăm cuốn sổ trong tay đứng kế bên anh cả mười phút rồi kìa!

Câu nói với những chữ cuối đãi dài ngoằng ra của Ngân kéo tôi trở về với hè phố Paris. Ừ, thì một ly cam vắt với một tách cà phê. Tôi nhìn Ngân, chợt liên tưởng đến mấy câu thơ của Trần Mộng Tú:

*Anh bây giờ đã khác*
*Trán đã hằn nếp nhăn*
*Em bây giờ cũng khác*
*Má đã phai sắc hồng ...*

Trán tôi có nhăn thật, nhưng Ngân trước mặt son phấn đằm thắm như đóa hoa mãn khai, làm sao tôi biết em có còn hây hây má hồng như thời con gái? Tôi hỏi Ngân một câu, chẳng ăn nhập gì đến những suy nghĩ trong đầu:

- Ngân hẹn anh đến đây có chuyện gì vậy?

- Bí mật!

- Vừa phải thôi chứ! Trong điện thoại, Ngân nói "bí mật", nghe còn lọt lỗ tai, còn kích thích cái tính tò mò của anh. Chứ đến đây rồi mà còn bí mật nữa, nghĩa là làm sao?

Cũng vẫn cái nheo nheo con mắt trái trêu ngươi. Cũng vẫn cái nghiêng đầu, tóc hàng hàng chảy đổ bên bờ vai phải. Ngân cười cười:

- Làm gì mà dữ vậy? Anh cái tật Trương Phi đánh ... bủm phì phì hoài chưa có bỏ!

Mà tôi nóng thật! Với ai kia, tôi còn kiên nhẫn, chứ với Ngân, câu trước câu sau là máu nóng đã rần rật bốc lên đầu rồi!

- Ngân đã biết vậy sao còn hay chọc tức anh? Ngân nghĩ coi, đã bốn, năm năm không liên lạc, đùng một cái, Ngân gọi đến nhà, đòi gặp mặt gấp. Anh cứ lo lắng trong bụng từ hôm qua đến giờ, không biết có chuyện gì quan trọng, vậy mà Ngân cứ cà rỡn ... Y như là con nít!

- Anh có lớn hơn hồi xưa chút nào không mà đòi ...

Đến mức này nữa thì tôi nghẹn họng. Chẳng lẽ lại đấm tay xuống bàn đánh sầm một cái cho tung tóe ly tách rồi một mạch đứng dậy quay lưng xách xe đi thẳng như ngày xưa? Tợp một cái hết cả cái chất cà phê đắng nghét - lại quên bỏ đường, rõ khổ - tôi dằn mạnh cái tách xuống mặt bàn. Chẳng hiểu cái đường nứt mờ mờ nâu trên nền sứ trắng có dài thêm chút nào không. Mặc kệ! Đang bực mình. Im. Không nói nữa!

- Ngân xin lỗi anh, đừng có giận nữa mà! Ngân muốn gặp để khen truyện ngắn mới viết của anh.

Trời đất ơi! Tôi có nghe lầm không? Ngân mở miệng xin lỗi, và còn nhắc đến những truyện ngắn của tôi?

- Ngân thích nhân vật Ngọc Uyên ...

Tôi chợt đỏ mặt tía tai. Ngân khen, Ngân bỡn cợt, hay Ngân đang mỉa mai tôi đây? Những nhân vật nữ. Của tôi. *Sadique, khinh người, tự mãn, hời hợt, lăng loàn, thù ghét và lợi dụng đàn ông.* Những nhân vật hư cấu ấy là muôn ngàn mảnh nhỏ của chiếc gương vỡ, chiếc gương đã ít nhất một lần soi lấy bóng dáng Ngân. Tôi giật mình tự hỏi, chẳng lẽ mình hèn mọn đến mức đó sao, chẳng lẽ trong vô thức, tôi đã dựng nên trong truyện những người con gái mang hơi hướm của Ngân, để rồi hằn học trả thù, chà đạp và vỗ tay kêu gào đắc thắng. Cái thằng tôi thú tính, cái thằng tôi thù dai như đỉa, cái thằng tôi không biết làm gì hơn là giày vò cái bóng của người mình yêu... Cúi gầm xuống nhìn những vằn vện của mặt bàn giả đá hoa cương, tôi lúng búng đánh trống lảng:

- Sao Ngân biết anh viết lách?

- Tình cờ, thấy tên anh trong mục lục một tờ báo, tò mò mua đọc thử, thích rồi cứ từ đó theo dõi hoài. Mà... Ngân hỏi thiệt, bộ anh giận Ngân lắm hả?

- Tại sao Ngân lại hỏi vậy?

- Ngân nhìn thấy mình trong ngôn từ, trong dáng vẻ và cách cư xử của các nhân vật nữ của anh. Anh giúp Ngân hiểu về mình nhiều hơn, thiệt đó! Nhưng mà, sao Ngân cứ tội tội cho họ. Ngân nghĩ chắc anh giận Ngân lắm nên mới dành cho họ những phần số nghiệt ngã như vậy...

Tránh tia nhìn của Ngân, tôi chống chế. Yếu xìu.

- Ngân đừng có nói bậy. Tại anh theo trường phái *misogyne*, và cứ muốn thắt nút mở nút hoài hoài trong truyện, đâm tiêu mắm tỏi ớt cho thêm phần éo le gay cấn, nên rốt cuộc ... Nhưng mà trong truyện của anh, có thằng đàn ông nào được hạnh phúc trọn vẹn đâu, hay nói đúng hơn, có thằng đàn ông nào hạnh phúc đâu ...

- Anh có đang hạnh phúc không?

Giọng nói của Ngân cho tôi biết, ít ra đây không phải là một lời bỡn cợt. Cũng không phải là một cái bẫy.

- Anh đang có công việc vững chắc. Anh đang yêu quý vợ con anh. Ngân có nghĩ như vậy là anh đang hạnh phúc không?

Ngân chịu đựng cái nhìn của tôi vài giây rồi cúi xuống chớp mắt. Tôi nhìn ra đường. Buổi chiều mùa hè, bảy giờ còn chói nắng. Đại lộ Saint Michel vắng bóng những cô cậu sinh viên trẻ trung nhốn nháo, thay vào đó là khách du lịch từ tứ phương đổ về, lấp đầy chỗ trống. Paris có khi nào mà lại không ồn ào náo động. Những luồng người dời đổi, thay chỗ, chồng chất lên nhau, nhịp nhàng ăn khớp với từng mùa, từng đổi thay của thời tiết, và cả từng biến động. Mà ở đâu chẳng thế. Những chỗ ngồi của Ngân và tôi ngày xưa bên hè phố Sài Gòn chắc hẳn cũng đã có những số phận riêng của chúng. Thay cho Ngân và tôi là những cặp tình nhân khác, những gã sinh viên khác, những cô bé đỏng đảnh khác, những người Sài Gòn hay không-phải-Sài Gòn khác đến, ngồi xuống, gọi nước uống, tâm tình, suy tư, nhìn thiên hạ qua lại, rồi đứng dậy, đi. Hay biết đâu, đã không còn quán hàng, lề đường đã trồng hoa, trồng cỏ, xóa hết những dấu tích của một thời? Tôi chưa có dịp trở về để nhìn lại hè phố cũ. Ngân, hình như cũng vậy. Hiện giờ, chúng tôi đang ngồi đây, biết đâu lại đúng vào vị trí ngày xưa Cung Trầm Tưởng cùng người em gác trọ tóc vàng sợi nhỏ đã đến ngồi tán gẫu, ngắm người ngắm phố, tình tự và hôn nhau... Có lẽ Ngân đã quên, hay không muốn trả lời câu hỏi của tôi. Ngân im lặng. Cái im lặng đồng tình? Cái im lặng phản đối? Hay cái im lặng hoang mang, không biết trả lời sao cho hợp lý? Tôi không để Ngân im lặng lâu hơn.

- Nhưng... Ngân hẹn gặp chỉ để khen truyện của anh thôi sao?

Ngân nhìn tôi, con mắt đăm đắm sau lần kính lóa nắng. Con mắt không nheo, con mắt không cười. Con mắt buốt lạnh như viên đạn đồng đen.

- Ngân mới ra tòa ly dị hôm qua.

Vậy mà tôi đang thiếu điều vỗ ngực tự nhận mình đang hạnh phúc! Đồ tồi! Đồ vô liêm sỉ! Tôi hình dung ngay ra người đàn ông của Ngân. To cao, đẹp trai. Ít ra cũng hơn được tôi ở hai điểm ấy! Chúng tôi gặp nhau ở chợ Tàu. Sau khoảng một giây ngỡ ngàng, Ngân thản nhiên (thản nhiên hay vội vã?) tuôn ra một tràng: đây là chồng em, đây là bạn cũ của em ở Sài Gòn, chị đây hả anh, trời ơi, cháu bé dễ thương quá, mấy tuổi rồi con, anh chị lập gia đình lâu chưa, tụi em mới có một năm, còn là vợ chồng son đó, trời ơi, mừng quá, đúng là trái đất tròn... Tôi thì quay cuồng trong cơn lốc những câu hỏi tối tăm mặt mũi của Ngân. Và tôi cũng không rõ mình đã trả lời ra sao, đã nói những gì. Tôi chỉ nhớ đã giương mắt mở

trừng nhìn người đàn ông của Ngân. Để biết, lần này mình thực sự thua cuộc. Thêm dăm ba câu xã giao, chúng tôi cũng trao đổi được cho nhau số điện thoại, rồi chia tay. Con của tôi cứ léo nhéo suốt ngày hôm ấy: cô Ngân đẹp quá há bố, cô Ngân dễ thương ghê, cho con cục kẹo ngon ơi là ngon! Vợ tôi buồn buồn, uể oải. Tôi biết vợ tôi ghen ngầm khi nhìn thấy cái thần sắc ngẩn ngơ của tôi lúc gặp lại Ngân. Nhưng độ một tuần sau, đâu lại vào đấy. Cũng giống như khi người ta lôi quần áo cũ ra soạn lại để cho hội hồng thập tự, có thể tần ngần mươi mười lăm phút trước một chiếc áo gợi nhớ vài kỷ niệm, rồi khẽ thở dài, gấp lại, bỏ qua một bên, quên đi. Sống quay cuồng vội vã ở chốn này, hiện tại còn không có thì giờ và đầu óc để nhớ, nói gì đến kỷ niệm! Tôi quên bẵng Ngân đi. Số điện thoại ghi vội trong sổ tay nằm yên ở đó. Năm năm cộng với thêm năm năm nữa, con người ta già thêm, chai sạn thêm, những giọt tình cảm dường như cũng khô đi, hóa đá. Tôi cần cù đi làm, yêu vợ, thương con, thỉnh thoảng viết lách lăng nhăng để hưởng cái thú làm ông trời nhỏ, xây dựng rồi đập phá các nhân vật của mình, miệt thị những nhân vật nữ, dằn vặt những nhân vật nam, rồi xoa tay tự đắc nghĩ rằng mình đang hạnh phúc nhất đời trong cái vỏ kén hiện tại. Còn Ngân vẫn chăm chú theo dõi những sinh hoạt của tôi, thầm lặng, ở một góc nào đó của thành phố này. Nhìn sang Ngân, con bé đỏng đảnh tôi yêu điên yêu mê ngày nào, bây giờ ngồi đó, rưng rưng. Thiên hạ, có ai vui vẻ đâu khi lôi nhau ra tòa ly dị. Tôi không muốn đào sâu thêm vào nỗi buồn của Ngân, cũng chẳng muốn buông ra một câu an ủi phải phép. Tôi nắm lấy bàn tay đặt hờ hững trên mặt bàn.

- Anh có thể giúp gì được cho Ngân không ?

Bàn tay Ngân khô cứng. Tôi có cảm tưởng mình đang cầm một bàn tay hình nhân, bằng nhựa, bằng gỗ, bằng kim loại hay bằng một chất nào đó, không phải thịt da con người. Bàn tay vô cảm nằm yên, không phản ứng, không rung động. Và tôi hiểu Ngân không chờ đợi gì ở tôi cả. Như ngày xưa.

- Không. Cám ơn anh. Ngân chỉ muốn báo cho anh biết, vậy thôi!

Tôi bỗng cảm thấy hơi bực mình vì bị mất phương hướng. Và vì không biết phải ứng xử như thế nào. Tôi sẽ nói gì với Ngân bây giờ đây để tiếp tục câu chuyện? Lúng túng xoay xoay cái tách cà phê. Tìm ý.

- Anh còn nhớ anh Nghĩa không?

Nghĩa. Nhớ chứ. Nhưng cứ giả nai. Và mừng vì Ngân mở lối, chuyển câu chuyện sang một hướng khác.

- Nghĩa nào?

- Thì anh Nghĩa học cùng lớp kiến trúc A80 với anh đó!

- À, nhớ rồi. Ở chung xóm với Ngân chứ gì! Hồi đó anh ghen với

nó muốn chết!

- Chuyện cũ rích mà sao anh cứ nhắc lại hoài ! Ngân mới gặp lại ảnh hồi năm ngoái đó.

Nghĩa cũng lưu lạc đến đây à? Mà tại sao không? Tôi nhớ có nghe loáng thoáng đâu đó nó có bà chị du học ở Âu châu từ trước năm bảy mươi lăm. Biết đâu bà chị tốt số và tốt bụng đó đã bảo lãnh cho gia đình nó sang đây? Thì mừng cho nó chứ sao!

- Anh Nghĩa thay đổi nhiều lắm, Ngân nhận không muốn ra!

Tôi mường tượng một Nghĩa «bột», trắng trẻo, nhút nhát của mười mấy năm về trước. Con nhà lành. Lạc lõng đến tội nghiệp giữa cái đám sinh viên kiến trúc quỷ quái chúng tôi. Nhưng lại có nhiều hoa tay và sáng kiến nhất lớp. Nhìn bài vẽ của nó, đứa nào cũng mê. Đâu ra đó. Đủ cả tiêu chuẩn kỹ thuật lẫn nghệ thuật, lại luôn luôn nộp bài đúng ngày. Và điều kỳ lạ nhất mà không đứa nào trong lớp hiểu nổi là chuyện Nghiã đi đến đâu cũng có một lũ đệ tử lớp dưới xúm đen xúm đỏ vào, sẵn sàng làm *nègre* không công, thức ngày thức đêm phụ nó chấm cỏ, kẻ chữ hay tô bóng. Tôi cứ nghĩ giản dị, ừ, thì chắc kiếp trước nó tu đúng đường nên kiếp này được hưởng, miễn nó đừng có xớ rớ đến gần Ngân của tôi là tốt rồi! Nhưng thật ra, Nghĩa hiền và tốt bụng, rất tốt bụng. Trong cái thời buổi khó khăn, khi mà đứa sinh viên kiến trúc nào cũng quý mực như quý máu, quý bút chì như quý xương, Nghĩa sẵn sàng cho bạn bè mượn dụng cụ, và luôn luôn tặng thêm một nụ cười. Vậy mà cũng có đứa ghét, nói xỏ xiên cái đồ đạo đức giả, cái mặt con nhà giàu làm phách... Tôi với Nghĩa, tính ra sau mấy năm học chung, chẳng ơn chẳng oán, chỉ phải tội cái thằng tôi thời đó hay đem cây si tới trồng trước cửa nhà Ngân, thỉnh thoảng lại gặp Nghĩa cười cười đạp xe ngang qua để về nhà ở cuối xóm, đâm ra ghen sảng, cứ canh me theo rình coi lửa gần rơm có bén hay không. Cho tới ngày Ngân đi. Tôi chúi thẳng từ đám mây ngũ sắc xuống đất rắn, không dù, không nịt dây an toàn khi hạ cánh. Và chẳng còn ai để rình, để ghen, để cáu sườn. Như con kỳ nhông, tôi chuyển hẳn từ màu đỏ rần rật sang xanh lè xanh lét, lơ mơ học, lơ mơ chơi, rồi cầm mảnh bằng tốt nghiệp lơ mơ bước vào đời. Tôi quên bẵng Nghĩa đi cùng với ông thầy dạy văn và đám bạn trai cùng lớp của Ngân, như quên đi những phụ tùng nhỏ nhặt, những đôi bông tai *à la mode*, chiếc kẹp tóc ngoại, dây chuyền với thánh giá bằng gỗ, ngón tay út bàn tay trái có đeo nhẫn mặt ngọc đỏ... Quên đi, tôi muốn quên đi, tôi cố quên đi, và quên đi thật. Nhưng xểnh một cái, như lúc này đây, những chi li vụt vặt của bao nhiêu ngày tháng cũ cứ ào ạt đổ về, không cách gì kềm giữ được. Ra tôi vẫn còn nhớ về Ngân nhiều hơn tôi tưởng, nhưng có lẽ là Ngân của Sài Gòn mười mấy

năm trước, không phải là Ngân đang ngồi cùng tôi lúc này, bên hè phố Paris đang dần nhạt nắng.

- Nghĩa lúc này mập ốm thế nào? Ngân mà còn không nhận ra ông hàng xóm cũ, chắc dám có ngày anh đập lộn với thằng bạn xưa học cùng lớp mà không biết lắm à!

- Anh này, lúc nào cũng cà rỡn không hà! Hung hăng con bọ xít vừa vừa thôi chứ, già rồi, coi chừng có ngày đứt gân!

Rồi làm như bị cụt hứng, Ngân im bặt. Tôi phải gợi lại câu hỏi:

- Ngân thấy Nghĩa thay đổi nhiều lắm hả?

- Gần như hoàn toàn, gần như là một người khác trùng tên trùng họ vậy đó! Anh Nghĩa bây giờ chững chạc, ra dáng đàn ông lắm, lại còn có vẻ *playboy* nữa mới lạ chớ!

Nghe như có sự khen ngợi trong giọng nói. Tôi bắt đầu nong nóng hai vành tai và ngưa ngứa ở đầu mũi. Ừ, thì hơn mười năm rồi, thằng con trai nào mà chẳng trở thành đàn ông, chẳng phong trần hơn xưa? Còn Nghiã "bột" hay Nghiã *playboy* thì mắc mớ gì mà Ngân ca tụng hắn trước mặt tôi? Tôi tung liền độc chưởng. Nước trị lửa, mưa trị nắng.

- Còn anh thì sao, có thay đổi nhiều không?

- Không, Ngân thấy anh vẫn vậy. Nói cho đúng ra thì già đi, thường người ta bớt khùng, bớt ngông hơn, phải không?

Ngân nhìn tôi, nụ cười trêu chọc. Như thách thức. Như coi thường độc chưởng đã bị quái chiêu hạ sát ván. Ngân muốn gì ở tôi? Có phải Ngân đem Nghiã ra để làm một thứ thuốc thử, một loại phong vũ biểu dò xét nắng-mưa-tôi? Cứ đùa cợt tôi đi em, cứ hành hạ tôi đi em, năm năm mới có được một lần, đừng bỏ lỡ dịp, uổng lắm!

- Nếu như Ngân nói Ngân yêu anh Nghĩa, anh nghĩ sao?

Quả bom nổ toác. Lá bài lật ngửa. Hay vẫn là một động tác giả? Đối thủ lừa bóng. Mục đích vẫn là để sút vào gôn, ăn điểm, chiến thắng. Nhưng kẻ lừa được hả hê hơn nhiều và kẻ bị lừa cay cú gấp bội. Tôi thận trọng bước vào bãi mìn. Dò dẫm.

- Nghĩa hồi đó dễ thương. Nghĩa bây giờ..., Ngân biết rành hơn anh. Ngân yêu Nghĩa, *pourquoi pas*?

- Nhưng, anh có OK không?

- Anh đâu có phải là bố già hay vú em của Ngân đâu mà gật hay lắc. Vả lại, có gật hay lắc thì cũng vậy thôi, có bao giờ Ngân thèm chiều theo ý anh đâu!

- Còn anh, từ hồi đó tới giờ, anh có chịu nhường Ngân một tiếng nào đâu, toàn là ăn miếng trả miếng không hà!

Giọng nói phụng phịu hờn dỗi. Cái giọng nói mà đáng lẽ tôi phải

được nghe từ ngày xưa, cái thời của con bé nhỏng nhảnh và thằng sinh viên nghèo kiết xác. Nhưng không, đây là lần đầu, lần đầu tôi thấy Ngân yếu ớt, đáng thương. Có phải vì tôi vẫn còn đầy mặc cảm tự ti, có phải vì Ngân mãi mãi thản nhiên, kiêu ngạo, hay vì những khoảng thời gian năm mười năm không gặp dài dặc quá, chúng tôi không ở gần để thấy nhau dần trưởng thành, dần thay đổi, mà vẫn giữ mãi trong trí nhớ những cố tật meo mốc của nhau? Hay, như người ta thường nói, Ngân và tôi khắc khẩu, trong bụng ngọt ngào, nhưng lời nói hễ tuôn ra khỏi miệng thì toàn chua cay chát đắng? Bỗng chốc, tôi quên hết những móng vuốt, những gai nhọn phòng thủ.

- Anh xin lỗi Ngân. Xin lỗi em.

Ngân nhìn tôi, con mắt có những riềm mi ươn ướt. Vì nước mắt hay vì mascara? Không biết. Nhưng tôi chợt nhận ra, cái bóng ma dĩ vãng đã ám ảnh, dằn vặt, đã đè nặng trĩu tâm hồn tôi từ bao năm nay không cách gì trừ giải, bỗng chốc tan biến. Như một cái phẩy tay. Như khói. Như gió. Giây phút này, Ngân có đang ngộ, có đang thay đổi như tôi đang, hay không?

Có tiếng còi xe, hai lần. Ngân đứng vụt dậy.

- Ngân có hẹn, phải đi đây. Anh rán giữ gìn sức khoẻ, và nhớ viết cho đều. Ngân sẽ luôn là độc giả trung thành cuả anh. *Bye*.

Tôi nhìn theo cái dáng hấp tấp của Ngân. Tôi nhìn theo chiếc BMW xám bạc cho đến khi nó biến mất sau góc quẹo trái. Như những dấu tích cuối cùng của Ngân. Như một thùng quà không địa chỉ người gửi.

Mặt trời đã khuất hẳn sau dãy nhà bên kia sông, nhưng những tia nắng leo lét vẫn làm hửng được bầu trời muà hạ còn đang rất xanh. Paris dọn dẹp những bận bịu cuả một ngày vất vả để chuẩn bị những rộn rã cho một đêm hội hoa đăng. Tôi thì không. Tôi còn bận đi tìm những ẩn ngữ mà Ngân đã để lại. Vì người đàn ông ngồi bên Ngân trong xe tóc màu hạt dẻ. Vì đó không phải là Nghĩa.

Tôi bảo đảm. Không phải là Nghĩa.❐

*Paris 12.98*

phương cách thiết thực nhất để giúp cho văn chương hải ngoại phát triển là trở thành độc giả dài hạn của tạp chí Văn Học

# *Thơ Trần thị LaiHồng*

***Lý Ngó Ý***

*từ ngó ý lý mấy câu*
*ví dầu ván đóng nhịp cầu*
*xò tay ngút ngọn ngò dau dáu rầu*
*xuân thì chum chúm chũm cau*
*xuân tầm một nụ biếc mầu mua mau*

***Lý Tơ Vương***

*Không vương mà vấn*
*không quấn mà quít*
*không biết mà quen*
*không đen mà đỏ*

*một gian nhà cỏ*
*đầy ngõ trăng soi*

*không lở mà bồi*
*không lẻ mà đôi*
*không ràng mà buộc*
*không ngược mà xuôi*

*cơ duyên một mối*
*dẫn lối lại gần*

*chung một nong tròn*
*gậm mòn mấy lá*
*chín nhả sợi vàng*
*chung guồng xe tơ*

*nào ai thương ai nhớ*
*ai đợi ai chờ*
*tơ vương một mối xa xưa*
*se săn săn sắt*
*cho vừa tử sinh*

# Ánh đèn viện sách

*Hoàng Liên*

Cài kín cổ chiếc áo len khoác ngoài, Vân thong thả rời lề đường. Một cơn gió lạnh hung hãn ập vào người chị, như muốn xô ngã người đàn bà mảnh khảnh. Suýt soa rùng mình, chị thu người chống lại sức mạnh tàn bạo của đợt gió cuối Đông đang tràn vào từ đại dương. Nền trời bàng bạc mây xám tỏa ánh sáng mờ nhạt xuống thành phố bắt đầu chìm vào màn sương chiều.

Mảnh sân nhỏ lát gạch, mấy bậc cấp thấp và những cây tùng xanh tươi trồng ven sân như nồng nhiệt và thân mật đón chào chị. Những viên gạch đỏ đậm gợi lên một cảm giác ấm áp. Vân nhẹ nhàng đẩy tấm cửa kính lớn. Bên trong căn nhà rộng, không khí càng ấm hơn nữa.

Đi thẳng vào bàn làm việc của cô thư ký, Vân trả lại thư viện mấy cuốn sách đã mượn từ ba tuần trước, rồi đến gần dãy kệ dài kê phía bên trái để rút một cuốn sách nghiên cứu Hiến Pháp Hoa Kỳ. Chị chọn một chiếc bàn ở phía trong, sát tấm cửa kính và ngồi xuống lật một số trang. Trong im lặng, chị nghe rõ tiếng sột soạt của những tờ giấy mỏng phát ra từ những bàn kế cận.

Ngoài ba nhân viên văn phòng – một cô thư ký ngồi ở phía trước mà hai người khác làm việc ở phía sau – trong phòng đọc sách chỉ có tám cô cậu học sinh và vài ba người lớn tuổi đang chăm chú đọc và ghi chép. Căn phòng khá rộng, đủ chỗ cho hai cái bàn tròn lớn giống hệt như bàn ăn trong một nhà hàng Tàu, tám cái bàn dài và vài cái bàn vuông nhỏ vừa đủ cho một người sử dụng. Về phía trái, trên những dãy kệ chạy dài cho đến cuối phòng, những cuốn sách đứng thẳng tắp dưới những hàng chữ lớn ghi rõ các đề mục. Phía bên phải, một căn phòng dài được nối liền thẳng góc với phòng đọc sách chính: đó là nơi dành riêng cho các em nhi đồng và cũng để dùng làm văn phòng. Rõ ràng thư viện có dụng ý phục vụ

những người hiếu học thuộc mọi lứa tuổi.

Từ trên cao, ánh đèn rạng rỡ chiếu xuống: căn nhà thật tươi sáng và ấm cúng. Vân nhớ rằng mỗi lần lái xe trên đại lộ 19, khi đến gần thương xá Stonestown, hễ thấy ánh đèn lấp lánh sau những tấm kính thì biết thư viện đang hoạt động. Chị nhìn ra phía sau: từ lề đường trải dài một mảnh sân khá rộng, cũng lát gạch đỏ. Ở cuối sân, những cây mimosa nở đầy những đám hoa vàng nhạt. Mùa Đông đang tàn và trong không gian bên ngoài, Vân như nghe mùa Xuân đang dần dần chuyển bước.

Thỉnh thoảng, những tiếng động nhỏ rời rạc càng làm tăng thêm sự yên tĩnh của phòng đọc sách: tiếng lật giấy, tiếng kéo ghế nhẹ nhàng trên sàn gỗ và những tiếng nói thì thầm xa vắng. Có lẽ ở giữa lòng đô thị huyên náo này, đây là một trong những nơi mà con người tôn trọng sự yên tĩnh nhất. Tọa lạc trên một mô đất cao của khu gia cư, giữa những biệt thự xinh xắn có vườn hoa và bãi cỏ bao quanh, thư viện nhỏ này phục vụ những cư dân địa phương, những học sinh và sinh viên của vài trường trung học và trường đại học San Francisco State University. Nó không uy nghi và lộng lẫy với lối kiến trúc tân kỳ như Thư Viện Trung Ương, nhưng khiêm tốn, giản dị và thân mật. Dưới những kèo gỗ nâng mái nhà cao lên và nghiêng xuôi xuống, ngôi nhà không có trần, cao lồng lộng và trống trải, gợi Vân nhớ đến một ngôi nhà thờ Tin Lành mà chị đã thấy tại một tỉnh lỵ trên vùng Cao Nguyên Trung Phần. Không khí của viện sách này cũng trang nghiêm, tĩnh lặng như ở một nơi thờ phụng Chúa.

Vào những buổi chiều được về sớm – chị làm việc bán thời gian – trên đường trở về căn phòng chị thuê trong khu vực Ingleside, chị thường ghé vào thư viện này để trả, mượn sách và ngồi lại đọc một vài tạp chí. Nhưng ngoài mục đích ấy, chị còn có dụng ý dừng lại đây để khỏi có mặt ở nhà trước khi Cam, con gái chị đi học về. Chị muốn tránh nỗi cô đơn đè nặng lên tâm trí chị, trong những giờ phút mình phải đối diện với chính mình giữa căn phòng hiu quạnh. Trong mấy tháng gần đây, không ngờ viện sách quen thân này đã trở thành một bến dừng chân giúp cho chị quên đi trong chốc lát những cơn sóng gió đã đổ xuống cuộc đời chị với những đau thương và tang tóc.

... Bữa cơm tối đã chấm dứt. Cam nhanh chóng giúp mẹ rửa chén dĩa, dọn dẹp bàn ăn rồi đem sách vở ra làm bài tập. Nó chăm chỉ và cố gắng rất nhiều. Khá về toán và khoa học, nó phải dành nhiều thời giờ để trau dồi Anh văn. Mặt khác, biết rõ hoàn cảnh của gia đình, nó chấp nhận một cuộc sống giản dị, ăn và mặc thế nào cũng được. Nó ít khi xin Vân mua sắm gì cho riêng nó. Hiểu tâm trạng của mẹ, nó tránh làm phiền mẹ.

Không cần Vân nhắc nhở, hàng ngày, nó giúp mẹ nấu ăn và lau quét nhà cửa. Những lúc nó đùa nghịch với mẹ, Vân nhận thấy nó có ý làm cho mẹ vui. Nó kín đáo cảm thông với mẹ, yêu thương mẹ. Mà chính nó, nó cũng cần được yêu thương.

Vân bất giác thở dài. Chị vừa nhớ lại nỗi ngỡ ngàng và thất vọng của mình khi lần đầu tiên chị đặt chân vào căn phòng này. Nó nguyên là một cái basement được sửa chữa lại, trống trải, lạnh lẽo và như từ lâu không có người ở. Sau khi đón vợ và con ở phi trường San Francisco, Thân đưa thẳng hai mẹ con đến đây. Anh giải thích:

– Điều quan trọng là em và con đã ra khỏi nước và đoàn tụ với anh. Căn nhà này không phải của anh, mà do anh thuê cho em và con. Hãy tạm ở đây. Anh phải ở chỗ khác để tiện việc làm ăn.

Vân ôm lấy Cam, bật khóc. Trong một phút, niềm hân hoan của vợ gặp chồng, con gặp cha đã tan biến mất. Cũng tan biến theo, những ước mơ, những dự định ấp ủ trong những ngày gian khổ ở quê nhà. Một năm trước, Vân đã biết Thân đang sống với một người đàn bà khác. Bây giờ, sau gần mười năm chờ đợi, Vân được chồng bảo lãnh di cư đến vùng đất mới này để thấy chồng bố thí cho một chỗ ở và tiếp tục chung sống với người đàn bà ấy. Nếu biết bị hắt hủi như thế này, Vân đã không đem con qua đây. Mặc dù Thân không chịu nói rõ thêm, lý do "tiện việc làm ăn" mà Thân nêu ra không đứng vững được. Thế rồi, tháng này qua tháng khác, Thân cứ lần lữa hứa hẹn. Cho mãi đến hôm nay, gần hai năm sau khi Vân định cư, tình trạng phi lý vẫn chưa chấm dứt.

Không muốn cho Cam nhận thấy tâm trạng u uất của mình, Vân đứng lên, đến gần cái kệ cao lấy một cuốn sách mà chị cần đọc theo lời khuyên của giáo sư, rồi ngồi xuống chiếc ghế bành ở phòng khách. Chị cố gắng xua đuổi những ý nghĩ buồn nản mới xuất hiện và bám lấy đầu óc chị như những đàn ruồi đen bu quanh những miếng mít nhỏ bày bán dưới một mái tôn tại một ngã tư gần nhà chị ở đường Bùi Hữu Nghĩa, Sài Gòn. Chị tập trung sự chú ý vào trang sách và đánh dấu những điểm quan trọng.

Chị tự nhủ mình phải phấn đấu, phải vươn lên. Tương lai của chị và của Cam tùy thuộc vào nỗ lực của một người đàn bà vừa đi làm để nuôi con vừa đi học để có một nghề nghiệp khả quan. Chị không muốn nhờ vả ai. Vả chăng, chị đã quen kham khổ, quen chịu đựng những thiếu thốn ở quê nhà cho đến ngày ra đi. Thân có giúp đỡ được bao nhiêu đâu, nhất là trong những năm gần đây.

Bỗng có tiếng reo của máy điện thoại. Cam quay đầu lại:

– Chắc là Ba gọi.

Vân nhấc ống nghe lên. Thân hẹn khoảng tám giờ sẽ đến thăm hai mẹ

con. Anh ngập ngừng, muốn nói thêm nữa thì Vân nghe tiếng đàn bà quát lớn:

– Đi ngay đi, đi nhanh lên! Còn cả đống việc chưa làm xong mà không biết lo. Ai gánh cho đây? Cứ ham đến với con vợ già ăn bám ấy mãi!

Tay run run, Vân bỏ ống nghe xuống. Mặt nóng bừng vì cơn giận đột ngột, chị định gọi lại Thân, bảo Thân đừng đến nữa. Nhưng một phút sau, bình tĩnh lại, chị muốn gặp chồng để một lần nữa, yêu cầu Thân có một hành động dứt khoát.

Vân vào phòng ngủ, giúp Cam thay quần áo cho tươm tất. Nó chậm rãi mặc áo, không lộ vẻ náo nức chờ đợi. Hình như hôm nay có phải miễn cưỡng làm một việc mà nó không thích. Nó đã nghe những lời nói độc ác của Xuân chăng? Vừa chải lại mái tóc và tô lại đôi môi với một ống son hồng nhạt, Vân nhớ rằng mình đã có quyết tâm giành lại Thân và chờ đợi Thân đến thăm hai mẹ con.

Có tiếng xe dừng lại ở ngoài, rồi những tiếng gõ cửa rời rạc quen thuộc. Vân mở cửa, đứng qua một bên. Cao gầy, Thân hiện ra trong chiếc áo măng tô dài, tay xách một túi vải xanh. Anh đưa cánh tay trái ôm nhẹ vai Vân rồi dìu chị đi thẳng vào phía trong:

– Em khỏe không? Công việc có bận rộn lắm không? Định đến thăm em tuần trước, nhưng bận quá không đi được.

Vân vừa đáp vừa nhớ đến những lời quát tháo của Xuân chị nghe được trong máy điện thoại. Thân bước nhanh đến gặp Cam, ôm nó vào lòng. Nó biết ba nó yêu thương nó, chăm sóc nó. Lúc ba nó vượt biên một mình, nó mới được tám tháng. Nó cũng muốn có một người cha như những đứa trẻ khác. Nó tin chắc rằng ba nó không bỏ rơi hai mẹ con nó. Giọng nói của Thân nhuốm vẻ thiết tha:

– Con học có giỏi không? Có làm phiền má nhiều không? Con phải nghe lời má dạy dỗ con. Ba có quà cho con đây.

Cúi người xuống, Thân cẩn thận lấy ra từ túi xách một cái quần jean màu xanh nhạt, vài tập vở và những đồ dùng linh tinh: bàn chải và thuốc đánh răng... Cam để ý đến mái tóc đã bắt đầu bạc của ba. Nó thông cảm với ba, nhưng nó không quên rằng người đàn bà đang sống chung với ba nó là một trở ngại lớn cho hạnh phúc của gia đình. Vân lặng lẽ nhìn hai cha con. Chị nhận thấy rõ tình thương của Thân đối với con và chị biết Cam đã đáp ứng tình thương ấy. Nhưng trong lúc này, nó chỉ ngước mắt nhìn Thân, không nói. Vân thong thả nhắc con:

– Ba thương con, lo lắng cho con nhiều, con biết không?

– Con biết lắm.

Và nó ghé vào tai ba, nói rất nhỏ:

– Con cám ơn Ba nhiều lắm.

Nỗi vui mừng sáng lên trên khuôn mặt rạng rỡ của Thân. Anh quay về phía Vân:

– Cam ngoan lắm.

Cam thu gọn những món quà, đem xếp vào phòng ngủ và phòng tắm, rồi trở lại bàn ăn, tiếp tục làm bài. Hai vợ chồng ngồi bên nhau nói về công việc làm ăn, việc học của Vân, trao đổi tin tức mới nhận được từ bên nhà, nhắc đến những người bà con còn bị kẹt lại... Mỗi lần Thân đến thăm, thấy Thân trò chuyện với Cam, có khi đùa nghịch với nó, Vân được an tâm. Trong những giờ phút ấy, Vân không muốn có một cử chỉ, một lời nói làm vẩn đục bầu không khí đầm ấm và niềm vui của sự sum họp. Nhưng chị vẫn không quên được hoàn cảnh trớ trêu của mình đã kéo dài gần hai năm nay. Cũng như nhiều lần gặp gỡ trước, hôm nay những thắc mắc, lo âu, bực dọc lại trở về và thúc giục chị phải nói ra:

– Anh biết đó. Em đã chờ đợi được gặp lại anh gần mười năm ở quê nhà. Em đã sống những ngày cô đơn, nghèo túng, một mình làm lụng vất vả để nuôi mình và nuôi con. Và khi qua đến đây, em vẫn chờ đợi...

Giọng nói của Vân ôn hòa, những câu oán trách nhẹ nhàng như một lời than vãn xa xôi. Thế nhưng Thân nghe xoáy vào lòng anh tất cả những nỗi chua xót đắng cay của người vợ thân yêu. Anh là người có lỗi. Anh đã tạo ra hoàn cảnh khó khăn này, nhưng chính anh cũng muốn chấm dứt nó... Anh thở dài, lặp lại một lời hứa đã cũ:

– Anh rất lấy làm ân hận. Anh cố gắng rất nhiều nhưng chưa tìm được một giải pháp. Năm 1980, sau khi vượt biên, sau khi vượt biên và được định cư ở Mỹ, anh đã lập ngay hồ sơ để bảo lãnh cho em và con. Anh rất mong cho gia đình được đoàn tụ.

– Khi biết được sự liên hệ giữa anh và Xuân, em viết thư cho anh và anh hứa sẽ thu xếp ổn thỏa. Em không ngờ anh đã tính toán trước: thuê nhà cho em và con ở riêng để anh tiếp tục sống chung với Xuân. Anh gạt em ra ngoài, và chỉ lén lút đến thăm như một kẻ ngoại tình. Anh để cho Xuân chiếm lấy địa vị của em và mối tình của đôi vợ chồng chính thức trở thành một mối tình vụng trộm. Cái nghịch cảnh này đến bao giờ mới hạ màn? Em chịu đựng quá lâu rồi, không thể chờ thêm nữa. Anh phải chọn lựa giữa em và Xuân.

Sau một phút lúng túng, Thân ôn tồn giải thích:

– Em hiểu dùm anh. Như em biết, anh có hai con với Xuân, nên khó mà ruồng bỏ Xuân ngay. Hơn nữa, sau khi không còn lãnh trợ cấp của chính phủ, anh nhiều lần bị mất việc Xuân đã giúp đỡ anh sống qua những

ngày thiếu thốn. Cửa tiệm bán máy TV và ra-di-ô là do Xuân bỏ vốn ra một phần lớn và căn nhà anh đang ở là của Xuân. Ngoài ra, còn có những chuyện khó khăn khác.

– Sao anh cứ chần chừ mãi? Anh lấy cô ta không có hôn thú. Anh chỉ cần dứt khoát về đây với em, trả nhà và con lại cho cô ấy.

– Thế còn cái tiệm?

– Anh rút phần vốn của anh ra, rồi chúng mình sẽ tính chuyện làm ăn khác. Đến lúc ấy, anh không còn liên hệ gì với Xuân nữa.

– Em thu xếp như vậy cũng được. Nhưng cửa tiệm đang lúc phát triển, anh không muốn lấy vốn ra. Còn công việc khác thì phải cần một thời gian để tìm kiếm, chứ không thể có ngay được.

Vân không biết Thân có thành thật không. Anh có những vướng mắc nào khác mà không thể nói ra? Hay anh yêu Xuân và không thể dứt tình được? Nhan sắc Xuân chỉ ở mức trung bình, nhưng Xuân còn trẻ và bám riết vào Thân. Cách đây hai tuần, con người đanh đá ấy gọi điện thoại cho Vân, vu khống và xỉ vả Vân với những lời hiểm độc:

– Bà đừng tưởng rằng bà học đại học để có bằng cấp mà sống thoải mái trong xã hội Mỹ này đâu. Mười năm lăn lộn với bọn Cộng Sản, bà làm lụng cực nhọc, quen gian manh, lường gạt, nên con người của bà trở nên khắc khổ, khô cằn, không thích hợp với một người hào hoa như Thân. Tôi biết bà đã ngoại tình với một tên cán bộ. Nó bao bọc bà sống qua ngày. Thân không giúp đỡ bà được vì anh ấy thất nghiệp dài dài. Khi Thân gửi tiền về cho bà, đó là tiền của tôi, bà biết không? Không có tôi thì Thân đã chết đói nhăn răng ra rồi. Bà cũng nên biết thêm: trước khi bà có việc làm, chính tôi bỏ tiền ra thuê căn nhà hiện bà đang ở, chứ Thân thì nghèo xơ xác. Tôi chỉ nói cho bà rõ, chứ tôi không thèm đòi lại những số tiền ấy đâu. Tôi đã cứu vớt Thân ra khỏi vũng lầy, tôi không buông tha anh ta ra để anh ta trở về với bà đâu. Vả lại, tôi không muốn hai đứa con của tôi không có cha. Bà đừng hòng quyến rũ anh ta. Mỗi lần anh ta đến với bà, đều do tôi cho phép, bà biết không? Đừng vô ơn bạc nghĩa. Nếu bà không biết điều, tôi sẽ buộc Thân ly dị với bà.

Ngay từ lúc đầu, Vân đã không muốn nghe những lời nói hàm hồ độc ác của một người đàn bà đang ghen ngược. Nhưng chị vẫn kiên nhẫn tiếp tục theo dõi để biết thâm ý của đối phương, rồi mới bỏ ống nghe xuống, không nói một câu. Xuân xúc phạm đến danh dự của chị. Nhưng đã từ lâu, chị nghĩ rằng mình không nên cãi vã tranh luận với một người lỗ mãng, vô giáo dục như Xuân. Chị bỗng thương hại Thân. Suốt mấy năm, hàng ngày phải chung đụng với một con người xấu xa như thế! Hơn nữa, Vân biết rằng Xuân dùng thế lực đồng tiền để ràng buộc và khống chế

chồng mình. Là một công chức bậc trung của ngành Lao Động, Thân đứng đắn, hiền lành nên những hành động của anh rất dễ bị Xuân chi phối.

Có những đêm dài thao thức một mình – Cam đã đi ngủ từ lâu –, Vân chờ đợi Thân, mặc dù anh không hẹn đến. Nghĩ rằng trong lúc này, Thân đang ôm ấp Xuân, chị vừa ghen vừa tức. Cơn ghen cào cấu tâm can chị. Nỗi tức giận xúi chị làm một hành động táo bạo... Nhưng trong giờ phút này, ngồi cạnh chồng, chị chỉ thản nhiên nói:

– Mọi việc đều do anh định liệu.

Vân đang rửa mặt để chuẩn bị đi ngủ thì có tiếng điện thoại reo. Có việc gì mà Thân gọi trong lúc khuya khoắt này? Chị nghe giọng Xuân nói rất nhanh:

– Anh Thân đột ngột bị bệnh, được đưa vào bệnh viện Saint Mary's.

– Bệnh gì?

– Bệnh ở dạ dày. Chị vào đây ngay đi.

Xuân không nói thêm và cúp máy. Vân xem đồng hồ: 11 giờ 20. Cam đang ngủ say. Chị vội vàng thay quần áo, khoác thêm chiếc măng tô, rồi bước ra ngoài.

Ngồi trước tay lái, Vân suy nghĩ về biến cố vừa xảy ra. Mới hôm kia, Thân có ghé vào thăm hai mẹ con. Anh khỏe mạnh,không có một dấu hiệu đau ốm nào cả. Hay đây là một âm mưu của Xuân? Nếu Xuân hay Thân muốn gặp chị, thì sao lại gọi chị đến một bệnh viện, mà lại vào lúc đêm khuya? Vân không tìm được câu trả lời. Nhưng dù sao, chị phải đến đó gấp.

Vân chạy vội vào phòng cấp cứu. Khi chị tự xưng là vợ của bệnh nhân, cô y tá ngồi ở văn phòng tỏ vẻ ngạc nhiên, nhưng không nói gì. Vân hiểu rằng lúc lập hồ sơ nhập viện, Xuân đã khai cô ta là vợ của Thân. Vân xin vào thăm người bệnh. Cô y tá lịch sự từ chối:

– Rất tiếc không thể thỏa mãn lời yêu cầu của bà, vì ông Lê đang được giải phẫu.

Vân dồn dập hỏi:

– Thế bệnh tình ra sao? Tại sao phải mổ gấp như vậy?

– Bà không biết sao? Ông ấy bị bắn trọng thương ở bụng và ngực.

– Có nguy hiểm lắm không? Đến lúc nào mới mổ xong?

– Cũng chưa biết được. Nếu bà muốn chờ, xin bà cứ tự nhiên ngồi tại phòng đợi ở bên ngoài.

Vân cuống lên, hai bàn tay run run vịn vào tấm gỗ chắn ngang văn phòng:

– Cô có biết tại sao bị bắn không?

– Tôi cũng không rõ. Chỉ thấy một người đàn bà đưa ông ấy vào đây bằng xe 911. Có cả cảnh sát đi theo nữa.

– Chắc là bà Xuân.

– Vâng, đúng tên là Xuân Nguyễn. Bà ấy vừa ở đây ra. Có lẽ đang quanh quẩn ở đâu đó.

Vân cám ơn cô y tá, bước ra ngoài rồi đi dọc theo dãy hành lang dài đảo mắt tìm kiếm. Trong một vài phòng, một số nhân viên đang cặm cụi đọc giấy tờ hoặc bận rộn với những dụng cụ y khoa. Vân không thấy bóng dáng Xuân ở đâu cả. Cô ta đi đâu? Có phải cô ta đợi khi ca mổ kết thúc mới trở lại?

Vân đành quay về phòng đợi, ngồi nhìn ra phía cửa lớn. Vào giờ này, chắc không có bệnh nhân nào đến nữa. Trong im vắng, những nỗi lo âu, thắc mắc như trở nên sâu đậm hơn, sắc cạnh hơn và Vân càng thêm bối rối. Tại sao Thân bị bắn? Vốn hiền hòa, không nói xấu ai, không muốn gây gỗ với ai, cũng không làm chính trị, anh chắc không có những kẻ thù muốn ám sát anh. Mà vết thương có nặng lắm không? Tại sao Xuân nói thác ra là anh bị bệnh dạ dày? Bồn chồn không ngồi yên được, Vân đứng lên, dạo quanh căn phòng, đi hết vòng này đến vòng khác. Thỉnh thoảng, để làm dịu bớt tình trạng căng thẳng, chị dừng lại để ngắm mấy bức tranh vẽ hoa và phong cảnh treo trên tường. Một lát sau, sốt ruột, chị định vào gặp cô y tá thì thấy một người đàn bà đứng tuổi bước vào:

– Chào chị Vân.

Vân nhận ra bà Minh, chị cả của Xuân. Minh kéo Vân ngồi xuống chiếc ghế dài, giọng thân mật:

– Tôi có nói chuyện với Xuân. Nó cho hay là đã gọi chị và yêu cầu tôi đến đây. Tôi vừa gặp cô y tá ở phòng cấp cứu. Bác sĩ đang tiếp tục cuộc giải phẫu.

– Thế bây giờ Xuân ở đâu?

Sau một phút im lặng, Minh đáp:

– Tôi cũng không rõ.

Một lần nữa, Vân nhận thấy có điểm khó hiểu. Có thật chị ta không biết hay không muốn nói cho Vân hay? Vân hỏi tiếp:

– Tai nạn xảy ra ở đâu?

– Trong khu phố Tàu, sau khi Thân và Xuân từ một tiệm ăn đi ra. Xuân chỉ ngắn ngủi cho hay như thế, rồi giục tôi vào bệnh viện ngay. Nhưng xin chị đừng lo. Thân không sao đâu. Vân có cảm tưởng Minh muốn trấn an Vân và chính Minh cũng không tin vào lời nói của mình Dù sao, Minh cũng để lộ đôi chút cảm tình. Từ trước, hai người chỉ gặp nhau

một vài lần khi cùng đi mua sắm ở một siêu thị. Ngoài Minh, Vân không quen biết những người khác trong gia đình Xuân.

Minh nghiêng người về phía Vân, tỏ vẻ thông cảm:

– Tôi hiểu hoàn cảnh của chị. Chúng mình rời bỏ quê hương để tìm một cuộc sống thoải mái hơn, nhưng khi đến Mỹ, lại phải đương đầu với những khó khăn mà chúng mình không ngờ tới. Vợ chồng tôi qua đây từ hồi 75, thế mà cho đến nay vẫn chưa ra làm sao cả. Chuyện làm ăn, vợ chồng, con cái... hình như gia đình nào cũng có vấn đề. Mà Xuân, nó nóng tính, bướng bỉnh lắm. Có gì không phải, xin chị bỏ qua cho nó... Chị cố gắng học thêm như thế, tôi phục lắm. Cháu gái của chị lên lớp mấy rồi nhỉ? Mấy đứa con tôi học hành dở dang, thật chán quá!

Vân lắng nghe Minh nói, nhưng lòng vẫn nặng lo âu. Chị đáp nhanh:

– Cám ơn chị nhiều. Tôi nghĩ đã đến lúc chúng ta nên vào trong hỏi thêm tin tức.

Hai người cùng đứng lên. Bỗng cánh cửa bật mở ra. Một cô y tá chạy vào:

– Hai bà là thân nhân ông Lê?

– Vâng.

– Xin mời vào ngay!

Hai người vội vã theo chân cô y tá. Từ cửa phòng mổ, một bác sĩ đi ra, lắc đầu:

– Chúng tôi rất lấy làm tiếc và xin chia buồn cùng các bà. Chúng tôi đã cố gắng hết sức mình, nhưng vì vết thương quá trầm trọng nên bệnh nhân đã tắt thở.

Vân ngã quỵ xuống sàn nhà. Minh vực chị dậy và cùng với cô y tá, đưa chị vào một phòng gần đó.

Một số đông người lần lượt bước vào thư viện. Có lẽ họ mới đi làm về và ghé lại đây để đọc và mượn sách. Một cơn gió lạnh luồn qua cánh cửa chính vừa được mở ra, tràn vào trong phòng. Vân như tỉnh lại. Chị cố xua đuổi những ấn tượng ảm đạm của những ngày cô đơn, bàng hoàng, lạc lõng sau cái chết đột ngột của chồng. Chị không còn trách móc, giận hờn mà quay quắt thương tiếc người quá cố. Biết rõ hoàn cảnh của Thân, chị hiểu chồng hơn và tha thứ cho Thân.

Bản tin vắn tắt của nhật báo San Francisco Examiner xuất bản vào buổi chiều hôm sau tường thuật khá rõ ràng tai nạn khủng khiếp ấy. Hồi 10 giờ 30 tối, lúc Thân và Xuân từ một tiệm ăn ở đường Grant đi ra thì Thân bị trúng một loạt đạn bắn ra từ một ngõ hẻm. Thân ngã xuống mặt đường. Xuân chạy nấp vào nhà hàng bên cạnh. Trong bóng đêm, hung thủ

nhanh chân tẩu thoát. Theo cuộc điều tra sơ khởi, đây không phải là một vụ cướp, mà là một vụ tranh chấp thương mãi vì "hình như bà Xuân và ông Thân có dính líu vào một tổ chức buôn lậu ma túy".

Đọc xong bản tin, Vân chợt nhận ra sự thực. Hồi đó, Thân thất nghiệp đã lâu, không còn tiền để sống và gửi về Việt Nam chu cấp cho mẹ con Vân. Thân gặp Xuân và chính Xuân lôi cuốn Thân vào việc làm ăn bất hợp pháp này. Một khi đã tham gia và am hiểu những bí mật của tổ chức, Thân không thể rút lui mà phải tiếp tục hợp tác với Xuân và có lẽ với nhiều người khác nữa. Cũng vì vậy, Thân không thể rời bỏ Xuân được. Hơn nữa, Xuân có nhiều mánh khóe và có khả năng buộc Thân hành động theo ý muốn của Xuân. Nhớ lại, Vân hiểu được thái độ do dự, úp mở của Thân mỗi lần chị yêu cầu chồng đoạn tuyệt hẳn với Xuân. Có lẽ cái tiệm bán máy truyền thanh và truyền hình chỉ là một cái bình phong được dựng lên để che đậy những hoạt động phi pháp. Gần đây, Minh thổ lộ với Vân nỗi lo sợ của Xuân để giải thích sự vắng mặt dài hạn của người em gái mình. Sợ bị thanh toán, ngay trong đêm xảy ra vụ ám sát, sau khi đưa Thân vào bệnh viện, Xuân trở về nhà, thu xếp tư trang, giấy tờ, quần áo, và mới bốn giờ sáng, nhờ một người bà con lái xe đưa hai mẹ con trốn qua một tiểu bang khác. Khi được Minh báo tin Thân từ trần, Xuân cũng không dám trở về San Francisco để dự tang lễ. Ba tháng trôi qua, Xuân vẫn chưa quay lại thành phố này. Xuân đã nhờ Minh và một người em trai quản lý tiệm buôn của mình.

Từ ngày Thân vĩnh viễn lìa bỏ vợ con, Vân không ngừng suy nghĩ về thân phận của mình. Nỗi đau khổ của chị lên đến cực điểm. Cuộc sống tàn nhẫn đến cho chị những gian truân không bờ bến. Chị đang chờ đợi ngày Thân thực sự trở về với mình thì Thân ra đi không một lời trăn trối. Chị ít bạn bè. Những sinh viên cùng lớp tại trường đại học không phải là những kẻ tâm giao. Chị cũng không có một người bà con nào tại San Francisco hay tại các vùng lân cận. Bây giờ chị chỉ sống vì con. Tội nghiệp cho nó. Từ tấm bé, nó đã sớm trải qua những ngày cơ cực.

Theo truyền thống gia đình, Vân là một Phật tử, nhưng chị không mấy khi đến chùa, cũng ít đọc các kinh sách. Trong những ngày bất hạnh, chị không nghĩ đến tôn giáo như một nguồn an ủi. Chị lại không muốn nêu vấn đề cá nhân của mình lên mặt báo để nhờ những người cầm bút chuyện "gỡ rối tơ lòng" tìm hộ một giải pháp, hay cho một lời khuyên. Chị cũng chưa tìm đến những cơ quan xã hội để những "cố vấn gia đình" giúp đỡ chị về mặt tâm lý.

Cảm thấy mệt mỏi, đầu nặng trĩu như muốn gục xuống trang sách, Vân ngừng học. Chị đứng lên, thong thả đi đến khoảng trống cuối phòng

và quay mình lại, nhìn bao quát toàn thể thư viện. Dưới ánh đèn trắng nhạt, trên những dãy kệ nhiều tầng, những gáy sách nhiều màu lặng lẽ đợi chờ và nghiêm trang mời mọc. Phần nào, chúng là kết tinh của những giá trị tinh thần mà con người đã sáng tạo và phát huy từ nhiều thế kỷ. Chúng biểu hiện những suy tư, ước mơ và viễn tượng, những đau khổ và hoan lạc, những ưu tư, trăn trở của kiếp nhân sinh. Chúng cống hiến những kiến thức thu lượm được từ ngàn xưa và có khi đề nghị một nghệ thuật sống. Sao Vân không rút ra từ những trang giấy ấy những kinh nghiệm cho mình? Sao chị mất tin tưởng vào tương lai và trở nên bi quan?

Chị tựa lưng vào tường, đứng ngẩn người trong một phút. Chị mơ hồ linh cảm một cảm nghĩ mới sắp đến với mình. Chị vừa ý thức rằng chị không đủ khả năng khai thác hết những ngọc ngà tiềm ẩn giữa những hàng chữ, những hàng chữ hào phóng đã cung ứng rất nhiều mà chị thừa hưởng chẳng được bao nhiêu. Chị thở dài, vừa tiếc rẻ vừa hối hận.

Chị lững thững trở về chiếc bàn nhỏ. Chị bỗng phát hiện một sự thật đơn giản: cuộc sống rộng lớn, đa dạng, phong phú và linh động hơn những trang sách rất nhiều. Thế thì tại sao chị không nhìn thẳng vào nó? Nó đã từng bạc đãi chị, vùi dập, đày đọa chị trong một thời gian dài. Nhưng, giống như những dòng chữ in không bao giờ chấm dứt, nó chứa đựng trong lòng rất nhiều châu báu, và cũng như đối với sách vở, chị không nên hững hờ với nó mà phải tận tình học hỏi nó. Cả một kho tàng vô giá sẵn sàng đón tiếp chị. Chị phải dám sống, vì sống là một cuộc phiêu lưu mà ta phải chấp nhận. Khi chưa tìm đến một tôn giáo hay một triết lý, chị phải dấn thân vào cuộc sống để tìm một hướng đi cho cuộc đời mình.

Ánh đèn trong viện sách rực rỡ hắn lên, nhưng vẫn đằm thắm và hiền dịu như một tình thương bao la, như làn ánh sáng bỗng vụt chiếu vào một tâm hồn vừa ngộ đạo. Dưới mái thư viện cao vút như một nơi thờ phụng, lòng nhẹ nhõm, Vân xách cặp, đẩy cửa bước ra ngoài.

Gió đã lặng. Đêm đã xuống rồi, êm ả. Đêm sâu thẳm mượt mà như trìu mến ôm lấy người Vân.❐

sách mới xuất bản của nhà xuất bản **văn mới**
**chân mang giày số 6**
tập truyện ngắn của *Song Thao*
**gió biếc**
tập truyện ngắn của *Lê Minh Hà*
**tuyển tập truyện ngắn**
của *miêng*

# Tôi ở bên này, tôi ở bên kia

*Cao Huy Thuần*

Năm đó là năm cuối cùng của tôi ở đại học. Từ Huế vào học ở Sài Gòn, nhà nghèo, tôi lang bạt từ cư xá đại học này qua cư xá khác, từ căn gác chật chội ở xóm Bàn Cờ này qua xóm Bàn Cờ kia, mỗi năm cố tìm một chỗ trọ bớt nóng hơn, bớt ồn hơn, dễ làm việc hơn. Năm cuối cùng, từ Huế vào, tôi mất chỗ trọ, đang lúng túng ở lậu cư xá, thì bỗng gặp chú tôi dừng xe gắn máy chờ đèn đỏ ở ngay hông chợ Bến Thành. Chú tôi mừng rỡ, la ơi ới:

– Cái thằng này, lạ thật, tao đang đi tìm mày thì lại gặp mày ở đây! Leo lên xe, nhanh lên!

Tôi chưa kịp suy nghĩ thì đèn xanh bật lên, chú tôi nhấn ga, tôi nhảy lên xe, ôm lưng chú, xe vọt tới. Hôm đó, tôi vừa dự xong lễ khai giảng trọng thể đầu năm, quần áo tề chỉnh, tóc chải láng mướt, tâm hồn phơi phới, nắng tháng mười xanh nõn trên hàng me quanh khu đại học, lòng vui quá, sao không lượn phố một vòng! Tôi đang vui thì gặp chú tôi. Chú tôi có gì đang vui mà gặp tôi?

– Mày chưa có chỗ trọ phải không? Tao vừa kiếm được cho mày một động thiên thai. Số mày hên. Người ta vừa nhận lời thì tao đi tìm mày ngay để người ta coi mặt.

Tôi chợt lấy tay vuốt tóc, không phải vì gió thổi mà để kiểm soát lại xem mái tóc còn kỷ luật không. Sau khi tự bằng lòng với mái tóc còn óng nước dầu, với áo quần vừa ủi thẳng nếp, với đôi giày đen mới mua ở đường Lê Thánh Tôn, tôi cảm thấy yên tâm đi theo ông chú, trực diện với cái vận may đang muốn tao phùng với cuộc đời của mình.

Chú tôi vừa lao xe vừa giải thích, nói thật to để át tiếng gió và tiếng ồn:

– Tao ở Nha Trang vào hôm qua, vừa xuống nhà ga thì gặp bà Hường

đi đón đứa cháu, bà mời tao về nhà ăn cơm tối rồi ở lại nói chuyện đến khuya... Bạn thân lâu ngày mới gặp... Bà ở một mình, nhà rộng thênh thang. Sáng nay, ngồi ăn sáng với bà, tự nhiên tao nghĩ đến mày, giá mày được ở nhà này thì hay quá, hay cho mày mà cũng hay cho bà Hường. Tao ngỏ ý với bà thì bà bằng lòng ngay, bảo tao mang mày đến đây để bà xem...

Tôi lại toan lấy tay vuốt tóc, nhưng ngừng lại được. Xe chúng tôi rời trung tâm thành phố, phóng về phía ngã sáu Trần Quốc Toản. Quanh co một hồi nữa trên những con đường càng ngày càng vắng xe cộ, chú tôi dừng lại trước một nhà ba tầng, giữa một xóm khang trang. Chú dắt xe vào sân, nói nhỏ với tôi như với đồng lõa:

– Bà Hường lúc trẻ đẹp có tiếng. Bây giờ vẫn còn đẹp. Để mày xem.

Chúng tôi bước vào nhà. Bà Hường đón chúng tôi ở cầu thang tầng thứ hai, phòng khách của bà. Bà đẹp! Vào khoảng chưa đầy năm mươi, bà có vẻ đẹp thanh nhã, cổ kính của một người đàn bà Huế đẹp thời xưa, thời có bà hoàng hậu chít khăn vàng in hình trên một con tem nổi tiếng. Thấy bà, tôi có cảm tình ngay, không biết vì mái tóc vấn trần gợi lên hình ảnh chiếc khăn vàng của bà hoàng hậu, hay vì nơi nụ cười duyên dáng của bà có hàm răng đen của mẹ tôi. Một hàm răng đen nhánh, nhỏ, đều, khi đã đẹp thì đẹp hơn một hàm răng trắng, đẹp như những hạt dưa đen láy giữa một lát dưa hồng. Chú tôi nói chuyện có duyên làm những hạt dưa kia cứ cười mãi, tôi thì tóc tai ngăn nắp, quần áo thơm tho, giày Lê Thánh Tôn bóng loáng: chưa thi đã cầm chắc trạng nguyên.

Thế là tôi đổi đời. Từ căn phòng mái tôn nóng hực nơi cư xá đại học, từ những gác xép Bàn Cờ inh ỏi nhạc phóng thanh, tôi dời chiếc va ly chung thủy của tôi đến một tầng lầu thứ hai mát rượi, cửa sổ mở ra giữa khoảng không, đón gió từ trên cao lồng lộng. Chủ nhân ngôi nhà ở cùng một tầng lầu với tôi, phía bên kia cầu thang, cửa sổ mở về phía bên kia, hai bên ngăn chia bằng cửa sắt. Bên kia là vàng bạc và của quý, có cửa sắt bảo vệ. Bên này là chiếc va ly sờn da, cửa bỏ ngỏ ngày đêm.

Tôi đổi đời không phải chỉ vì ở sướng. Còn vì ăn ngon! Hết rồi bữa cơm cư xá chỉ đủ thức ăn cho chén thứ hai. Hết rồi những xách cơm cà mèng nguội lạnh từ hàng quán mang đến. Bà Hường nuôi một người tài xế và hai người giúp việc: chị Tám dọn dẹp nhà cửa, chị Tư nấu ăn. Chị Tư người Châu Đốc, gốc Miên, nhưng lại biết nấu ăn theo lối Huế, kiểu cách, đài các. Tôi ăn cơm với bà chủ nhà, cơm thơm mùi lá dứa, cá thơm mùi trách đất. Chị Tư thật thà, hợp với tôi, thương tôi lắm, lại càng cho tôi ăn ngon. Tôi hơi mệt là chị hầm gà, mà phải là gà quạ, lông đen, chân đen, ăn cho bổ.

Tôi được cảm tình của mọi người và chẳng mấy chốc được bà chủ thương như con cháu. Thương như vậy lắm khi cũng mệt cho tôi. Chẳng hạn bà muốn tôi đi coi hát với bà mà tôi thì không ưa cải lương, vọng cổ. Chẳng hạn bà muốn tôi đi Thủ Đức hóng mát với bà chiều thứ bảy, chủ nhật, trong khi tôi muốn rong chơi phố xá với bạn bè. Dần dần bà muốn có tôi ở bên cạnh kể cả những lúc tiếp xúc làm ăn lớn. Tôi tháp tùng bà gặp ông tổng ủy dinh điền để thắng trong một cuộc đấu thầu cung cấp phân bón cho các đồn điền mới thành lập ở Ban Mê Thuột, tuy phân bón của bà không đạt tiêu chuẩn. Khách của bà đến nhà, thấy tôi vào ra, hỏi bà: "Cháu của chị đó hả?", bà cười, không nói ừ cũng chẳng nói không, chỉ cười. Có khi khách tò mò hỏi tôi: "Cậu là cháu của bà?", tôi không nỡ nói không, vui vẻ dạ vâng. Bà lại cười.

Hai ba tháng sau, chú tôi lại từ Nha Trang vào. Tất nhiên là chú tới thẳng nhà bà Hường. Tôi đi học về, chưa vào nhà đã nghe tiếng cười của chú ở phòng khách. Chú tôi hơi cà lăm khi nói chuyện, nhưng nhờ cà lăm mà giọng chú có duyên. Tối hôm đó, chú ăn cơm và ở lại nhà. Sáng hôm sau, chú bảo tôi:

– Bao nhiêu người muốn nhắm cái gia tài của bà Hường mà bà đạp cho bay tưng; mày bỗng không mà lọt vào mắt bà. Mày có nhớ bác Tráng không? Bác ấy vừa mê người vừa mê của, rốt cuộc chẳng được xơ múi gì. Còn mày thì sao, có ưng làm cháu của bà không?

Tôi hoảng hồn, đỏ bừng cả tai. Thì ra thế! Bà Hường có cô cháu gái học ở Đà Lạt, mất mẹ từ khi nhỏ, được bà nuôi như con. Tôi gặp cô lần đầu khi cô về Sài Gòn thăm bà hai ngày cuối tuần. Có con gái ở cùng nhà, tôi ngượng, ngồi ăn không dám nhìn mặt, mở cửa không thấy bóng hồng mới dám thập thò đi ra. Cô gầy và xanh. Sau này tôi mới biết là vì cô kém sức khỏe nên mới được gởi lên Đà Lạt để vừa học vừa dưỡng bệnh. Lần đầu gặp cô, chắc cô nghĩ tôi lạnh lùng. Sáng thứ hai, khi cô từ giã mẹ nuôi để lên Đà Lạt, tôi nghe tiếng chân cô đi thẳng xuống cầu thang, rồi tiếng cửa xe đóng sầm, tiếng máy xe nổ. Sau đó, bà Hường gọi tôi, tươi cười: "Cháu mang hộp bánh này xuống cho Thoa, con nhỏ nó bỏ quên". Ấy, chỉ lí nhí mấy tiếng để đưa hộp bánh thôi, mà sau đó dám dạ vâng, tôi là cháu của bà!

Chú tôi chép miệng:

– Nghèo cũng khổ mà giàu cũng khổ. Bao nhiêu người mê bà Hường, nhưng ai đến, bà cũng nghĩ là đến với của, đến với gia tài của bà. Ai tốt với bà, kể cả bà con, bà đều nghĩ họ tốt chỉ vì bà giàu. Bà như sống trong một cái pháo đài, súng chĩa ra tứ phương.

Tôi mon men hỏi chú về chuyện tình duyên của bà ngày trước, chú rít

một hơi thuốc rồi phì cười:

– Cái xứ Huế của mày và của tao cách đây hai ba chục năm thôi hãy còn là xứ của bài ngà. Sáng sáng, một ông quan khăn đóng áo dài, bài ngà thật to trước ngực, ngồi chễm chệ trong xe kéo, lượn một đường bay bướm trước nhà cô con gái vừa đẹp vừa giàu, đang kén chồng, là bà Hường đấy. Dương oai diễu võ như vậy chừng vài tháng thì ông quan nhờ người dạm hỏi. Bài ngà to thế, chắc ít nhất cũng tam tứ phẩm. Người Huế không quý giàu bằng sang. Hoặc là đã giàu rồi thì phải sang. Mà trông quan thế kia thì sang quá. Thế là bà Hường lấy chồng sang...

Chú lại rít một hơi thuốc, giả vờ lấy giọng nghiêm trang:

– Nhưng chỉ sang chừng ba bốn bữa. Cái xe kéo kia, quan chỉ thuê vài tháng để dương oai. Còn cái bài ngà, quan chỉ là quan hộ lăng, nghĩa là người trông coi lăng tẩm và kỵ giỗ cho hoàng tộc. Cái xứ Huế của mày nó hay đáo để, nó đánh lừa được cả con người khôn ngoan xuất chúng là bà Hường đấy. Bà Hường bị lừa một lần trong đời, uất ức đến muốn tự tử, sau đó nhìn ai cũng thấy như muốn lừa mình lần thứ hai.

Chú tôi kể tiếp: bà Hường vẫn cười nói với mọi người, đóng vai một mệnh phụ trong hoàng tộc, giữ đúng lễ nghi quan cách, ra vào đài các, kiêu sang, nhưng đến tối thì vất cho ông quan một chiếc chiếu, mặc ông muốn ngủ ở nhà ngang hay nhà dọc tùy ý. Bà sống như vậy cho đến cách mạng bốn lăm, lăng tẩm chẳng cần quan nào coi nữa. "Rồi bà xa xứ Huế khéo che đậy của mày để xa hẳn ông chồng vừa mồ côi vua", chú tôi kết luận.

Nghe chú kể chuyện, tôi thương cảm bà Hường quá, nhưng đồng thời tôi cũng muốn tìm cách chứng tỏ với bà rằng tình cảm của tôi đối với bà hoàn toàn trong trắng, vô tư, không mảy may dính dáng gì đến cô con gái nuôi và của hồi môn của cô. Cho nên tôi rất giữ ý với cô Thoa và nhiều lần từ chối không đi chơi Đà Lạt với bà. Để cô Thoa có dịp ở Sài Gòn nhiều hơn, có khi bà phải giả vờ đau, kêu cô về thăm. Lại có lần cô Thoa về Sài Gòn, vừa ở một đêm thì sáng hôm sau bà bảo có việc gấp phải đi Ban Mê Thuột. Cô Thoa ở với tôi – nghĩa là ở cùng nhà với tôi – suốt thời gian cô về Sài Gòn. Lần đó, chị Tư sợ tôi ngượng ngùng, gọi một cô cháu khác của bà Hường đến ở chung, và như thế là tôi biết bà có thêm một cô cháu nữa. Chị Tư nói nhỏ với tôi rằng bà không ưa gia đình cậu em này, nên ít khi cô cháu dám đến chơi. Trái với cô Thoa, cô Điệp học tính người Nam của mẹ, thẳng thắn, tự nhiên, cởi mở. Thế là tôi dám nhìn mặt cô qua chén cơm, và nhờ cô mà tôi thong dong chuyện trò với cô Thoa, với cả hai cô. Tôi để ý thấy sau đó cô Điệp hay tạt ngang qua nhà chơi, nói chuyện với chị Tư, những lúc vắng chiếc xe hơi trước sân nhà. Có lần gặp tôi đi học

về, cô dám cả gan nói với tôi rằng cô có một cô bạn thân ở đường Phạm Ngũ Lão, Huế. Tôi hỏi: số mấy? Cô cười: số 11. Rồi ném vào mặt tôi một phong thư xanh của cô bạn tôi gởi từ Huế, vừa đến tay chị Tư.

Tháng sau đó, từ Nha Trang vào, chú tôi cảnh cáo nghiêm khắc:

– Mày coi chừng kẻo đánh sai nước cờ. Đã là tốt nhập cung rồi, còn lớ xớ ham con xe làm gì ở ngoài biên!

Lúc đó, tôi chỉ nghĩ đến chuyện học, chẳng ham cô nào. Tôi muốn học nữa, và học nữa, chẳng muốn cô nào cản đường. Nhưng tự nhiên thấy chú lo cho hậu vận của tôi, tôi cũng không muốn phản đối, sợ chú mất hứng.

Đời sống của tôi êm đềm trôi qua, ăn ngon, ngủ khỏe. Một buổi chiều, trời mưa dai quá, tôi về nhà trễ. Bà Hường ngồi đọc báo, chờ tôi ở bàn ăn. Thấy tôi, bà nói:

– Cháu đọc tin này, chốc nữa cắt nghĩa cho tôi nghe.

Tôi liếc qua trang báo, thấy nói chuyện thụ thai nhân tạo. Trời, đến tuổi này, bà Hường còn ray rứt giấc mơ làm vợ, làm mẹ đến thế sao!

Tôi ngồi vào bàn ăn, thấy có ai dưới bếp mang cơm lên, tưởng là chị Tư như thường lệ, hóa ra không phải. Bà Hường nói:

– Đây là con Luyến ở ngoài làng mới vô.

Tôi chào. Chị Luyến còn trẻ, trên dưới hăm lăm, người tròn trĩnh, tóc búi, nước da nâu hồng, mặt sáng: một phụ nữ nông thôn có dáng. Chị xới cơm cho bà, cho tôi, rồi ngồi sau lưng bà, chờ xới chén cơm thứ hai cho tôi. Tôi nói đùa với chị rằng đừng làm như thế mà mỏi tay.

Tôi bắt đầu câu chuyện thụ thai nhân tạo, giải thích cặn kẽ một vấn đề khoa học lúc đó hãy còn phôi thai. Tôi càng giải thích, bà Hường càng thấy vấn đề phức tạp. Lúc đầu bà chỉ nghĩ đơn giản: giá như bà còn ở tuổi sinh nở, chắc bà không cần lấy chồng, nhưng bà muốn có đứa con, thế thôi. Đến khi thấy vấn đề rõ hơn, bà bảo bà không thể chấp nhận một người đàn ông nào đó chui vào thân thể sâu kín của bà, dù vào bằng lối này hay lối khác. Ngồi sau lưng bà, chị Luyến góp ý:

– Con thấy cô nói đúng, thương ai thì mình có con với người đó, chứ có con với người khác ngứa ngáy làm sao chịu được! Mà đã thương người nào rồi thì cần chi phải nhân tạo!

Chị xới cơm cho bà rồi nói thêm:

– Chuyện đời thiệt là tréo cẳng ngỗng, ở nhà quê tụi con thì người ta chỉ sợ sinh thôi. Người muốn sinh thì không sinh được, người không muốn sinh thì cứ sinh hoài!

Tôi nghĩ thầm: Chị này hay thật, ở xa mới đến, chưa quen đã bắt

chuyện tự nhiên. Mà lại dám xen vào cả chuyện lớn của thời đại!

Chị Luyến là người hồn nhiên như vậy đó. Chị như con chim chiền chiện, từ giữa ruộng lúa bay vút lên không hót một hồi lanh lảnh, chẳng biết nó thích gì mà hót vui thế. Ruộng lúa nhờ tiếng hót của con chiền chiện mà thơm; phòng tôi nhờ tiếng nói cười của chị mà bàn ghế cũng vui. Công việc của chị Luyến là ngủ đêm bên cạnh bà Hường để phòng khi bà sai vặt giữa đêm khuya, pha nước, quạt, đấm lưng, khóa cửa, theo bà những lúc đi xa. Chị còn quét dọn phòng của bà, phòng của tôi, và thay hương hoa trên bàn Phật. Bà Hường để nguyên một căn phòng trên tầng lầu thứ ba để thờ Phật. Muốn lên đó phải qua phòng của tôi, không có cầu thang riêng. Tôi ít khi lên, vì tôi không thích lối trang hoàng rườm rà, nhiều tượng, nhiều đèn, nhiều lư hương, nhiều nhang khói. Không khí ở đó u linh quá, tôi sợ. Có lần lên thắp hương với bà Hường, tôi để ý đến một tượng Phật nhỏ bằng gỗ mít, quê mùa, mộc mạc, khác hẳn với các tượng khác bằng đồng quý giá. Tôi nói với bà tôi thích tượng đó. Bà nghiêm mặt, kính cẩn: "Tôi quý tượng đó lắm, linh thiêng lắm". Rồi bà kể: "Hồi tản cư về nhà quê, trong nhà tôi trọ chỉ có tượng này. Đêm đó, hai bên đánh nhau to, súng nổ dữ dội, tôi sợ quá, không biết trốn đâu, chỉ ngồi niệm Phật trước tượng. Bỗng gió thổi hay sao đó mà cánh cửa sổ ở dưới bếp mở bật ra, tôi chạy vội đến đóng lại, vừa mới chạy đi thì một lằn đạn xẹt qua mái nhà bắn nát cái ghế nhỏ tôi mới ngồi lúc nãy. Chỉ một tích tắc thôi, giữa cái chết và cái sống chỉ cách nhau một tích tắc thôi, hễ nhớ lại là rùng mình". Tượng quý như vậy mà sau đó bà tặng cho tôi. Bà giải thích: "Trong ngoài tương ứng thì linh thiêng mới hiển hiện. Cháu đã có cái ở trong, tôi tặng cháu cái ở ngoài". Tôi đặt tượng trước bàn học.

"Cậu thờ tượng cho chăm, cuối năm chắc chắn thi đỗ", chị Luyến thường đùa với tôi mỗi khi lau bụi trên bàn học. Chị sắm cho tôi một bình hoa nhỏ, đặt trước tượng, và mỗi khi thay hoa trên bàn Phật ở tầng thứ ba, chị đều mua cho tôi vài cánh hoa nhỏ. Một hôm, chị ngừng lau bụi, đứng che miệng cười rúc rích. Tôi hỏi chị có gì vui thế, chị nói:

– Tôi thấy trên bàn học của các cậu thanh niên, cậu nào cũng để ảnh một cô, chỉ có cậu là thờ tượng Phật. Chắc mai mốt cậu đi tu!

Chị Luyến có giọng nói reo vui như gàu khua nước giếng. Người chị rắn chắc, đầy ứ sức sống. Nắng đồng quê đỏ ong trên má chị. Chị vừa làm việc vừa hát nhỏ nhỏ, tôi theo dõi tiếng hát của chị từ phòng khách, phòng ngủ, rồi từ trên tầng lầu ba, đến khi chị hết hát là chị bắt đầu làm việc ở phòng tôi. Có khi tôi giả vờ chăm chú đọc sách để chị lặng lẽ làm việc. Có khi thấy sự yên lặng như vậy nặng nề quá, tôi nói chuyện với chị đôi câu. Chị chỉ chờ có thế là dừng tay bắt chuyện, hết chuyện này qua chuyện

khác, cho đến khi chị Từ sốt ruột, gọi chị từ dưới bếp.

Chị Luyến thường ưa kể chuyện đời sống của chị ở làng mạc. Tính chị vui mà đời chị lại buồn. Cha chị bị du kích bắn hồi bốn lăm vì lý do làm hào mục phong kiến. Anh cả của chị gia nhập vệ quốc đoàn thì lại bị Tây bắt, chém đầu. Chị lấy chồng không chọn lựa vì trai làng đi trận mạc chết gần hết. Sau năm bốn, làng của chị lọt vào phía "quốc gia", gia đình của chồng chị và ông đồn trưởng có thù với nhau sao đó mà chồng chị sợ quá, vượt vĩ tuyến ra Bắc, đi biệt tăm. Chị ở lại với đứa con mới sinh, nhưng ở không yên, bị những nhiễu trăm đường, phần vì có chồng "tập kết", phần vì mẹ chị chống nhau với ông đồn trưởng không cho ông phá chùa làng, phần vì nhan sắc của chị cứ mơn mởn như con gà mái tơ trước mũi diều hâu. Cùng quẫn, chị đành gởi con cho mẹ, vào Sài Gòn tìm đến người cô họ nức tiếng giàu sang là bà Hường, ở tạm qua ngày.

Chị Luyến thường mượn sách truyện của tôi để đọc. Tôi mua đều các báo văn nghệ, khi nào quên mua thì chị nhắc, có khi tự ý đi mua giúp tôi. Tôi thấy chị thông minh, có ý dạy chị học, nhưng chị lắc đầu lia lịa, nói rằng lúc nhỏ đi học trường làng bị thầy giáo đánh roi đau quá, nên bây giờ sợ tôi khẻ tay lắm, không quét nhà được, không vắt cam cho tôi uống được. Tôi bẻ cây thước thề không bao giờ la chị, chị láy mắt trách:

– Cậu không la, chỉ ngồi yên lặng hàng giờ, dấu mặt sau quyển sách, thà rằng cứ quất cho tôi nát mông còn hơn.

Đúng là tôi có phần lơ là với chị vì ngày thi gần đến. Thi cử hồi đó cay chua lắm, ở cấp của tôi có khi chẳng ai lọt sổ. Bà Hường biết tôi học thi, nhắc nhở chị Luyến tránh lên dọn dẹp bàn Phật lúc tôi ngủ trưa. Một hôm, chị đùa nghịch hỏi tôi:

– Cậu đại đăng khoa xong rồi làm gì nữa?

Tôi nói:

– Về Huế thăm gia đình.

Chị cười khúc khích:

– Rồi làm gì nữa? Bà nóng ruột lắm rồi đó nghe! Mai mốt bà sẽ nói chuyện với cậu đó.

Tôi đỏ mặt, bực mình. Cái chuyện đó, tôi không muốn nghe, tôi đang ở trong cái tuổi muốn tìm cho mình một ý nghĩa để sống. Chị Luyến tưởng tôi đỏ mặt vì ngượng, bước thêm bước nữa:

– Chắc cô Thoa không vắt được nước cam hàng ngày cho cậu đâu! Cô Thoa có quạt được cho cậu như thế này không?

Chị cầm quạt vừa phe phẩy cho tôi vừa cười trêu chọc:

– Hay là cậu thưa với bà cho tôi về ở với cậu, tôi ở không lấy tiền công.

Rồi chị bỏ chạy ra cửa. Tôi nhìn theo, thấy chị đứng giữa cầu thang lấy tay áo lau nước mắt.

Một tuần sau đó, tôi không thấy chị vào phòng. Chị dọn dẹp phòng tôi những lúc tôi đi học. Về nhà, hoa đã cắm tươm tất, ly nước cam đặt trên bàn, trái cây đầy dĩa. Tò mò, tôi xuống bếp, ra sân sau, thấy chị đang xăng quần làm công nhân trộn xi măng. Chị nói:

– Có chị thợ bị đau, tôi xin bà cho làm thế vài ngày, khỏi lên nhà trên.

Dưới nhà là một cái sân rộng chứa đầy cát, xi măng và gạch bông: bà Hường còn là nhà sản xuất gạch bông có tiếng. Trời nóng, chị Luyến bận áo cánh, hai cánh tay chị tròn và trắng hồng, mồ hôi chị lấm tấm trên má, lưng chị ướt đẫm. Chị cắm cúi làm việc, không nói với tôi một lời nào nữa.

Vài ngày sau, chị lên phòng tôi, ngón tay trỏ của chị bị thương, phải băng bó. Tôi cầm ngón tay của chị, hỏi thăm ngón tay bị thương thế nào để tôi tìm thuốc. Chị rút tay ra không nói, chỉ xin một tờ giấy trắng. Chị cầm cây bút đưa cho tôi, nhờ tôi viết cho chị một bức thư vì tay chị đau, viết không được. Chị đọc, tôi viết:

"Thưa mẹ, con vừa được thư mẹ nhắn con nên ở lại lâu lâu, kẻo về làng lúc này nguy hiểm. Nhưng con ở đây buồn lắm, tủi phận, người ta cao sang danh giá, mình là phận tôi đòi, ban ngày hầu hạ người ta, buổi tối nằm một mình khóc hết nước mắt..."

Tôi ném bút, hỏi chị tại sao lại viết lách điên khùng như vậy. Chị cúi mặt, nói nhỏ:

– Tôi buồn... Nếu cậu bảo tôi tự tử, tôi tự tử ngay đây cho cậu coi.

Rồi chị cầm cây dao gọt cam trên bàn để vào cổ. Tôi tái mặt, giả vờ bông đùa để xóa không khí bi kịch:

– Nào, để tôi giúp chị tự tử.

Tôi giật cây dao, đặt vào cổ chị, hỏi:

– Chị ưng đâm chỗ nào?

Chị Luyến ngửa cổ ra, mở một hột nút áo: "Chỗ này". Rồi chị mở thêm một hột nút áo nữa: "Chỗ này!". Tay tôi run khi nhìn thấy cổ ngực trắng non của chị. Cái gì đã giúp tôi ngừng lại, tôi không biết. Tôi chỉ biết tay tôi run.

Tôi bắt đầu sợ bị chị Luyến phân trí. Mượn cớ học thi, tôi rủ một người bạn đến học chung với tôi. Chúng tôi đóng cửa học, bà Hường muốn lên tụng kinh cũng phải gõ cửa xin phép. Tôi chỉ mở cửa một lần cho chị Luyến, vì hôm đó ngày rằm, chị phải sửa soạn bàn Phật. Chị lên tầng trên, rồi chị xuống nói nhỏ với tôi:

– Cậu lên đây, tôi chỉ cho xem cái này.

Tôi lên với chị. Chị nói vào tai:

– Con mèo nó đẻ con dưới bàn Phật... Ấy ấy, cậu đừng bật đèn, mắt mèo sáng quắc trong bóng tối, cậu xem kia kìa, bao nhiêu cặp mắt là bấy nhiêu mèo con.

Tôi nhìn trong bóng tối, chưa thấy mắt mèo, chỉ nghe hơi thở của chị ngay sau cổ và hơi nóng mềm mại của chị chảy trên lưng. Tôi bật đèn, tìm mèo trong sáng dễ hơn trong tối.

May quá, trí tôi chưa bị phân chia, và tôi thi đỗ. Không có gì vui hơn trong cuộc đời sĩ tử xa nhà của tôi bằng khi thi xong, trở về Huế. Nỗi vui sắp gặp lại gia đình đang chờ tôi làm tôi quên đứt nỗi buồn của những người sắp tiễn tôi. Bữa cơm tối cuối cùng trước ngày đi, bà Hường chỉ ăn một chén. Chị Tư dặn tôi đừng ở Huế lâu quá. Chị Luyến không nói gì, chỉ ép tôi ăn thêm một chén chè hạt sen. Tôi làm vui lòng chị dễ dàng.

Khi vào giường, tôi bâng khuâng với những tình cảm quá quý báu mà tôi đã nhận, nhưng giấc ngủ đến nhanh quá, tôi ngủ say. Bỗng có cái gì làm tôi thức giấc, có cái gì động vào người tôi. Mơ màng trong giấc ngủ, tôi tưởng là con chó chui vào màn, tôi xua tay đẩy nó ra, toan ngủ tiếp, nhưng bỗng giật mình nghe có ai nói khẽ bên tai: "suỵt! suỵt". Tôi tỉnh hẳn, và trong một động tác tự nhiên, tôi xoay người lại, chưa rõ để làm gì, nhưng chắc chắn không phải để xua đuổi, từ khước. Vừa đúng lúc đó, ngay chính lúc đó, có tiếng ho ở phòng bên kia và tiếng bà Hường gọi chị Luyến: "Luyến! Luyến!" Chị Luyến bấu vào vai tôi bảo im. Tiếng bà Hường gọi to hơn, dồn dập: "Luyến! Con Luyến đâu rồi? Luyến!". Có tiếng chân tìm dép và tiếng dép lê đến cửa sắt. Chị Luyến vùng dậy, chui ra khỏi màn. Bên kia, đèn bật sáng, và tiếng chân bà Hường bước qua cửa sắt rồi dừng lại trước cửa phòng tôi. Tôi ra khỏi giường, bật đèn. Bà Hường không thèm nhìn tôi, nói vọng vào phòng:

– Luyến! Qua đây tao biểu!

Tôi không nghe tiếng chị Luyến trả lời từ trong một góc nào đó của phòng tôi, cũng không nghe tiếng chị từ trên bàn Phật, mà lại nghe chị nói "dạ con đây" từ giữa cầu thang. Chị bước lên cầu thang, đi thẳng vào phòng bà Hường. Chị xuống nhà bằng lối nào vậy? Chẳng lẽ chị phi thân nhảy từ tầng thứ ba xuống sân gạch hoa? Chưa bao giờ tôi thấy bà Hường nhếch mép cười với ai như thế. Bà nhếch mép cười gằn với tôi, khinh bỉ:

– Tôi không ngờ, thật tôi không ngờ... Tôi lầm!

Rồi bà quay lưng.

Tôi nằm đợi sáng. Khi nghe tiếng xích lô máy nổ rộn ngoài đường, tôi bận quần áo, xách hành lý xuống nhà, đánh thức anh Bảy, nhờ anh mở cửa. Anh Bảy hốt hoảng: "Cậu đi đâu vậy? Chị Tư! Chị Tư!". Chị Tư chạy

ra giật hành lý của tôi, tôi giật lại, chị chẳng hiểu ất giáp gì, chạy lên thang gác. Tôi mở cửa, chạy vội ra đường, chận chiếc xích lô máy đang chạy đến. Cả nhà chạy theo, bà Hường chạy trước hết, tóc xổ tung, dép chỉ còn một chiếc. Bà toan giật lui xắc vai của tôi, nhưng chiếc xích lô đã rồ máy chạy vút. Tôi hả dạ, như vừa khạc ra được một uất khí. Buổi sáng, gió thổi mát rượi.

Tuổi trẻ dễ quên. Về đến Huế là chuyện Sài Gòn đã thành xa lắc. Chị Luyến có gởi cho tôi một thư xin lỗi, nói rằng chị sẽ hối hận suốt đời vì làm tan vỡ tình cảm của tôi và dự tính tương lai của nhiều người khác. Ở Huế không thiếu gì người đẹp, tôi quên chị luôn. Tôi chỉ còn giận bà Hường, vết thương tự ái còn sâu. Sau khi tôi phóng xích lô rời khỏi nhà, bà Hường sai anh Bảy lái xe đi tìm tôi ở nhà một người bạn thân của tôi. Quả nhiên tôi vừa đến đấy, nhưng tôi từ chối không tiếp anh Bảy. Hận của tôi bốc ngút mây, giá lúc đó bà Hường dâng cả Thái Bình Dương cho tôi chắc cũng không đủ nước để rửa hết hận. Ở Huế, tôi nghĩ thế nào bà cũng viết thư cho tôi, hoặc nhờ chú tôi nhắn với tôi vài lời. Bức thư tưởng tượng kia không bao giờ đến. Tôi không nghĩ đến bà nữa để quên. Rồi tôi đi Pháp. Chú tôi đến tiễn tôi rất trễ, suýt nữa thì không gặp tôi ở sân bay. Chú kéo tay tôi nói nhỏ: "Con Điệp biết tao đi tiễn mày, đòi đi theo. Nó đứng đàng kia, mày đến chào nó một câu".

Tôi tưởng quên, nhưng làm sao quên được! Chị Luyến luôn luôn hiện ra trong tôi, tinh nghịch hỏi đùa: chuyện gì sẽ xảy ra tối hôm đó nếu bà Hường không tỉnh cờ thức giấc lúc tôi vừa xoay người lại về phía chị? Tôi tin là chị Luyến nghĩ tôi trong trắng. Trước mắt chị, tôi chưa bao giờ dính một hạt bụi dơ. Nhưng chị Luyến sẽ nghĩ thế nào về tôi nếu chị biết rằng tay tôi đã bắt đầu quờ quạng về phía có tiếng "suỵt suỵt"? Một chút hiểu biết như vậy, một chút xíu thôi, sẽ làm đảo lộn tất cả trật tự giá trị đạo đức giữa chị với tôi, giữa tôi với bà Hường. Có thể hình ảnh thánh thiện của tôi nơi mắt chị sẽ bị nhòe đi. Cũng có thể chị sẽ sung sướng tột độ khi biết tình của mình trao đi có dấu hiệu truy nhận nơi người khác. Nhưng dù thế nào đi nữa, chị đều sẽ không thể bảo vệ sự trong trắng của tôi một cách cả quyết, dứt khoát như chị đã làm trước mắt bà Hường. Và bà Hường, chỉ cần một chút xíu nghi ngờ thôi, là đã có thể đắc thắng ném tôi xuống vũng bùn tội lỗi không ân hận. Biết đâu bà sẽ còn nghĩ rằng cánh cửa sắt của bà đã được khe khẽ mở ra như vậy không phải chỉ lần đầu. Biết đâu bà sẽ cười gằn, nghĩ mình đã quá ngây thơ trước một chuỗi lừa gạt tinh xảo.

Nếu tôi gặp lại chị Luyến, tôi sẽ nói với chị như thế nào đây về tôi? Giữ mãi hình ảnh con bồ câu trắng bay trong mắt xanh của chị? Hay căng

một sợi tơ, đố chị tôi đang ở bên này hay đang ở bên kia? Tôi chưa là thô, chị có biết tôi đã hết thanh? Tay tôi chưa chạm phải tà, chị có biết ý tôi đã hết chánh? Chị làm sao biết được tôi ở bên nào sợi tơ? Ai biết được tôi mà phán đoán đạo đức? Tôi biết được ai mà khen với chê? Có lẽ tôi sẽ đề nghị với chị Luyến hãy thả cho sợi tơ bay lên mây để ý niệm biên giới cũng tan biến mất. Có người thứ hai nào dám nói thấy tôi ở đâu? Còn tôi, tôi thấy, nhưng tôi lại không thấy tôi ở trên một biên giới. Tôi thấy tôi đi từ từ trên chiếc áo cánh đẫm mồ hôi của chị Luyến, đi từ từ trên mũi dao run run chĩa vào ngấn cổ trắng của chị, đi từ từ trên hơi nóng mềm của ngực chị ấp sát lưng tôi, và tôi thấy tôi đi trước đó nữa, trong tiếng cười reo vui của chị như tiếng chim chiền chiện lanh lảnh giữa ruộng lúa, và trước đó nữa, trước đó nữa...

Hai chục năm sau tôi mới có dịp ghé qua ngôi nhà cũ. Hãng gạch bông chẳng còn, nhà cửa trong xóm thay đổi nhiều quá, tôi tần ngần mãi trước ngõ mà cứ tưởng lầm nhà, toan bỏ đi. Chợt thấy có cháu gái trong nhà đi ra, tôi lân la hỏi chuyện thì biết bà Hường đã mất rồi, mất đã mười năm. Tôi lặng người, xin phép vào thắp hương cho bà. Tôi vào nhà, tầng dưới bừa bãi, xơ xác, nhưng phòng cũ của tôi và bàn thờ Phật vẫn tươm tất, xinh xắn. Tôi mở cửa sổ tầng thứ ba, nhìn xuống sân, thấy cao hun hút. Bằng cách nào chị Luyến đã nhảy từ đấy xuống sân rồi làm bộ thản nhiên đi từ bếp vào cầu thang "dạ con đây" với bà Hường? Chắc chị đã nhảy bừa xuống đụn cát ở ven tường.

Trở vào bàn thờ, tôi thấy ảnh bà Hường đang nhìn tôi. Đó là bức ảnh mà trước đây bà treo trong phòng ăn và tôi rất thích, vì bà đẹp. Tóc bà vấn trần, mặt trái soan, miệng không cười mà vẫn tươi, dáng nghiêm trang mà đằm thắm. Và mắt bà, sao mà sáng thế, đang nhìn tôi như thấy rõ tận đáy lòng. Tôi nhìn lại mắt bà, bỗng nhớ đến anh Bảy mà bà đã sai đến tìm tôi tại nhà bạn tôi. Bà đã hạ mình đến thế, sao tôi cứ mãi làm cao? Làm cao gì về một đắc thắng mà giá trị hoàn toàn dựa trên chút may mắn tình cờ? Dựa trên một tiếng ho? Giả sử tiếng ho đó đến chậm nửa phút, bà Hường đã thấy gì nơi tôi khi bước vào phòng tôi? Một thiên thần bỗng hóa ra quỷ sứ.

Tôi đang miên man trong kỷ niệm, bỗng chợt thấy bức tượng nhỏ bằng gỗ mít ngày xưa. Buổi sáng hôm đó, trong lúc hấp tấp xách hành lý xuống nhà, tôi đã để quên tượng Phật trên bàn học. Tôi bồi hồi nhớ lại chuyện linh thiêng đã xảy đến cho bà Hường. Một tích tắc thôi, giữa chết với sống chỉ một tích tắc thôi". Tôi nhớ lại đêm cuối cùng tôi ngủ trong phòng. Tôi sửa soạn hành lý đã xong, toan gói tượng Phật cất vào va ly, nhưng sợ mất thành kính, tôi đặt tượng giữa bàn, cạnh bình hoa vừa cúng

rằm, định bụng khi nào đi mới gói tượng mang theo. Chẳng lẽ chuyện linh thiêng đã xảy đến với tôi đêm hôm đó? Một tích tắc thôi, giữa lành và dữ chỉ một tích tắc thôi?

Không, tôi không nghĩ như vậy. Có thể tối đó bà Hường bỗng cảm thấy thiếu hơi người bên cạnh giường nên chợt thức dậy. Có thể chị Luyến đi nhẹ nhẹ, mở cửa sắt rất khẽ, nhưng một tiếng động nhỏ cũng đủ làm rung động một giấc ngủ đã chập chờn. Giữa bà Hường với tôi, tôi có thể vỗ ngực nói với bà rằng tôi vẫn đứng ở bên kia bờ tích tắc, bên kia sợi tơ. Nhưng giữa tượng Phật với tôi, giữa tôi với tôi, tôi đã bước qua bên này bờ từ lâu. Ý của tôi, tôi biết, Phật biết. Chị Luyến không có gì để xin lỗi tôi, tình cảm và hành động của chị trong sáng. Người không trong sáng với chị, với bà Hường, với tôi, là tôi. Có một chút gì giả dối nơi tôi khi tôi giả vờ với chính tôi, khi tôi tránh né không soi ánh sáng của lương tri đến tận biên giới của ý thức.

Tôi quỳ xuống trước tượng, mơ hồ nghĩ đến mấy chữ "thân, miệng, ý" trong một bài kinh. Cháu gái bên cạnh kính cẩn nói nhỏ: "dạ thưa, dưới tượng có mấy chữ". Tôi nâng tượng lên, thấy có dòng chữ viết, đúng là nét chữ của bà Hường: "Tượng này là của cậu Văn. Khi nào cậu đến chơi thì trao lại cho cậu".

Tôi bàng hoàng bước xuống cầu thang, từ giã cháu gái, quên hỏi cháu là con ai, con của cô Thoa hay biết đâu là con của chị Luyến.❐


## qua mấy trời sương khuya

*thi tập của Hoàng Lộc*

**Văn Mới** xuất bản, tranh bìa Đinh Cường, Phụ bản Đinh Cường & Huỳnh Ngọc Diệp, trình bày Phan Xuân Sinh, phổ nhạc Đynh Trầm Ca, sách dày 200 trang, giá **12 MK**.

*Thi tập gồm 80 bài thơ tác giả chọn lọc từ một thi nghiệp kéo dài 30 năm. Thơ trải dài ba thập niên, mà thi tập như một khối nhất quán, như tác giả vừa chụp lấy bút viết một mạch trong một đêm. Đọc kỹ, mới thấy cái nhất quán ấy là "chất Quảng" của thơ Hoàng Lộc: giọng bi tráng của kẻ sĩ bất phùng thời, chất trí tuệ cao ngạo từ Đặng Dung, Cao Bá Quát; và cái rắn rỏi duy lý của quê hương Hội An, Quảng Nam.*

Văn Mới: 1528 S. La Cienega Blvd. Los Angles CA 90035 USA

# Đất hẹp

*Hồ Đình Nghiêm*

Nhà quàn Bougie nằm trên con đường dẫn ra ngoại ô. Nó như một lằn ranh được mọc lên, vô tình ngăn chia sự tạp nhạp của phố phường, chận đứng những thứ tiếng động dài hơi lại và rồi mở ra sau đó những lối đi trống trải, với bát ngát đồng cỏ chạy tứ tán về phương trời xa. Nhà quàn, tự thân nó, đã là hình ảnh của chia lìa, của ngăn cách rồi. Mọi thứ khác chỉ trang điểm thêm vô, chỉ trùng hợp ngoài ý muốn.

Đường tới nhà quàn cây cối xanh tươi, trồng ngay hàng thẳng lối. Cây không mấy cao và những cành lá xum xuê luôn đan kết với nhau khiến người ta có cái cảm giác dễ chịu là được đi dưới sự che chắn của thứ bóng im mát chẳng đứt đoạn. Con đường không mấy rộng, có tấm bảng sơn trắng lưu ý những người lái xe hãy kềm giữ tốc độ từ ba mươi cây số giờ trở xuống. Sự yên tĩnh thường trực chiếm giữ lấy một vùng không gian. Nghe mơ hồ tiếng kêu lách cách đều đặn của cái vòi phun nước nằm cuộn mình ẩn dưới cỏ như một con rắn lục kỳ dị. Một con rắn rung chuông nhân tạo, và gửi theo tiếng kêu của nó, nước sẽ phun đi xa, tưới ướt đẫm một vùng cỏ mượt mà. Cỏ chạy từ lề đường xi-măng lên tới tuốt nhô đất cao bưng bít tầm nhìn. Nó không giống một sân chơi golf, nó tựa một cái nghĩa địa mà người ta sợ những tấm mộ bia khi trồng dựng lên sẽ làm rối mắt, mất mỹ thuật.

Gió hiu hiu thổi. Góc vườn nhà ai phơi những tấm ra trắng luôn rung động. Sợi dây chùng xuống, vẽ một đường cong sáng ngời. Những cánh buồm không căng gió và những chiếc thuyền mãi loanh quanh không định được phương hướng. Trời hanh. Tháng bảy vẫn có những chiều mang thứ sắc màu ủ dột như vậy. Thứ ánh sáng mạnh bạo bị vây hãm bởi mây dày. Nó tức tưởi như một cơ thể đang sung bỗng chốc bị hao hụt khi phải dồn sức chống đỡ bệnh hoạn.

Vọng bị ung thư cuống họng, những câu nói đùa của Vọng không vì thế mà mất đi cái duyên dáng thường nhật. Người ta nhìn vẻ lạc hồn trên khuôn mặt Vọng, nhưng sau đó những nghi hoặc của họ thảy bị nhận chìm rất mau. Họ dễ dàng tìm ra câu trả lời. Có mấy đứa viết văn luôn giữ cho mặt mình được bình thường? Vênh váo ở chỗ này và buồn bực ở chỗ khác. Một con gà trống khi đứng gáy và một con gà mái đang mắc đẻ.

Có cái cầu vồng mọc mờ nhạt, lưng chừng phía sau nhà quàn. Ống ả, huyền hoặc. Mưa rơi ở nơi nào mà chốn này hơi nước lẫn về trong gió hiếm. Lá xao xác, như nó biết rùng mình khi ngửi ra mùi hương trầm phảng phất. Mùi tử khí rất Việt Nam. Một nhân viên nhà quàn ngồi trực nơi bàn kê ở lối ra vào. Hắn có khuôn mặt láng lẫy đặc thù của một dân tộc hãnh diện về món Pizza, Spaghetti. Hắn vô cảm, không dị ứng với đám mây trì nặng từ trong trôi dạt ra, nhưng hắn sẽ đứng lên, can thiệp với bộ điệu chẳng mấy thiện cảm nếu thấy một kẻ buồn miệng đang đứng lớ ngớ châm lửa điếu thuốc. Sau lưng hắn là cái hành lang thấp hà tiện những bóng điện yếu watt. Hành lang mù mờ, là con lộ duy nhất mở ra những căn phòng có kẻ thuê nằm chờ hóa thân về với cát bụi. Và cái nhà quàn này, sao nó có đầy sự đe dọa như cái Bates Motel trong phim Psycho. Thùy Mị bước lên những bậc cấp, cô nghĩ tới tấm màn nylon, cái bóng đen đứng thầm lặng bên ngoài và rồi tiếng kêu thảng thốt của những cái móc sắt khi tấm màn bị níu kéo, đứt rời.

Vọng nằm căn thứ 5. Cửa rộng mở nhưng ngược lại có cái giá dựng tấm bảng đen đứng án một góc. Những con chữ bằng nhựa trắng sắp trên bảng xộc xệch như thứ đồ chơi cho trẻ con học tập mẫu tự và vọc đùa với toán số. Nó không tiên liệu trước sự rắc rối dành cho những thân chủ người ngoại quốc cho nên tên Vọng không cách nào có được cái dấu nặng bên dưới. Vong là tiêu vong, là biến mất, là xóa sạch. Còn Vọng? Là sự chấn động, là dội về, là âm ba, là trùng trùng những sân si chẳng bao giờ diệt sạch.

Những người đến viếng linh cữu thảy đều phải đi qua cái bục gỗ. Ngọn đèn, cây bút và cuốn sổ đặt ở đó lưu giữ chân bước rụt rè của họ lại trong phút giây. Nếu trong quang cảnh dễ làm chảy nước mắt này mà ai đó lòng còn dấy lên những tạp niệm u tối khác, giả như nhác thấy một "người đẹp" vừa xuất hiện sáng lòa, thì họ rất dễ dàng để biết ra ngay ra cái xuất xứ hiển lộng kia. Tên họ và địa chỉ chưa khô nét mực còn nằm cứng người trên trang giấy.

"Xin lỗi, cô là Thùy Mị có phải không?"

Người con gái thoáng bối rối, hoặc giả đó là cái bối rối thường trực khi cô đặt chân vào lãnh địa của nhà quàn.

"Lâu quá rồi, có thể Thùy Mị đã khuấy quên tôi".

Thùy Mị. 365 rue Vincent. Appt.#25. Ville St-Laurent sẽ rụt rè ngó lên khuôn mặt thằng đàn ông. Trong lúc này, cô không thể bình tâm mà lục soạn trí nhớ mình được, vả lại cái đứa đứng gạ chuyện kia chẳng có đui què mẻ sứt gì ráo. Nó bình thường tới độ tầm thường, nó chẳng mang dấu vết dị hình để khiến mình phải thảng thốt nhìn nhận ra ngay. Thằng đàn ông hiểu được chuyện ấy hơn ai cả, hắn còn biết thêm một điều, là khi đứng gần kẻ chết, tuồng như lòng dạ của kẻ còn sống có phần nào mềm đi. Độ lượng hơn, rộng rãi hơn, quên bẵng đi những hoài nghi mà thường khi họ xem đó là cách ứng xử an toàn nhất trong cuộc sống.

"Muốn hay không, khi đến tiễn đưa Vọng lần cuối này, mặc nhiên chúng ta đã có một sợi dây liên hệ nào đó rồi, Thùy Mị thấy không?"

Giọng nói hắn nhỏ, gần như thì thầm bên tai cô. Làm như to tiếng hơn một chút thì có thể đánh thức Vọng dậy, và đó là điều mà chẳng ai muốn cả. Thùy Mị xem đó là cách lí giải hay nhất, cộng thêm chút tự trọng bởi không làm phiền đám đông. Cô cần một người đồng hành để giúp cô có sự can đảm khi đứng sát bên quan tài Vọng. Với cô, bao giờ người chết cũng dễ sợ cả và cô luôn ngờ vực câu nói: "sợ là sợ người sống chứ ai lại sợ kẻ chết". Trước khi bước vào bậc tam cấp, ở ngoài sân Thùy Mị đã nghe tiếng nói đùa của hai gã đàn ông: "Tụi này nó lấy chữ Bougie để cầu chứng môn bài mần ăn nghe cũng hay nhỉ? Mẹ, ông ngán tới độ teo bu-ri!". Thùy Mị hiểu chữ teo bu-ri nhằm ám chỉ cái vật gì và cô không cho lời đùa nghịch kia là vô duyên. Cô sợ nhìn mặt người chết, dẫu người đó là Vọng. Và cô sẽ không hiểu được bộ phận nào trên cơ thể cô sẽ teo lại khi đối đầu với niềm sợ hãi. Có một đứa tự nhận là người quen cũ khiến Thùy Mị đỡ phải teo... tim.

"Tôi không biết cách thức vái lạy người chết. Tôi đi theo Thùy Mị để bắt chước học lóm, đồng ý không?"

Thùy Mị gật đầu. Không ai đủ nhẫn tâm để từ chối lời yêu cầu đáng thương ấy cả.

Vọng. Cuối cùng thì tôi cũng đến bên anh. Tôi đến trễ và một lần nữa, giữa chúng ta luôn còn đó sự ngăn cách. Lần này thì trầm trọng hơn, nó chẳng giống trò chơi cút bắt nữa. Anh bị đạp mạng và anh sẽ thực sự biến mất. Còn tôi, bao lâu nữa thì tôi mới thực sự quên hẳn anh? Người ta bôi son trét phấn làm anh lạ lùng hẳn ra, anh trẻ trung anh tươi hồng tới độ kỳ cục. Phấn son là thứ của đàn bà, người ta cho phép đàn ông sử dụng khi mà kẻ đã đã thực sự xuôi tay. Anh có bực mình vì chuyện đó không? Thời trước, anh vẫn xa lánh những đứa mà anh bảo chúng nó luôn đeo mặt nạ. Anh luôn cô đơn, bởi vì trước tiên anh là một nghệ sĩ, và sau rốt, tôi đồng

tình với anh một điều: thật khó cho chúng ta kiếm được một người bạn chân tình, bên kia trái đất cũng như bên này bán cầu. Thôi anh đi. Hằng năm, vào ngày này tôi sẽ nhớ thắp lên cho anh một nén hương.

Thùy Mị bước ra khỏi đám đông, đi tới cửa. Cô dừng chân dưới bậc thềm, đứng hít thở mùi đất nồng mùi cỏ ẩm. Đầu hơi váng vất, đôi mắt cay, Thùy Mị nhìn nhớ ngoại cảnh một lát rồi mới biết đâu là trạm dừng của xe buýt để mang cô về lại thành phố.

"Lên xe đi. Tôi sẽ chở Thùy Mị về".

Thùy Mị nhìn thằng đàn ông ngồi trong xe. Xe nổ máy, lăn bánh chậm rãi bên hông.

"Tôi tên Đán. Tôi nghĩ là sẽ có nhiều điều mà Thùy Mị muốn biết".

"Về chuyện gì?"

"Về Vọng".

Đán. Cái tên chẳng đánh động chút gì vào ký ức của Thùy Mị.

"Anh với Vọng quan hệ ra sao?"

"Lên xe rồi hẳn nói. Thứ bảy, đợi cả tiếng mới có xe buýt".

Thùy Mị nhìn quanh. Bên phải, đồng cỏ rộng và xa lộ vạt xẻ một đường đen hút mắt dẫn tới cái cầu treo. Xe cộ chạy ùa về phía đó như có ma đuổi. Hai ba giờ chiều, trời đất âm thầm chứa một nỗi buồn trĩu nặng làm chân đi chóng mỏi. Thùy Mị mở cửa, trong xe có tiếng nhạc, xa vắng, quen thuộc. "Nhớ tới ngày nào cũng bước xuống... mùa thu quyến rũ anh rồi..."

"Tại sao không rẽ tay trái?"

"Đi theo lộ trình xe buýt à? Mình lấy xa lộ sẽ mau hơn".

"Bao lâu thì người ta sẽ chôn cất anh Vọng?"

"Thứ hai. Có lẽ vậy".

"Tại sao ở bên đây cứ nghe tin người chết hoài trong khi lý ra..."

"Lý ra chuyện gì? Buồn bã, lạc lõng cũng dễ làm mình đổ bệnh vậy!"

"Tôi không tin. Ở bên nhà, mọi điều kiện sống đều thua hẳn bên này vậy mà người ta cứ sống nhăn. Sống trân tráo".

"Thùy Mị qua đây đã lâu chưa?"

"Gần ba năm".

Thùy Mị trả lời. Cô nới lỏng sợi dây an toàn, thoáng khó chịu.

"Anh Đán thì sao?"

Đán nhìn chiếc áo trắng của Thùy Mị. Sợi dây đen gài chéo lên đó, luồn ở giữa và vì vậy ngực của Thùy Mị có cái gì đó bắt mắt.

"Mười hai năm. Tôi sắp đổi xe lần thứ ba... Ý tôi muốn nói là xứ này, tuyết nó làm tuổi thọ của mỗi chiếc xe kéo dài được sáu năm thôi. Thùy Mị thấy đó, sắt thép còn vậy huống hồ con người!"

"Anh quen anh Vọng trong trường hợp nào?"

"Hồi nãy trong nhà quàn tôi cũng tự hỏi vậy mà không nhớ ra. Một cuộc nhậu? Một buổi ra mắt sách? Một cuộc triển lãm tranh? Dẫu sao thì chúng tôi cũng đã có với nhau những thứ gần như tình bạn... Thùy Mị khát không? Tụi mình ghé vào quán nước nhé?"

"Không cần thiết. Khi khác đi. Tôi thấy chẳng được khỏe".

Mây dồn xuống thành phố. Những vệt nắng loang lỗ rải đều trên đường bị chùi sạch đi. Trời sẽ đổ mưa, và mưa sẽ tắm gội những thứ cắm trên mặt đất, chẳng bỏ sót. Người ta sẽ dễ dàng hơn trong việc xẻ xắn một cái mộ huyệt. Những cái dù đen sẽ trương ra, mưa tráng một lớp thủy tinh trước tầm nhìn. Những bóng đen di chuyển nhấp nhô bên hàng thập tự trắng có trong một nghĩa địa gầy ốm bóng cây.

"Chẳng được khỏe? Có cần uống thuốc không? Advil? Tylenol?"

"Anh có sẵn?"

"Không. Gần đến nhà rồi. Đừng đổ thừa là lối lái xe của tôi dễ làm kẻ khác chóng mặt. Ai cũng thế cả, bước khỏi nhà quàn làm sao mà giữ được lòng thư thái?"

Xe chạy qua một cái chợ lộ thiên. Mùi cá tanh ở đâu đường và cuối đường là mùi thơm của đào, dâu, cam quýt chuối mận trộn lẫn cùng đủ thứ hoa tươi.

"Buổi tối khi chợ vãn, ở lòng đường còn gửi mùi lên ô cửa phòng tôi. May một điều là họ không hoán đổi vị trí cái chợ cá. Ban đêm thao thức, ngửi mùi trái cây vương vấn, tôi có cảm giác mình là một oan hồn đang hưởng "chùa" thứ hoang hoa của bá tánh!"

Thùy Mị hơi chúi người khi xe dừng ở một cái sân đất. Bên kia hàng rào sắt có bọn nhỏ chơi trò đá banh và những thứ tiếng động không ngớt chạy ùa ra tới đường cái, kể cả bụi bặm.

"Vào nhà một lát cho biết. Tôi dành cho Thùy Mị một ngạc nhiên".

"Ngạc nhiên? Tôi đang có mặt ở đây, giờ phút này, chưa đủ là một ngạc nhiên à?"

Đán mở cánh cửa gỗ không phát tiếng động, dùng lưng để dọn sẵn một lối đi.

"Tôi có giữ được hai bức tranh Vọng vẽ đã lâu. Bảo đảm Thùy Mị sẽ xúc động khi nhìn lại chúng".

"Anh còn bảo đảm thêm chuyện gì khác cho tôi không?"

Thùy Mị nói khi bước vào phòng. Đán bật đèn, đóng hai lần cửa.

"Đừng đùa. Hãy uống trước một viên thuốc cho bảo đảm rồi hẳn nói chuyện".

"Anh ở một mình?"

"Tạm thời thì như vậy? Bởi vì cuối cùng thì ai cũng phải lập gia đình cả, đúng không?"

"Chưa chắc?"

"Thùy Mị ngồi xuống đó đi. Ừ, chưa chắc; nhưng có thêm một người trong nhà thì đỡ tủi hổ, đỡ lạnh lùng, đó là chưa nói tới trường hợp bị ốm đau... Tôi mở quạt máy cho mát, Thùy Mị thấy nóng không?"

Gió đi qua rồi lại lùa về. Tóc Thùy Mị rối thường trực và tấm màn buông che cửa sổ lay động từng chặp. Căn phòng ngăn nắp, Thùy Mị nhận xét, bởi vì thực ra nó chẳng có gì nhiều để tạo nên sự lộn xộn. Tạm bợ, và dường như điều ấy không đủ chứng minh chủ nhân là một kẻ độc thân. Đán từ nhà sau mang ra hai ly nước. Thùy Mị đón lấy uống rồi nhăn mặt đặt xuống bàn:

"Thứ gì vậy?"

"Một loại rượu nhẹ. Để xua đuổi tử khí. Thùy Mị biết không, những tay làm ở nhà đòn đều phải tợp rượu mạnh cả".

"Vậy à? Họ cố kềm giữ để khỏi phải sợ hãi?"

"Không rõ. Tìm đến rượu thì có nhiều nguyên nhân, đa số đều phát xuất từ buồn nản... Thật lạ lùng, trước đây tôi quen một người bạn do bởi ngồi chung bàn trong một cái đám cưới. Và giờ này là đám ma, nếu Thùy Mị cho phép tôi dùng tới chữ bạn..."

"Vách trống trơn, tranh đâu không treo?"

"Tôi treo trong phòng ngủ. Để tôi mang ra xem, và Thùy Mị sẽ hiểu do đâu tôi đặt nó trên đầu chỗ nằm".

Đán quay lưng. Hắn cao hơn Vọng, hơi chải chuốt. Hắn có dáng vẻ một tên làm ở hãng bán xe hơi, hoặc một công ty chuyên lo ba cái vụ bảo hiểm. Những công việc hoàn toàn trái khuấy với con người Vọng. Thùy Mị uống thêm một hớp nước. Ngọt, chua, nồng và tê lạnh ở đầu lưỡi. Trong rượu tuồng như có pha sẵn một ít mùi vị trái cây. Một đằng nó làm giải khát và đằng khác nó bay biến đi mau, để lại một cần cổ khô khốc.

"Trong hai bức, đây là bức mà tôi quý nhất".

Đán nói. Hắn đặt tấm tranh trên một cái ghế trống và nhìn rõ sự biến đổi trên gương mặt Thùy Mị. Hắn lùi lại, tự mãn không khác kẻ đã làm nên một kỳ tích. Hắn ngồi xuống mặt nệm, cái sofa rùng mình lan truyền qua người Thùy Mị một cơn sóng. Nỗi váng vất có ở nhà quàn đã rút khỏi người Thùy Mị, thế vào đó cô đón nhận một sự rung động lạ kỳ.

"Dưới chữ ký của Vọng có đề năm. Đã mười lăm năm, theo tôi người trong tranh vẫn chẳng có gì đổi thay".

Thùy Mị nhìn mải miết như đang bị thôi miên. Như một người ngồi trước gương soi và lạc hồn nuối tiếc khi nhìn ra sự tàn phai có trên nhan

sắc mình. Tủi hờn và cảm động làm Thùy Mị muốn khóc. Thùy Mị khỏa thân trong tranh nhìn tới cô bằng ánh mắt dịu dàng. Vọng vẽ thật xuất thần, tia nhìn kia nửa an ủi cô, nửa đe dọa. Nó làm Thùy Mị ngạt thở.

"Anh Đán. Tôi muốn... anh bán lại bức tranh này cho tôi".

"Bán nó? Theo cô thì tôi phải ra giá là bao nhiêu... một tác phẩm nghệ thuật..."

"Bao nhiêu cũng được... Anh nói đi..."

Đán cười. Tiếng cười sắc, cao. Suốt buổi, lần đầu tiên Thùy Mị nghe giọng cười của hắn. Cô nghĩ, có gì bất thường đang rung nơi cần cổ kia.

"Nếu tôi là đứa không túng thiếu, không cần tiền bạc thì Thùy Mị tính sao?"

Ly rượu làm đầu Thùy Mị trì nặng. Mặt cô nóng và có lẽ cô chẳng còn chút sáng suốt để toan tính. Cô ngồi yên trên ghế, bềnh bồng với tất cả những hình ảnh cũ vừa lùa về. Trời nóng, chiếc áo thun ướt đẫm dán vào da thịt. Một góc vải trắng che mất nửa người Vọng, đầu tóc anh rối và con mắt dưới đó như một luồng sáng thỉnh thoảng quét lên cơ thể Thùy Mị. Nó có thể lột trần mình ra một cách kỳ diệu, trung thực đến độ phải phát hoảng khi mình nhìn thấy bề mặt tấm tranh. Nếu dùng cọ nhỏ để chấm một nốt ruồi son bên trên ngực trái thì khi ấy tranh với người sẽ là hai giọt nước.

"Anh đừng chơi ác. Xin anh hiểu cho bức tranh này nguyên thủy là của tôi. Một ngàn đồng, anh đồng ý không?"

Đán cởi cà-vạt ném xuống ghế, hắn trạc áo và xắn cao ống tay lên gần nách. Hắn có bôi deodorant ngăn mồ hôi và mũi Thùy Mị ngửi được thứ mùi thơm làm choáng váng. Bức tranh, ly rượu, căn phòng đóng kín cửa, quạt máy khuấy động thêm sự bần thần... Mọi thứ có vẻ như sắp đặt.

"Trời đã đổ mưa, xem chừng nó giữ Thùy Mị lại đến tối".

"Anh Đán, thực ra thì anh muốn gì?"

"Thùy Mị đoán thử coi".

Thùy Mị nhìn hắn. Không, Vọng chẳng thể có một người bạn như hắn. Cũng như hắn không thể làm chủ bức tranh này được. Không đủ tư cách!

"Anh có bao rác không? Loại bao rác lớn..."

"Để làm gì? Thế áo đi mưa à?"

"Làm phiền anh bọc hộ bức tranh kia lại, xong rồi tôi sẽ nghe theo điều kiện đánh đổi của anh".

"Tốt lắm. Tôi rất yêu sự thẳng thắn của Thùy Mị. Tôi cũng rất có cảm tình với cái tên Thùy Mị. Thùy Mị, Thùy Mị... Tại sao lại không là Thông Minh? Làm thêm một cốc rượu nữa nhé?"

"Sẵn lòng. Uống cho có can đảm".

"Thùy Mị nói gì ghê vậy? Không sợ say sao?"

"Được say lại càng tốt. Khi say thường người ta phải mửa ra, đúng không? Một ngày nào đó cái chợ cá đằng kia sẽ dọn tới đây cho xem, anh tin không?"

Rượu đổ tràn ra ngoài ly, chảy ướt một vạt áo Thùy Mị. Màu trắng bị hoen ố, nước xâm thực mau trên vải như cái tả của một đứa bé đang làm bậy. Chẳng hề chi! Rồi mưa sẽ tắm gội tuốt những dơ bẩn khác có trên người. Cơ thể Thùy Mị nóng ran. Cô nằm dài ra trên ghế:

"Đã gói dùm tôi bức tranh chưa? Tôi đọc ở đâu đó chuyện kể một bà mẹ thuê nhà ở gần chợ... Chắc anh không hề nghe qua? Đứa con chửi thề như sáo. Hoảng quá bà tới mướn nhà sát bên một trường học..."

Cái ly thủy tinh trên tay Thùy Mị rơi xuống nền xi-măng. Tiếng vỡ dội vào ngực cô đau râm ran một nỗi buồn của mất mát. Thùy Mị nghĩ tới những hạt nút bị cởi ra, áo này áo nọ, quần này quần kia. Da dẻ sẽ nổi gai ốc và sau đó... Cô nhắm nghiền mắt lại. Trong trí cô, khuôn mặt phấn son kỳ dị của Vọng lại hiện ra. Anh ta nhắm mắt nhưng sao khuôn mặt anh ta hoàn toàn không được thư giãn như một kẻ ngủ say. Vọng ơi, có lẽ em cũng đã chết một nửa người rồi!

Mưa cào rầm rộ trên cửa gương. Quạt gió vẫn luân phiên thổi. Thùy Mị co rút người lại khi bên tai cô có tiếng thở rất gần. Hâm hấp nóng. Tấm nệm lún xuống, mùi thuốc bôi nách xông đầy. Chiếc giày rời khỏi chân, lăn lóc đâu đó rồi nằm yên. Thùy Mị chìm dần, chìm... sâu... Bao lâu thì Vọng sẽ bị hạ huyệt?❐

Đón đọc thi tập thứ ba của
nhà thơ *Trần Hồng Châu*

hạnh phúc đến từng phút giây

Tác phẩm thứ 8 do Tạp chí Văn Học xuất bản
Văn Nghệ phát hành vào tháng 9.1999

Giá 10 MK

# Những ngày về Biên Hòa

*tạp ghi của Hoàng Mai Đạt*

Như một cơn mưa nhẹ giữa mùa hè nắng cháy tại California, vợ chồng tôi bỗng quyết định về Việt Nam. Đúng hơn là về Biên Hòa, về sông Đồng Nai quê hương của vợ tôi. Hơn hai năm trước đây, chúng tôi cứ chần chừ, nửa muốn về, nửa muốn quên đi cho qua hết một mùa hè ngắn ngủi. Thế rồi vài tháng sau đó cha vợ tôi qua đời, khiến cho tôi rất ân hận kể từ đó cho đến nay. Ba tôi đã 80 tuổi. Cầm trong tay những bức hình cuối cùng của ba, tôi đã không biết làm sao để nắm được bàn tay gầy yếu, để nhìn đôi mắt trũng sâu của một người mà trong dáng đi đủng đỉnh thấp thoáng hình ảnh của vợ tôi, để nghe ba nói chầm chậm về những ngày mưa nắng như ba đã từng nói qua điện thoại với chúng tôi. Ba thích nói về nhiệt độ với những con số rất chính xác, về những nơi đang mưa dầm hay nắng cháy tại Việt Nam. Hình như ba chỉ thích nói về thời tiết và thiên nhiên, có lẽ vì hai đề tài đó gần gũi hơn với ba, và có thể vì ba không còn quan tâm đến những đổi thay chung quanh cuộc sống của một người đã lớn tuổi.

Thế rồi ba đã mất sau một mùa hè đầy chần chừ và ngần ngại của chúng tôi. Chần chừ và ngần ngại vì chúng tôi không có đủ tiền để mua vé máy bay, vì hai đứa chúng tôi không thể nghỉ làm vài ngày để đi xa đến bên kia trái đất, và cũng vì tôi ngại mấy ông công an sẽ kiếm chuyện và kiếm tiền với chúng tôi, như họ đã làm với những bạn bè của tôi từng về và chưa muốn trở lại Việt Nam. Chần chừ rồi suy đi tính lại, cuối cùng chúng tôi cũng gom góp đủ cho một đứa có thể về nhân dịp cúng một trăm ngày. Lúc tiễn vợ và con gái tại phi trường, tôi cảm thấy tiếng tiếc khi nhìn chiếc máy bay khổng lồ chạy từ từ ra ngoài phi đạo. Máy bay này quá lớn, chắc chắn vẫn còn một chỗ nhỏ cho tôi và hai đứa con trai lớn về Biên Hòa. Thế nhưng tôi vẫn ngần ngại, chưa dứt khoát muốn về Việt

Nam.

Vợ tôi quê ở Biên Hòa và còn nhiều bà con ở bên ấy để trở về. Còn tôi, tôi không còn ai ở quê Nha Trang. Tôi đã sinh ra tại Nha Trang và nhận nơi ấy làm quê hương, mặc dù cha mẹ tôi cũng chỉ là những lưu dân tạm thời bén rễ ở thành phố đó một thời gian. Tôi không còn ai quen biết ở Nha Trang, vì toàn thể gia đình tôi đã qua đến Hoa Kỳ. Nói là toàn thể cho có vẻ đông đảo, chứ thật sự gia đình tôi chỉ có ba người, gồm mẹ và hai anh em chúng tôi. Ba mẹ con thương nhau, cãi nhau, bực nhau, chán nhau và cũng hiểu nhau nhất, từ ngày còn nằm chung giường ở Nha Trang, qua đảo Guam, sang những ngày mẹ có phòng riêng tại Pennsylvania cho đến ngày tôi có gia đình riêng tại California.

Thân nhân bên ngoại tôi đã tản mác đến nhiều nơi và không gần gũi với anh em chúng tôi như những họ hàng bình thường khác. Về phía nội chúng tôi cũng không có ai. Cha tôi đã rời quê ở miền Bắc từ thuở bé. Ông sống tá túc trong một gia đình nuôi nào đó và lang thang một mình xuống miền Nam khi chưa hết tuổi niên thiếu. Sau nhiều năm làm thủy thủ trên những chiếc tàu hàng hải, ông đã gặp mẹ tôi vào một ngày kia tại Khánh Hội, Sài Gòn. Ngày gặp nhau đó chắc là một ngày đẹp trời, êm ả với nhiều cụm mây trắng bay nhè nhẹ trên bầu trời xanh biếc, vì tôi không bao giờ nghe mẹ nói "ngày tao gặp bố mày đứng lấp ló ở ngoài cửa" thì trời đang đổ mưa, giông to gió lớn, hay sét đánh ầm ầm, trời đất quay cuồng theo luân vũ mùa mưa, vân vân. (Tôi đang bị lây bệnh của ba vợ, vì khi không lại nói qua chuyện thời tiết, chẳng ăn nhập gì đến chuyện bà con bên nội tôi. Nhiệt độ hôm gặp nhau ấy chắc mát mẻ, khoảng 75 độ F hoặc 25 độ C, với gió hiu hiu khoảng 25 cây số một giờ, thổi lên từ hướng biển đông nam.)

Sau vài năm nhập ngũ và được đưa ra miền Trung, cha tôi đã tử trận tại Tuy Hòa vào năm 1965, khi tôi được năm tuổi và đang sống tại Nha Trang. Cha mất trong một trận đánh chắc cũng không có gì quan trọng, vì cho đến nay tôi không nghe ai nói đến trận đánh Tuy Hòa. Tôi có nghe đến những trận "Tết Mậu Thân", trận "mùa hè đỏ lửa", trận "Hạ Lào", trận "Bình Long, An Lộc", trận "Điện Biên Phủ", vân vân, những trận có rất nhiều người chết và vẫn còn được người ta nhắc đi nhắc lại. Thế nhưng tôi chưa bao giờ được nghe đến trận "Tuy Hòa". Hôm ấy chắc đôi bên đang rình rập nhau ở một bìa rừng, rồi họ bắn sẻ dăm ba phát vào nhau cho vui, cho có chuyện để nói trong một ngày bình thản chiến sự, rồi tình cờ một phát đạn trúng vào cha tôi, giúp cho ông được thăng chức trên giấy khai tử, từ binh nhì lên binh nhất.

Cha tôi mất, mang theo tất cả những gì tôi muốn biết về quê hương ở

miền Bắc của ông, kể cả những thân nhân mà tôi không được nghe và sẽ không bao giờ được gặp. Tôi chỉ còn nhớ một, hai món quà lưu niệm mà ông đã mang về cho mẹ tôi từ Tân Gia Ba, Đài Loan, những bến tàu xa xăm mà hồi còn bé tôi không biết ở đâu. Những món quà đó anh em tôi cũng để rơi mất, trong lúc chúng tôi mải chen chân với những người lớn, leo lên một chiếc phà và thoát khỏi bến tàu Sài Gòn vào một ngày cuối tháng Tư. Cha tôi mất khi ông mới có hai mươi tám tuổi, có nghĩa là còn trẻ hơn tôi bây giờ đến hơn mười tuổi. Con bé gái sáu tuổi của tôi vẫn thường cười và nói rằng nó không hiểu, mỗi khi nghe tôi nói rằng tôi đang già hơn ông nội của nó. Đối với nó ông nội phải là một người râu tóc bạc trắng, tay chống gậy và ăn nói chậm chạp. Nhiều khi tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại có thể già hơn cha của mình. Không biết thời tiết ở nơi cha đến đang nắng hay mưa.

Tôi ngần ngừ không muốn về Việt Nam, một phần vì tôi không còn ai ở bên ấy để trở về. Phần khác, tôi đã rời Việt Nam quá lâu, từ năm 1975, và đã sống hơn phân nửa đời tại Hoa Kỳ. Có phải tôi cần về Nha Trang để nhìn lại một góc phố, tìm một ngõ hẻm, hay đến những lớp học, kiếm một cửa quán và cũng từng là nhà trong chợ của anh em tôi?

Trên những con đường chung quanh khu chợ Xóm Mới, tôi và mấy đứa bạn đã từng chạy rong và đếm những ngôi nhà có quan tài nằm giữa nhà. Tiếng khóc trong "mùa hè đỏ lửa" và những ngọn nến lung linh chắc không còn ở những góc phố. Vào những đêm đen có tiếng súng, tôi và lũ bạn trong chợ từng chạy tung ra ngoài đường, để tìm chụp những cánh dù rớt xuống từ những đóm hỏa châu đã cháy sáng. Giành được một cái dù là niềm vui của đám trẻ chúng tôi trong những đêm đen ấy. Rồi ở trường tiểu học Tân Phước, trong một ngày vắng bóng các thày cô, một lũ học sinh vài chục đứa chúng tôi đã kéo nhau vào trốn trong một lớp học, để lắng nghe tiếng súng và thỉnh thoảng nhìn ra ngoài cửa hướng về một bệnh viện nằm ở bên kia đường. Người ta đang bao vây bệnh viện, để bắt một ông bác sĩ chống tham nhũng và đang cố thủ ở bên trong. Vài ngày sau đó, đám con nít chúng tôi được thấy hình ông bác sĩ trên trang nhất của một nhật báo từ Sài Gòn. Ông nhắm mắt và nằm chết với những phát đạn trên người.

Ngồi trong trường trung học Võ Tánh tôi cũng từng nghe tiếng súng, trong những ngày cuối cùng trước khi ba mẹ con chúng tôi ôm vài túi vải hành lý và lên xe đò về Sài Gòn, vào một buổi sáng khi mặt trời chưa ló dạng ở ngoài khơi. Nha Trang có bãi biển xanh vời, với bãi cát trắng chạy vòng như chiếc võng đong đưa giữa mùa hè, và nhiệt độ trong những ngày xa xôi ấy chắc cũng không nóng hơn bây giờ là bao nhiêu. Ngày lên

xe đò ấy cũng là ngày tôi để lại một buổi bình minh cuối hè, để lại cha tôi trong một nghĩa trang không có người chăm sóc. Khi tôi về thì trời sẽ mưa hay nắng?

Thêm một mùa hè trôi qua, tôi được xem những bức hình với nấm mộ của ba vợ, nằm đâu đó trên một thửa ruộng xanh ở ngoại ô Biên Hòa. Bên cạnh mộ của ba là một sanh phần được dành sẵn cho má. Mẹ vợ tôi năm nay đã gần tám mươi tuổi. Trong những lần nói chuyện bằng điện thoại, má cũng chỉ có thể nói được dăm ba câu với chúng tôi, trước khi hụt hơi và thở mạnh nhiều hơn nói. Nghĩ tới má và những ngày cuối cùng mà tôi biết cũng không còn là bao lâu, tôi mơ đến ngày tôi sẽ về Việt Nam, về một con hẻm nằm gần chợ Biên Hòa, cách xa khu phố Bolsa của chúng tôi gần 8,000 dặm đường, tức là đâu đó khoảng 13,000 cây số đường chim bay theo cách nói của cha vợ tôi.

Sau ngày vợ tôi trở lại California cùng hình mộ của ba, thêm một mùa hè trôi qua với chút do dự cho tôi và nhiều lần thầm lặng nhìn nhau của chúng tôi. Vợ chồng tôi đều biết tiền để dành của gia đình cũng chỉ đủ trả tiền nhà thêm một hoặc hai tháng, không đủ cho chúng tôi đi xa ngoài khu phố Bolsa. Thế nhưng mẹ vợ tôi còn đó, tại sao tôi không về thăm bà? Tiền vé thì chúng tôi có thể mượn thẻ tín dụng, trả vài tháng hay vài năm thì cũng hết nợ, đâu có sao, miễn là còn có việc làm. Công việc ở sở cũng sẽ không bị rắc rối thêm trong hai tuần nghỉ phép của tôi. Nghỉ một ngày hay không nghỉ ngày nào thì công việc cũng vẫn bận rộn và lu bu như thường lệ. Hai đứa con trai lớn mười sáu tuổi và mười bốn tuổi thì không muốn về với chúng tôi, vì thứ nhất là chúng không mấy thích thú chuyện chịu nóng, thiếu tiện nghi và thức ăn lạ miệng ở Việt Nam, và thứ nhì là chúng sẽ có dịp được tự do tung hoành ở nhà, tha hồ gọi điện thoại cho bạn bè mà không sợ bị chúng tôi yêu cầu phải ngưng sau nửa đêm. Còn chuyện có thể bị moi tiền ở Việt Nam thì chúng tôi đành chịu vậy, về bên kia rồi tính tiếp, đến đâu giải quyết đến đó, chần chừ hoài thì sẽ trễ thôi. Mà trễ lần này thì sẽ trễ muôn đời.

Nghĩ như vậy mà tôi sốt ruột và mong đợi được gặp má một lần, ít nhất là một lần trong đời, để được thấy đấng sinh thành của vợ tôi bên ngoài những tấm hình màu mà tôi vẫn thường ngồi xem chung với con. Tôi vẫn thường thắc mắc về tính tình hiền lành của vợ tôi, mà tôi cho rằng những tính này bắt nguồn từ má. Tôi có tật suy nghĩ lẩm cẩm từ thời thiếu niên mới bắt đầu nổi mụn. Mỗi khi thấy phụ nữ nào đi chung với mẹ, nhất là những phụ nữ mà tôi "có cảm tình đặc biệt", tôi thường quan sát người mẹ để mường tượng người con gái cũng sẽ lớn và già như người mẹ. Nếu thấy bà mẹ mập ù hoặc ốm nhách, tóc lưa thưa vài sợi như cỏ khô mùa hạn

hán hoặc tóc bạc bờm xờm như cỏ dại bị ngựa đạp, tôi sẽ nghi ngờ người con gái một ngày kia chắc cũng sẽ giống mẹ, cũng mập ù hoặc ốm nhách, cho dù bây giờ cô đang có đôi mắt nai, với vòng ngực rộng gấp đôi vòng eo.

Chưa gặp được đối tượng tình yêu thì suốt ngày tôi hay nghĩ vớ vẩn như vậy. Đến khi gặp được "nàng" rồi thì bao nhiêu thiên kiến về mẹ con mập ốm của tôi đều bị sét ái tình đánh tan tành. Gặp nàng, tôi bỗng biết làm thơ tình... buồn, thèm nhả khói thuốc bâng khuâng trong công viên đợi chờ, và bị đụng xe móp đầu móp đuôi đến hai lần. Vậy mà tôi vẫn chưa được gặp má vợ khi chúng tôi thành vợ chồng. Tôi biết tôi sẽ đón nhận một niềm vui khôn tả, khi tôi được nắm tay má và nhìn má lần đầu tiên trong đời. Thế nhưng tôi đã không hề biết bên cạnh má còn có cả một thế giới với những niềm vui khác, với bao nhiêu đổi thay trong chịu đựng và thương yêu, và với những dòng đời đang còn phải ngụp lặn bên trên những đợt sóng khốn khó. Thế giới đó đã bắt đầu hé mở khi tôi quyết định về Việt Nam, về sông Đồng Nai đang hiền hòa trôi quanh những nẻo phố đông người.

**Mua vé máy bay**

Chuyện mua vé máy bay và làm giấy tờ tôi giao hết cho vợ, vui vẻ như ngày tôi từng chấp nhận "trao hết cuộc đời anh cho em quản lý." Như hầu hết các bà vợ khác, nàng khéo hơn tôi về nhiều mặt, như tiếp chuyện với người lạ và điều hành ngân sách gia đình. Tôi chỉ giỏi hơn vợ ở chỗ biết giao tiền lương đúng ngày và biết ngồi im cười, không phát ngôn bừa bãi và nói chuyện trật đường xa lộ freeway, trong những lúc vợ chồng tiếp khách. Một lý do khác là vợ tôi đã từng về Việt Nam, và đương nhiên nàng rành chuyện này hơn tôi. Chuyện mua vé diễn ra mau chóng. Trong vòng một tuần lễ, vợ tôi xem báo, dùng thẻ tín dụng (của tôi) và mua xong ba vé máy bay về Việt Nam. Chúng tôi dự định về trong tháng Bảy, và vé đã mua xong trong tháng Tư, để còn kịp hạn giá "discount".

Trong khi chuyện vé diễn ra êm thắm, vấn đề xin giấy chiếu khán lại bị rắc rối. Chỉ trong vòng hai tuần lễ, chiếu khán cho vợ tôi và con gái tôi được chấp thuận, trong khi Tòa Lãnh Sự lại bác đơn xin chiếu khán của tôi. Họ không cho biết lý do tại sao. Vé đã mua rồi mà không có chiếu khán thì làm sao về Việt Nam bây giờ? Người bán vé cho biết là chúng tôi vẫn còn một cơ hội để lấy chiếu khán, nếu chúng tôi chịu đóng một lệ phí cho một "văn phòng bảo trợ" nào đó, "chỉ có vài chục đồng thôi". Chúng tôi cũng đành phải đóng lệ phí này, và vài tuần sau thì họ chấp thuận

chiếu khán cho tôi. Cho đến nay tôi vẫn không biết lệ phí kia đã được dùng cho mục đích gì? Có thể là để mướn công an đi xích-lô theo dõi tôi chăng? Không biết. Kể từ đó cho đến khi rời khỏi Việt Nam, tôi được biết thêm nhiều màn đóng tiền tương tự mà người trong nước gọi là tiền "bồi dưỡng".

Tại sở làm, khi biết tôi có ý định nghỉ hai tuần liên tiếp, ban quản lý không tán thành cho lắm. Tuy nhiên, họ cũng chấp thuận vì thấy tình trạng tâm thần của tôi đang sa sút đến mức đáng lo ngại. Bình thường thì tôi rất ít nói, mà đến mấy tuần trước khi mùa hè bắt đầu tôi càng ít nói hơn. Tôi thường đi tới đi lui trong phòng làm việc như một con gà đeo kiếng cận, thỉnh thoảng nghiêng đầu và trố mắt nhìn nhìn sững, rồi lại cúi mặt như đang tìm những hạt thóc rơi dưới đất. Đến khi chưa thấy có triển vọng được nghỉ hai tuần liên tiếp, tôi càng gia tăng áp lực thêm với họ, và trong những lần chào hỏi xã giao, tôi thường như vô tình nhắc đến chuyện những nhân viên lên cơn điên và nổ súng trong sở làm. Ngày nào ở Hoa Kỳ cũng có những chuyện điên như vậy. Có lẽ vì không muốn thấy con gà điên tiếp tục chắp tay sau lưng và làu bàu chuyện nổ súng, cuối cùng họ đã đồng ý cho tôi nghỉ hai tuần lễ.

Vài tuần trước khi lên đường, chúng tôi cũng tổ chức một buổi đi chơi xa vào một cuối tuần. Vợ tôi đề nghị buổi đi chơi xa này, vì nàng lo ngại "nhỡ không may" có chuyện gì xảy ra trong chuyến đi Việt Nam, thì ít nhất toàn gia đình chúng tôi cũng còn có thêm một kỷ niệm vui với nhau. Sự lo ngại của vợ tôi đã gia tăng nhiều hơn trong lúc chúng tôi lái xe đưa ba đứa con xuống San Diego xem sở thú ngoài trời. Với tính tình còn vô tư, đứa lớn nhất nói rằng nó có thể lên mạng lưới Internet và biết được chuyến bay của chúng tôi đang ở đâu trên thế giới, và hay hơn nữa là nó có thể biết rất sớm trong trường hợp máy bay... bị rớt. Hai vợ chồng tôi trợn mắt nhìn nhau. Tôi không biết nàng nghĩ gì trong lúc đó, riêng tôi, tôi đang tưởng tượng đến một con cá mập đang nhe răng cười và chuẩn bị gặm mấy cái xương gà còm của tôi. Buổi xem thú hôm ấy cũng kém vui cho tôi, nhất là những khi có con thú nhìn tôi và nhe răng cười như muốn gặm xương.

Trong những ngày trước khi về Việt Nam, vợ tôi cũng yêu cầu tôi phải ngưng làm việc ở ngoài vườn, để cho làn da của tôi không bị đen thêm. Nàng cũng bắt tôi phải ăn nhiều hơn trong mỗi bữa cơm, với hy vọng kế hoạch "vỗ béo" của nàng sẽ giúp cho tôi được mập mạp và hồng hào, để cho người nhà ở Việt Nam không thể chê chàng rể Việt kiều 75 gì mà gầy ốm và đen đủi quá tệ, đen gầy không thua gì người trong nước. Đứa con gái của tôi cũng bị mẹ "vỗ béo" và bị cấm ra vườn theo cha. Kế

hoạch của nàng không thành công cho lắm. Hai cha con tôi vẫn ốm ròm và ngăm ngăm đen trong ngày chúng tôi bước lên phi cơ tại Los Angeles.

Tuy không đen, vợ tôi cũng ốm vì lo. Vợ tôi có tật mất ngủ mỗi khi chúng tôi sắp đi chơi, xa hoặc gần. Nàng vừa náo nức và vừa lo lắng, cộng với chút lôi thôi và lỉnh kỉnh, khiến cho nàng không thể ngủ yên trong những đêm chúng tôi chuẩn bị đi đâu đó, kể cả đi cắm trại hoặc ra một bãi biển ở gần nhà. Trong suốt tuần lễ chuẩn bị lên đường về Việt Nam, chúng tôi dặn dò kỹ lưỡng hai đứa con trai những gì chúng cần làm trong hai tuần lễ vắng mặt bố mẹ: các con nhớ mang rác ra ngoài lề đường vào chiều thứ Tư, nhớ tưới cây cho mẹ hai lần mỗi tuần, nhớ cho cá ăn giùm bố mỗi ngày một lần, nhớ tự tắm rửa ít nhất là một lần trước khi bố mẹ về, và có dùng xà bông thơm và kem thoa nách thêm thì càng tốt. Tôi cũng liệt kê công tác cho hai đứa trên một tờ giấy dán trên cửa tủ lạnh, nơi mà chúng chắc chắn sẽ ghé đến nhiều lần trong ngày. Tôi cũng nhắn nhủ với những thân nhân, nhờ họ đến sống và canh chừng hai đứa "teenage", cung cấp lương thực và đừng để cho chúng mang bạn bè đến nhà và mở "party".

**Chuẩn bị đến phi trường**

Vì cần phải "tranh thủ" thời giờ, chúng tôi đã mua vé đi sáng ngày thứ Bảy, ngay sau khi tôi bắt đầu được nghỉ làm vào chiều thứ Sáu. Tôi đã mệt đừ vào nửa đêm thứ Sáu, thường xuyên nằm bò bên cạnh bốn cái va-li lớn mà tôi đã phải đóng lại, rồi mở ra nhiều lần để nhét thêm đồ theo lệnh vợ, rồi lại siết dây và khóa chặt, và kéo lê từ phòng ngủ ra ngoài phòng khách. Vào khoảng một giờ sáng khi mà tôi đã gục ngã và mệt mỏi trong giấc ngủ chập chờn, tôi còn nghe vợ lịch kịch mở va-li và nhét thêm đồ vào. Tôi cũng biết vợ đã nằm bên cạnh tôi một thời gian ngắn, trước khi nàng ngồi dậy và tiếp tục loay hoay với những thứ mà nàng sẽ mang về Biên Hòa, kể cả mớ quần áo làm quà cho đám cháu, mấy dây cà-vạt, vớ chân cho mấy anh em, phấn son makeup cho phía phụ nữ, thuốc gội đầu cho con gái và chai dầu cù là cho tôi, người dễ bị cảm cúm và thường xuyên bị bệnh lặt vặt. Vài ngày trước khi lên đường, vợ tôi đã cẩn thận mua một chai thuốc trị tiêu chảy, vì sợ thức ăn và nước uống ở bên ấy có thể làm phiền bao tử tôi.

Tuy thức sớm vào sáng hôm sau, tôi thấy vợ đã tắm rửa xong và đang tìm cách nhét thêm vài bộ quần áo vào va-li. Trách nhiệm của tôi chỉ gồm mấy sổ thông hành, vé máy bay và máy chụp hình. Con rể của một người bạn vong niên đã đến đúng giờ và đưa toàn thể gia đình chúng tôi đến phi

trường. Trong chiếc xe minivan chật và không đủ chỗ ngồi, tôi và đứa con trai thứ nhì đã ngồi bệt xuống sàn ở đằng sau xe, bên cạnh những va-li mập ù như mực ống nhồi thịt. Vì không quen ngồi dưới sàn xe và vì thiếu ngủ, tôi đã cảm thấy chóng mặt trong lúc xe phóng trên xa lộ, và đến khi bước xuống phi trường, mặt mũi tôi xanh lè, bên cạnh cô vợ cũng nhợt nhạt sau một đêm không được ngủ thẳng giấc, vì mải lui cui đóng mở va-li. Chỉ có ba đứa con là tươi vui trong lúc chúng tôi kéo va-li đi loanh quanh phi trường và làm thủ tục ghi danh với hãng máy bay.

Con bé con vui vì được đi chơi xa, đến một nơi mà nó đã từng quen nhiều người và đã từng chơi những anh chị lớn hơn nó vài tuổi. Hai thằng trai lớn thì cũng sung sướng, vì đây là lần đầu tiên chúng được tự do tung hoành trong nhà nhiều ngày mà không sợ bị bố mẹ quấy rầy. Tha hồ gọi điện thoại cho bạn bè đến nửa đêm, ăn lặt vặt và xem tivi thoải mái suốt ngày, không sợ bị chúng tôi kiểm soát. Khi được người bạn mang xe đến chở về nhà, hai đứa trai đã vội vàng phóng lên xe và quên không nói gì với bố mẹ. Chúng tôi phải đến sát cửa xe và thò đầu vào, để căn dặn chúng phải nhớ gọi điện thoại về Việt Nam theo giờ giấc mà chúng tôi đã ấn định, cho chúng tôi biết tình hình ở nhà như thế nào. Chúng gật đầu lia lịa và nói "biết rồi, biết rồi" trước những điều nhắc nhở quá nhiều lần của chúng tôi.

Đến khi trở lại phòng đợi lên máy bay, giữa đám đông ồn ào và nô nức, tôi chợt nhớ đến một chuyến đi khác đã xảy ra vài ngày trước đó. Trong chuyến đi nhiều ngày ấy, Tổng Thống Hoa Kỳ đã cùng với Phu Nhân và con gái viếng thăm Trung Quốc. Trên những bức hình đăng báo được chụp từ Tây An, Bắc Kinh, Thượng Hải cho đến Hồng Kông, cả ba người ấy lúc nào cũng tươi cười, hồng hào, biểu lộ đầy sức sống và có vẻ đang tận hưởng niềm vui của người đi du lịch. Tại phòng đợi của Hàng Không Đại Hàn vào lúc bấy giờ, nếu có ai chụp hình chúng tôi thì hình ảnh có thể cho thấy một gia đình homeless từ Bolsa. Vợ tôi đang dựa đầu vào vai tôi, một chân gác lên hành lý, miệng há, mắt nhắm nghiền và ngủ khò khò sau những đêm thiếu ngủ, trong khi tôi tóc tai bù xù, kiếng cận trễ xuống sống mũi và đang lờ đờ mở chai dầu cù là, xoa xức vài miếng vào mũi và vào trán, cho bớt nhức đầu và chóng mặt. Còn con Bé Cù, nó đang ngồi trên hai túi xách trên sàn nhà, canh chừng hành lý giùm bố mẹ. Cũng may con bé có đeo cặp kiếng mát đen và thường xuyên nghiêng đầu mỉm cười nhìn thiên hạ, nên bức hình của chúng tôi cũng bớt... mệt mỏi.

**Lên phi cơ về Sài Gòn**

Đến giờ soát vé lên phi cơ Korean Air, các nhân viên thường xuyên nói tiếng Đại Hàn và thỉnh thoảng xen vào vài câu tiếng Anh rất ngắn. Chúng tôi chỉ nghe được những chữ đầu "Ladies and Gentlemen" khi họ ngừng nói tiếng Đại Hàn, và rồi những chữ sau bị lạc trong những dòng chữ trôi quá nhanh, lẫn vào tiếng ồn của đám người đang xôn xao chờ lên phi cơ. Sau khi xếp lầm vào một hàng ngắn dành cho giới doanh gia, chúng tôi đi lững thững xuống gần cuối một đuôi hàng dài chạy vòng quanh khu ghế ngồi đợi. Thủ tục soát vé và sổ thông hành diễn ra mau chóng, và chúng tôi bước vào thân máy bay, lục tục theo đoàn người và tìm vào ghế ở khoảng giữa chiếc Boeing. Tôi ngồi ở ghế ngoài cùng, vợ ngồi chính giữa và con gái ngồi sát cửa sổ. Đến khi biết phi cơ bắt đầu di chuyển, tôi bỗng nôn nao và nghĩ đến những gì mà mình sẽ thấy đầu tiên tại Sài Gòn, nơi mà tôi đã rời xa 23 năm trước đây. Thấy tôi còn mơ màng nhìn ra ngoài cửa sổ, con gái tôi nhắc bố gài dây an toàn. Nó đã từng về Việt Nam trước tôi và vẫn thường chứng tỏ nó "lịch lãm" hơn tôi trong vấn đề đi du lịch nước ngoài. Con bé nói rằng lát nữa sẽ có các cô Đại Hàn "đẹp đẹp" đẩy xe và mang thức ăn đến cho "mình".

Như một đứa trẻ được lên phi cơ lần đầu, tôi nhìn những hàng ghế chung quanh, xem thử mặt mũi những người sẽ ngồi chung một không gian với tôi trong vòng mười tám tiếng đồng hồ sắp tới là những người như thế nào. Trước mặt tôi là hai đứa bé Đại Hàn đi cùng với một người mẹ. Tôi ít khi thấy thằng em và thường thấy đứa chị thò đầu lên nhìn xem chúng tôi đang làm gì. Ở hàng ghế bên cạnh tôi và cách một lối đi, những doanh gia Đại Hàn đã vội cởi giày và che mặt đằng sau những tờ nhật báo Đại Hàn. Phía ghế sau tôi là hai phụ nữ trẻ tuổi, có lẽ là sinh viên đang về nhà trong mùa hè. Trong khi mọi người lịch kịch cài dây an toàn và nói chuyện riêng với nhau, tôi và dăm ba người khác chăm chú nhìn lên một màn ảnh lớn nằm ở giữa thân phi cơ. Một cô "đẹp đẹp" đang chỉ dẫn cách đeo phao và chụp ống dưỡng khí vào mặt, trong trường hợp phi cơ lâm nạn. Tôi chợt nhớ đến đứa con trai lớn. Không biết giờ này nó đã lên lưới Internet chưa, để xem chừng phi cơ của tôi đang bay hay đang rớt ở đâu?

Chúng tôi lên phi cơ đúng vào ngày lễ Độc Lập Bốn tháng Bảy của người Hoa Kỳ. Mọi năm vợ chồng chúng tôi vẫn cố gắng tìm kiếm một nơi nào đó cho các con được xem đốt pháo bông trong đêm mừng lễ Độc Lập. Có khi chúng tôi đến một công viên gần nhà, có khi ra ngoài một bãi biển và có khi xuống gần bờ sông trong trung tâm thành phố. Nơi nào cũng huyên náo tiếng người trong lúc chờ đợi, và tiếng reo hò khi pháo bông nổ tung hàng triệu chấm sáng trên bầu trời đen. Nghe hai vợ chồng tôi nhắc đến ngày lễ Độc Lập, Bé Cù chợt ngưng nhìn những chiếc phi cơ

bên ngoài khung cửa sổ và hỏi, "Mình bay trên cao chắc sẽ thấy nhiều pháo bông lắm, phải không mẹ?" Vợ tôi vuốt tóc con và trả lời, "Chắc vậy đó con. Chắc đẹp lắm." Bé Cù chợt hỏi thêm với một sự quan tâm cũng lớn tròn như hai con mắt đen của nó, "Lỡ pháo bông bắn trúng máy bay thì sao hả mẹ? Máy bay có sao hông?" Vợ tôi nói gì đó vào tai con, và rồi hai mẹ con hú hí cười nói với nhau. Tôi cũng thích xem đốt pháo bông. Thế nhưng tiếng nổ lớn của pháo vẫn làm tôi nhớ đến những đêm đạn đại bác pháo kích xuống phi trường Nha Trang. Mặt đất rung chuyển với những tiếng nổ long trời, trong khi ba mẹ con tôi ngồi trong phòng tối và chờ đợi tiếng súng ngưng lặng. Cho đến những ngày cuối cùng trước khi rời Việt Nam, tôi vẫn nghe tiếng đạn đại bác chạy theo chúng tôi từ miền Trung vào đến vùng Khánh Hội ở Sài Gòn. Ký ức thời thơ ấu đã tô đậm đời tôi, với những mảng màu sáng và tối mà nhiều lúc tôi không thể phân biệt được.

Chuyến bay cất cánh từ Los Angeles, bay dọc theo bờ biển California về hướng bắc, đến gần San Francisco phi cơ "quẹo" qua phía tây và băng ngang Thái Bình Dương dài đăng đẳng, xuyên qua Đông Kinh tại Nhật Bản trước khi "quẹo" lên tây bắc và hạ cánh xuống Hán Thành. Tôi biết hành trình này vì tôi thường xuyên nhìn lên màn ảnh. Ngoài những lúc chiếu phim và tin tức, màn ảnh vẫn cho xem phi cơ đang bay đến đâu trong cuộc hành trình, với đầy đủ những con số về tốc độ, cao độ, khoảng cách chiều dài và thời gian, và giờ địa phương. Tôi là một trong số ít người thường chăm chú nhìn những chi tiết này trên màn ảnh, trong khi hầu hết những người khác, kể cả vợ con tôi, đều ngủ vùi trong chuyến bay dài. Có người ngủ quá say, đến nỗi đầu nghiêng ra ngoài thành ghế và thò vào lối đi chật hẹp, để cho những cô chiêu đãi viên cao đẹp như hoa hậu tiến đến và nâng đầu họ vào bên trong ghế.

Tôi cũng rán ngủ với hy vọng thích ứng kịp với giờ giấc tại Việt Nam. Tuy nhiên, ngủ ngồi trên ghế máy bay khó hơn tôi tưởng. Tôi bật ghế hết cỡ ra phía sau và nằm trườn dài với đôi chân thò bên dưới ghế trước mặt. Thế nhưng cứ ngủ gà ngủ gật được mười lăm, hai chục phút thì tôi lại thức giấc. Cũng may là thức ăn lạ của người Đại Hàn rất ngon miệng, như món cơm "pibimbap". Mỗi người được phát một cái tô và một tờ giấy hướng dẫn, để biết cách trộn đều cơm "pibimbap" với dầu mè, tương ớt và rau chín, ăn chung với một chén canh rong biển. Ngoài giờ ăn "pibimbap" và nhìn đầu người thò ra ngoài thành ghế, tôi đeo kẹp nghe nhạc và bấm những nút bên cạnh thành ghế, để chọn khoảng mười băng tần nhạc gồm tiếng Anh và tiếng Đại Hàn. Sau nhiều lần nghe nhạc, tôi mới biết nhạc được lập lại trong vòng ba, bốn tiếng đồng hồ.

Một lý do khác cũng khiến cho tôi khó ngủ. Tôi đã nôn nao được thấy lại Việt Nam, nhìn lại thành phố mà tôi đã từng nghe tiếng đạn pháo kích vào những đêm cuối cùng của Sài Gòn, nơi tôi đã chen chân lên bến tàu với đoàn người sợ hãi tiếng súng và rời xa quê hương vào một buổi sáng trên hai mươi ba năm trước đây. Cũng trong những giây phút nôn nao ấy, tôi bỗng cảm thấy hoàn toàn nhẹ nhõm và xa cách California. Trách nhiệm mỗi ngày tại sở làm với những đồng nghiệp quái đản, tiền nhà chưa đủ cho tháng này, xe không có gắn "alarm" dễ bị mất cắp, nhà không có bảo hiểm động đất, những việc đã nhận tiền mà chưa làm xong cho người ta, tất cả đều không còn gây lo lắng cho tôi. Đây là lần đầu tiên trong nhiều năm tôi có lại được thái độ bất cần, thây kệ mọi chuyện, muốn ra sao thì ra, sao cũng được. Có lẽ vì khoảng cách quá xa, nên tôi biết sự lo lắng của mình cũng không thể thay đổi được gì ở California trong những ngày tôi ở Việt Nam.

Có lúc nhìn màn ảnh cho thấy phi cơ đang bay gần đến Nam Hàn, tôi bỗng muốn sống hết kinh nghiệm Việt Nam với tất cả những giác quan của mình. Tôi sẽ không ngủ và sẽ nhìn, sẽ nghe, sẽ nếm, sẽ ngửi và sẽ sờ soạng Việt Nam trong hai tuần lễ. Trước mặt tôi sắp là một Việt Nam mà tôi sẽ được gặp lại sau nhiều năm xa cách. Tôi đã từng tưởng tượng đến ngày này trong những lần nhìn tuyết rơi bên ngoài cửa sổ tại Pennsylvania, trong lúc tôi lái xe xuyên qua lục địa Hoa Kỳ, từ miền đông đến miền tây để tìm đến cộng đồng người Việt tại Nam California, và trong những lần ngồi với vợ bên này bờ biển và nhìn về bên kia Thái Bình Dương, tưởng tượng mình đang thấy tất cả những hình bóng quen thuộc. Đến lúc phi cơ sắp đáp xuống Hán Thành tôi mới thật sự biết mình còn may mắn, còn thấy lại quê hương mặc dù nơi đó chắc đã có nhiều đổi thay.

Bản thân tôi cũng đã có nhiều thay đổi, thật may mắn. Tôi không còn nhởn nhơ cắp sách ở ngoài đường và lén nhìn một cô bé nào đó đang bán hàng giúp mẹ, để rồi vô tình đạp phải chân người lạ hoặc té nhào vào một mâm cóc ổi đang được bày bán ngoài vỉa hè. Bên cạnh vợ và con gái, tôi không còn thời giờ để nhìn liếc ai ngoài hai nhân vật nữ này. Và cũng bên cạnh vợ và con gái, tôi có thêm một gia đình mà tôi vẫn thường nghe nhắc đến sau những giờ bận bịu với những lo âu hàng ngày. Gia đình bên vợ tôi đông lắm, đến nỗi nhiều lần tôi cứ lẫn lộn người này với người kia, như khi bước vào một lớp học mới với toàn học sinh Nhật, ai cũng giống ai.

Ngồi lâu trong lớp học rồi lần hồi tôi cũng biết ai là má và má Sáu trong gia đình (má mắt to tròn sau cặp mắt kiếng dày, còn má Sáu lúc nào cũng ở trong bếp, để nấu ăn hoặc rầy la ba con chó), anh Năm với anh Bảy khác nhau ở chỗ nào (anh Bảy đen hơn và có nhiều tóc quăn hơn anh

Năm), đứa nào là Bảo Phương và đứa nào là Phượng Các (Bảo Phương là con trai, Phượng Các là con gái), ai là Duy Trác, Quỳnh Như, Đoan Hùng, Quốc Dũng, Anh Vũ, Vân Anh (không phải là ca sĩ và càng chắc chắn không phải là một đội đá banh), và Đốm, Lu và Luốc (ba con chó cái và được đặt tên trong lúc trời chạng vạng tối).

Gia đình đông đảo này từng được chỉ đạo bởi một nhóm "lãnh đạo tinh thần" rất hùng hậu, và tính theo vị thế của vợ tôi, nhóm tối cao này gồm có cậu Sáu, má Sáu, má Bảy, ba và má. Giờ đây nhóm "lãnh tụ" chỉ còn có má Sáu và má đã gần tám mươi tuổi. Bên dưới hai lãnh tụ già nua này là một nội các gồm có chị Hai, chị Ba, anh Năm, anh Sáu, anh Bảy, "nàng" Tám vợ tôi, và út Hải. Bên cạnh những bộ trưởng nòng cốt này là những thứ trưởng. Chị Hai có anh Hai, chị Ba có anh Ba, anh Năm có chị Năm, anh Sáu đã mất mấy năm trước đây và còn chị Sáu, anh Bảy có chị Bảy, cô Tám đương nhiên có tôi, và út Hải thì còn đợi một cô nào đó đến cõng đi (chắc phải hai cô mới cõng nổi út, vì út đang có bụng to gấp đôi bụng Ông Địa). Trong gia đình anh chị tôi còn mười đứa cháu gọi tôi bằng "dượng" Tám và một đứa gọi tôi bằng "ông". Đó là chưa kể ba đứa nhỏ nhà tôi. Tôi xém quên một nhân vật có thể được xem là thủ tướng trong đại gia đình này, và người đó là anh Chín. Người "anh" này thật sự đáng tuổi chú của tôi. Cậu Sáu đã từng nuôi anh Chín như con ruột, và vì tình nghĩa này mà anh Chín đã nhận gia đình bên vợ tôi như gia đình của chính anh. Ngoài ra còn có Dì Hai bán báo, cũng gần tám mươi tuổi và có thể là người biết nhiều thời sự nhất tại Biên Hòa. Mỗi đời người là một bộ sách dày, và tôi không thể nào kể hết chuyện đời đầy ly kỳ của họ. Tuy thế, đôi khi chỉ cần một vài dòng thôi cũng làm tôi mến thương những người này và cuộc đời thâm trầm của họ.

Tôi đã miên man nghĩ đến gia đình bên vợ trong lúc ngồi chờ đợi chuyến bay chuyển tiếp tại phi trường Hán Thành. Sau một hồi nhìn những người hút thuốc phải chen chúc trong một phòng hút chật chội, tôi theo dõi một trận đá banh World Cup được chiếu lại trên màn ảnh. Có lẽ vì biết Sài Gòn chỉ còn cách chúng tôi có mấy tiếng đồng hồ, tôi đã không thể nhắm mắt ngủ một chốc lát, mặc dù tôi đã nhiều lần ngáp dài có thể nghe được từ hai bên bờ biển Thái Bình Dương. Thấy tôi có vẻ bồn chồn, vợ tôi và con gái đã kéo tôi đi loanh quanh qua những gian hàng bán quà "duty free". Nhớ đến mấy người công an, tôi mua hai cây thuốc Dunhill miễn thuế. Khi được biết tôi sắp về Việt Nam, một người bạn ở Bolsa đã từng khuyên tôi nên có sẵn vài gói thuốc lá đắt tiền ở trong túi, để "tặng" mấy anh công an phường trong trường hợp tôi "được" họ mới đến văn phòng để "làm việc". "Xin biếu các anh vài món quà nhân dịp về thăm quê

hương." Người bạn này khuyên tôi nên nói giông giống như vậy, và nếu may mắn thì sẽ không bị đòi "bồi dưỡng" thêm.

**Đến phi trường Tân Sơn Nhất**

Chúng tôi rời Hán Thành khi trời đã nhá nhem tối, chỉ còn nhận ra những bậc thang lên phi cơ khi chúng tôi được xe chở ra ngoài một bãi rộng mát gió. Hầu hết hành khách trên phi cơ là người Việt Nam, với một vài người Đại Hàn, và một phụ nữ Pháp đang bế con và đi cùng với người chồng Việt. Chuyến bay từ Hán Thành về Sài Gòn ồn ào hơn chuyến bay băng qua Thái Bình Dương. Gần ghế chúng tôi ngồi có một bà gốc Việt từ New York đang ngồi với đứa con trai trên hai mươi tuổi. Bà nói chuyện rổn rảng với mấy người ngồi ở hàng ghế trước mặt. Bà thường đưa tay lên cao để nhấn mạnh những lời kể về những cửa tiệm của bà tại New York, và nhờ đó tôi có thể thấy được nhiều vòng vàng đeo lỉnh kỉnh trên cổ tay của bà. Nhờ lời thì thầm của vợ, tôi mới biết người đàn bà đeo vàng này đã sửa mắt, mũi và xâm chân mày. Thỉnh thoảng bà quay qua đứa con và kể tội học dốt của con, và rồi hai mẹ con cười hăng hắc với nhau. Hình như họ cũng là người Trung, gần quê Nha Trang của tôi. Đằng sau hai mẹ con này là hai người đàn ông Đại Hàn to lớn. Họ thường xuyên gọi rượu và cũng cười nói ồn ào bằng ngôn ngữ riêng của họ.

Cũng như trong chuyến trước, lần này tôi cũng thường xuyên theo dõi chiếc phi cơ nhỏ bằng bàn tay đang bay trên màn ảnh có nhiều màu xanh lục. Phi cơ bay chậm rời Nam Hàn và tiến xuống phía nam dọc theo miền duyên hải Trung Hoa. Bầu trời bên ngoài tối đen, bao trùm một khối phi cơ đang bay ù ù đều đặn và mang về những hành lý chất đầy kỷ niệm. Tôi tìm hoài bên ngoài khung kiếng và không thể nhận ra tôi sau hơn hai thập niên phiêu bạt nơi xứ người. Nếu không rời Việt Nam thì giờ đây tôi là người như thế nào? Liệu tôi có thể thoát khỏi một kiếp sống bên một vỉa hè mà tôi đã bắt đầu quen thuộc trong những ngày cuối cùng trước khi rời quê hương?

Tôi xoay trở nhiều lần trong ghế ngồi. Tôi không thể ngờ là chỉ trong vài tiếng đồng hồ nữa thôi là tôi sẽ đặt chân xuống Việt Nam, xuống Sài Gòn tôi biết rất ít mà lại nhớ rất nhiều. Tôi nhìn đồng hồ đeo trên tay. Tôi đã không đổi giờ và vẫn giữ nguyên giờ California, để lúc nào cũng biết "ở bên ấy" đang là mấy giờ. Giờ Bolsa cộng thêm hai tiếng đồng hồ vào mùa hè, ba tiếng vào mùa đông, ngày đổi thành đêm hoặc đêm đổi thành ngày, thì sẽ có giờ Biên Hòa. Tôi nhớ hoài công thức này mỗi khi ngồi nghe vợ nói chuyện điện thoại với những người ở Việt Nam.

Trên màn ảnh, phi cơ đã vượt qua đảo Đài Loan, vịnh Hạ Long và đang ở ngoài khơi miền Trung. Tôi nhớ những đêm đen ở bãi biển Nha Trang, nơi tôi có thể nhìn ra khơi và theo dõi những ánh đèn trôi nổi trên mặt đại dương. Những ngọn đèn trên những thuyền đánh cá mà hồi còn bé tôi vẫn tưởng là một thành phố ở ngoài biển, nơi cha tôi có thể đã ghé qua và một ngày kia tôi sẽ ghé đến. Nhìn ra ngoài cửa sổ phi cơ, tôi nhìn xuống để tìm thành phố đèn và đứa bé đứng trên bãi biển năm nào. Có lẽ gia tài lớn nhất của tôi là những kỷ niệm.

Một số tiếp viên Đại Hàn bỗng tiến đến từng hàng ghế và phân phát cho mọi người những mẫu đơn. Đây là những đơn khai tài sản mang vào Việt Nam và giấy tờ chứng nhận địa chỉ tạm trú trong thời gian ở lại Việt Nam. Ngoài những tiền mặt cần được kê khai, chúng tôi cũng phải ghi rõ tên tuổi, nghề nghiệp và số lần về Việt Nam trước đây. Tôi để cho vợ điền hết mọi thứ, vì nàng vẫn rành hơn tôi về vấn đề giấy tờ. (Thật sự thì tôi rất chán điền các mẫu đơn. Nhiều khi tôi cũng không biết tại sao tôi đã từng có thể làm việc đến sáu tháng trong sở welfare, nơi tôi đã phải điền vô số hồ sơ, mẫu đơn, giấy tờ lỉnh kỉnh suốt mỗi ngày làm việc, đến nỗi đêm về nằm ngủ mà vẫn còn lo ngại điền thiếu một tờ đơn nào đó cho một người đang nhận trợ cấp. Có lẽ vì việc làm đó mà giờ đây tôi chán ngán giấy tờ chăng?)

Với tiếng người lao xao mỗi lúc một ồn ào hơn, tôi biết phi cơ đang bay gần đến Sài Gòn. Nhiều người đang vươn vai và sửa lại quần áo sau nhiều tiếng đồng hồ dập vùi trong giấc ngủ. Hai hàng người chờ đợi bên ngoài phòng vệ sinh mỗi lúc một dài hơn. Phòng này đã trở thành nơi quan trọng nhất trên phi cơ ngoài phòng lái. Như được bơm thêm sức sống, những người bước vào phòng đã trở ra tươi tỉnh hơn, thơm tho hơn và linh động hơn. Cũng nhờ phòng bơm sức này mà những người từng bước lên phi cơ trong những bộ đồ sang đẹp nhất tại Los Angeles không phải bước xuống Sài Gòn với bộ đồ xốc xếch nửa trong nửa ngoài, tóc móp méo và mặt mệt mỏi như mới ngủ dậy. Đây không phải là hình ảnh mà tôi muốn gia đình bên vợ thấy tôi tại phi trường. Trong lúc đứng xếp hàng vào phòng, tôi chợt cảm thấy hồi hộp như sắp được gặp người bạn gái lần đầu tiên. Vào đến bên trong, tôi rửa mặt, đánh răng và vuốt lại mái tóc lép xẹp, như chờ đợi một nụ hôn đầu có thể đến bất chợt. Đúng lúc bước ra tôi thấy bà sửa mắt New York đang bước đến và lắc lắc cánh tay có mấy vòng vàng của bà. Tôi làm bộ nhìn ông Đại Hàn và tránh đôi mắt muốn gợi chuyện của bà ta.

Gần 11 giờ đêm, trưa nắng Bolsa đang là đêm đen ở Biên Hòa. Sài Gòn đang chờ đón tôi với những ngọn nến lung linh, thắp sáng một vùng

trời xa biệt mù khơi trong ký ức. Không chỉ riêng tôi, nhiều người cũng chợt im lặng và chồm người đến bên cửa sổ để nhìn xuống một Việt Nam trong đêm đen. Trong những năm ở Hoa Kỳ, tôi đã có dịp được đi máy bay đến nhiều nơi. New York, Los Angeles, Chicago, San Francisco, Pittsburgh, San Jose, Omaha, Boston, Stockton, chưa kể những nơi mà phi cơ chỉ đáp qua vài tiếng đồng hồ, cho tôi có dịp được mua vài món kỷ niệm vớ vẩn và mang về nhà cất trên kệ sách.

Vào những đêm khi máy bay đáp xuống thành phố, tôi từng được thấy một vùng trời sáng rực hắt lên từ dưới đất thấp lên đến trời cao. Khi chuyến bay 681Q từ Hán Thành sắp đáp xuống Sài Gòn vào nửa đêm, tôi không được thấy một vùng trời sáng rực như ở Hoa Kỳ. Nhiều đốm sáng lấm chấm trên một vũng tối đen. Phi cơ càng bay gần xuống mặt đất, tôi càng thấy rõ hơn những con đường bị đứt đoạn giữa những khoảng tối và sáng. Tôi chợt cảm thấy nôn nao lạ thường, như muốn mau chóng được đặt chân lên những con đường tranh tối tranh sáng ở bên dưới. Nếu không có dịp may thoát khỏi Việt Nam nhiều năm trước, có lẽ giờ đây tôi cũng đang ngồi đâu đó bên cạnh một cột đèn trên một con đường mờ tối, nhìn lên bầu trời đêm và chợt thấy một vệt sáng phi cơ bay ngang đầu.

Máy bay đang từ từ hạ cánh xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Thoang thoảng trong khí lạnh của phi cơ, tôi chợt ngửi được mùi đất ẩm ấm của một cơn mưa nhẹ. Đèn bên trong phi cơ đã được tắt. Hình ảnh không trình trên màn ảnh cũng đã không còn. Trong vài phút nữa đây, những con đường đêm, những ngọn đèn leo lét, những cánh đồng xanh, những con đường bụi mù, và nhất là những người thân, tất cả sẽ đến với chúng tôi từ một giấc mơ quen thuộc, như những hình ảnh trong một đoạn phim ký ức bỗng choáng ngập và bao bọc lấy chúng tôi. Tôi nắm tay vợ trong lúc phi cơ đang lao mạnh xuống phi đạo. Phi cơ gầm gào ù tai và chao đảo lắc lư, như còn ngần ngừ trong lúc vượt qua một cánh cửa thời gian giữa hiện tại và quá khứ.

Đến khi phi cơ ngừng hẳn và bắt đầu lăn bánh vào bãi đậu, mọi người bỗng bật tung dây an toàn và lao nhao tìm hành lý. Ai cũng vội vàng như sợ bị bỏ sót lại trong phi cơ. Chúng tôi ngồi ở gần đằng đuôi. Trong lúc mọi người đang đứng đợi hàng người di chuyển, chúng tôi chúi ba cái đầu vào một khung cửa sổ và nhìn xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Một cơn mưa nhẹ đang rơi lất phất xuống Sài Gòn. El Nino đã mang hạn hán đến bên này trái đất, kéo dài từ mùa xuân cho đến tháng Bảy này. Chúng tôi đã về đúng lúc có mưa. Có lẽ đây là một điềm may. Đang chăm chú nhìn những hạt mưa rơi xuống sân bay, tôi bỗng nghe vợ nói nhỏ vào tai. "Kìa! Công an kìa kìa! Anh muốn xem công an như thế nào thì có một

## *Nằm trong vườn chùa đợi Phật*
PHAN MINH KHÁNH

*Nắng già lên ngọn liễu*
*Mây tứ cố vô thân*
*Hồn dong dua ngày tháng*
*Mắt lạnh cuộc phong trần.*

*Lời chim gầy nỗi đợi*
*Hương cỏ thoảng hương trời*
*Gốc bồ đề lá rụng*
*Tưởng trăm phiến chiều rơi.*

*Gió động mười phương khổ*
*Ngàn năm tượng ngủ vùi*
*Giấc thiền qua bến lạ*
*Chúng sinh lệ đầm khơi.*

*Tường phai mùa rêu cũ*
*Bướm lạc nẻo luân hồi*
*Khoanh tay đầu gối mộng*
*Đóa sen chừng xa xôi.*

*Bỗng chuông rền - đốn ngộ*
*Xao xuyến cõi vô thường*
*Vọng xa đời ảo ảnh*
*Tóc bụi nhuốm tà dương.*

ông kia kìa." Tôi nhìn theo tay vợ và thoáng thấy một người đội nón đứng ở chân cầu thang bên cạnh phi cơ. Còn quá xa, tôi không thể thấy được ông ta là người như thế nào. Người ta lên Bắc Cực để xem gấu trắng, xuống Nam Cực để xem chim cánh cụt, qua Úc Châu để xem gấu cù lần, còn tôi, tôi về Việt Nam để xem công an.❐

*(xem tiếp kỳ sau)*

# Đọc Miêng

*Nguyễn Mộng Giác*

Mỗi lần đọc được một tác phẩm hay mới xuất bản của văn chương hải ngoại, tôi mừng rỡ, sau đó bần thần khôn nguôi.

Mừng rỡ, vì kho tàng văn học của người Việt có thêm một báu vật. Và bần thần khi nghĩ trong hoàn cảnh lưu vong thất tán hiện nay của chúng ta, tác phẩm giá trị ấy trong tương lai sẽ ra sao, tác giả và tác phẩm có được định vị xứng đáng trong văn học sử của dân tộc hay mất hút trong đống lưu niệm bề bộn của không biết bao nhiêu sắc dân di cư trên thế giới. Người Việt chúng ta có kinh nghiệm di dân thua xa người Hoa, người Do Thái, người Ý, người Đức.

Trong số những người Hoa được mộ qua Hoa Kỳ làm phu đường sắt trên một trăm ba mươi năm trước, tôi đoán thế nào cũng có những người có tài làm thơ. Đời kham khổ quá, cô đơn trên xứ lạ, quê hương mịt mù, thân nhân mòn mỏi chờ đợi bên kia đại dương mà hy vọng hồi hương mong manh, bấy nhiêu tình ý ấy tất nhiên phải kết tụ thành thơ. Và thơ ấy nhất định phải hay. Đau khổ tột cùng thường đi đôi với Thi ca tuyệt vời. Những phu đường sắt người Hoa thời ấy lại bị người da trắng cấm bước chân tới những nơi tương đối sạch sẽ như hàng quán, công viên...nên càng mê những vần thơ "cảm cảnh, ngôn chí" của bạn thơ đồng hương. Chưa có máy Xerox, chưa có Internet, không có báo cộng đồng, họ chép tay những bài thơ ấy chuyền cho nhau, số bản sao có lẽ không nhỏ. Những bài thơ ấy nay về đâu?

Những câu hỏi ấy cứ ám ảnh tôi, sau khi đọc tuyển tập truyện ngắn của Miêng (bút hiệu của nhà văn nữ Nguyễn Thị Xuân Sương, hiện ở Paris), do nhà Văn Mới vừa xuất bản.

Từ lâu tôi đã đọc truyện ngắn của Miêng trên các tạp chí văn chương

như *Thế Kỷ 21, Văn, Hợp Lưu, Văn Học* , và khâm phục lối viết truyện ngắn độc đáo của chị. Nhưng cái hay, cái độc đáo hiện rải rác từng mảng đây đó không giúp cho tôi thấy hết giá trị văn chương của Miêng. Phải chờ đến lúc chị tuyển 21 truyện ngắn để nhà *Văn Mới* xuất bản thành sách, rồi sách in ra với mẫu bìa khác thường (chỉ có một chữ *Miêng* to tướng và tên nhà xuất bản, người mua sách bình thường không thể biết sách thuộc loại gì, của ai...), tôi mới nhận thức được hết tài năng văn chương của tác giả.

**Về nhân vật:** Trong bài *Tựa*, Nguyễn Nam Trân viết: *"Tôi có cảm tưởng nhân vật của Miêng phần lớn như mang một vết thương chưa lành hay chưa biết bao giờ lên sẹo"*. Trước đó, Nguyễn Nam Trân có giải thích tính cách nhân vật truyện của Miêng: " (Tác phẩm) *ghi lại bao nỗi thăng trầm của những đời người trong đó có bạn, có tôi. Chúng mình vẫn là những kẻ sống sót của một thời máu lửa, và vẫn còn là nhân chứng của một thời hỗn mang, đến nay mỗi ngày vẫn còn như đi trên dây xiếc để giữ một thế quân bình cho tâm hồn"*.

Tôi hoàn toàn đồng ý với ghi nhận của Nguyễn Nam Trân, chỉ xin thêm điều này: hầu hết những nhân vật bị thương của Miêng đều là phụ nữ. Nhà văn bày ra trước mắt chúng ta những mẫu đời phụ nữ bị đày đọa, bị đẩy tới những hoàn cảnh nghiệt ngã đến nỗi điên loạn, hoặc phải chọn cái chết vì không có lối thoát. Bi kịch được tác giả đẩy lên tới cùng cực, và số phận (hay định mệnh) không nương tay cho bất cứ ai, từ một người mẹ quê chất phác nhận tiền tử của con mà cứ hí hửng tưởng con "hi sinh" chịu sống cần kiệm để gửi tiền về cho mẹ già (*Hi sinh*) cho đến người con gái già héo hắt cả đời vì mẹ và tìm không ra lẽ sống lúc mẹ chết đi; từ người mẹ điên loạn vì mất con trên đường vượt biển (*Lạc*) cho đến người phụ nữ trí thức ngoại tình trầm mình xuống sông Seine chẳng khác nào nhân vật của Tolstoi trong Anna Karénine (*Nhân chứng*).

Tác nhân của bao nhiêu thảm kịch ấy có nhiều: gần nhất là đàn ông. Dưới ngòi bút của Miêng, bọn đàn ông đều lố bịch, giả dối, ngoại tình như máy, và vô tâm trước những đau khổ họ gây ra cho vợ con. Thử đọc những truyện ngắn như *Ai thương, Nhân chứng, Nghịch cảnh, N.Y., Ôm ờ, Quá khứ*. Truyện nào cũng khiến giới mày râu phải xấu hổ.

A tòng với bọn đàn ông là chế độ cộng sản (như trong các truyện *Điêu Thuyền, Cái giếng*) và Định mệnh. Có nhiều truyện mang dáng dấp những bi kịch Hy lạp (*Quá khứ, Nghịch cảnh, Nhân chứng*). Trong cơn lốc cuồng nộ thảm khốc là bối cảnh thông thường của truyện ngắn Miêng, nhân vật nào cũng bị chấn thương, mê sảng, điên dại, hãi hùng. Tôi nghĩ

chưa có nhà văn nữ Việt Nam nào dựng một không khí tiểu thuyết thảm khốc như thế, trước Miêng. Chị đẩy nhân vật tới tận cùng của mọi thử thách, không cho những nhân vật cùng giới tính của chị được sống cuộc đời bình thường. Miêng thích những mẫu đời dị thường, những hoàn cảnh cực đoan.

**Về lối viết:** Tác giả tự làm khó mình. Tôi có cảm tưởng Miêng muốn tự thử thách mình khi chọn nhiều mẫu sống, nhiều mẫu nhân vật, nhiều mẫu bối cảnh khác nhau để viết truyện. Chị bắt đầu viết vào lứa tuổi không còn đem đời mình làm mẫu cho bao nhiêu tác phẩm mang dáng tự truyện. Nhưng cũng chưa tới lứa tuổi viết hồi ký hay di chúc. Tạm gọi là những nhà văn có tác phẩm đầu tay ở tuổi trung niên, một hiện tượng đặc thù của văn chương hải ngoại.

Ở vào tuổi đó, tích lũy của kinh nghiệm sống (nhất là kinh nghiệm qua một thời tao loạn khốc liệt như Việt Nam nửa thế kỷ qua), cộng với kiến thức, đã khiến cho những nhà văn trung niên của hải ngoại có một cách viết đầy tự tín. Họ đã qua cái tuổi mê mình, và biết nhìn tới những thân phận khác để thấy cuộc đời đa diện và mênh mông hơn mình tưởng. Nhân vật truyện thường ở ngôi thứ ba. Trong tập truyện của Miêng, đôi khi nhân vật cũng xưng "tôi", nhưng qua tình tiết diễn tiến câu chuyện, ai cũng thấy nhân vật ở ngôi thứ nhất ấy không phải là tác giả.

Tuổi đời và kiến thức cũng giúp cho những nhà văn trung niên tránh được cái thói mù quáng chạy theo thời trang, những kiểu làm dáng vụ hình thức, ưa biểu diễn bằng những quái chiêu gây sốc. Giống như những người viết cùng thế hệ mình, Miêng có lối viết chừng mực, trầm tĩnh, đơn giản. Chị không vặn vẹo chữ nghĩa bắt chúng làm trò phù thủy. Chị cũng không trấn áp bạn đọc bằng những thủ pháp gây sững sờ. Chị viết truyện như một đạo diễn tài năng và tự tin, nắm vững bí quyết của nghề đến nỗi truyện cứ diễn tiến trôi chảy tự nhiên, cho đến một lúc bất ngờ nhất, từ trong tự nhiên, bi kịch xuất đầu lộ diện, và đời sống tưởng là bình thường mới trở lại chân tướng uyên nguyên đầy bất thường của nó.

Trong 21 truyện ngắn tác giả viết từ 1992 đến 1999, những truyện dài trên mười trang (như *Cái giếng, Điêu Thuyền, Hiếu thảo, Lạc, Nhân chứng, Nghịch cảnh, Quá khứ, Quan phu*) được viết theo một kỹ thuật khác với lối viết những truyện ngắn dưới mười trang. Trong những truyện ngắn dài, Miêng có tài sắp xếp các chi tiết để câu chuyện có được hai ưu điểm rất ít người viết văn đạt được cùng lúc: sự lôi cuốn hấp dẫn nhờ tình tiết, và sự tinh tế trong tâm lý và tư tưởng.

Thử đọc một truyện tiêu biểu thuộc loại này: truyện *Nhân Chứng*.

Tình tiết câu chuyện vô cùng rắc rối, phức tạp. Một phụ nữ thuộc tầng lớp trí thức ở Pháp ngoại tình với chồng người bạn thân của mình. Người đàn ông ngoại tình kia lại lăng nhăng với một phụ nữ trẻ hơn, tệ hơn nữa, lập mưu giết vợ để thong dong chung sống với người phụ nữ trẻ đó. Vụ án mạng chắc chắn đã làm rúng động dư luận, nhất là khi người đàn bà ngoại tình ra trước tòa thú nhận mình ngoại tình để cho hung thủ được trắng án, dù biết trước thú nhận như thế chồng con sẽ xa lánh. Gia đình tan nát, nhân vật chính tìm gặp tình nhân, bắt gặp anh ta đang ân ái với người khác. Tuyệt vọng, nhân vật chính tự trầm ở sông Seine.

Cái kết của truyện cũng giống như cái kết bi thảm trong tiểu thuyết Anna Karénine của Léon Tolstoi. Văn hào Nga viết hẳn một bộ tiểu thuyết dài 500 trang mới diễn tả hết bi kịch phức tạp của Anna. Cũng bao nhiêu tình tiết rối rắm, bao nhiêu diễn biến tâm lý phức tạp của một vụ ngoại tình và án mạng, Miêng chỉ cần 15 trang. Trong mỗi chi tiết, mỗi câu, đều hàm chứa một bi kịch lớn; nhưng điều đó không hề khiến cho truyện nặng nề. Không khí truyện của Miêng rất gần với không khí truyện dài của Faulkner, và truyện ngắn của Tennessee Williams (ít người biết tới truyện ngắn của kịch tác gia này, chỉ biết những vở kịch của ông). Nhưng hình thức truyện ngắn của Miêng lại giản dị và nhiều chất thơ, giống như những huyền truyện của nhà văn Ý Dino Buzzati.

Nhưng theo tôi, tài năng của Miêng thể hiện rõ nhất ở những truyện thật ngắn. Tác giả có biệt tài nén những ngọn sóng ngầm, những điên loạn bi đát vào trong một lớp vỏ "tưởng như êm ả bình thường". Trong những truyện này, chất bi đát được gói kín khéo léo, để chờ đến vài câu chót, khối thuốc nổ ấy bùng lên trước mắt độc giả. Đọc những truyện thật ngắn này của Miêng, tôi có cảm tưởng đang nghe một điệu nhạc *blue* của một nhạc công da đen: anh thổi *saxophone* diễn tả nỗi cơ cực của những người nô lệ cùng màu da với anh, và đến chỗ thống thiết nhất, anh lấy tay bịt miệng kèn lại. Âm thanh uất nghẹn càng khiến bi kịch nô lệ thống thiết hơn. Truyện thật ngắn *"Biển"* là thành công trọn vẹn của Miêng trong thể loại này.

Trong bài *Tựa*, Nguyễn Nam Trân đã rất tinh nhạy khi nhận ra được không khí đầy "âm thanh và cuồng nộ" trong văn của Miêng. Nguyễn Nam Trân viết: *"Yêu, ghét, đam mê, phản bội, thoái hóa, biến chất...hay lẩn trốn vào trong cơn điên dại như lẩn trốn vào cõi tĩnh lặng của con mắt một trận bão. Điên dại, hôn mê, khắc khoải là bầu không khí bao trùm lên một nỗi đau thời thế"*.

Không khí ấy thật hiếm hoi trong văn nghiệp các nhà văn nữ Việt Nam xưa nay.❐

# Hai truyện tiêu biểu của Miêng

## Biển

Người đàn bà theo cô y tá vào phòng. Trên giường, một người đàn ông nằm nhìn thẳng lên trần nhà, mắt mở to thao láo. Ánh đèn lạnh nhạt rọi xuống khuôn mặt bạc nhược vô hồn. Cô y tá lay nhẹ vai anh, nói bằng tiếng Pháp:

– Ông Nguyễn, ông Nguyễn, đoán xem ai đây?... Nhìn kỹ đi, vợ ông tới thăm ông nè.

Người đàn bà đưa tay ra muốn nói gì đó thì vừa lúc người đàn ông hướng ánh mắt về phía chị. Anh kêu lên thều thào nhưng hớn hở:

– Em! Trời ơi!

Anh loạng quạng chìa bàn tay khẳng khiu ra, chị như ngần ngại một giây rồi nắm lấy, cầm nhẹ nhàng trong hai tay mình. Anh mỉm nụ cười héo hon:

– Lạnh không? Bám, chặt vào!

Chị khẽ khàng đặt tay lên ngực anh. Rồi bỗng bạo dạn hơn, chị choàng qua, siết vòng tay lại. Nụ cười ngây ngô trên môi anh kéo dài như vô cùng:

– Con đâu, em?

– Con đang ngủ. Anh cũng rán ngủ một chút đi cho khỏe.

Giọng anh bỗng kêu thất thanh:

– Sát lại. Bám chặt anh. Khéo tuột.

Chị áp sát vào tấm thân gầy gò run rẩy, bận bịu. Anh gật gật đầu. Tóc lưa thưa cứ như muốn dựng ngược lên từng sợi. Chị dịu dàng vuốt những sợi tóc mùa thu của anh, âu yếm như một người mẹ. Mắt chị buồn thiu, xa vắng.

– Em nè, vợ chồng, có, những lúc, cơm không, lành, canh không, ngọt, anh có, lỡ, giận la em, cái gì, em bỏ, qua, cho anh, nghe, đừng, giận, bỏ anh, tội, nghiệp, cái chính, là, biết, anh thương, em vô, cùng, nghe em,

đời anh, chỉ, có em, và, con...

Chị khóc:

– Anh đừng nghĩ quẩn quanh nữa. Em không giận anh đâu. Em cũng... thương anh lắm!

Chị kéo chăn cho anh ngay ngắn. Hai bàn tay hiền dịu vẫn ve vuốt anh. Ngoài đêm, trời hối hả rải tuyết...

Sáng sớm hai người y tá vào phòng. Ông y tá đen to lớn dễnh dàng phủ lên người anh tấm ra trắng muốt. Cô y tá đỡ chị đứng lên và lặng lẽ mở ngăn kéo lôi ra các thứ giấy tờ bọc trong bao ny lông:

– Ông nhà đi như vậy đỡ khổ cho ông hơn, nhất là có bà bên cạnh. Bao nhiêu lần rồi bịnh viện cố tìm bà mà không ra.

Chị hỏi, hơi tần ngần:

– Lần cuối ông ấy vào đây là lúc nào?

– Thứ sáu tuần rồi. Bà coi, trời như vầy mà lại trần truồng đứng múa ở vườn Luxembourg!

– Lần này sao bịnh viện lại tìm ra tôi?

Cô y tá cười:

– Cái khó là cạy răng để ông cho biết địa chỉ của bà. Khi ông ta nói "biển" thì giản dị thôi, cứ bấm minitel ra lục lọi các vùng có biển là tìm ra bà ngay!

Chị cũng cười:

– Phải, giản dị thật!

Hai người y tá đẩy băng ca đi. Ngang qua cửa sổ, tấm ra pha lẫn vào vùng tuyết ngoài kia. Căn phòng trống trơn. Chị ra hành lang, lặng lẽ mở bao ny lông ra và đọc. Những tia nắng đầu ngày đông u ám rọi lên các thứ giấy tờ và một số thư từ cũ nhàu. Chị vừa đọc vừa khóc. Xong chị xếp lại vào bao, thở dài. Chị quàng lại khăn, kéo cao cổ áo măng-tô lên. Trời rất lạnh.

Bước vào ca-bin, chị để cạt vào máy điện thoại và bấm số.

– Anh hả? Em đây... Trẻ nhỏ dậy hết chưa?... Xà va anh à. Một người đồng bào... (chị thở dài). Không, dĩ nhiên là không bà con gì với mình cả. Khi em tới thì tối rồi và coi bộ ông ta lẫn lộn hết cả, tưởng em là vợ... Ớ thì anh coi, cứ Nguyễn Thị Ngọc gì gì có vần *"ương"* theo sau mà chả là em. Mình đã nhận bao nhiêu thứ rồi... Có, cô y tá đưa hết giấy má thư từ của ông ấy cho em... Em đọc rồi, vợ con đều chết biển khi vượt biên, chỉ còn ông ta sống sót với mấy người thôi... (chị khóc)... Xong rồi anh ạ... Vâng, lúc năm giờ sáng, trong tay em...

*Paris, 23 Sept. 1994*

# Nhân chứng

*Ngày... tháng...*

Lần đầu tiên đến phòng mạch anh, tôi ngạc nhiên thấy cạnh bàn làm việc có một cái giường. Tôi cười, nhướng mắt hỏi tại sao. Anh cũng cười:

– Vì có nhiều bệnh nhân chỉ thấy thoải mái khi họ nằm. Họ nằm úp mặt vào tường và nói.

Rồi một thời gian sau thì cũng chính trên cái giường dành cho người bị bịnh tâm thần ấy, chúng tôi cùng nằm bên nhau, nhưng không úp mặt vào tường, mà úp mặt vào nhau để nghe tiếng thở, nghe tiếng tim đập mạnh và nghe tiếng lòng thương yêu mời mọc.

Một lần anh nói có vẻ hăng say:

– Anh hoàn toàn đồng ý với Freud khi ông ta bảo rằng làm gì có hạnh phúc dài lâu, chỉ có những giây lát hạnh phúc thôi. Anh thấy như vậy là đúng chứ.

Và cụng trán vào nhau, anh tiếp:

– Như lúc này đây, ngồi bên em, đối với anh là những phút giây hạnh phúc.

Để cho những phút giây hạnh phúc ấy chỉ khép kín giữa hai người, mỗi lần đến anh là tôi phải nhớ đóng cánh cửa phòng chờ. Lần đầu tiên thấy tôi hoảng vì khi ra về cửa vẫn mở toang, anh cười tin tưởng:

– Không sao đâu. Không có hẹn thì chẳng ma nào đến. Nếu ngại thì em nhớ đóng. Ừ, anh vẫn có thói quen không đóng cửa phòng ngoài.

*Ngày... tháng...*

Mọi sự bắt đầu khi tôi quay lưng lại đứa con đang nằm mê man bất động để ra về thì anh đứng đó, sừng sững trong bộ vét màu đen như ông thần gác cửa. Tôi lẳng lặng bước qua, đầu hơi cúi xuống, nước mắt ràn

rụa. Nhưng một cánh tay đưa ra chặn tôi lại. Và với một cử chỉ giản dị tự nhiên như đối với một đứa bé, hai cánh tay anh vòng lại ôm gọn tôi vào lòng. Những đau đớn bủa vây tôi tứ bề nên cử chỉ dịu dàng của anh tỏ bày đúng lúc tới nỗi tôi gục vào vai anh khóc sướt mướt mà không hề ngạc nhiên về sự thân mật bất thường ấy. Hình như anh tôm tôi rất chặt, một tay lùa vào tóc tôi và nói nhỏ bên tai như một tiếng thở dài:

– Thương Quỳ quá!

Thương Quỳ quá có thể chẳng bao hàm tình ý gì khác hơn như tự thân vốn giản dị đầy lòng trắc ẩn của nó. Trên đường về gần năm trăm cây số, anh đâu có nói gì khác hơn là thỉnh thoảng hơi tôi có xà va không. Vậy mà ba tiếng ngắn ngủi ấy đã tạo ra cơ man nào là bong bóng nổ tung trong đầu tôi. Từ đó, tôi dùng những mảnh bong bóng vỡ ấy đan một tấm lưới tình phủ chụp lên tâm hồn đa cảm của mình.

Hai hôm sau thì thằng bé được đưa về bịnh viện ở Paris. Anh thường điện thoại vào sở tôi để hỏi thăm tin tức. Ban đầu thì mỗi tuần một lần, rồi ba ngày, rồi mỗi ngày. Không phải vì nó là con đỡ đầu của anh khiến anh chịu khó bỏ công như vậy. Nhưng có lẽ tại tôi, mà trong cái lưới vẫn chờn vờn từ hôm ấy đã khiến anh nhìn thấy những quả bóng đủ màu bay từ trong lời nói. Thế là chúng tôi đi tới chỗ hẹn hò nhau, vụng trộm.

*Ngày... tháng...*

Cứ thế, chúng tôi lặng lẽ bước vào đời nhau. Không một tiếng pháo báo tin, không một cành hoa chúc mừng, không một tờ đơn của tòa thị sảnh – nhưng có dấu ấn của hai tâm hồn sôi nổi.

*Ngày... tháng...*

Dẫu quan niệm rằng tình yêu cũng có lúc nghỉ hè, tôi vẫn thấy là mùa hè tình yêu của tôi năm nay sao dai dẳng quá. Lần nào anh đi hè một tháng với vợ con, khi về lại Paris thì tôi là người bị mất mát đầu tiên và có lẽ là duy nhất.

Một lần anh đi Ấn Độ, cái nghèo đói của nó làm anh nản, và một lần anh về Việt Nam, gặp lúc ông cụ thân sinh ốm nặng, khi trở qua, anh đều lơ là với tôi ít nhất vài tuần. Tôi hiểu.

Nhưng lần này anh và gia đình đi Mỹ. Đời sống trẻ trung dễ dãi ở Mỹ đã cho anh một bộ mặt vui tươi thoải mái khác thường. Vậy vì cớ gì anh chỉ gọi tôi vỏn vẹn ba lần trong cả một tháng dài?

*Ngày... tháng...*

Hôm qua cơn nắng hiếm hoi mùa đông đã làm anh hưng phấn gọi tôi, giọng hối hả:

– Lâu quá không gặp em. Mình phải gặp nhau chứ? Thứ năm em có rảnh không?

Dĩ nhiên là tôi rảnh bất cứ lúc nào. Dĩ nhiên là tôi có cả khối thì giờ chờ anh sử dụng. Tôi cứ như con chó nhỏ rình chờ ông chủ ngoắc là tất tả chạy tới liếm tay để được một cái vuốt ve trìu mến. Anh bảo:

– Nếu trời tốt thì cứ làm việc như thường, mà mưa gió thì lên.

Cái ý nghĩ kỳ quặc đó làm tôi tức cười. Nhưng tôi đã quá quen với những cơn mưa gió trở trời của anh.

Từ ngày thằng con trai lớn thi tuyển bác sĩ giải phẫu không đậu, phải đi Bordeaux nhận nhiệm sở như bác sĩ toàn khoa, nó không vui với công việc đó và về phần anh còn tệ hơn, là anh đã mất đi một người bạn. Trong nhà chỉ còn lại ba cô con gái. Nuôi con chó thì cũng là con chó cái. Anh thấy như bị lép vế, bị lấn áp. Nhưng anh cảm thấy mình gần gũi với con chó hơn là với vợ con, và nghĩ rằng nếu chó biết nói, nó sẽ kể nhiều chuyện mà vợ con không muốn kể anh nghe. Anh biết phong phanh là đứa con gái lớn có bồ và có vấn đề. Cũng chỉ phong phanh thôi, anh biết là đứa con thứ nhì học hành không trôi chảy lắm. Nhưng nếu anh khéo léo gợi ý cho bịnh nhân trút bầu tâm sự bao nhiêu thì anh lại vụng về trong việc dò hỏi con cái bấy nhiêu. Với lại cái ý nghĩ là "phải dò hỏi" làm anh thấy tự ái. Tại sao không ai bày tỏ với anh? Thế là dần dà anh có cảm tưởng mình bị gạt ra khỏi mọi chuyện, như không ai cần anh, anh thấy như mình không được lòng tin yêu của vợ con và thấy mình lẻ loi thừa thãi. Có lẽ cũng là thói quen nghề nghiệp, anh thích người ta tâm sự với mình. Còn đứa con gái út thì lúc nào cũng vùi đầu vào các trò chơi điện tử, nếu có mở miệng ra cũng chỉ là để cằn nhằn cái máy đã già. Nếu mỗi chiều về nhà mà anh không cần nghe và nói tiếng mẹ đẻ thì hẳn năm nọ anh đã chẳng cạo đầu để cô bồ đảm xấu hổ dứt anh ra. Nhưng vợ con anh không có cùng một nhu cầu.

Rồi sáng nay anh lại gọi tôi, giọng cũng hăng say không kém:

– Mới nghe *météo* nói thời tiết thứ năm xấu lắm. Mưa cả ngày. Thôi em đừng lên.

Tôi hỏi cho chắc là mình không lầm:

– Tức là bỏ hẳn, trời tốt trời xấu gì em cũng không lên phải không?

Lời xác nhận của anh làm tôi bàng hoàng cả người khi gác máy. Tôi ngẩn ngơ một lúc lâu vì thấy có cái gì không thật. Trời tốt hay xấu cũng

không gặp nhau tức không phải vì lý do thời tiết. Vậy thì vì cái gì sao không nói thẳng với nhau? Bởi vì anh thân yêu ơi, mình đã đồng ý là không có lý do gì lọc lừa sơn phết với nhau, và nếu không chân thật với nhau thì giữa chúng ta sẽ còn lại cái gì?

*Ngày... tháng...*

Bao ngày rồi tôi không ghi gì vào đây cả. Tôi còn có ý nản bởi chẳng lẽ cứ than thở nhớ thương, mà anh thì như xa xôi ghê gớm. Tôi không dám gọi anh, bởi tôi sợ phải nghe những lời không vồn vã chân tình, cái đó còn giết tôi nhanh hơn nữa, nên tôi cố kéo dài những đợt sóng nhớ, mặc dầu không gian không ngăn cách là bao. Nhưng tâm hồn tôi thì yếu mềm như một đụn cát, nên những ngọn sóng vô tình cứ vỗ mãi, và mỗi lần sóng ào ạt vào ra là cướp đi của tôi một phần sức sống.

Tôi cứ trải dài thời gian ra chờ đợi. Tôi đã đến tận cùng nỗi nhớ. Nhiều hôm quên cả việc làm, tôi ngồi nhìn sững máy điện thoại chờ nó reo – nhìn và tập trung tư tưởng bảo gọi em đi, gọi em đi. Nhưng thần giao cách cảm chỉ có khi cả hai cùng nghĩ tới nhau. Mỗi lần điện thoại vừa reo là tôi vội chụp ngay, nhưng không phải anh – sao mãi mãi vẫn không là anh?

Cho đến một hôm vừa nhấc máy lên thì giọng vợ anh bên kia đầu giây làm tôi giật bắn người:

– Buồn quá Quỳ ơi!

– Gì vậy Hảo? Nói đi!

– Hình như ông Cương có mèo Quỳ ơi!

Tôi nghe tim mình nhảy thót lên tới cổ. Với giọng bắt đầu hơi run, tôi dọ dẫm:

– Làm sao Hảo biết? Với... ai?

Hảo không biết gì chính xác. Nhưng tôi chợt hiểu rõ ràng vì sao anh tránh gọi tôi thường. Tôi vội gọi anh, nói là em hiểu anh, và thôi tốt nhất là từ nay mình không nên liên lạc riêng với nhau nữa. Hình như anh không ý thức lắm về điều tôi nói. Tôi bảo chúng ta đã đi vào con đường có đề bảng cấm, cũng là lúc nên quay ra để tránh những phiền phức về sau. Hình như anh chấp nhận với ít nhiều ngần ngại làm tôi đâm bối rối nao lòng cùng cực. Con người vốn dĩ là giống nòi tình, cứ mãi làm kiếp thiêu thân đâm đầu vào lửa.

*Ngày... tháng...*

Từ đó rõ ràng là chúng tôi giữ lời hứa. Tôi không nói là tôi hoàn toàn

mãn nguyện với quyết định của mình. Tuy dặn anh đừng gọi, nhưng trong thâm tâm tôi vẫn mong và vẫn hồi hộp khi nghe tiếng điện thoại reo. Nhưng anh không bao giờ gọi nữa. Cho tới một hôm anh gọi tới nhà. Nhà tôi la lên trong máy nói:

– Cái gì? Tại sao Hảo chết?

Trời trồng sững tôi giữa phòng. Gác điện thoại, nhà tôi hối tôi cùng đi đến nhà anh...

*Ngày... tháng...*

Tôi có cảm tưởng mình sắp chết ngộp tới nơi. Trước khi quyết định làm chứng cho anh, tôi hỏi nhà tôi:

– Cái gì anh có thể tha thứ cho em, cái gì không?

– Anh có thể tha thứ tất cả, trừ tội ngoại tình.

Tôi không lạnh người khi nghe câu nói đó. Tôi cũng không lạnh người khi nghĩ vậy thì anh sẽ có dịp trừng phạt em rồi. Đầu óc tôi tỉnh táo, thoải mái và an ổn không ngờ. Tôi đã phạm tội phản bội chồng thì có lúc cũng phải chấp nhận trừng phạt. Và rõ ràng là tới lúc Cương đang cần sự làm chứng của tôi. Có phải là sự xa cách tôi lâu dài làm anh quẫn trí đến độ... Lẽ nào! Trời ơi, nếu vì muốn gần gũi tôi mà anh đang tâm làm chuyện đó thì... Tôi không nói tôi vui. Nhưng tự thấy là bao nhiêu nhớ mong chờ đợi của mình không đáng là bao với một mối si cuồng như vậy. Và tôi thấy thương nhớ anh hơn, thấy được đền bù ngoài lòng mong ước. Nên khi ngồi ở ghế nhân chứng, tôi dẫn ra nhiều lý lẽ hùng hồn cảm động để bào chữa rằng anh không dính líu gì đến cái tai họa bất ngờ đó. Ông biện lý vẫn lịch sự nhưng hơi mỉa mai:

– Làm sao bà đoan chắc đến thế?

– Bởi vì tôi có liên hệ tình cảm với ông ta.

Không, trời đất không quay cuồng như tôi tưởng. Nhà tôi và con gái tôi há hốc mồm nhìn tôi như lần đầu tiên trông thấy con hổ ba đầu sáu chân chạy thốc vào nhà. Nhiều tiếng ồ nổi lên. Ông biện lý sáng mắt ra như thể nhân chứng đã đem lại cho ông một lý do xác đáng để buộc tội anh thông đồng giết vợ vì tình. Nhiều câu hỏi tới tấp đặt ra và tôi đều trả lời bình tĩnh, rõ ràng. Không cần phải đặt tay lên Thánh kinh thề, tôi cũng dốc hết lòng chân thật.

Tôi nói rằng chúng tôi không hề muốn thay đổi đời sống gia đình, đời sống xã hội, rằng anh là người rất lo lắng thương yêu vợ con, những gì xảy ra giữa chúng tôi chỉ là một chút riêng tư đối với anh không đáng kể. Và vì vậy, mỗi lần gặp nhau chúng tôi rất sợ đụng mặt người quen. Tôi

cũng muốn nói từ lâu rồi, chúng tôi không còn liên lạc thường với nhau nữa. Nhưng tôi vội kìm lại vì chỉ sợ vốn đa nghi là nghề nghiệp, ông biện lý sẽ có thể cho là anh vì một người đàn bà nào khác.

– Và bà, chồng bà bị tai nạn trong khi bà lái xe, bà không thấy bất an sao? Trong khi đó bà lại dan díu với bạn thân của gia đình?

Tôi muốn trả lời giản dị rằng tôi không phải là người đàn bà hoàn hảo. Nhưng đó không phải là lúc bất cần ai muốn nghĩ sao thì nghĩ. Tôi tìm mắt nhà tôi nhưng anh cố tránh đi. Mãi một lúc lâu thấy tôi chờ đợi, anh quay lại. Bốn mắt chúng tôi nhìn nhau trong một cái nhìn thẳng thắn, buồn rầu và im lặng. Tôi trả lời như chỉ nói với chồng:

– Đời sống nghề nghiệp của tôi không dễ dàng. Thằng con trai chúng tôi bị tai nạn sau tai nạn chồng tôi chỉ ba tháng và vẫn mê man từ ba năm nay. Nhà tôi thì đổi tánh nhiều từ dạo đó. Suốt ngày hầu như tôi không cười bao giờ, ở sở cũng như ở nhà. Chỉ những lúc nói chuyện hay gặp gỡ ông Lê Cương, ông ấy làm tôi cười và quên đi phần nào buồn phiền. Tôi vẫn không sao lãng bổn phận làm vợ, làm mẹ, nhưng thật tình là nhờ những liên hệ riêng tư với ông ta đã giúp tôi thêm nghị lực.

Luật sư bào chữa cho Cương cũng hỏi tôi nhiều thứ, cốt hướng tới cái kết quả là anh không hề chủ trương giết vợ. Dầu rằng bỏ vợ ngồi ngoài xe một mình với số tiền mặt khổng lồ như vậy để vào cà phê mua một gói thuốc lá đúng lúc người ta tới đánh vợ mình, cũng chỉ là một bất hạnh tình cờ mà anh là người nhận trọn vẹn thiệt thòi, mất mát.

Bằng vào lòng thẳng thắn chân thật của mình, khi rời khỏi ghế nhân chứng tôi thấy rõ ràng là mình đã chinh phục được ông tòa, ông biện lý và ban bồi thẩm. Nhưng trên đường về nhà, chồng con tôi không hề mở miệng nói một tiếng nào. Khi bữa cơm tối dọn ra, nhà tôi không ăn vì không thấy đói. Con gái tôi cũng không ăn vì đã gặm bánh mì rồi. Tôi nuốt từng hạt lúa vào mồm. Đó là bữa cơm đầu tiên tôi ăn một mình suốt gần hai mươi năm trong cuộc đời làm vợ. Và đối với tôi, đó là ngày phán xét cuối cùng.

*Ngày... tháng...*

Sau hôm làm chứng, buổi sáng anh gọi cám ơn tôi và khen là không ngờ em can đảm đến thế. Chiều đó con gái tôi quyết định ra riêng sống với bạn. Tôi chỉ biết khóc thầm vì nó tuyên bố là đi chớ không hề hỏi ý kiến. Có thể nó có xin phép nhà tôi, về phần tôi thì coi như không còn quyền hành gì nữa.

Hai hôm sau đi làm về, tôi bàng hoàng đọc mảnh giấy nhỏ trên bàn,

nhà tôi viết với nét chữ run run: Thằng Bi quấy quá, chị Thuận nhờ anh ra dạy dỗ nó một thời gian. Anh thấy đây cũng là dịp để mình suy ngẫm về mọi việc.

Mỗi sáng thức dậy, mỗi chiều đi làm về trơ trọi một mình, tôi sợ hãi đến nỗi chỉ muốn ra nhà chị anh lạy xin anh trở về. Nhưng tôi đã mắc đúng vào cái tội mà anh nói là không bao giờ tha thứ. Tôi thường đứng chết lặng, nhìn sững vào đôi dép ngủ của anh nằm chơ vơ lạnh lẽo giữa phòng. Tôi thường ngồi lịm giữa cầu thang nhớ tới thân hình xiêu vẹo anh khó nhọc bước lên. Tôi sợ hãi trốn tránh cái giường mà giờ đây đối với tôi nó thênh thang như sa mạc. Tất cả đều dẫn ý nghĩ tôi hướng về chồng, vừa thương, vừa sợ, vừa ân hận. Nhưng mọi việc đã trở thành quá trễ rồi và tôi chỉ còn biết chấp nhận với lòng nhẫn nhục.

Hai tuần sau thì bịnh viện điện thoại gọi chúng tôi đến gấp vì thằng bé chắc sắp đi luôn. Tôi điên cuồng điện thoại và tới nhà chị anh đón anh đi. Cái đau đớn kéo chúng tôi lại gần nhau một chút. Nhưng quá xót ruột không thể chờ anh bước chậm chạp từng bước một, tôi ào chạy trước tới căn phòng kiếng chỉ để vừa nhìn thấy cô y tá đang thu xếp chăn mền cháu lại. Người ta nói đã vừa đưa nó vào phòng ướp. Tôi lại tất bật chạy đi, rồi chỉ biết gục đầu xuống thân thể lạnh giá của đứa con trai duy nhất đời mình đang tím xanh bất động...

Tất cả các phao đã vuột khỏi tay tôi, mà biển thì mênh mông vô cùng và đêm thì đen đặc. Tôi một mình chơi vơi giữa giòng buốt giá, kiệt sức tàn hơi. Một cảm giác hụt hẫng xót xa làm tôi lịm người. Một nỗi im lặng mịt mùng bao trùm chung quanh tôi. Mỗi sáng mỗi chiều đơn độc thui thủi vào ra với những bóng hình chồng con chập chờn trước mặt, sau lưng, bên phải bên trái, tôi như một kẻ mộng du chưa đạp phải nước cho tỉnh người. Lúc nào tôi cũng như điên như say, đầu óc vỡ vụn vô vàn hạt sạn. Tôi gọi khẽ chồng, gọi khẽ các con và gọi khẽ cả anh. Nhưng không một ai đáp lời tôi cả. Nhà thơ nào đã nói tôi một mình nghe tất cả buổi chiều vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh?

*Ngày... tháng...*

Hôm nay sinh nhật tôi. Suốt buổi sáng tôi chờ chồng và con – và cả anh nữa – điện thoại để nói cái gì. Nhưng điện thoại mỗi lần reo chỉ là của sở. Không một người thân nào còn nhớ đến tôi. Vậy là tôi lê chân giữa sa mạc cháy bỏng một mình mà nỗi cô đơn thì dằng dặc, hãi hùng với mặt trời chói chan thiêu đốt.

Dầu vậy tôi vẫn quyết định là chiều nay sẽ lên anh. Chúng tôi có gặp

nhau một lần cách đây hơn hai tháng, khi được tin anh trắng án. Không, rõ ràng hôm đó không phải là niềm hoan lạc. Không bao giờ một trong tất cả chúng tôi có thể sống lại với cảm giác ngày xưa. Tất cả mọi thứ tình cảm, mọi trạng huống, mọi hoàn cảnh đều thay đổi đến tận cùng. Tôi chấp nhận với lòng bình an và vì vậy chiều nay tôi sẽ lên anh – không phải với hy vọng có một món quà bất ngờ nằm chờ sẵn như mọi năm, nhưng với hy vọng nói thẳng thắn với nhau để giữ lại chút tình bạn đẹp. Và sau đó tôi sẽ xin nhà tôi một cái hẹn, để xin anh tha tội và vui lòng ban cho tôi chút tình để làm hành lý tùy thân.

Không biết Cương sẽ nghĩ sao nếu tôi bảo rằng...

Nhật ký của Quỳ còn giòng nữa thì hết. Con Kim Anh đóng mạnh cuốn sổ lại và nức nở gọi khẽ: Mẹ ơi! Khóc chán rồi nó mở nghe lại cuộn băng thâu từ máy điện thoại trả lời tự động. Giọng Cương cầu khẩn trong máy phát ra: "Kim Anh, đừng cúp ngang như vậy. Gọi lại cho tonton đi Kim Anh. Tonton xin con, dầu sao thì mọi việc cũng đã qua rồi. Tonton không hiểu gì cả." Kim Anh quyết định nhấc máy.

– Tonton muốn nghe con nói cái gì?

Giọng Cương mừng quýnh:

– Kim Anh đó hả? Cách đây mấy hôm tonton có gọi điện thoại lại thăm mẹ thì người ta bảo rằng...

– Đáng lẽ tonton phải đoán ra cái ý định của mẹ hôm đó chớ?

– Hôm nào? Tonton chẳng hiểu gì cả!

Con Kim Anh nói như hét lên:

– Tonton nói dối!

Giọng Cương nhẫn nại dỗ dành:

– Bình tĩnh một chút đi con, và nói rõ "hôm đó" là hôm nào?

Con Kim Anh chợt đổi sang tiếng Pháp – thế hệ thứ hai sống bên này thường nói tiếng Pháp mỗi lần cần tranh cãi hay muốn diễn tả gì cho nhanh, khỏi phải mần mò tìm chữ:

– Là hôm sinh nhựt mẹ chớ hôm nào. Chiều hôm đó mẹ lên tonton trước khi về nhà mà!

Cương ngạc nhiên:

– Tonton thề danh dự với con là tonton gặp mẹ cách đây để coi... hơn hai tháng thì phải. Hôm sinh nhựt mẹ không có lên đây. Nói tiếp tonton nghe đi con.

– Kỳ chưa, mẹ viết trong nhật ký là mẹ lên tonton mà. Chiều đó con đem quà sinh nhật về nhà muốn làm cho mẹ ngạc nhiên và tính sẽ ăn tối cả gia đình, bố cũng có về vì không muốn làm mẹ buồn thêm. Hai cha con

chờ mãi. Đến giờ tin tức đài truyền hình nói là có một người đàn bà Á Châu đi ngang qua cầu sông Seine – hướng từ phòng mạch tonton qua – gần tới giữa chừng thì gặp hai ông cảnh sát đi ngược chiều, bà ta hoảng quá nhảy xuống sông, cảnh sát ngăn không kịp. Giấy tờ tung tóe không tìm ra tên tuổi và địa chỉ. Rồi người ta bình luận là từ ngày luật của Pasqua đặt ra, chưa chi đã có hai người ngoại quốc chết ở sông Seine vì sợ cảnh sát xét hỏi giấy tờ.

Con Kim Anh thở hắt ra:

– Ban đầu con và bố không để ý. Nhưng chờ mẹ mãi tới gần mười hai giờ khuya vẫn chưa thấy mẹ về thì mới quýnh lên chạy tới bót hỏi. Gần hai giờ rưỡi sáng thì bố và con nhận được xác mẹ.

Con Kim Anh òa lên khóc. Im lặng. Cương nói thật nhỏ:

– Nín đi con. Khổ quá!

Con Kim Anh nuốt ừng ực những giọt nước mắt rồi như cố làm một cố gắng cuối cùng, nó nức nở:

– Mẹ tính đến để nói là muốn giữ lại với tonton tình bạn êm đẹp. Và cũng để báo cho tonton biết là mẹ có bầu với tonton.

Cương bàng hoàng gác máy và ôm mặt gọi khẽ "Quỳ ơi!". Bây giờ thì anh hiểu. Tất cả bắt đầu từ trong chuyến hè đi Mỹ. Trời hôm đó trong xanh nhưng vừa lên máy bay lòng anh lại có tiếng sét. Và cô gái ấy cũng vậy. Suốt những ngày hè bên Cali trời nắng đẹp, anh thường phó thác vợ con cho gia đình để có dịp gần gũi cô ta. Và khi về lại Paris thì hai người gặp nhau khá thường đến nỗi anh không còn thì giờ cho Quỳ nữa.

Ngày sinh nhựt Quỳ đến tối anh mới nhớ ra. Chiều hôm đó trong lúc say sưa hạnh phúc, anh nói với giọng lúc nào cũng oang oang lệnh vỡ:

– Anh không đồng ý với Freud chút nào khi ông ta bảo rằng làm gì có hạnh phúc dài lâu, mà chỉ có những giây lát hạnh phúc thôi. Anh thấy như vậy là sai. Bởi vì anh, từ ngày mình gặp nhau tới giờ mấy tháng rồi nhỉ... chín, mười tháng, vậy mà anh cảm thấy hạnh phúc mỗi ngày và mọi ngày. Vì em, anh đã làm tất cả để mình được tự do sống với nhau. Thong thả rồi hẵng làm đám cưới để không ai nghi ngờ gì cả. Trời ơi là anh yêu em! Yêu đến điên lên được!

Sau câu nói ấy, có tiếng cửa đóng lại làm cô gái giật mình và hỏi cái gì vậy anh. Anh khoác áo ra xem rồi trở vào trả lời là không có gì, chắc gió hoặc đứa bé nào chơi nghịch đóng cửa phòng ngoài. Nhưng bây giờ thì anh hiểu khác.

Anh lại ôm đầu, lại gọi khẽ Quỳ ơi lần nữa. Chỉ tại anh. *Ừ, anh vẫn có thói quen không đóng cửa phòng ngoài.*❐

*Paris, Janv. 1994*

# Tạp Ghi

*Thạch Hãn*

**Đời làm thơ, viết văn**
**Cuối thế kỷ: Đi tìm niềm tôn kính sự hiện hữu**
Czeslaw Milosz

Trong nền thi ca thế giới, nhà thơ Czeslaw Milosz, người Mỹ gốc Ba Lan, chiếm một địa vị đặc biệt trong thi đàn. Ngoài việc đoạt giải Nobel Văn chương năm 1980, chưa kể đến rất nhiều giải thưởng văn chương khác, Milozs còn được một nhà thơ đoạt giải Nobel khác là Joseph Brodsky, người Mỹ gốc Nga, gọi là nhà thơ lớn nhất của thời đại chúng ta.

Czeslaw Milosz ra chào đời ngày 30 tháng 6 năm 1911 tại làng Szetejnie, nằm trên bờ sông Niewiaza, thời đó còn thuộc xứ Lithuania. Xuất thân từ một gia đình quý tộc nói tiếng Ba Lan, mặc dù lúc ông ra chào đời giai cấp này đang mất dần thế lực kinh tế và chính trị, nhưng trong ký ức ông, đó vẫn là một di sản đáng trân quý. Cha ông là một sĩ quan công binh phục vụ quân đội Nga hoàng trong thời Đệ nhất thế chiến, vì thế , tuy còn nhỏ , ông đã phải theo gia đình cùng mẹ và em là Andrzej sinh sống khắp nơi trên nước Nga và Siberia. Lúc Cách mạng tháng Mười năm 1917 xảy ra, cả gia đình đang cư ngụ ở Rzhev, thuộc lãnh thổ Nga, nhưng sau đó lại về quê sống cùng ông bà nội. Cảnh chiến tranh loạn lạc khắp nơi trên nước Nga, tương phản với nếp sống thanh bình hiền hòa của một làng quê nằm giữa thung lũng ở Lithuania về sau này xuất hiện rất nhiều trong thơ văn của ông.

Milosz theo học trung học ở Wilno, tức Vilnius ngày nay, từ năm 1921 đến 1929. Sau đó ông theo học đại học Stefan Batory, nơi ông tốt nghiệp cử nhân luật khoa năm 1934. Năm 1930, bài thơ đầu tiên của ông xuất hiện trên tạp chí văn học của đại học này. Năm sau ông là một trong những người đứng ra sáng lập "Zagary," một thi văn đoàn mà ông nhiều lần nhắc đến trong cuốn *Lịch Sử Văn Học Ba Lan* ông viết năm 1969.

Năm 1931, ông viếng thăm Paris lần đầu tiên. Ở đây, ông gặp người bà con là Oscar Milosz, nhà thơ siêu hình Pháp gốc Lithuania, người về sau này ảnh hưởng nhiều đến thi nghiệp của Czeslaw. Năm 1933, ông ấn hành tập thơ đầu tay, *Bài thơ viết lúc thời gian ngưng đọng* (Poem in Frozen Time). Năm sau ông được giải thi ca của Hội Nhà văn Ba Lan, và qua sống ở Paris một năm nghiên cứu triết học của St. Thomas Aquinas,

nghiên cứu cách giải quyết sự tranh chấp giữa kiến thức duy lý và đức tin tôn giáo.

Năm sau hồi hương, ông làm việc cho đài Tiếng nói Ba Lan. Trong những năm đầu của cuộc chiến thứ hai, ông phục vụ với tư cách một chuyên viên vô tuyến. Đầu năm 1940 ông trở lại Wilno, rồi bị kẹt ở đó khi xe tăng Nga sô lăn bánh vào chiếm thành phố. Phải đợi đến tháng Bảy năm đó ông mới thoát được phòng tuyến quân đội Nga để trở về Ba Lan. Đây là một chuyến đi hết sức nguy hiểm vì phải vượt qua các vùng đất do quân đội Nga và Đức quốc xã chiếm đóng. Đây là lần sau cùng ông nhìn thấy quê hương cho đến 40 năm sau. Từ 1940 đến 1944, ông sống ở Warsaw, trong vòng kiểm soát của Đức quốc xã. Cũng trong thời gian này, ông lập gia đình với Janina Dluska, về sau sinh cho ông được hai người con trai. Ông tiếp tục sáng tác, làm chủ biên một tuyển tập thơ chống Đức quốc xã, *Bài Ca Vô địch* (Invincible Song), và ấn hành tập thơ thứ ba nhưng phải lấy tên giả là Jan Syruc, dùng lại nhũ danh của bà nội ông. Năm 1943, ông sáng tác bài thơ dài có nhan *Thế giới: Một bài thơ ngây ngô* (The World: A Naive Poem), đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của ông. Từ đây, ông dứt bỏ những háo thắng, những hời hợt của thời trai trẻ để hướng đến một quan niệm sáng tác hướng thượng có tính cách triết lý và đặt niềm tin vào tương lai.

Sau cuộc khởi nghĩa ở Warsaw vào tháng 8 năm 1944 thất bại, ông cùng gia đình lánh về sống ở ngoại ô Krakow. Năm 1945, mẹ ông qua đời ở Gdanks vì bệnh thời khí. Cuối năm đó, ông xuất bản tuyển tập thơ hậu chiến đầu tiên mang tên *Cấp cứu* (Rescue). Thay vì trốn ra khỏi nước, ông chọn ở lại Ba Lan và phục vụ chính phủ mới của nước Cộng hòa Nhân dân Ba Lan trong chức vụ tùy viên văn hóa và được gởi đến phục vụ tại New York và Washington từ năm 1946-1950. Năm 1950, ông được thuyên chuyển đến phục vụ tại Paris, nhưng gia đình ông lại quyết định lưu lại Hoa Kỳ. Tháng Chạp năm đó ông trở về Ba Lan nghỉ lễ rồi bị nhà cầm quyền thâu hồi hộ chiếu, giam giữ ông lại bên trong nội địa Ba Lan. Tháng 1 năm 1951, không hiểu vì lý do gì Milosz được phép rời Ba Lan trở lại làm việc ở Paris. Ngày 1 tháng 2, ông xin tị nạn chính trị, chính thức bắt đầu cuộc đời lưu vong từ đây.

Từ năm 1951 đến 1953, Milosz sống nhờ sự giúp đỡ của một nhà xuất bản gốc Ba Lan Kultura. Nghèo, lại sống xa gia đình, số ít bạn bè của ông lúc đó lại không đọc được thơ ông viết bằng tiếng Ba Lan, lại bị giới trí thức khuynh tả Pháp miệt thị, Milosz sáng tác tập *Tâm Hồn Tù đày* (The Captive Mind) năm 1953 để tránh khỏi sa vào cơn tuyệt vọng. Trong phần giới thiệu, Milosz mô tả chủ đề của tập thơ "sự yếu mềm của tâm

hồn thế kỷ 20 trước những cám dỗ của các chủ thuyết chính trị xã hội và sự sẵn sàng chấp nhận một cơn kinh hoàng của chế độ toàn trị để mong đổi lấy một nền tương lai chỉ có trong giả thuyết."

Đây là tác phẩm nổi tiếng nhất trong nền văn học Tây phương, nhưng mỉa mai thay, tác giả lại không chấp nhận khi ông nói trong một cuộc phỏng vấn năm 1983 rằng: "Viết sách về những thảm kịch của lịch sử không phải là biệt tài của tôi. Hành động chính trị, hay bất cứ một thứ hành động nào, không phải sở trường của tôi."

Năm 1952, Milosz xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tiên, *Nắm quyền* (The Seizure of Power) viết về những biến cố ở Ba Lan trong khoảng từ 1939 đến 1950. Tác phẩm này mang lại cho ông giải Prix Littéraire Européene. Nhờ giải thưởng này, ông có uy tín cũng như tiền bạc để đưa gia đình sang đoàn tụ ở Pháp, và sống ở Paris cho đến năm 1960. Tập thơ đầu tiên trong cuộc đời lưu vong của Milosz có nhan *Ánh sáng của ngày* (The Light of Day) được viện văn học Instytut Literacki xuất bản năm 1953. Cuốn tiểu thuyết thứ hai của ông *Thung Lũng Issa* (The Issa Valley) xuất bản năm 1955, một cuốn bán tự truyện, thuật lại thời thơ ấu của tác giả ở Lithuania, được viết như một thứ trị liệu pháp, theo lời của Milosz. Năm 1957, ông xuất bản *Khảo luận thi ca* (Treatise on Poetry) và đoạt giải văn học thường niên của nhà Kultura. Cuốn tự tuyện ông xuất bản năm 1957 có nhan *Đất Mẹ* (Native Realm) làm rõ nét phương pháp mô tả hiện thực trong cả thi ca lẫn văn xuôi: bằng một cố gắng trút bỏ những giới hạn của cái "tôi," Milosz nhìn mình như một con vật xã hội đặt trên hậu cảnh của lịch sử."

Năm 1960, ông nhận chân thỉnh giảng tại Đại Học California ở Berkeley, để rồi năm sau trở thành giáo sư thực thụ tại đó, và trong suốt hai mươi năm liên tiếp, ông vừa giảng dạy vừa sáng tác. Năm 1971, ông trở thành công dân Mỹ. Cuốn tự truyện của ông được dịch sang Anh ngữ năm 1968, và năm năm sau, tuyển tập thơ đầu tiên của ông viết bằng Anh ngữ được nhà Seabury Press ấn hành. Lập tức ông được văn giới và công chúng Mỹ đón nhận nồng nhiệt. Những bản dịch Anh ngữ thơ của ông được Văn Bút Ba Lan trao giải thưởng năm 1974. Năm 1978, ông lại được giải Văn chương Quốc tế Neudstat, trong khi đó Đại Học UC Berkeley tuyên dương những thành tích văn chương và giáo huấn của ông. Năm 1978, ông khởi đầu việc phiên dịch thánh kinh từ tiếng Hebrew và Hy lạp ra tiếng Ba Lan. Năm 1980, ông đạt được vinh dự lớn lao nhất của một người làm thơ viết văn: Giải Nobel Văn chương.

Năm 1981, Milosz trở về thăm Ba Lan lần đầu tiên kể từ khi ông sống

đời lưu vong năm 1951. Ngay sau khi ông trở về, các tạp chí văn học Ba Lan bắt đầu phổ biến những bài thơ của ông, vì chúng vốn đã bị cấm lưu hành từ thập niên 1950. Trong thời gian thăm viếng quê nhà, ông cũng đã tiếp xúc với lãnh tụ Công đoàn Lech Walesa, người sau này được bầu làm tổng thống. Ông còn được trao tặng bằng tiến sĩ danh dự tại Đại học Công giáo ở Lublin. Nhưng đến năm 1981, lúc lệnh thiết quân luật được ban hành ở Ba Lan, thơ ông một lần nữa bị cấm lưu hành. Milosz cũng đã giữ ghế giáo sư Charles Eliot Norton tại Đại học Harvard niên khóa 1981-82, và tiếp tục sáng tác và xuất bản nhiều tác phẩm thi ca.

Vợ ông qua đời năm 1986, sau nhiều năm chống đỡ cơn bệnh Alzheimer ngặt nghèo. Từ đó, ông thường phân chia thời gian để mỗi năm trở về sống ở Ba Lan vài tháng, rồi trở về Mỹ sống những tháng còn lại tại tư gia trên triền đồi Berkeley nhìn ra vịnh Cựu Kim Sơn.

Tác phẩm mới nhất của ông: *Cuốn sách của những vật thể lóng lánh: Tuyển tập thi ca quốc tế* (A Book of Luminous Things: An International Anthology of Poetry) do Harcourt Brace xuất bản và *Chó bên đường* (Roadside Dog) do nhà Farrar Straus và Giroux xuất bản.

Trong một buổi nói chuyện với nhà thơ Nathaniel Gardels – chủ biên của các tập *Tổng Kết Thế Kỷ* (Summing Up the Century) và *Cái nhìn toàn cầu* (Global Viewpoint) –mới đây phỏng vấn Milosz tại tư gia. Bài nói chuyện cho ta thấy một cái nhìn độc đáo về thi ca, về hiện thực và về văn minh nhân loại cuối thiên niên kỷ như sau:

**Nathan Gardels (NG):** *Trong tuyển tập thơ của ông, ông trích dẫn Goethe nói rằng trong những thời đại thoái trào, mọi khuynh hướng đều có tính chủ quan, nhưng khi mọi chuyện chín muồi để bước vào một thời đại mới, mọi khuynh hướng lại trở nên khách quan." Như thế Goethe ca tụng "nghệ thuật khách quan," giống như ông chủ trương. Vả, ông cũng đã đưa ra ý kiến rằng cái trật tự "khách quan" trong âm nhạc đã chấm dứt đúng vào thời của Goethe, lúc thời đại cổ điển nhường chỗ cho thời kỳ lãng mạn. Xin ông giải thích thêm về "nghệ thuật khách quan."*

**CZESLAW MILOSZ (CM):** Chúng ta sống trong một thế giới của ngôn ngữ–hội họa, âm nhạc, điện ảnh, thi ca. Nhưng bên cạnh ngôn ngữ còn có một hiện thực. Hiện thực đó có thể định nghĩa là bao gồm tất cả những gì không bị thu tóm bởi ngôn ngữ, mà được cảm thụ một cách trực tiếp bằng giác quan của chúng ta.

Tôi tin rằng hiện thực là cây thước đo nghệ thuật chính xác nhất. Nó phán đoán nghệ thuật. Giá trị thẩm mỹ phụ thuộc vào phân lượng hiện thực mà một sáng tác nghệ thuật thu tóm được.

Điều này rất dễ nhận ra trong tranh của Cézanne. Ông ta rất thích vẽ núi, ngọn San Victoire của ông. Ông muốn trung thành với thiên nhiên. Đối với ông, đó là sự nắm bắt, đó là sự thâu đạt một hiện thực khách quan. Châm ngôn của ông ta là: "Cái đẹp nằm ở sự thật, chỉ có sự thật mới đáng yêu". "Chủ trương của tôi," Cézanne nói, "là hiện thực." Ông chống lại sự thoái hóa của vật thể thành từng mảnh vụn. Trong nghĩa đó, người tiên phong của hội họa thế kỷ 20 đã bị hậu thế của ông phản bội.

Trong *Cuốn sách của những vật thể lóng lánh*, (A Book of Luminous Things) tuyển tập thi ca mới nhất của tôi, ông có thể thấy rằng tôi đã tìm kiếm những bài thơ bày tỏ lòng tôn kính hiện thực. Điều quan trọng trong các bài thơ này không phải là lời thơ, nhưng mà là những gì cao hơn cả lời thơ. Đó là cái mà nhà thơ tìm cách nắm bắt, có thể là một phong cảnh, một cánh hoa đính trên vè áo, những chiếc môi, hay những mối liên hệ giữa người với người....

Trong bài "Một lời kêu gọi" (An Appeal) trong *Tuyển tập* của tôi, tôi đã cố gắng nói lên điều đó:

*"...Nếu một ngày nào đó ngôn từ của chúng ta*
*Đến sát thật sát bên vỏ cây rừng*
*Bên những chùm hoa cam, sát đến nỗi chúng nhập thành một,*
*Như thế có nghĩa là chúng ta luôn luôn bảo trọng một niềm hy vọng lớn lao.*
*Làm sao tôi bảo trọng nó được? Bằng cách gọi tên mọi sự vật."*

Sự thể là, thế giới của quá khứ, thế giới trước thế kỷ 19, thế giới của nghệ thuật khách quan có những giới hạn của nó. Kể từ thời đó, chúng ta đã sáng chế ra nhiều phương cách để thu tóm thế giới bằng những cách tiếp cận chủ quan.

Ví dụ hay nhất là trường hợp của Proust. Hiện thực đối với Proust tối quan trọng, nhưng phải được gạn lọc qua sự nhận thức chủ quan của ông, hay nói một cách khác, đi qua hồi ức của ông. Ông tái tạo hiện thực bằng ký ức của mình. Vì thế chúng ta cần phân biệt giữa những cách tiếp cận chủ quan nhắm thâu tóm hiện thực, ít ra là một phần hiện thực; và những cách cấu tạo hiện thực hoàn toàn chủ quan để rồi hoàn toàn xa vời hiện thực–ảo tưởng.

**NG**: *Triết gia người Đức Odo Marquard tranh luận rằng những nhận thức chủ quan thời này ngự trị trên mọi lãnh vực, không riêng nghệ thuật, mà khắp cùng trong xã hội- và rằng chúng ta đang sống trong một "thời*

*đại của tưởng tượng" (age of fiction). Con người được tự do chọn lựa những ảo tưởng cho riêng mình, và trong khi có người nhìn thấy địa ngục, kẻ khác lại tìm ra thiên đàng.*

**CM:** Tôi đồng ý. Đầu óc con người có một khả năng vô hạn để tạo ra những con ma. Hơn thế nữa, tôi còn thấy có một sự phụ thuộc vào ngôn ngữ, ngày càng tăng. Thay vì nói về một thân cây, chúng ta nói về một văn bản bàn chuyện cây cối. Hay nói về hình ảnh của cây đó. Quy chiếu văn hóa quả nhiều vô hạn. Từ thời trang cho đến chuyện tiếu, cho đến các chương trình hội thoại trên truyền hình, chúng ta bơi lội bì bõm trong cơn xoáy của những quy chiếu đó. Tuy nhiên, những quy chiếu này không có thực mà chỉ là những bóng đen trên vách động mà thôi.

Và những ai ở bên ngoài giới hạn những quy chiếu khép kín đó không bao giờ biết được những gì đang xảy ra. Đó chính là đối cực của tính phổ quát của nghệ thuật khách quan.

**NG:** *Marquard gọi thứ hổ lốn truyền thông mà chúng ta đang ngụp lặn trong đó là một nền văn hóa "thiếu niên," chưa đủ trưởng thành để nắm bắt được hiện thực một cách vững chãi, chưa có đủ ý chí và ước vọng để vượt qua những giới hạn tự nhiên.*

*Hẳn nhiên chính cái thứ văn hóa này sẽ đưa đến sự thoái hóa mà Goethe đã từng lo sợ sẽ xảy ra, đưa chúng ta ngày càng xa vời mọi ý niệm tôn kính.*

CM: Sự thoái hóa thẩm mỹ có liên hệ đến sự thoái hóa về ý niệm chân lý - một thứ hư vô chủ nghĩa sẽ đưa đến tai họa trong trật tự xã hội.

Trong đời tôi và ở trong nước Ba Lan của tôi, tôi đã là nhân chứng cho ảnh hưởng trên tri thức của nhân loại của ba bậc thầy của hoài nghi: Freud, Marx và Nietsche. Họ hoài nghi rằng một thứ trật tự tự nhiên, được lý trí dẫn dắt, chỉ là một thứ vỏ bọc mà đằng sau nó còn ẩn hiện nhiều sức mạnh có tính quyết định hơn – dục tính, kinh tế và ý chí thu đạt quyền lực. Kết quả là chúng ta đã phải phó thác một vị lãnh đạo tinh thần, Đức Giáo hoàng John Paul II, nhắc nhở chúng ta, trong một thông điệp gần đây của ngài, "Đức tin và Lý trí," về giá trị của lý trí của con người.

Đức Giáo hoàng đã có lý khi ngài đặt vấn đề về tương lai của lý trí. Liệu chúng ta vẫn còn có thể hiểu nhau được nữa không, dựa trên căn bản của những nguyên tắc chung không có tính chủ quan? Việc mỗi người đi một hướng theo quan niệm chân lý của riêng mình, không chỉ là một sự chối bỏ hiện thực khách quan, mà theo định nghĩa, còn đưa đến một sự thoái hóa trật tự đạo lý. Đó là điều Goethe muốn nói khi ông liên kết tính chủ quan với sự suy thoái. Goethe hiểu được rằng chẳng thể nào có được tính phổ quát mà không có lý trí. Chủ quan, theo như ông ấy hiểu, chỉ là

sự mê ngủ của lý trí.

**NG:** *Trong một bài giảng khác trước đây của Đức Giáo hoàng John Paul II, "Nét rực rỡ của Chân lý", ngài cũng đã đưa ra một nhận định có liên hệ. Trong bài giảng đó, ngài chống đối khuynh hướng đương thời phán xét hành động của chúng ta theo "lương tâm chủ quan" của mỗi cá nhân – chủ nghĩa tương đối – thay vì dựa vào những tiêu chuẩn khách quan của "chân lý của Thượng đế." Cũng như Goethe vào thời của ông, vị chủ chăn ngày nay tin tưởng rằng chúng ta đang sống trong một thời đại suy thoái do tính chủ quan gây ra.*

*Vậy thì ở đây, đâu là sự liên hệ giữa phán đoán thẩm mỹ và đạo lý?*

CM: Tôi dùng từ "hiện thực" thay vì từ "chân lý" khi nói đến nghệ thuật. Hiện thực của thế kỷ 20 hiển hiện qua nhiều nỗi tang tóc khổ đau của nhân loại, khổ đau đến độ trái đất trở thành một thứ địa ngục do chính con người tạo cho con người.

Hiện thực đó ngay tức khắc dẫn đến ý niệm về thứ hạng và phán xét nghệ thuật theo căn bản đó. Hiện thực cũng đặt giới hạn lên giá trị của chủ quan tính của chúng ta.

Nói như thế không có nghĩa tôi muốn sử dụng ý niệm này trong những luận lý có tính phủ dụ, hay coi nhẹ giá trị một bài thơ hai câu mô tả một ngọn núi, như trong thơ haiku của Nhật bản. Không đâu. Nhưng mà cái hiện thực kinh khủng của thế kỷ 20 cuối cùng rồi cũng sẽ là kẻ phán xét nghệ thuật, thứ nghệ thuật lưu cữu kể từ thời đại của chúng ta.

**NG:** *Một người đồng hương với ông, nhà báo văn học Ryszard Kapuscinski, cũng như ông, lo âu rằng văn chương ở các quốc gia Tây phương đã đánh mất mối quan tâm của nó với lịch sử, và quay về với đời sống nội tâm, về người chồng, người vợ, gia đình, ly dị, cơn khủng hoảng của tuổi trung niên. Điều gì đã khiến cho các nhà văn nhà thơ Ba Lan có cái nhìn hướng ngoại như thế?*

CM: Đó là gánh nặng kinh nghiệm – chiến tranh, sự đàn áp của cộng sản – đã khiến cho tất cả chúng tôi có cùng một cách thế suy nghĩ. Đó là lý do tại sao tôi lại thấy có một trường phái thi ca gọi là trường phái Ba Lan. Cũng không phải do ngẫu nhiên mà có đến hai nhà thơ Ba Lan – Wislawa Szymborskia và tôi – được trao giải Nobel Văn chương. Bà ấy không làm thơ về những đề tài lịch sử to lớn, nhưng viết về những vấn nạn cá nhân. Nhưng ở trong thơ của bà tôi cũng vẫn thấy có cùng một thứ thang bậc, cùng một ý niệm tôn kính hiện thực.

Lấy thí dụ từ một trong những bài thơ của bà:

*....Tôi không thể nói mãi chuyện đó*
*hay cứ gạn hỏi liên miên,*

*rồi sao nữa, rồi sao nữa,*
*Ngày lại ngày, tôi đặt lòng tin vào sự vĩnh hằng,*
*Tin vào tiềm năng của lịch sử.*
*Làm sao tôi có thể há miệng cắn phập trái táo*
*Trong tình trạng kinh hoàng muôn đời như thế này?*

**NG:** *Milan Kundera có lần nhận định rằng đời sống dễ dàng của những xã hội kinh tế tiêu thụ (ngay cả nước Ba Lan công giáo ngày nay cũng mong đạt được lối sống ấy), không thể nào sản sinh được nghệ thuật lớn, mà chỉ có những công trình nghệ thuật được định giá bằng một chuyến đi ra thương xá.*

CM: Năm 1989, tôi quá lạc quan khi cho rằng những kinh nghiệm chúng tôi từng trải qua chiến tranh và dưới chế độ cộng sản sẽ đưa chúng ta đến một nền văn hóa khôn ngoan hơn, một nền văn học khôn ngoan hơn cho vùng đất của chúng tôi ở Âu châu. Nhưng đó là ảo tưởng *của tôi*. Một mặt, những tranh chấp về chủng tộc ở nước Nam tư lạp phu cũ cho thấy là chẳng ai học được gì nhiều; mặt khác người ta mong thấy có được cái gì nhiều hơn là một sự ào chạy về thứ chủ nghĩa tiêu thụ vô cùng lãnh đạm kia.

Nhưng chúng ta cũng không nên quá chê bai những nền dân chủ tiêu thụ đó. Những gì Kundera nói không phải là không đúng, nhưng cùng lúc, chúng ta nên ý thức là hiện vẫn có nhiều ngõ ngách chưa ai thấy. Hiện thời đang có một sự kiếm tìm lớn lao đang xảy ra. Nếu bạn xét thi ca của phương Tây, đặc biệt là ở Mỹ, bạn thấy ngay là hiện đang có một sự kiếm tìm thần học. Rõ ràng hiện đang có một sự thôi thúc tôn giáo.

**NG:** *Ngày nay các khoa học gia sắp thành công trong việc lập bản đồ định vị các sắc tố trong "gen" con người, có nghĩa là họ có khả năng thẩm nhập vào phần sâu nhất của hiện thực khách quan, vậy mà tính chủ quan có liên hệ đến sự suy thoái cũng đã làm cho đời sống văn hóa và tinh thần ngày càng nghèo kém hơn. Có thể nào có được một xã hội vừa "chín muồi cho một thời đại mới" lại vừa đi đến chỗ thoái hóa cùng một lúc không?*

CM: Hiện đang có một cuộc chạy đua giữa sự tan rã và sự xây dựng. Và mỗi bên đều có ít nhiều liên hệ đến bên kia. Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật lại càng bào mòn thêm sự tưởng tượng về tôn giáo.

Vì lý do đó, những người có đức tin cũng như người không có đức tin, cả hai đều ở chung vào một cảnh, bởi vì phẩm chất của sự tưởng tượng không nằm ở chỗ điều họ tin, mà ở ảnh hưởng của khoa học kỹ thuật lên sự tưởng tượng đó.

Cả những người có đức tin cũng như không có đức tin, đều chịu thiệt

thôi. Tôi là người có đạo Công giáo La Mã, nhưng tôi không chắc là những người đi nhà thờ lại có một cách nhìn khác hơn những người không đi nhà thờ.

Như tôi đã viết trong phần giới thiệu tuyển tập *"Cuốn sách của những vật lóng lánh"* rằng khi thế giới không còn những đường nét rõ rệt phân định thiện ác, thăng trầm, nó sẽ ngã gục trước một sự hủy diệt rất kỳ cục. Nó mất hết màu sắc. Chỉ còn màu xám bao phủ lên mọi thứ, không riêng gì những sự vật trên Trái đất và không gian mà thôi, nó còn che lấp cả dòng chảy của thời gian, của những phút, những ngày, những năm.

Những phán đoán có tính trừu tượng thì lại càng khó chữa. Thi ca, nếu nó có tác dụng tốt, nó sẽ tác dụng mạnh khi đối diện với một sự tước bỏ như thế, vì thi ca nhìn sự vật riêng lẻ, chứ không nhìn sự vật một cách chung chung. Thi ca không thể nhìn sự vật trên trái đất với một cách nhìn nào khác hơn là nhìn với một sự lương thiện, với lòng tôn kính, muôn sắc và đa dạng. Thi ca không thể thu tóm đời sống, với những phiền não cũng như sảng khoái của nó thành một nhất thể thống nhất. Do nhu cầu, thi ca đi bên cạnh cuộc hiện hữu. Đặt tên cho sự vật chính là bảo vệ mối hy vọng vậy.

NG: *Phục hồi lại sự hiện hữu, do đó, phụ thuộc vào lòng tôn kính chăng?*

CM: Vâng. Trong thi ca cũng như tiểu luận, tôi đã bày tỏ lòng tôn kính, có khi còn là hiếu kính. Ông cũng biết, tôi vô cùng kính trọng đạo Phật. Theo định nghĩa, đạo Phật thực ra là sự Tỉnh thức. Và sự Tỉnh thức chính là lòng tôn kính đó.

NG: *Trong nghệ thuật, sự tỉnh thức được biểu lộ nhiều cách, như thơ haiku của Nhật bản. Trong tranh của Cézanne hay trong những bức tĩnh vật của các danh họa Hòa lan. Trong thi ca, sự tỉnh thức chính là điều ông gọi "giây phút vĩnh hằng" Trong bài thơ sau cùng, "Lời đáp và Hòa giải," Octavio Paz có nhắc đến ý niệm này:*

*Trong một chốc, đôi khi chúng ta nhìn thấy*
*Không phải bằng đôi mắt thịt, mà bằng ý tưởng*
*Thời gian ngừng nghỉ.*
*Thế giới chỉ mở hé, và chúng ta thoáng thấy*
*Một vương quốc vô nhiễm*
*Những hình thể tinh khiết, những hiện diện*
*Bất động, nổi trôi*
*Từng giờ,*
*Một dòng sông ngừng chảy.*

Đâu là sự liên kiết giữa "sự tỉnh thức" và "giây phút vĩnh hằng" của

nhà thơ?

CM: Sự tỉnh thức xảy ra đúng ngay lúc thời gian ngừng chảy. Mà thời gian là gì?

Thời gian là sự đau khổ. Thời gian là những hối tiếc, là nỗi nhục nhã của chúng ta.Thời gian bao chứa tất cả những gì mình mong mỏi, mà cũng là nơi mọi người tìm cách trốn lánh.

Ngay trong khoảnh khắc thời gian ngừng trôi đó, trong chính cái khoảnh khắc một bức tĩnh vật Hòa lan tìm cách thâu tóm, nói ví dụ vậy, hiện thực được giải phóng khỏi sự đau khổ. Sau đó, bạn mới thấy ở trong nghệ thuật có một cái nhìn sự vật được tinh khiết hóa. Không chỉ nhìn sự vật vì chúng là sự vật, mà là những sự vật không vướng bụi trần của chúng ta. Mọi vật chúng ta quan tâm đến đều biến mất, bị hòa tan. Có nhìn bằng đôi mắt của một vì vua hay của một kẻ ăn mày thì cũng chẳng đáng quan tâm.

Tôi nhớ đến một bài thơ của nhà thơ đã quá cố Zbigniew Herbert, có nhan "Một viên cuội." Bài thơ minh họa sự tỉnh thức:

*Viên cuội là một tạo vật toàn hảo*
*Bình đẳng với chính nó*
*Ý thức được sự hữu hạn của mình*
*Và cũng chỉ chứa đầy những ý nghĩa cuội mà thôi.*
*Nó có mùi hương không nhắc ta đến một mùi hương nào khác*
*Không khiến cho mọi thứ phải sợ hãi tránh xa*
*Cũng không gợi lên dục vọng*
*Tôi cảm thấy vô cùng ăn năn khi cầm viên cuội trên tay*
*Tấm thân cao sang của nó phát ra một hơi ấm giả dối.*
*Không làm sao dạy được những viên cuội,*
*Cho đến cuối đời, chúng sẽ nhìn chúng ta*
*Bằng con mắt bình tĩnh và trong suốt.*

NG: *Thế giới toàn cầu của chúng ta, nếu có ý nghĩa gì, chắc chắn nó không phải là thế giới của sự tỉnh thức, mà ngược lại: đó là một thế giới của vận tốc, của sự gia tốc, của tiếng động. Biểu tượng của thời đại của chúng ta là tốc độ truyền tín hiệu (baud rate) chứ không phải những viên cuội.*

CM: Điều đó đúng. Thế nhưng cùng lúc người ta không thể chối bỏ một khuynh hướng lớn lao và mang nhiều hy vọng – sự ý thức về môi sinh. Môi sinh tự căn bản vốn cần đến sự tỉnh thức.❐

*(Bài phỏng vấn đăng lại trong Book Review của Los Angeles Times, ngày 25 tháng 7 năm 1999, dưới nhan đề: "The Writing Life: At Century's End: Recovering a Reverence for Being.)*

# giới thiệu sách mới

## THƠ

📖 Hoàng Lộc, ***Qua mấy trời sương khuya,*** tập thơ, Văn Mới xuất bản, tranh bìa Đinh Cường, Phụ bản Đinh Cường & Huỳnh Ngọc Diệp, trình bày Phan Xuân Sinh, phổ nhạc Đynh Trầm Ca, sách dày 200 trang, giá 12 MK.

Thi tập gồm 80 bài thơ tác giả chọn lọc từ một thi nghiệp kéo dài 30 năm, bài thơ đầu "Chuyện Tây hiên" làm năm 1969, bài cuối "Phố người gặp đồng hương" làm năm 1999. Thơ trải dài ba thập niên, người làm thơ cũng ba chìm bảy nổi trong thời gian ấy, mà sao thi tập như một khối nhất quán, như tác giả vừa chụp lấy bút viết một mạch trong một đêm. Đọc kỹ, mới thấy cái nhất quán ấy là "chất Quảng" của thơ Hoàng Lộc: giọng bi tráng của kẻ sĩ bất phùng thời, chất trí tuệ cao ngạo từ Đặng Dung, Cao Bá Quát; và cái rắn rỏi duy lý của quê hương Hội An, Quảng Nam. Hãy đọc bốn câu tiêu biểu trong bài "Câu đêm ở An Bằng":

*Đừng gọi đùa ta là Lã Vọng*
*Đêm sâu chí lớn nặng tay cần*
*Đời có Văn vương đâu mà làm Lã Vọng*
*Ta nón cời riêng đội bóng trăng.*

Muốn có tập thơ xin liên lạc:
Nhà xuất bản Văn Mới
1528 S. La Cienega Blvd.
Los Angeles, CA 90035 USA
Phone: (310) 559-0413
Fax: (310) 659-2627

📖 Tuệ Minh, ***Loài dị thảo,*** Trung tâm Văn hóa Phật giáo VN ở Tacoma WA xuất bản, lời giới thiệu của Lê Như Hạnh, sách dày 140 trang, không thấy đề giá bán.

Tác giả là một tu sĩ Phật giáo, đã từng xuất bản tập thơ đầu "Nẻo Về Thênh Thang" năm 1996. Cả hai tập đều là thơ đạo. Nhưng như nhận xét của người viết bài giới thiệu, "từ Nẻo Về Thênh Thang đến Loài Dị Thảo, thơ Tuệ Minh đã như cách một bước dài. Cũng là ngôn ngữ thơ mang đầy hình ảnh, cảm xúc, ý niệm, nhưng ở Nẻo Về Thênh Thang, chúng như nằm trong tay một người thợ khéo, được chọn lọc trau chuốc, kỹ thì có kỹ mà nghe ra có lắm chỗ khó khăn đến cầu kỳ. Đến Loài Dị Thảo, dù ngôn ngữ vẫn được chọn lọc, trau chuốc đó, nhưng sự biểu đạt đã có nhiều, cái dung dị tự nhiên của một tài thơ thuần thục"

Địa chỉ liên lạc:
Trung tâm Văn hóa Phật giáo VN tại Tacoma
1313 East 48th Street
Tacoma WA 98404 USA
Phone: (253) 474-6770

📖 Thanh Thanh, ***Cơn ác mộng,*** tập thơ, Thế Giới Mới ở Arlington TX xuất bản, sách dày 180 trang, giá 10 MK kể cả bưu phí.

Tác giả là Lê Xuân Nhuận một sĩ quan cao cấp Quân lực VNCH, từng xuất bản cuốn hồi ký "Về Vùng Chiến Tuyến" năm 1996, chưa kể nhiều tác phẩm thi ca, kịch nghệ đã xuất bản ở Miền Nam trước 1975.

Như nhan đề tập thơ gợi ý, cả tập là thơ thời thế, ghi lại thăng trầm của lịch sử qua thăng trầm của tác giả. Thơ cổ điển, nhưng làm xúc động được người đọc nhờ chân tình. Bài hay nhất là bài thơ dài "Tháng Tư Đen".

Địa chỉ liên lạc: Thế Giới Mới
1700 Chip N Dale Drive
Arlington TX 76012
Phone: (817) 265-6356

📖 Tường Lưu, ***Vườn hoa tâm linh,*** tập thơ, tác giả tự xuất bản, sách dày 156 trang, không thấy đề giá bán. Giống như Tuệ Minh với tập Loài Dị Thảo, Tường Lưu làm thơ để ngợi ca Thiên Chúa. Tác giả là một tín hữu Tin Lành, nên đúng như nhận xét của Mục sư Lê Thiện Dũng, "thơ Tường Lưu là "một thứ niềm tin minh họa, vì tất cả những sự việc, đầu đạo hay đời, hiện tại hay quá khứ, Đông hay Tây, đối với Tường Lưu đã trở thành những bài học tâm linh quí giá."

Tác giả chỉ in 200 cuốn. Các bạn nào cần, xin liên lạc với tác giả theo địa chỉ dưới đây, tác giả sẽ gửi biếu:

Tường Lưu
722 Colony Lane
Houston TX, 77076-4108
Phone: (713) 697-9621

## KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

📖 Miêng (Nguyễn thị Xuân Sương), ***Tuyển tập truyện ngắn***, Văn Mới xuất bản, bìa Khánh Trường, phụ bản Đinh Cường, trình bày bản văn Thục Đoan, Tựa của Nguyễn Nam Trân, sách dày 230 trang, giá 12 MK.

Trong những năm gần đây, một số truyện ngắn hết sức cô đọng và độc đáo của Miêng xuất hiện trên các tạp chí văn chương hải ngoại, làm cho nhiều bạn đọc và nhà văn thắc mắc về lai lịch tác giả.

Nay nhà Văn Mới cho in tuyển tập truyện đầu tay của nhà văn, và một lần nữa, bạn đọc được thưởng thức đầy đủ tài viết của bà. Một tác phẩm quan trọng của văn chương hải ngoại, cần tìm đọc.

Xin xem thêm bài viết của nhà văn Nguyễn Mộng Giác giới thiệu Miêng ngay trên số này.

Sách do nhà xuất bản Văn Nghệ tổng phát hành.

📖 Sông Thu, ***Quảng Đà***, đặc san biên khảo văn học nghệ thuật, do Ái Cầm-Thái Tú Hạp chủ trương, dày 530 trang, giá 10 MK + 2 MK bưu phí.

Từ mấy năm nay, trong những tập kỷ yếu, đặc san do các hội đồng hương thực hiện, Quảng Đà lúc nào cũng vượt trội lên trên. Nguyên nhân dễ hiểu: Vợ chồng nhà thơ Thái Tú Hạp vừa có nhiệt tâm vừa có phương tiện, nên số Quảng Đà nào cũng dày, đẹp, bài vở phong phú. Giới cầm bút gốc Quảng Nam Đà nẵng hiện nay, có thể nói là đông xấp xỉ với giới cầm bút gốc Huế. Nhưng người viết gốc Huế phân tán ra nhiều nhánh, trong khi người viết Quảng Đà tập trung quanh nhà xuất bản Sông Thu và tờ Saigon Times. Số người có bài đóng góp trong đặc san này lên tới con số 100. Địa chỉ liên lạc: Sàigòn Times

PO Box 428
Rosemead CA 91770 USA
Phone: (626) 288-2696
Fax: (626) 288-2033

# hộp thư

● **Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn**:

Lê Văn (Sugarland TX), Lan H. Nguyen (Seattle WA), Nguyễn Chí Thanh (Eagan MN), Tường Nguyễn (Roslindale MA), Nhan H. Tran (San Jose CA), Diem D. Nguyen M.D. (Seattle WA), Diem Tran (Midland TX), Nguyen Ngoc Chi (Tustin CA), Châu Minh Đức (Orlando FL), Phạm Phú Hỷ (Orlando FL), Trần văn Điền (Westminster CA, đổi địa chỉ), Reserve Accounts (St. Louis MO), Trung Việt Bookstore (Montréal Canada), Phạm Xuân Thảo (Lakewood CA), Dr. Huỳnh Hữu Cửu (Fountain Valley CA), Nguyễn Thị Phương Thảo (Artesia CA), Tân Nguyễn (San Diego CA), Jim Jean Che Co. (Paramont CA), Võ Hồng San (Campsie NSW Australia), Thúy Nga Munson (Sunnyvale CA), Nguyễn văn Kỳ (New Orleans LA), Nguyễn văn Hai (Louisville KY), Thận Nhiên (Renton WA), Trịnh Gia Mỹ (Stanton CA), Phan V. Thuong (Bellevue WA), Lâm Anh Tú (Issaquah WA), Nguyễn Đức Hòa (Santa Ana CA), Đào Thanh Hảo (Garden Grove CA), Ngô Thanh Tùng (Alameda CA), Dr. Nguyễn Thanh Nhàn (North York Ont. Canada), Trần Văn Thành (Milton MA), Nguyễn văn Dũng (Lethbridge Alberta Canada).

● **Bài nhận được tháng 8.99**

"Những giọt lệ đông thảo" gửi từ Dallas TX, "Thơ Tôi Thị" gửi từ Houston TX, "Tàn thế kỷ, nhớ Cần thơ" gửi từ San Jose CA, "Hồi sinh" gửi từ Ontario Canada, "Chiều tiễn đưa, nắng hạ lang thang", "Biển vắng chiều nay sóng vỗ thầm" gửi từ San Jose CA, "Đất hẹp" gửi từ Montréal Canada, "Đường mưa nho nhỏ" gửi từ Blaxland Australia, "Thủy thạch" , "Thiên Địa Nhân trong cây cảnh" gửi từ City of Industry CA, "Lý tơ vương", "Lý ngỏ ý" gửi từ R.P.B. FL, "Lại một mùa thu" gửi từ San Jose CA, "Thời điểm sáng tác" gửi từ Rosemead CA, "Mở mắt", "Nhựt nguyện", "Tôi yêu", "Tình tự"...gửi từ Westminster CA, Tin Miền Nam New Agency gửi từ Seattle WA, Đặc san Quảng Đà gửi từ Rosemead CA, "Chân Nguyên" gửi từ Montery Park CA, "Một thoáng em về", "Giòng sông vô định", "Tình vẫn âm thầm", "Bãi xa", "Chuyện mình", "Năm mươi năm chinh chiến" gửi từ Santa Ana CA, "Đêm nằm nhớ Ức Trai" gửi từ Stoneham MA, "Ôm hoa" gửi từ San Francisco CA, "Cánh bướm", "Buồn vui một mình", "Khoảng cách", "Trời mây" gửi từ Roslindale MA

Văn Học xin đặc biệt cảm tạ thư khích lệ của quí vị Nguyễn văn Dũng (Canada), Vũ Công Định (Bellevue), Phạm Xuân Thảo (Lakewood) và xin phép đăng thư quí vị trên số báo sau.

Nguyễn Ước biên dịch
Trọn bộ 3 cuốn $65 USD
**Văn Nghệ**
**P.O. Box 2301,**
**Westminster, CA 92683 USA**
**Tel: (714) 527-5761**

●Bộ sách phong phú nhất về Krishnamurti. Đầy đủ tài liệu, đối chiếu và chú thích của người biên dịch. Dày khoảng 1.600 trang, 50 trang hình ảnh. Nxb Nguồn Sống, Toronto, Canada.

●ĐỐI KHÔNG TÂM ĐIỂM và DÒNG SÔNG THANH TẨY viết về cuộc đời và lời giảng của Krishnamurti. Viết theo thể loại tiểu sử, đậm tính văn học. Gồm những sự kiện cảm động và chuyển biến bi nhiệm trong đời K cùng nhiều chủ đề về tôn giáo, khoa học, triết học, nghệ thuật, võ thuật, quán tưởng...Tổng hợp các văn bản mới nhất và đầy đủ nhất của P. Jayakar, M. Lutyens, Evelyne Blau và những người 'trong cuộc' với K cùng các Cơ sở Krishnamurti khắp thế giới. Đặc biệt, gần 300 trang đối thoại, phản bác và nhìn Krishnamurti của A. Govinda, D. Bohm, B. Griffiths, E.Schallert, Wapola Rahula, Renée Weber, Samdhong Rinpoche, Radha Rajagopal Sloss, Van Morrison, L. Stokovski, H. Knothe, Lý Tiểu Long...

●KRISHNAMURTI TÌNH YÊU tuyển dịch từ nguyên bản tiếng Anh những bài giảng quan trọng nhất trong hơn 60 năm rao giảng của K, kể cả một số văn bản chưa được công bố. Sách đề cập mọi vấn đề trong cuộc sống hằng ngày, các đề tài đạo học và tôn giáo, tu trì và thế tục, khổ não và hạnh phúc, nô lệ và giải thoát, thức ngộ và cứu độ... Do Cơ sở Krishnamurti Hoa kỳ biên tập và xuất bản năm 1996.

●Trọn bộ lấp lánh Nguyên lý Tối thượng của Ấn giáo, Chân như của Phật giáo, Thần khí Thánh linh của Thiên Chúa giáo, Thái Cực của Khổng Nho, Đạo của Lão, Trang.

●Hành văn trong sáng, chân tình và đầy thi vị, đưa được tinh hoa đạo học, cái bản thể của mọi sự, vào trong đời thường

●Khi đọc bộ sách này, cuộc đời bạn không còn như cũ.

●Một bộ sách không thể thiếu trong tủ sách của bạn.

VănMới

**Nhà Xuất Bản VĂN MỚI**
*1528 S. La Cienega Bl.*
*Los Angeles, CA 90035*
*Điện thoại: (310) 559-0413*

***Những sách mới năm 1999 của Nhà Xuất Bản Văn Mới:***

*

**Đoạn Đường Hốt Tất Liệt**
Tập truyện Lâm Chương
**Một Dây Trầm**
Tập truyện Hoàng Du Thuỵ
**Cơn Giông Ngày Về**
Tập truyện Ninh Ha
**Chân Mang Giày Số 6**
Tập truyện Song Thao
**Gió Biếc**
Tập truyện Lê Minh Hà
**Qua Mấy Trời Sương Mưa**
Thơ Hoàng Lộc
**Miêng**
Tuyển tập truyện ngắn của Miêng
**Cồn Mây**
Truyện dài Hồ Minh Dũng

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
**Nhà phát hành Văn Nghệ**
P.O. Box 2301 Wesminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 527-5761

## PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____
Quốc gia_____
Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong
thời hạn_____năm,
từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

## PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

## GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THU VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

# CỒN MÂY

Truyện dài Hồ Minh Dũng

Văn Mới xuất bản tháng 9 năm 1999

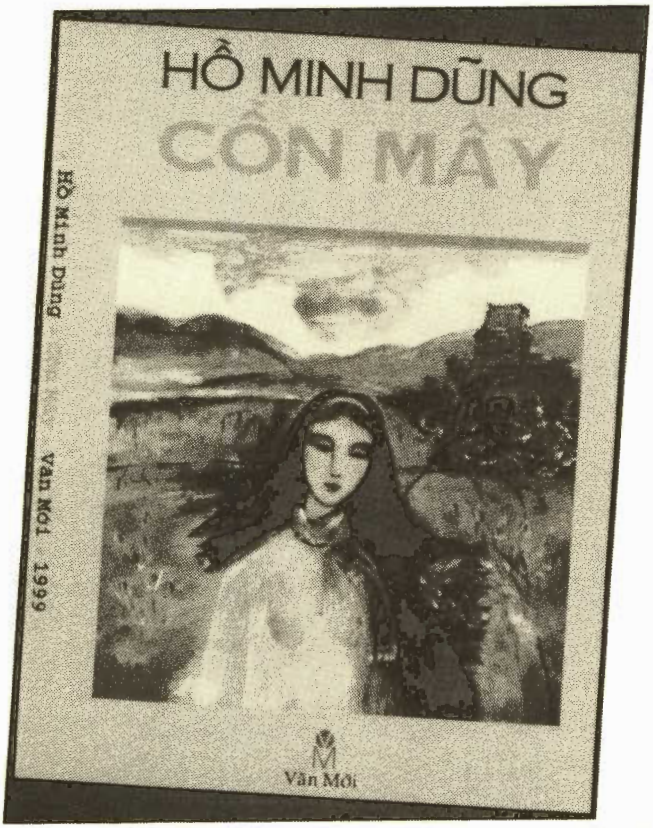


....Tôi yêu ngôn từ Hồ Minh Dũng, ngôn từ mượt mà, vời vợi như nguồn cơn phun ra từ long mạch ngàn năm văn vật của miền sông Hương núi Ngự.

**LÂM CHƯƠNG**

Với Hồ Minh Dũng, viết văn là một nhu cầu sống thật sự: ông viết mạnh và dồi dào hình thức lẫn nội dung. Cuộc đời qua cho ông nhiều kinh nghiệm sống lẫn văn chương để ông sống ngày hôm nay...

**NGUYỄN VY KHANH**

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ**
**BOX 2301 - WESTMINSTER, CA 92683, USA**
**TEL & FAX: (714) 527-5761**

## SÁCH MỚI

- VĂN HỌC MIỀN NAM, truyện I,
  *gồm 16 tác giả.*
- VĂN HỌC MIỀN NAM, truyện II,
  *gồm 18 tác giả.*
- VĂN HỌC MIỀN NAM, truyện III,
  *gồm 16 tác giả.*

* Mỗi tập dày khoảng 450 trang,
giá **18 MK** mỗi tập.

* Về mỗi tác giả đều có 2 phần:
Phê bình và trích tuyển tác phẩm tiêu biểu nhất.

- NHƯ NHỮNG NGỌN GIÓ
  truyện *Nguyễn Huy Thiệp.* **22 MK.**
- NHỮNG HẠT ĐẬU BIẾT NHẢY,
  29 truyện Phật học.
  *Lâm Thanh Tuyền, Phạm Huê dịch.* **13 MK.**
- 100 NĂM PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT
  biên khảo *Phụng Nghi* **10 MK.**
- TẬP TRUYỆN NGẮN. *Trần Thị NgH.* **9 MK.**

Ngoài Hoa Kỳ, xin trả thêm 2MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK.
Thêm 3MK cho sách giá từ 19MK đến 28MK.
Liên lạc với VĂN NGHỆ để nhận Thư Mục với hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.
**E-Mail:** vanghe@pacbell.net
**Homepage:** http://home.pacbell.net/vanghe

**Giá:$4.00**